

KIYOSI KOMATSU

Nhật

“MỘT NHÀ VĂN NHẬT VIẾT VỀ NGUYỄN ÁI QUỐC TRONG THỜI GIAN Ở PHÁP”

Đó là đầu đề của một bài viết mà tác giả là ông Vĩnh Sinh, Giáo sư lịch sử Nhật Bản của trường Đại học Alberta (Canada). Bài viết được gửi qua Fax tới Giáo sư Phan Huy Lê rồi được chuyển qua Xưa & Nay.

Trong bài viết, ông Vĩnh Sinh giới thiệu rõ nhà văn Nhật có tên là Komatsu Kiyosi (Tiêu - Tùng Thanh), Cố vấn Viện hoá Nhật Bản tại Hà Nội và tác phẩm của ông là một truyện ngắn nhan đề “*Cuộc tái ngộ*” đăng trên tuần báo “*Trung Bắc chủ nhật*” xuất bản ở Hà Nội. Truyện ngắn nhưng lại khá dài, kéo từ số 208 ra ngày 25-6-1944 đến số 237, tức là liên tục 30 số, mỗi số trung bình dài từ 3 đến 4, đôi khi tới 5 trang (khổ 19x27), báo ra hàng tuần nên truyện được đăng liên tục gần 7 tháng rưỡi.

Ông Vĩnh Sinh có nhắc rằng phần viết về Nguyễn Ái Quốc chỉ nằm trong 3 số từ 223 (8-10-1944) đến 22-10-1944) để bạn đọc Việt Nam có điều kiện kiểm chứng những lập luận của ông trong bài viết, ông sẽ chụp gửi về theo đường bưu điện (cho đến nay chưa nhận được).

Nhận thấy bài viết cung cấp rất nhiều gợi ý quý góp phần tìm hiểu một đoạn trong tiểu sử của Chủ tịch Hồ Chí Minh,

chúng tôi sẽ đăng toàn văn bài viết này trong vài số tới. Để bạn đọc có thể có được tư liệu tương đối đầy đủ, chúng tôi đã đến Thư viện Viện Sử học Việt Nam và may mắn đã chụp lại được truyện ngắn này trong bộ sưu tập *“Trung Bắc chủ nhật”*. Do vậy chúng tôi xin phép ông Vĩnh Sinh công bố trước đoạn trích trong truyện *“Cuộc tái ngộ”* của Kiyosi Komatsu (trong bản dịch của Giảng Nguyên). Nhưng vì đoạn truyện có liên quan này kéo dài 3 số với tổng số 15 trang nên cho phép một lần nữa chúng tôi lược bỏ những mẩu có tính chất bên lề mà không ảnh hưởng đến nội dung liên quan đến nhân vật mà ông Vĩnh Sinh chứng minh là Nguyễn Ái Quốc (bạn của tác giả Komatsu). Bạn đọc nào cần đến toàn bộ văn bản này xin liên hệ tới Xưa & Nay.

Tạp chí VHNN số 4 - 2008

NIKOLAI KUNAEP
Nga (Liên Xô)

CON NGƯỜI BẤT CHẤP THỜI GIAN

Hồ Chí Minh, tuổi Người cao lắm
Tuổi Người cao, không bởi chòm râu
và mái tóc Người bạc trắng
Người là hiện thân của mọi trí tuệ, nhân tâm
Trên vầng trán của Người
bao nhiêu thế kỷ thu hình

Nhân loại từ ngàn xưa có bao nhiêu nhà hiền triết
Có phải chính là Người? Trầm ngâm như núi tuyết

Mênh mông như biển cả mênh mông
Hồ Chí Minh. Người còn trẻ lắm
Người rất trẻ, dù chòm râu và mái tóc Người
bạc trắng
Người là hiện thân của sức mạnh niềm tin
Trong nụ cười của Người có tất cả những
mùa xuân
Anh chiến sĩ Việt Nam
hành quân không biết mỏi
Có phải chính là Người, tươi như nắng mới
Trắng trong như chân lý trắng trong
Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh!
Người là con người bất chấp thời gian!

THÚY TOÀN dịch
Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

S. W. KUNTGIAGIÔ

Indônêxia

KÍNH GỬI BÁC HỒ

Ở nơi nào bóng tối cứ tối thêm
Thì Bác là ánh sáng
Chiếu rọi mọi tâm hồn
Và ở nơi nào lạnh giá
Thì Bác là ngọn lửa
Tỏa hơi nóng vào trong lòng ngực chúng con.

Bác nâng cao ngọn lửa dũng cảm
trong mỗi một trái tim của những người
chiến sĩ đêm ngày trên tiền tuyến
Bác nâng cao tinh thần của những con người
đang xây dựng ở khắp nơi
Bác là nước làm cho những cánh đồng hoang
trở nên màu mỡ
Bác đem lại cho chúng con nhà máy,
những dụng cụ và máy cày,
những thứ trước kia chỉ về trong giấc mộng
Bác đã giương cao ngọn cờ chiến thắng trên biển cả
mênh mông, trên những cánh đồng rộng rãi,
từ những thung lũng sâu đến những
ngọn núi liên trùng điệp

Và Bác đã dựng lên những cây cột vững vàng
cho hạnh phúc ngày mai
Với nhân dân, Bác là tất cả những gì tốt lành,
đẹp đẽ, vinh quang
Còn hơn hoa, hơn trăng, hơn cả mặt trời

Và Bác cũng là cơn giông bão
không bao giờ thất bại
Là tiếng sấm dũng cảm mà thánh thần
hay ma quỷ không bao giờ có thể chuyển lay
Làm cho tất cả mọi kẻ thù
đều phải run lên khiếp sợ
Không còn ai lạ gì nữa
Vì sao tên tuổi của Bác vang dội từ núi rừng Việt Bắc
đến Đồng Tháp Mười xa xôi,

Và mang lại cho mọi người
Ý chí vững mạnh và lòng hy vọng sáng trong
Không còn ai lạ gì nữa
Đế quốc Mỹ sẽ bị đập nhào
và nhân dân Việt Nam sẽ thắng

Và thế đấy, Bác Hồ
Con từ đất nước của nghìn hòn đảo đến đây
Dâng lên Bác tấm lòng kính phục cao như núi
Dâng lên Bác những lời chúc tụng sâu như bể.

ĐÀO XUÂN QUÝ dịch
Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

IVAN KUPRIANOV

Nga (Liên xô)

HOA CẨM CHUÔNG VIỆT NAM

*Kính tặng hương hồn
đồng chí Hồ Chí Minh*

Ở một nơi xa thành phố Mátxcova chìm trong tuyết trắng
Ở một nơi trẻ con nằm mơ thấy bom rơi
Ở thành phố Hà Nội diệu kỳ, trong chiến tranh
mà vẫn bát ngát xanh tươi

Vào năm 1966 đầy dữ dội
Trên đất nước Việt Nam
mưa dầm những cơn mưa nhiệt đới
Trên đất nước nóng đỏ lên vì ngọn lửa chiến tranh

Tôi đã được gặp đồng chí Hồ Chí Minh
Trong đời tôi đây là lần gặp gỡ thứ hai
Lần đầu tiên ở Mátxcova đã từ lâu lắm
Nhưng vẫn còn ghi nhớ mãi trong tôi
Hồ Chí Minh lúc ấy đứng trên diễn đàn
cao nhất loài người
Đứng bên cạnh Stalin, người chiến sĩ thánh Mùrô
Tôi còn nhớ, những ngôi sao diệu kỳ
trên đỉnh tháp Kremli chói sáng

Cả Hồng trường ngập trong biển cờ sắc thắm
Mátxcova rộn rã tiếng hò reo
Người Việt Nam ấy ước mơ gì hôm đó?
Không ai biết và tôi cũng không biết nữa!
Có lẽ Người ấy nghĩ đến bữa cơm ăn
cho những đứa trẻ Việt Nam
Có lẽ Người ấy đang buồn nhớ đến bầu trời xanh,
đến núi rừng, bể khơi và đồng ruộng
Có lẽ Người ấy ước mơ đến một tương lai tươi sáng
trên đất Việt Nam sẽ có hạnh phúc
bình minh và sự sống
Người Việt Nam ấy đã nghĩ gì hôm ấy,
bên điện Kremli?
Tôi gặp lại đồng chí Hồ Chí Minh lần này ở Hà Nội nóng bức
Ở Hà Nội trong chiến đấu, nơi ánh mặt trời đang thiêu đốt
Tôi nhìn lên đôi mắt Hồ Chí Minh như thấy lại tuổi thanh xuân
của mình
Thấy lại những kế hoạch 5 năm đầu tiên khi ấy
chúng tôi còn bé đã đặt viên gạch đầu tiên

Tôi như gặp lại những tháng năm gian khổ ấy
Con đường đến Hà Nội của tôi dài nửa thế kỷ
Tôi đã biết được nhiều qua những tháng năm kia
Nỗi khổ trong rút lui, đói, ngủ ngoài trời,
vết thương vì đạn

Và cả niềm vui thắng trận
Và tôi tự hào cả cuộc sống của tôi là một trận tấn công

Tôi nhìn ánh mắt sáng ngời
của đồng chí Hồ Chí Minh,
gọi giản đơn: Bác Hồ - theo kiểu Lenin

Và tôi nói thành tâm:
Ở Hà Nội lòng tôi vui quá!
Đồng chí Hồ Chí Minh cười đùa vui vẻ
mặc dù thời gian này không phải đùa chơi

Giông tố đang bao trùm đất nước
Người cười và nghĩ cách xua đuổi quân xâm lược
Như lũ diều hâu bay trên bầu trời Tổ quốc

Tôi không muốn chia tay với Người, bởi đây hơn cả
cuộc gặp gỡ người bạn thuở bé cùng tôi
bước theo cái cày trên đất quê hương
Tôi cảm thấy đồng chí Hồ Chí Minh
cũng không muốn xa tôi

Nhưng biết làm thế nào? Công việc Người bận rộn
Công nhân, nông dân, bộ đội đang chờ
Người tiễn chúng tôi ra tận ngoài xa,
chẳng phải để ghi vào biên bản
Chỉ có những người bạn thân mới đối với nhau
như vậy; họ đều thềm gặp gỡ nhau thêm
Khi tiễn, Người hái tặng tôi hai đóa hoa
cắm chương: một màu trắng tinh
và một màu đỏ tươi
Đó là tượng trưng cho lôgích của cách mạng
Chính cái lôgích chúng ta - kẻ bán linh hồn
cho đôla không thể hiểu thế nào
Bông hoa cắm chương ấy đối với tôi là tất cả
thế giới, là ước mơ, là lao động,
là kế hoạch và những chân trời xa mới!
Bởi vậy giờ đây tôi đến bất cứ nơi nào
nhìn thấy hoa cắm chương tôi lại nhớ Hà Nội
Hà Nội gần gũi thân yêu, thành phố
thoảng mùi thuốc súng và khói bom

Tôi lại gặp tuổi trẻ của mình trên đất Hà Nội
 vang rền tiếng súng quyết liệt
 Ở đây những người con gái, con trai như chúng tôi
 trước kia, đã xa người thân,
 cầm súng lên đường chiến đấu diệt thù
 Ôi cuộc đời chúng ta sao giống nhau quá đôi
 như hai giọt nước giống nhau
 Có thể có gì cao quý hơn hạnh phúc
 mà đất nước Người đang sống?

Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

TRÚC PHÚ - LÝ TRÌ HÀNH
Hàn Quốc

LĂNG NGÀI HỒ CHÍ MINH

Bạch xã chừ hiền thăm nước Việt
Khí xuân theo gió một dòng Nam
Hồ ông vĩ nghiệp người người kính
Đến viếng người đi hàng nổi hàng.

PHẠM TIẾN DUẬT và
NGUYỄN HUY TUỆ dịch
Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005



Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp các đ/c trong đoàn vũ kịch ba lê Hungari
sang thăm và biểu diễn tại Việt Nam (24/4/1959)

- Ảnh: Đinh Đăng Định

BÍCH SỰ - LÝ HỮU THÀNH
Hàn Quốc

THĂM LĂNG HỒ CHÍ MINH

Thắng bại vốn chung một ván cờ
Hết khổ đến vùng độc lập tự do
Cụ Hồ nuôi chí từ vạn thuở
Ơn dày kiếp kiếp đỡ đời lo

Chơi cờ trong ngục xem thời thế
Nghịch cảnh cờ người nghĩ khá thương
Khách xa Hàn Quốc người đa cảm
Dâng tặng vòng hoa ý viễn phương.

PHẠM TIẾN DUẬT và
NGUYỄN HUY TUỆ dịch
Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

THẠCH NÔNG - LÝ VĂN THÀNH
Hàn Quốc

TỚI THĂM LĂNG NGÀI HỒ CHÍ MINH

Từ Hàn Quốc xa xôi ngưỡng vọng
Đến lăng Cụ Hồ đoàn khách trang nghiêm
Ngắm dung nhan cúi đầu lặng lẽ
Ra khỏi lăng còn ngoảnh lại nhìn.

PHẠM TIỀN DUẬT và
NGUYỄN HUY TUỆ dịch
Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

EWAN MAC COLL

Anh

BÀI CA HỒ CHÍ MINH

Xa vượt ra ngoài biển Đông. Xa bên ngoài những eo biển...
Sống một người là cha của người Đông Dương
Và tên của Người đó là Hồ Chí Minh.
Hồ, Hồ, Hồ Chí Minh...!
Từ Việt Bắc tới vùng Sài Gòn
Từ miền núi xuống vùng đồng bằng
Những người công nhân trẻ và già, tá điền
và những nông dân mệt nhọc
Họ đấu tranh cho tự do cùng với Bác Hồ
Hồ, Hồ, Hồ Chí Minh...!
Hồ Chí Minh đã là một lính thủy thủ ngoài biển xa
Ông dành hết thời gian của mình đi khắp mọi nơi
Làm việc và gian khổ là một phần quá trình học tập
mở mang kiến thức
Hồ Chí Minh đã trở về từ nước ngoài
Và ông nhìn ra trên quê hương
Nhìn thấy sự đói khổ của người Đông Dương
Dưới bàn tay của bọn lính nước ngoài
Giờ Hồ Chí Minh đến với vùng núi

Và ông đã quyết định một hướng đi
Đoàn kết những người hùng để giải phóng Đông Dương
Từ mười bốn người cho đến một trăm
Trăm nghìn người và Hồ Chí Minh
Rèn luyện và nhẫn nại, quân đội của người Đông Dương

Quân đội tự do của Việt Minh
Mỗi người lính là một nông dân
Ban đêm cầm cuốc, ban ngày vác súng trên vai
Đó là quân đội của Bác Hồ
Từ núi và rừng rậm
Từ đồng lúa và những bãi sậy
Những người đàn ông và phụ nữ quân đội Đông Dương
Đã gieo xuống tự do với hạt mầm chiến thắng.
Từ Việt Bắc đến Sài Gòn
Những đoàn quân Việt Minh thẳng tiến
Và gió thổi những lá cờ của người Đông Dương
Hòa bình và tự do và Hồ Chí Minh...

Lời hát Việt:

Miền biển Đông, xa tắp nơi chân trời
Ở nơi xa đó, người dân đói nghèo
Từ đau thương người đi khắp năm châu
Lòng tin mặt trời chân lý sáng soi
Rọi chiếu sáng dân mình
Hò, Hò, Hồ Chí Minh!

Vượt trùng sóng người đi khắp phương trời
Luyện tôi ý chí lòng nuôi căm hờn
Hồ Chí Minh, Người đi khắp năm châu
Lòng tin mặt trời chân lý sáng soi
Rọi chiếu sáng dân mình
Hò, Hò, Hồ Chí Minh!...

DƯƠNG XUÂN QUẢNG dịch

ÔXIP EMILIEVÍCH MANDENSTAM

Nhà thơ Nga (gốc Do Thái)

“DÂN LÀ CON NƯỚC, NƯỚC LÀ MẸ CHUNG”

Cách đây 86 năm, ngày 23-12-1923, trên báo Ogniook xuất bản tại Nga đăng bài có nhan đề “Thăm một chiến sĩ Quốc tế Cộng sản - Nguyễn Ái Quốc” của nhà thơ Xô Viết Ôxip Mandenstam, thuật lại cuộc gặp gỡ giữa tác giả và Nguyễn Ái Quốc trong đó nhà cách mạng Việt Nam đã bày tỏ: *“Thật thú vị là chính quyền Pháp đã dạy chúng tôi biết những từ “bôn-sê-vich” và “Lênin”. Chúng lòng bắt những người cộng sản trong dân chúng, trong khi chẳng có người cộng sản nào, hoàn toàn không có ngay cả trong ý niệm; và như vậy chính chúng đã tuyên truyền cho chủ nghĩa Bôn-sê-vich và Lênin”*.

Còn tác giả bài viết thì đưa ra nhận xét: “Từ Nguyễn Ái Quốc toả ra một thứ văn hoá, không phải văn hoá châu Âu, mà có lẽ là một nền văn hoá tương lai... Dân An Nam là một dân tộc giản dị và lịch thiệp. Qua phong thái thanh cao, trong giọng nói trầm ấm của Nguyễn Ái Quốc, chúng ta như nghe thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mênh mông của tình hữu ái toàn thế giới”.

(Nguồn SGGP Online)

ÔXIP EMILIEVÍCH MANDENSTAM
Nhà thơ Nga (gốc Do Thái)

CUỘC PHÒNG VẤN CÓ MỘT KHÔNG HAI

Năm 1923, nhà thơ lớn và nhà hoạt động xã hội nổi tiếng Ôxip Mandenstan có dịp được gặp và phỏng vấn Bác Hồ ở Matxcova, khi Người đến thăm Quốc tế Cộng sản. Nhà thơ lúc đó là cộng tác viên của tờ Tạp chí “Ngọn lửa nhỏ” (Liên Xô) đăng bài phỏng vấn hồi tháng 12-1923.

Nguyễn Ái Quốc là người Việt Nam duy nhất ở Matxcova năm ấy (1923) Người gầy gò, mảnh dẻ, mặc một chiếc áo len giản dị, nói tiếng Pháp (lúc ấy là tiếng nói của bọn thực dân đi áp bức). Song những từ tiếng Pháp người nói lại vang lên giống như tiếng chuông trong ngôn ngữ mẹ đẻ của Người.

Nguyễn Ái Quốc đã đi qua gần hết thế giới thuộc địa, từng đến Bắc và Trung Phi, tận mắt thấy được nhiều điều. Trong câu chuyện với tôi, Người hay nói “Những người anh em”. Những người anh em đây là những người da đen, người Ấn Độ, người Xiri, người Trung Hoa... Người nói:

- Tôi xuất thân từ gia đình thuộc tầng lớp trên ở Việt Nam. Ở nước chúng tôi, những gia đình như thế chẳng làm gì cả. Khi mười ba tuổi, tôi được nghe thấy lần đầu tiên mấy chữ tiếng Pháp: Tự Do - Bình Đẳng - Bác Ái... Và tôi muốn tiếp cận với

nền văn minh Pháp, muốn tìm hiểu xem đằng sau mấy từ ấy chứa đựng những gì... song trong trường học ở thuộc địa, người Pháp chỉ dạy chúng tôi “học vẹt” mà thôi. Họ giấu không cho chúng tôi đọc sách báo, không những họ cấm đọc các văn sĩ Pháp hiện đại, mà không cho đọc cả các nhà văn cổ điển như Rút-xô và Mông-tét-xki-ơ. Phải làm gì đây? Tôi quyết định đi ra nước ngoài. Người Việt Nam là những kẻ nô lệ. Chúng tôi không những bị cấm đi đây đó, mà ngay cả đi lại trong nước mình cũng không được phép. Đường xe lửa ở Việt Nam được xây dựng với mục đích “chiếm lược” chứ không phải để cho nhân dân dùng: Thực dân Pháp cho rằng chúng tôi chưa tiến đến trình độ có thể dùng xe lửa. Tôi lần mò ra đến ngoài bờ biển và trốn đi. Khi ấy, tôi mới mười chín tuổi...

... Nói đến thực dân Pháp, giọng đang chậm rãi, bỗng Người trở lên sôi' động. Người vạch rõ:

- Khi thực dân Pháp đến, thì tất cả những gia đình tử tế ngày xưa đều tan tác. Những kẻ ở Việt Nam theo chúng thì trở nên giàu có, thành giai cấp tư sản mới. “Thực dân Pháp” nghĩa là gì? Đó là cướp bóc, chiếm đoạt làm sao cho thật nhiều và thật nhanh... Thực dân Pháp đầu độc nhân dân nước tôi. Họ áp dụng chính sách bắt mọi người phải uống rượu. Ở Việt Nam, nhân dân chúng tôi thường lấy một ít gạo ngon nấu loại rượu hảo hạng, cốt để đem thết bà con, bạn bè, hay dùng khi nhà có việc cúng giỗ mà thôi... Còn thực dân Pháp thì lấy thứ gạo xấu đem nấu hàng thùng rượu. Không ai muốn mua rượu của họ. Nhiều rượu quá. Mấy ông “tỉnh trưởng” thuộc địa bèn ra lệnh bắt buộc “phân phối rượu” theo đầu người, và cưỡng bức họ mua thứ rượu đó...

Qua những lời của Nguyễn Ái Quốc, tôi hình dung thấy rất rõ ràng dân tộc Việt Nam, một dân tộc hiền hòa, biết trân trọng sự tinh tế và có chừng mực, căm ghét cảnh xa hoa bừa bãi, giờ đây đang bị bọn thực dân dùng rượu đầu độc. Cả con người

Nguyễn Ái Quốc toát lên một vẻ lịch thiệp và tế nhị thiên phú. Vậy là nền “văn minh châu Âu” đang phá phách các nước chúng đến đô hộ bằng lưỡi lê và rượu, đem giầu hai thứ ấy đằng sau tà áo của các “giáo sĩ” đến truyền đạo. Qua câu chuyện, tôi thấy Nguyễn Ái Quốc thấm đượm chất văn hóa, không phải thứ văn hóa châu Âu mà có lẽ đó là Văn hóa của tương lai... Người Việt Nam là một dân tộc giản dị và lịch thiệp, qua dáng điệu trang nhã và giọng nói trầm trầm của Nguyễn Ái Quốc, người ta như nghe thấy vọng lại âm thanh của ngày mai, âm thanh trầm hùng của đại dương bao la tình hữu ái, đại đồng.

HẢI THANH

STEVE MASON

Mỹ

BÁC HỒ

Tôi đến Hà Nội đặt hoa trước lăng Người
Tôi làm vậy như một người tự do, tràn trề yêu cuộc sống

Trong suốt cuộc chiến tranh tôi biết
Người là Người yêu dân tộc của mình
Cả khi tôi bị đẩy đến Việt Nam
Nhưng không bao giờ tôi tin, tôi chống chủ nghĩa Cộng sản
Một chiều mưa năm 1966
Tôi đến Cao lãnh xa xôi viếng mộ cha Người
Lúc đó Người đang sống trong ngôi nhà sàn và chiến tranh đang
khốc liệt
Có ai ngoài tôi nữa đến viếng thăm Người và viếng mộ cha Người

Không có lòng tôn trọng, sẽ không có gì hết, không có gì
Ngoài những ngày trống rỗng đợi chờ những điều vô nghĩa
Lòng tôn trọng là người mẹ nhân từ của tất cả chúng ta
Lòng tôn trọng bắt đầu bằng lòng tôn trọng, và không thể nào
kết thúc bằng một điều khác được
Nếu còn có những giấc mơ đến với tôi trong cuộc đời này
Thì đó là giấc mơ mà tôi và Người cùng chia sẻ
Giấc mơ giản dị thôi là lũ trẻ lớn lên khỏe mạnh
Không phải sợ gông cùm của những kẻ điên
Hay những sợi dây treo cổ của bầy đao phủ
Dù thế giới đảo điên, dù lòng người đen đỏ
Tôi vẫn tin Người, tin tôi và bao bạn bè trên đời
Bởi đơn giản chúng ta là những con người
Điều vĩ đại của Người, Bác Hồ, chính là Người hiểu
Người là ai và đã sống vì ai.

HOÀNG LÊ dịch từ Tạp chí *Chiron Review*- Mỹ

KATHERINE MULLER-MARIN

**PHÁT BIỂU CỦA BÀ TRƯỞNG ĐẠI
DIỆN VĂN PHÒNG UNESCO HÀ NỘI,
TẠI HỘI THẢO QUỐC TẾ “DI SẢN
HỒ CHÍ MINH TRONG THỜI ĐẠI NGÀY
NAY”, NGÀY 12 THÁNG 5 NĂM 2010
TẠI HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH “KỶ NIỆM NGÀY SINH
CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH”**

Tôi có mặt tại đây ngày hôm nay để hoàn thành sứ mệnh của nghị quyết được Đại hội đồng UNESCO thông qua tại khóa họp lần thứ hai tư của cơ quan này tại Pa-ri năm 1987, về việc kỷ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị anh hùng dân tộc và nhà văn hóa lớn. Đại hội đồng cho rằng việc thế giới kỷ niệm ngày sinh của những nhà văn hóa và trí thức kiệt xuất sẽ góp phần đạt được những mục tiêu của UNESCO và thúc đẩy sự hiểu biết giữa các quốc gia.

Đại hội đồng cũng coi Người là một biểu tượng nổi bật về tinh thần quả cảm của dân tộc bởi Người đã cống hiến cả đời mình cho sự nghiệp giải phóng đất nước và dân tộc Việt Nam, qua đó góp phần vào cuộc đấu tranh chung của toàn nhân loại vì hòa bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội. Đại hội đồng cũng cho rằng những đóng góp quan trọng và nhiều mặt của Người trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và nghệ thuật kết tinh

truyền thống văn hóa của Việt Nam, một truyền thống có từ nhiều nghìn năm trước, và những lý tưởng của Người tiêu biểu cho khát vọng các dân tộc khác trên thế giới bởi họ đấu tranh nhằm khẳng định bản sắc văn hóa của mình và thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau.

Trên cơ sở những suy xét này, Đại hội đồng đã khuyến nghị các Quốc gia Thành viên tham gia vào việc kỷ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh thông qua việc tổ chức các sự kiện thể hiện tưởng nhớ về Người nhằm phổ biến tầm vóc lớn lao của lý tưởng và sự nghiệp giải phóng dân tộc của Người.

Đại hội đồng cũng đề nghị Tổng giám đốc UNESCO có những biện pháp thích hợp để kỷ niệm ngày sinh của Người và hỗ trợ các hoạt động kỷ niệm được tổ chức trong dịp này, đặc biệt là những sự kiện diễn ra tại Việt Nam.

Quyết định của UNESCO cũng căn cứ vào những đóng góp của Hồ Chí Minh cho năm lĩnh vực hoạt động của UNESCO. Tôi xin được nhắc lại một vài đóng góp đó:

Trong lĩnh vực Văn hóa, chúng ta thấy Hồ Chí Minh, bên cạnh tư cách là một nhà thơ, rất quan tâm đến việc bảo vệ và bảo tồn di sản. Sắc lệnh Số 65 được Chủ tịch Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ban hành tháng Mười Một năm 1945 qui định rằng việc bảo tồn di tích lịch sử là một nhiệm vụ rất cần thiết để xây dựng nước Việt Nam. Quyết định này còn cấm phá hủy đình, chùa, đền đài, điện thờ, hoặc những nơi thờ cúng, các lầu đài, thành quách, và lăng mộ, cũng như các đồ vật, sắc chỉ, văn bằng, tư liệu, sách báo, có giá trị cho lịch sử, dù có tính tín ngưỡng hoặc không. Người cũng quan tâm đến việc khôi phục nhiều loại hình nghệ thuật truyền thống trên khắp đất nước.

Bảo vệ và bảo tồn là những nhiệm vụ rất quan trọng trong UNESCO. UNESCO khuyến khích việc nhận diện, bảo vệ và bảo tồn di sản văn hóa cũng như di sản thiên nhiên, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể trên khắp thế giới – những di sản được

coi là có giá trị nổi bật đối với nhân loại, như đã được thể hiện trong Công ước của UNESCO liên quan đến việc Bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới và trong Công ước 2003 của UNESCO về Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể.

Một ví dụ khác của Hồ chí Minh liên quan đến công tác bảo vệ và bảo tồn này là sắc lệnh công nhận lễ hội Giỗ tổ Hùng vương, một sự kiện yêu nước nhằm mục đích ghi nhớ công lao to lớn của ông cha, đồng thời nhấn mạnh sức mạnh tinh thần của một dân tộc thống nhất.

Từ thuở ban đầu, Hồ Chí Minh đã nhận ra bản chất hỗn hợp của nền văn hóa Việt Nam. Người nói: “Văn hóa Việt Nam là kết quả của sự tác động qua lại giữa Đông và Tây”. Người cũng tin rằng văn hóa là kim chỉ nam cho mọi dân tộc với ý nghĩa là nó giúp nâng cao nhận thức của công chúng, phục hồi sức sống của dân tộc, và đảm bảo các quyền con người, trong khi khẳng định các quyền kinh tế, chính trị và văn hóa của toàn dân.

Người cũng quan tâm đặc biệt tới mối quan hệ giữa văn hóa, kinh tế và chính trị và tin rằng văn hóa phải thấm thấu vào toàn xã hội và đến với từng thành viên để phát huy tiềm năng sáng tạo của họ.

Trong lĩnh vực Truyền thông và Thông tin, chúng ta thấy vai trò của Người trong việc phát triển báo chí. Ví dụ như Người đã lập ra tờ báo tháng của mình, tờ *Le Paria*, có nghĩa là “*Người cùng khổ*”, vào năm 1921, và sáng lập ra *Thanh niên*, tờ báo cách mạng đầu tiên của Việt Nam, vào năm 1925 và trở thành tổng biên tập đầu tiên của ấn phẩm này. Người cũng lập ra tờ báo quốc gia chính của Đảng Cộng sản Việt Nam, báo *Nhân dân*, được xuất bản tại Hà Nội và là cơ quan ngôn luận chính thức của Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hồ Chí Minh đã đưa một phong cách làm báo mới ở Việt Nam, lấy dân tộc và người dân làm chủ đề thời sự chính. Viết cho giai cấp lao động, các tờ báo cách mạng phải lột tả thực tế đời sống của người lao động và hướng dẫn họ trong cách cư xử

và hành động nhằm giúp họ cải thiện điều kiện sống của mình.

Một số người nói rằng Hồ Chí Minh đã đặt nền móng cho nền báo chí Việt Nam, một giả định hợp với logic bởi suốt đời mình, Người là một nhà báo. Người viết nhiều thể loại văn chương và báo chí: bút ký, truyện thời sự, xã luận, thơ, cùng các thể loại khác. Các bài báo của người, đi thẳng vào vấn đề và được viết một cách giản dị, rõ ràng và súc tích, rất dễ hiểu với độc giả đông đảo của Người.

Hội Nhà báo Việt Nam cũng được thành lập dưới sự chỉ đạo của Ban chấp hành Trung ương Đảng Công sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh; khởi đầu chỉ với 200 hội viên nhưng giờ đây đã lên đến hơn 16.000 người.

Tôi nhận thấy một điều lý thú là vào năm 1946, trên cương vị Chủ tịch lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh thành lập Bộ Kinh tế Quốc gia, trong đó có một đơn vị thống kê chịu trách nhiệm tập hợp các số liệu về dân số, tình hình tài chính, kinh tế, chính trị, và lý thú hơn nữa là cả các số liệu về văn hóa.

Giờ đây, chúng ta đang làm việc với sự hỗ trợ của Viện Thống kê UNESCO cùng Tổng cục Thống kê và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch của Việt Nam để xây dựng một Khung hành động cho Thống kê Văn hóa Việt Nam nhằm trợ giúp cho việc xây dựng và triển khai chính sách dựa vào thực tiễn, bởi lẽ văn hóa đang trở thành một nhân tố chủ chốt của phát triển bền vững.

Trên những lĩnh vực khác, tôi nhận thấy trong suốt cuộc đời mình, Hồ Chí Minh luôn chú ý đến các vấn đề của phụ nữ. Người cho rằng để giúp chị em tham gia vào các hoạt động xã hội, sự phân biệt giữa nam và nữ cần xóa bỏ và chính phủ cần phải có chính sách khuyến khích phụ nữ cùng nam giới tham gia vào sản xuất, quản lý kinh tế và hoạt động văn hóa. Người cũng viết trong di chúc là đảng và chính phủ nên có những kế hoạch để đảm bảo ngày càng có nhiều phụ nữ tham gia vào mọi lĩnh vực hoạt động, kể cả lãnh đạo, và rằng chị em cần phải phấn đấu vươn lên.

Đối với UNESCO, bình đẳng giới là một quyền cơ bản của con người, một giá trị chung, và cũng là một điều kiện cần thiết để đạt được các mục tiêu phát triển quốc tế, trong đó có tất cả các Mục tiêu Phát triển của Thiên niên kỷ. Suy cho cùng, việc nâng cao quyền lực của phụ nữ và bình đẳng giới là những vấn đề chính trị cần có sự hưởng ứng và cam kết của các nhà lãnh đạo thế giới và những người làm chính sách.

Liên quan đến Khoa học Xã hội và với những khái niệm về hợp tác hòa bình và hiểu biết lẫn nhau trên thế giới được UNESCO quảng bá, Việt Nam đang ra sức đóng góp cho khu vực và thế giới. Một phong cách mới của ngoại giao Việt Nam đã xuất hiện khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh. Bộ Ngoại giao được thành lập trong tháng Tám 1945 khi nội các lâm thời được công bố. Ý thức được tầm quan trọng của ngoại giao, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kiêm nhiệm chức Bộ trưởng Ngoại giao cho đến tháng Ba 1947.

Về Khoa học Tự nhiên, Hồ Chí Minh đã sớm thể hiện sự quan tâm của Người đối với các vấn đề liên quan đến môi trường và tới mối quan hệ hòa hợp giữa con người và thiên nhiên trong sự phát triển của một quốc gia. Người ủng hộ sự cần thiết phải chống thiên tai, duy trì và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên cùng môi trường sinh thái và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc trồng rừng, thủy lợi và cải thiện chất đất.

Sự quan tâm của Người đối với việc trồng cây và bảo vệ môi trường đã vượt qua biên giới tới mức, trong các chuyến thăm nước ngoài hoặc mỗi khi tiếp đón khách ngoại quốc, Người hay tổ chức lễ trồng cây và gọi những cây này là “cây hữu nghị”, biểu tượng cho quan hệ giữa Việt Nam và thế giới cũng thể hiện thái độ tích cực đối với môi trường. Tôi có thể hiểu được tại sao chúng tôi luôn được mời tới các lễ trồng cây. Ngay cả trong di chúc của mình, Hồ Chí Minh khuyến nghị những người viếng thăm trồng cây tưởng niệm.

Người còn kêu gọi mọi người “trồng và bảo vệ rừng, như bảo vệ ngôi nhà của mình”. Để nêu gương, Người đã tạo ra một môi trường tự nhiên tuyệt vời quanh nơi ở của mình và chăm sóc cây cối, hồ cá, và chim chóc, nhấn mạnh là chúng cần được bảo vệ bởi chúng là những báu vật của thiên nhiên.

Trong lĩnh vực Giáo dục, tôi nhận thấy điều thú vị là Người cho rằng xóa bỏ nạn mù chữ có nghĩa là tạo nên một phong trào giáo dục đại chúng. Người chỉ ra rằng học đọc và học viết có thể được tiến hành ở bất cứ đâu, dùng than, mặt đất, hoặc lá chuối làm bút và giấy. Người sáng suốt khi chỉ ra rằng một người đã biết đọc, người đó cần tiếp tục học tập bởi người biết chữ có thể quên cách đọc nếu họ không có gì để đọc. Người tuyên bố rõ ràng rằng chính phủ và Bộ Giáo dục có nhiệm vụ cung cấp sách báo phù hợp với từng cấp độ của người đọc.

Từ khi được thành lập vào năm 1946, UNESCO đã đi đầu trong nỗ lực xóa bỏ nạn mù chữ trên toàn cầu với những chương trình như Giáo dục cho mọi người. Đây là một yếu tố cần thiết cho việc xóa nghèo, giảm tỉ lệ tử vong ở trẻ em, kiểm chế sự phát triển dân số, đạt được sự bình đẳng giới, và đảm bảo phát triển bền vững, hòa bình và dân chủ. Hơn thế, thật thú vị khi đọc trong Công báo Quốc gia Việt Nam 1945 thấy rằng Bộ Giáo dục được thành lập ngay sau khi Hồ Chí Minh trở thành Chủ tịch Chính Phủ Lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Có một mối tương liên giữa ý nghĩ của Hồ Chí Minh rằng “mục tiêu cuối cùng của việc học là trở thành con người theo đúng nghĩa của từ này” với bốn trụ cột của việc học đã được Ủy ban về Giáo dục cho Thế kỷ Hai mốt xác định trong báo cáo của họ trình lên UNESCO trong thập kỷ 1990 như là những nguyên tắc cơ bản cho việc định hình lại giáo dục. Ủy ban cảm thấy là giáo dục suốt đời dựa trên bốn trụ cột:

Học để biết, ngụ ý cung cấp những công cụ nhận thức cần có để hiểu thế giới và những điều phức tạp của nó một cách tốt hơn, và để có nền tảng đủ và phù hợp để học tập trong tương lai.

Học để làm, có nghĩa là cung cấp các kỹ năng giúp các cá nhân tham gia một cách có hiệu quả vào nền kinh tế và xã hội toàn cầu.

Học để làm người có nghĩa là cung cấp những kỹ năng tự phân tích và kỹ năng xã hội để giúp các cá nhân phát huy đầy đủ nhất tiềm năng của mình về mặt tâm lý-xã hội, về tình cảm cũng như thể chất, để trở thành một “con người toàn diện” về mọi mặt.

Học để chung sống ngụ ý là hướng các cá nhân vào những giá trị tiềm ẩn trong các nguyên tắc dân chủ, sự hiểu biết giữa các nền văn hóa, tôn trọng và hòa bình ở mọi cấp bậc xã hội và quan hệ giữa người với người nhằm giúp cho các cá nhân và các xã hội cùng sống trong hòa bình và hòa thuận.

Tôi xin kết thúc bài phát biểu của mình với những ý nghĩ sau:

Nếu một con thuyền ra khơi mà không định trước bến đỗ, thì gió thổi hướng nào là không quan trọng. Con thuyền có thể cập bất kỳ bến nào. Biết được bến đỗ mà ta muốn đến có nghĩa là ta có một tầm nhìn rõ ràng về nơi đó. Điều đó có nghĩa là kiểm soát tốc độ gió và sức lực để tới được bến đỗ đó.

Có được một vị chủ tịch như Hồ Chí Minh, người được nhiều người không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn thế giới tôn vinh như anh hùng dân tộc, giống như có được một biểu tượng giúp chúng ta có được một tầm nhìn, chỉ cho đất nước một bến đỗ an toàn cho đất nước. Và hơn thế, một lãnh tụ như thế cũng chỉ cho ta cách kiểm soát phong ba bão táp thông qua lòng tự hào, lao động cần cù và quan hệ hòa hiếu.

Giờ đây, tôi xin cùng dân tộc Việt Nam kỷ niệm ngày sinh của một nhân vật vĩ đại, người đã để lại một dấu ấn trong quá trình phát triển của nhân loại và trong lịch sử của đất nước này. Xin chúc tất cả quý vị một tương lai phồn thịnh và thái bình.

Katherine Muller-Marin
Trưởng Đại diện, Văn phòng UNESCO Hà Nội

SUPHAT MUKHOPATHIAI

Ấn Độ

HÁT MỪNG BÁC HỒ VĨ ĐẠI

Bước chân Bác đi

Đã ghi dấu lại

Trên nhiều con đường rắn như đá

Ôi Hồ Chí Minh, Người vĩ đại biết bao!

Núi và sông

Chiến hào thành lũy

Bến tàu, làng xóm, động hang

Đều vang tiếng hò reo xung trận

Bác làm rạng rỡ
Niềm kiêu hãnh các chiến sĩ anh hùng
Đang đánh tan quân xâm lược Mỹ
Ôi Hồ Chí Minh, Người vĩ đại biết bao:
Hình ảnh Việt Nam
Nổi lên trên thế giới
Từ cuộc đấu tranh của Bác
Cho tự do Tổ quốc
Mỗi việc lớn
Bác đề ra
Đều mang nhịp đập của triệu triệu trái tim...

Nếu phải hy sinh để giành độc lập, tự do
Thì cuộc sống kia, đồ kẻ thù nào khuất phục...

Ôi Hồ Chí Minh, Người vĩ đại biết bao!

NGUYỄN XUÂN SANH dịch
Hồ Chí Minh – Hợp tuyển thơ, Nxb Hội Nhà văn, 2005

JAWAHARLAL NEHRU

Thủ tướng đầu tiên của Ấn Độ

HAI BÀI THƠ GỬI TÁC GIẢ “PHÁT HIỆN ẤN ĐỘ”

Phát hiện Ấn Độ của cố Thủ tướng J.Nê-ru là một tác phẩm nổi tiếng mà tầm quan trọng của những vấn đề đặt ra gây vang động không chỉ ở Ấn Độ mà cả trên phạm vi thế giới, *một trong những tác phẩm hay nhất về đất nước, con người lịch sử và văn hoá Ấn Độ, qua đó người đọc có thể hiểu thêm về sự lịch lãm, uyên bác, nhân cách đa dạng, sự thấm nhuần sâu sắc tinh hoa dân tộc trong ngòi bút của J.Nê-ru* như báo *Nhân dân* đã nhận xét. Tác phẩm được tác giả khởi thảo và hoàn thành tại nhà tù Pháo đài A-li-ma-đna-ga mà ở đây Người đã bị giam giữ hơn hai năm trời.

Một sự trùng hợp đến sững sốt, trong năm đầu tiên J.Nê-ru phải ngồi tù thì Hồ Chí Minh cũng bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giữ ở Trung Quốc. Trong những ngày ấy, Hồ Chí Minh viết *Nhật ký trong tù* bằng thơ (hoàn thành tháng 9-1943) và J.Nê-ru thai nghén *Phát hiện Ấn Độ* (hoàn thành tháng 9-1944). Hồ Chí Minh là người có vịnh dự gặp cụ thân sinh ra J.Nê-ru, một chiến sĩ lão thành ở Hội nghị quốc tế chống chiến tranh đế quốc tại Brúc-xen Thủ đô nước Bỉ năm 1927, còn trong tác phẩm thơ *Nhật ký trong tù* của mình, Hồ Chí Minh đã viết hai bài thơ gửi tác giả *Phát hiện Ấn Độ* là J.Nê-ru (phiên âm tiếng Hán-Việt là Nê-Lỗ):

Ký Nê-Lỗ I

*Ngã phần đấu thì quân hoạt động,
Quân nhập ngục thì ngã trú lưng;
Vạn lý dao dao vị kiến diện,
Thần giao tự tại bất ngôn trung.*

Ký Nê-Lỗ II

*Ngã môn tao phùng bản thị đồng
Bất đồng đích thị sở tao phùng
Ngã cư hữu giả quyền linh lý,
Quân tại cừ nhân cốc trất trung.*

Dịch nghĩa:

Gửi Nêru I

*Lúc tôi phần đấu, anh hoạt động
Lúc anh vào ngục, tôi ngồi tù
Muôn dặm xa xôi chưa từng gặp mặt
Nhưng mối giao cảm sâu xa đã sẵn trong chỗ không lời.*

Gửi Nêru II

*Cảnh ngộ của chúng ta vốn giống nhau
Nhưng không giống nhau lại cũng là ở cảnh ngộ
Tôi trong nhà tù của người bè bạn
Còn anh, trong xiềng xích của kẻ thù.*

Dịch thơ:

I

*Khi tôi phần đấu, anh hoạt động,
Anh phải vào lao, tôi ở tù;
Muôn dặm xa vời chưa gặp mặt,
Không lời mà vẫn cảm thông nhau.*

II

*Đôi ta cảnh ngộ vốn không khác,
Cảnh ngộ giờ đây khác bội phần;
Tôi, chốn lao tù người bạn hữu,
Anh, trong gông xích bọn cừu nhân.*

Năm 1990, Nhật ký trong tù của Hồ Chí Minh và Phát hiện Ấn Độ của J.Nê-ru, hai tác phẩm viết trong tù, cũng được xuất bản; đặc biệt Phát hiện Ấn Độ xuất bản lần đầu tiên ở Việt Nam, Nhà xuất bản Văn học đã cùng với Đại sứ quán Ấn Độ tại Việt Nam tổ chức Lễ phát hành.

Nhân dịp ấy, nhà lãnh đạo cách mạng Việt Nam Phạm Văn Đồng, người đã có quan hệ mật thiết với J.Nê-ru cả về mặt Nhà nước và quan hệ cá nhân, một người bạn lớn của nhân dân Ấn Độ, đã dành cho ngành xuất bản Việt Nam một vinh dự lớn: chủ trì lễ phát hành trọng thể và tự mình phát hành những cuốn sách đầu tiên tác phẩm Phát hiện Ấn Độ của J.Nê-ru.

Nghĩa cử đẹp ấy của nhà văn hoá lớn Việt Nam, đã được những người dự Lễ phát hành, trong đó có nhiều bạn bè quốc tế cùng các đại biểu Ấn Độ và Việt Nam - vô cùng cảm kích.

Đây là một sự kiện nổi bật, ghi dấu đậm nét vào cuốn lịch sử của ngành xuất bản và phát hành sách Việt Nam; biểu thị mối quan hệ tốt đẹp trên lĩnh vực Chính trị, văn hoá, xã hội... giữa hai nước và dân tộc; đặc biệt là mối quan hệ giữa Hồ Chí Minh và J.Nê-ru từ rất sớm. Sau này, Hồ Chí Minh còn có nhiều dịp phát biểu hoặc trực tiếp viết bài về Ấn Độ và các danh nhân văn hoá Ấn Độ.

Diễn văn trong dịp Hồ Chí Minh dẫn đầu đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sang thăm Ấn Độ năm 1958, ngày 6 tháng 2, có đoạn: “Khi đến đất nước Ấn Độ vĩ đại, chúng tôi rất cảm động và sung sướng được đến quê hương của một trong những nền văn minh lâu đời nhất của thế giới. Văn hoá, triết học và nghệ thuật của nước Ấn Độ đã phát triển rực rỡ

và có những cống hiến to lớn cho loài người. Nền tảng và truyền thống của triết học Ấn Độ là lý tưởng hòa bình bác ái. Liên tiếp trong nhiều thế kỷ, tư tưởng Phật giáo, nghệ thuật, khoa học Ấn Độ đã lan khắp thế giới”⁽¹⁾

Nói chuyện với nhân dân Bom-bay ngày 10 tháng 2 năm 1958, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Bom-bay là một trung tâm văn hoá, kỹ nghệ, khoa học. Lại là một cửa biển thông thương lớn. Một điều nữa làm cho Bom-bay nổi tiếng trên thế giới, vì Bom-bay là quê hương của thánh Găng-đi, người đã nêu cao đạo đức yêu nước, khắc khổ nhẫn nại, suốt đời hy sinh cho Tổ quốc, cho nhân dân, cho hòa bình”⁽²⁾.

Nói đến Găng-đi, chúng tôi lại nhớ đến tác phẩm quan trọng Thư trả lời ông H. do Hồ Chí Minh viết dưới bút danh đương thời là L.T. Trong tác phẩm viết ngày 9 tháng 4 năm 1925 này, Hồ Chí Minh nói rất nhiều đến Ấn Độ và Găng-đi; đặc biệt còn nói đến chủ trương tẩy chay người Anh và tổ chức yêu nước đương thời của Ấn Độ, mà sau đây chỉ là một đoạn trích ngắn: “Khi Găng-đi ngỏ ý có một triệu đồng để vận động phong trào tẩy chay, thì ba ngày sau, nhân dân gửi ngay đến cho ông hơn hai triệu đồng. Khi một hội viên hoạt động vì Đảng bị Chính phủ Anh bắt giam, thì hội viên khác đến xin ngồi tù thay. Ví dụ có người bị án một tháng tù, thì có 30 người đến xin ngồi tù thay; nếu bị hai tháng tù thì 60 người đến thay, để công việc của Đảng khỏi bị ngừng trệ vì thiếu mặt người ấy”⁽³⁾.

Đến Bom-bay, Hồ Chí Minh bày tỏ những ấn tượng tốt đẹp vì đó chính là quê hương của thánh Găng-đi; qua Băng-gan, Người nhấn mạnh, đó “còn là một trung tâm văn hoá của Ấn Độ, là quê hương của đại văn hào Ra-vin-đra-nát Ta-go-rơ mà cả thế giới đều kính trọng”.

Trong Nhật ký tình nghĩa anh em Việt - Ấn - Miến khá dài, L.T. tức Hồ Chí Minh ghi lại nhiều cảnh quan lịch sử, văn hoá và con người Ấn Độ, từ những vĩ nhân đến người dân thường; và ở

đây chúng ta lại bắt gặp hình ảnh rất thơ mộng của Hồ Chí Minh - danh nhân văn hoá thế giới sau này - khi Người và đoàn “cùng ông Bộ trưởng Văn hoá Ấn Độ đi thăm nhà của đại thi sĩ Ta-go-rơ. Trong nhà, các phòng ăn, phòng ngủ, phòng làm việc v.v... đều sắp đặt như lúc người còn sống. Có một gian phòng là nơi thờ thi sĩ, Bác và Đoàn đặt hoa và mặc niệm một lúc. Rồi sang thăm nhà bảo tàng bên cạnh, nơi để những sách vở của thi sĩ và những bức vẽ của người anh”.

Ở đoạn cuối tác phẩm này, chúng tôi thật bất ngờ khi đọc lá thư số 23⁽⁶⁾, Hồ Chí Minh nhắc đến tác phẩm Tây du ký bất hủ của Trung Quốc, nhưng là để nói về Ấn Độ: “Cuộc đi thăm hữu nghị của Bác... thế là kết thúc. Cả đi và về là 10.540 cây số trong 14 ngày (kể cả đi thăm Miến Điện cùng thời gian đó - LHN). Em có xem truyện Tây du ký, chắc em nhớ rằng đời nhà Đường (Trung Quốc) ông sư Huyền Trang sang Ấn Độ lấy kinh Phật, cả đi và về mất 17 năm (từ năm 627 đến năm 644) dọc đường lại gặp nhiều yêu quái và lắm bước gian nan. Nhờ có Tề Thiên đại thánh mới thoát khỏi mọi nguy hiểm. Ngày nay, đi từ Việt Nam hoặc Trung Quốc đến Ấn Độ chỉ mất một ngày. Khoa học đã chinh phục không gian và thời gian”.

“Hồ Chí Minh với Ấn Độ” rất có thể trở thành chủ đề lớn cho một chuyên luận nếu các nhà nghiên cứu văn hoá, văn học đặt tâm sức để tìm hiểu, phát hiện, khám phá. Trong phạm vi một bài ngắn, tôi chỉ xin phác thảo một vài ý tưởng bước đầu; chủ yếu là cung cấp con đường đi đến với các tư liệu còn đang tản mát.

LỮ HUY NGUYỄN

Báo Văn nghệ số 3,4,5 (1998)

(*) Đầu đề do NXB đặt.

^{1,2,3,4,5,6} Các đoạn trích dẫn lời Hồ Chí Minh đều căn cứ theo Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận, Lữ Huy Nguyên sưu tầm, biên soạn, Nxb Văn học 1981, theo số trang thứ tự như sau: 1) tr.444, 2) tr.445, 3) tr.54.

Níchxon! Ta chẳng tin ở cái hòa bình
bại trận của người
Cuộc xâm lược của nhà người bị diệt và bị bại
Khi mà người đã chẳng còn gì để thua hơn nữa
Và khi mà những máy bay tàn sát của người
Rụng rơi như muỗi bị đập nát như
Bởi những đòn lửa của tự do bắn trúng

Đây không phải là hòa bình của người,
hỡi Níchxon
Hỡi Níchxon, tổng thống say môi: khát máu!
Đó là huy chương sám hối của người!

Đây là hòa bình của những dân tộc
hiền lành vô tội
Mà người đã bỏ vào lửa và vào giữa giày vò

Đây là hòa bình của Việt Nam
Bị những đại sứ và những giấy tờ
của người bóp méo
Đây là hòa bình của một đất đai chảy máu
Đã cho thế giới được phủ đầy cành nguyệt quế
vinh quang
Do máu đổ tạo nên!

Đây là chiến thắng của Hồ Chí Minh đã khuất
Cái chiến thắng đã bắt Níchxon tay bê bắt máu
Phải ký nhận nền hòa bình
của những người quý giá ấy tuyệt vời!

1-1973

XUÂN DIÊU dịch

Hồ Chí Minh – Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

NHIÊN VI-CHÁT
Cam-pu-chia

BÁC HỒ CỦA CHÚNG CON

Tôi chưa được đến Việt Nam
chưa từng được gặp Người
chưa được viếng nơi Người yên nghỉ mãi
Nhưng tôi đã biết về Người
như từng biết Thánh Gan-đi
biết Lê-nin vĩ đại

Những trái tim lớn trong lòng nhân loại
thường vượt không gian thời gian
đến với trái tim ta.

Nhân dân Việt Nam gọi Người là Cha
ví Người như hương sen Đồng Tháp
Đất nước Cam-pu-chia bốn mùa sen thơm ngát
nhân dân Cam-pu-chia từ làng đồng bằng đến bản núi non
cũng gọi Người bằng cái tên trù mến:
Bác Hồ của chúng con.

Bác là lãnh tụ chung của các dân tộc Đông Dương
Người dẫn đường đến kỷ nguyên tự do độc lập
tình cảm yêu thương của Bác
với người Việt, người Lào, người Khơ-me và bốn biển năm châu
mong đủ áo cho người già, sữa cho con trẻ
cuộc sống đủ đầy ai cũng như nhau
Bác đến với mỗi người như thế

Chúng con nguyện đi theo con đường Người đã chỉ

và gọi tên Người:
Bác Hồ của chúng con.

PHÙNG HUY THỊNH dịch



Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp đoàn xiếc Hungari sang thăm
và biểu diễn tại Việt Nam (Cùng đ/c Vũ Quốc Uy - Chủ nhiệm Ủy ban
liên lạc văn hoá với nước ngoài, ông Tạ Duy Hiền, Trưởng đoàn xiếc
Việt Nam - Tại Phủ Chủ tịch ngày 4/3/1963.

Trong ảnh: Chủ tịch Hồ Chí Minh lưu luyến tạm biệt đoàn)

- Ảnh: Đinh Đăng Định

ALECXANDORO NHIKALAEV

Nga (Liên Xô)

SUỐI LÊNIN

Tất cả những gì bày ra trước mắt
Đều chợt làm tôi nhớ lại
Hình ảnh cụ Hồ Chí Minh
Sống bí mật tại đây
Ba mươi năm về trước

Tất cả đều tượng trưng kỳ diệu!
Người đã tạc hình Mác vào vách đá
Và Người đặt tên cho dòng suối: Lênin

Vũ trang bằng di sản của hai lãnh tụ
Và từ hai cái tên vô cùng lớn đó
Người đã vững bước đi lên đài chiến thắng
Của tư tưởng và của ngọn cờ Mác Lênin

Còn nổi đau lúc Người vừa mất
Như nguồn điện phát ra từ tuyết-bin
Qua dây dẫn, đến nông thôn
và thành phố yên bình

Đây không phải là dòng suối Nga
Có thể mọi người đều dễ hiểu:
Suối vẫn ca hát, róc rách về những vầng sáng điện
Giống như vầng sáng của I-lích chúng ta

Người nào gặp chúng tôi ở đây
Cũng đều tin tưởng
Chính cái vầng sáng ấy
Sẽ tỏa cùng khắp cả Việt Nam.

Những khóm cây soi mình đáy nước
Dòng suối này loang loáng trong xanh
Phụ nữ nông thôn với vành khăn trắng
Suốt ba năm mang chịu tang Người.

Tất cả những gì trong cuộc sống
Đã đổi thay và đảo lộn
Giống như những cánh vật soi mình dưới nước
Phản chiếu trong tấm gương rục rở suối này.

HUỲNH HUY PHƯƠNG dịch
Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

N.J.NICULIN

Nhà phê bình văn học Nga (*Liên Xô*)

BÁC HỒ KỶ NIỆM CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI Ở THỦ ĐÔ MỚI TIẾP QUẢN

Đối với tôi, cái trùng hợp ngẫu nhiên của số phận là ở chỗ, năm 1954, khi tốt nghiệp trường đại học Phương Đông Mát-xcơ-va, thì cũng là lúc hiệp ước Giơ-ne-vơ về việc lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết.

Vào một ngày đẹp trời của năm 1954, tôi được đồng chí A-lec-xan-đơ An-đrê-ép-vích La-vrin-sép mời đến. Lúc đó, La-vrin-sép vừa được bổ nhiệm làm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Liên Xô tại nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Một con người lực lưỡng, điềm đạm chờ đón tôi và chăm chú nhìn tôi một cách tế nhị. Và không ngờ, cuối buổi gặp mặt, ông ta mỉm cười với tôi một cách thoải mái và thân thiện. Tôi đã sống, và thậm chí nhiều lúc trong chiêm bao đã nhìn thấy Việt Nam, bởi thế cuộc nói chuyện về Việt Nam với đồng chí Đại sứ đã mang đến cho tôi niềm vui thích. Tôi bước ra khỏi phòng. Một phút sau cô thư ký xuất hiện và nói:

- Anh đi sang Việt Nam nhé! - Cô ta mỉm cười với tôi một cách hữu nghị. - Anh là người hạnh phúc! Anh sẽ được thấy đất nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tôi chỉ khuyên anh một điều: Khi gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh, điều đó đối với anh không còn là xa xôi nữa, hãy giữ lấy cái tự nhiên, giản dị và linh hoạt như khi gặp Đại sứ hôm nay. Chúc anh lên đường may mắn.

Ba tuần sau khi quân đội nhân dân Việt Nam về tiếp quản thủ đô, ngày 29-10-1954 đoàn Đại sứ quán Liên Xô đầu tiên đến thủ đô Hà Nội cổ kính.

Khi chúng tôi đến thủ đô Hà Nội một cuộc mít tinh nhỏ đã được tổ chức. Sau đó chúng tôi chia nhau về nhà ở. Những tòa nhà của Đại sứ quán lúc đó chưa sửa chữa xong. Thêm vào đó, ngày kỷ niệm lần thứ 37 Cách mạng Tháng Mười, ngày lễ lớn của nhân dân Xô-viết đã đến gần.

Lúc đó, việc tổ chức kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười, không chỉ là thể diện của nhà nước Xô-viết. Trong những ngày ấy, giới báo chí phương Tây, muốn xuyên tạc cuộc sống của những người kháng chiến từ núi rừng Việt Bắc trở về, và của các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước Việt Nam như là những khu trại tập trung, những vòng vây khói lửa. Trong đó, không thể có những hoạt động bình thường của một nhà nước và các đại diện ngoại giao.

Lúc bấy giờ nhiệm vụ đối với nhà nước Việt Nam không những chỉ củng cố chính quyền nhân dân non trẻ, mà còn phải khôi phục lại nền kinh tế văn hóa trên mức độ cao hơn và phát triển cùng có mối quan hệ quốc tế chặt chẽ hơn với các nước khác trên thế giới, trước hết là với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, mặc dù gặp khá nhiều khó khăn và phức tạp, nhưng dù sao, Đại sứ quán Liên Xô cũng phải tổ chức một cuộc gặp mặt trọng thể với các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước Việt Nam, với các nhà ngoại giao, chính khách của Ủy ban quốc tế giám sát việc thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ tại Việt Nam theo tiêu chuẩn ngoại giao đã được quy định tại Hội nghị quốc tế về công pháp và nghi thức ngoại giao năm 1865 tại Hung-ga-ri.

Ý nghĩa đầu tiên của cuộc tiếp đãi này là ở chỗ vị trí và thời điểm. Đó cũng là việc củng cố và thắt chặt mối quan hệ có tính

chất Quốc tế. Ngoài ra, cuộc tiếp đãi trọng thể mà Đại sứ quán Liên Xô tổ chức còn có thêm một ý nghĩa khác quan trọng hơn. Nó cần phải trở thành một sự kiện, khẳng định một cách trực quan tình trạng ổn định và triển vọng tốt đẹp của nhà nước Việt Nam và vị trí mới của nó ở miền Bắc. Vấn đề địa điểm đón tiếp được giải quyết một cách nhanh gọn. Đó là Hội trường của Câu lạc bộ Quốc tế, cách phủ Chủ tịch không xa.

Tuy nhiên, trong buổi chiều đãi, phải tiếp đón hàng trăm vị khách mà nhà bếp của Câu lạc bộ Quốc tế thì rõ ràng không thể đáp ứng được. Nó quá nhỏ và sơ sài.

Chủ nhân mới của ngôi nhà trở về từ rừng núi Việt Bắc, theo lệ thường và thói quen, khiêm tốn, giản dị, và thực sự dân chủ. Với sự nhạy cảm tinh tế và đạo đức văn hóa cao cả của mình Người không cho phép và không dám nghĩ đến việc ăn ở trong một căn phòng sang trọng của tòa nhà. Nơi đây trở thành nơi để tổ chức các cuộc hội nghị, các buổi đón tiếp ngoại giao và các cuộc ký kết quan trọng. Còn chính Chủ tịch Hồ Chí Minh thì sống trong một ngôi nhà cách đó không xa.

Thế là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cho phép Đại sứ quán Liên Xô dùng nhà bếp của Phủ Chủ tịch để nấu nướng tổ chức một cuộc tiếp đãi lớn vào ngày 7-11.

Nhiều lúc nhớ lại điều này tôi vẫn thốt lên: “Không bao giờ trong lịch sử”

Một nhóm người làm bếp Việt Nam được phái đến giúp việc dưới sự chỉ đạo của nữ đầu bếp Nhi-na I-a-cốp-na. Ở đây một trở ngại không nhỏ đã xảy ra. Nhi-na I-a-cốp-na không biết một thứ ngoại ngữ nào, còn những bạn Việt Nam giúp việc thì không hiểu tiếng Nga. Khó khăn đó đã được giải quyết ngay lập tức. Để giúp việc cho Nhi-na I-a-cốp-na người ta phái đến hai thanh niên Xô-viết, đó là thực tập sinh Ni-cu-lin và tùy viên Cu-dơ-nhe-xốp. Cu-dơ-nhe-xốp nguyên là Đại sứ Liên Xô tại Thái Lan.

Thú thực, chúng tôi đi đến Phủ Chủ tịch trong tư thế sẵn sàng và thích thú, nhưng cũng không kém phần lo ngại. Bởi vì vốn tiếng Việt của chúng tôi lúc đó quá ít ỏi. Nhất là tên gọi các món ăn, và các món ăn Việt Nam thì với chúng tôi hoàn toàn xa lạ, chưa hề biết đến.

Tuy nhiên điều e ngại của chúng tôi hóa ra trở nên vô ích. Trong nhà bếp của Phủ Chủ tịch một bầu không khí hoàn toàn hiểu biết lẫn nhau, vui vẻ và sôi động, mặc dầu không ai hiểu ngoại ngữ. Nhi-na I-a-cốp-na đã tìm ra được cách để giải thích cho các bạn đồng nghiệp Việt Nam hiểu, bằng các động tác tay chân. Còn họ, những người giúp việc, hình như cũng đã tiếp nhận được một vài từ tiếng Nga cần thiết nào đó. Nhi-na I-a-cốp-na đã nhanh chóng đạt được những kết quả bước đầu trong khi học tiếng Việt. Lúc thì chị ta khen “tốt lắm”, khi thì “thêm ớt”, “thêm muối”. Họ hiểu nhau khá tốt, sai lệch trong khi phát âm chẳng ai quan tâm đến. Lúc đó, tôi với Cu-dơ-nhe-xốp, không những chỉ làm nhiệm vụ phiên dịch, mà còn bị lôi kéo vào công việc phụ bếp.

Vào khoảng một hai giờ sáng gì đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhẹ nhàng đi vào nhà bếp. Tôi vẫn thường cho rằng, nguyên thủ quốc gia của tất cả các nước ít khi và thậm chí có thể không bao giờ đi xuống bếp. Thế nhưng, vị Chủ tịch nhân dân chân chính, Bác Hồ đã đến thăm chúng tôi trong nhà bếp. Và đây cũng là một trường hợp hiếm hoi, khi chúng tôi, nhân viên Đại sứ quán Liên Xô cùng làm việc với các đầu bếp Việt Nam trong nhà bếp Phủ Chủ tịch.

Nên chăng, cần phải nói rằng, sự xuất hiện của Bác Hồ trong nhà bếp, có nghĩa là Bác đánh giá rất cao ý nghĩa của cuộc tiếp đãi ngoại giao sẽ tổ chức vào ngày hôm sau.

Đây không phải là lần đầu tiên tôi được gặp mặt Chủ tịch Hồ Chí Minh. Lần đầu tiên tôi được gặp Bác là vào ngày hôm trước đó, ngày 5 tháng 11, khi Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà mở tiệc chiêu đãi toàn thể cán bộ và nhân viên Đại sứ quán Liên Xô. Lúc đó, tôi là một thực tập sinh, không ở trong

thành phần của Đại sứ quán và chỉ nhận được giấy mời trước giờ tiếp vèn vèn 30 phút. Trên thiệp mời in rõ ràng, đẹp mắt dòng chữ vàng: *“Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trân trọng kính mời thực tập sinh Ni-cô-lai I-va-nô-vich Ni-cu-lin đến dự buổi gặp mặt thân mật nhân dịp đoàn cán bộ Đại sứ quán Liên Xô ở Việt Nam đến Hà Nội”* - *“Trân trọng kính mời”* - Thông thường trong mọi trường hợp chỉ là nghi thức ngoại giao. Nhưng thật là ý nghĩa biết bao khi nó đi kèm với tên Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hàng chục năm sau, tôi vẫn giữ tấm thiệp mời đó như những vật kỷ niệm của đời mình. Nhưng chính cuộc gặp mặt thân mật đó, đã xảy ra dưới hình thức chiêu đãi trọng thể và trao đổi ý kiến. Chủ tịch Hồ Chí Minh ngồi cách tôi một quãng và Người không ngớt trò chuyện với A.A. La-vrin-sép và các bạn Xô-viết. Ngày đó tôi là người trẻ nhất Đại sứ quán.

Còn hôm ấy, trong nhà bếp Phủ Chủ tịch là một Bác Hồ hoàn toàn khác. Bác mặc chiếc áo cổ đứng màu cỏ úa đã bạc đi khá nhiều, nhưng rất chu tất. Miệng Bác ngậm thuốc lá. Bác mỉm cười chào mọi người, nụ cười sáng khoái. Bác đi vòng quanh bếp, bắt tay bếp trưởng Nhi-na I-a-cốp-na rồi bắt tay tôi và Cu-dơ-nhe-xốp. Bác đưa mắt bao quát nhìn quanh, chăm chú quan sát công việc chúng tôi làm. Khi biết những việc cơ bản đã chuẩn bị xong. Bác gật đầu rồi đưa mắt nhìn tôi và Cu-dơ-nhe-xốp một cách hài lòng.

- *Các cậu đã có chỗ ngủ chưa?* - Đột nhiên Bác Hồ hỏi chúng tôi một cách thân mật và gần gũi. Suốt đời tôi nhớ mãi câu hỏi này một cách chính xác.

Cảm động trước sự quan tâm của một vị Chủ tịch nước với những công việc bếp núc của mình, chúng tôi trả lời rằng, chúng tôi sẽ đi bộ về nhà ngủ.

- Không, giờ này đã muộn lắm! - Bác Hồ âu yếm nói.
- Trong Phủ Chủ tịch sẽ có đủ chỗ cho hai thanh niên Liên Xô ngủ. Thành phố nói chung an toàn, nhưng dù sao cũng phải cảnh giác. Hãy sửa soạn cho hai anh bạn trẻ một chỗ nghỉ tương đối - Bác quay sang nói với người cận vệ đi cùng.

Thế rồi giống như khi đến, Bác đưa mắt nhìn quanh một lượt rồi nhẹ nhàng đi ra khỏi bếp.

Sau đó, chúng tôi được dẫn đến một căn buồng rộng rãi và sang trọng, trong đó, đã trải sẵn chăn màn rất đẹp. Nơi đây đã hàng chục năm là chỗ ở của toàn quyền Pháp. Tôi không còn ngạc nhiên với những gì đã đến với mình nữa. Cuộc gặp gỡ tuyệt diệu với Bác Hồ đã đưa đến cho tôi một niềm vui sướng và thoải mái, một tình cảm nhân hậu, và sự quan tâm của một con người vĩ đại mà trước kia tôi chỉ được thấy trong phim và tranh ảnh.

Sáng ngày 7-11-1954, trong Phủ Chủ tịch, tôi tỉnh dậy với nụ cười trên môi, trong lòng phấn khởi như ngày hội. Mặt trời đã lên cao. Những gì đã xảy ra ngày hôm qua đều sống lại trong trí nhớ của tôi.

Sáu giờ chiều ngày hôm đó, trong hội trường lớn của Câu lạc bộ Quốc tế đã có mặt đầy đủ các chính khách ngoại giao. Nhưng người khách chủ chốt nhất - Chủ tịch Hồ Chí Minh, thì vẫn chưa có mặt. Chúng tôi nóng lòng chờ Bác từng phút, từng phút.

- Ni-cô-lai I-va-nô-vích! - Giọng nói của đồng chí Đại sứ vang lên nho nhỏ, nhưng đồng thời cũng nghiêm nghị và long trọng. - Đồng chí có nhiệm vụ ra cổng đón Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đồng chí hãy ra đón Bác và dẫn Bác vào hội trường.

Nói xong A-lếch-xan-đrơ An-đrê-ép-vích mỉm cười như động viên tôi. Từ đó đến nay, tôi vẫn không sao hiểu nổi tại sao vinh dự đó lại đến với mình.

Tôi đứng chờ bên cổng Câu lạc bộ Quốc tế. Thời gian đối với tôi lúc đó kéo dài triền miên. Sự thực thì sự chờ đợi của tôi diễn ra chỉ trong khoảng chừng năm bảy phút mà thôi. Cuối cùng, một chiếc xe, chỉ duy nhất một chiếc Com-măng-ca sơn màu xanh bình thường nhẹ nhàng lướt tới. Và hầu như không ai nhìn thấy nó đã đi đến như thế nào.

Từ trong xe, Chủ tịch Hồ Chí Minh với dáng cương trực, khỏe mạnh bước ra. Bây giờ trước mắt tôi không phải là Bác Hồ

mà tôi gặp hôm qua trong nhà bếp Phủ Chủ tịch. Một dáng dấp đường hoàng, chững chạc, hoàn tất. Tất cả tựu trung lại trong ánh mắt của một con người mang trên đôi vai mình một sứ mạng không lồ và vinh quang không gì so sánh nổi. Một con người đã từng trải trong mọi tình huống phức tạp, nguy hiểm và căng thẳng nhưng bao giờ cũng có những quyết định đúng đắn và sáng suốt. Một con người đã dành cả cuộc đời và sức lực cho một mục đích vĩ đại và duy nhất của dân tộc.

Sau cái bắt tay thân mật và ngắn ngủi, cùng những lời hỏi han cũng ngắn gọn, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng tôi đi vào hội trường Câu lạc bộ Quốc tế. Khi ngang qua tiền sảnh, Người bước chậm lại, và quay đầu nhìn tôi mỉm cười, nụ cười rạng rỡ của một nhà thông thái. Người nhanh nhẹn cầm lấy tay tôi và nói: “Cậu trẻ quá”. Trộm nghĩ trong hoàn cảnh đó, lời nói đó đã thể hiện quan hệ hữu ái của một vị Chủ tịch, của một người lớn tuổi đối với một thanh niên, mong muốn cho anh ta chóng trở nên thành đạt trong tương lai.

Giờ đây khi đã trải qua biết bao nhiêu năm tháng của cuộc đời, khi mái tóc trên đầu tôi đã điểm bạc, khi tôi đã được Nhà nước Liên Xô, Việt Nam, Mông Cổ tặng thưởng nhiều huân, huy chương, đã được phong giáo sư, đã trở thành tiến sĩ khoa học, tôi hiểu một cách sâu sắc rằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao cho tôi một phần thưởng cao quý nhất trong suốt cả cuộc đời tôi. Đó chính là lúc xa xưa, khi tôi “còn trẻ quá” trong ngày lễ kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười vĩ đại ở thủ đô Hà Nội vừa được giải phóng.

YẾN NGỌC THƯỜNG dịch

LUÍT ROHEIÔ NÔGHERAT

Cu Ba

MƯỜI LĂM NGHÌN CUỘC ĐỜI CỦA NGƯỜI KHÁCH BỘ HÀNH

Đây là chuyện thần thoại của con người
đã sống mười lăm nghìn cuộc đời không mới
Từ nơi ngọn nguồn sinh ra máu thịt
Từ cái bào thai trong lòng trắng trứng của con chim hạc
Cho đến thời kỳ xuất hiện máy bay phản lực
Câu chuyện của con người bằng ba mươi nghìn
bàn chân đã vượt qua con đường vòng vèo, bẽ bộn, gập ghềnh
Chỉ dừng lại trong cuộc hội cuối cùng của Ngày Hội Mặt
Đây là chuyện thần kỳ của con người mà
nhân loại hiểu rằng chẳng giống một ai.

Một con người mang nhiều tên gọi:

Cung

Nguyễn Tất Thành

Ba

Nguyễn Ái Quốc

Chín

Lin

Trần...

Và cuối cùng là Hồ Chí Minh
(có nghĩa là *Người Rất Sáng*)
Đây là chuyện thần kỳ của người bộ hành
đã sống mười lăm nghìn cuộc sống
Không bao giờ nói rằng cuộc đời tôi có
chết cũng chẳng có gì quan trọng
(dù biết mình phải mười lăm nghìn lần chết
trong hơn hai mươi thế kỷ)
Đây là lịch sử thần kỳ của con người đã để rơi máu xương da thịt
Trong Thung Lũng Đau Thương
Trong Đồng Bằng Vui Tươi
Và ngược xuôi khắp sông núi nước Nam
Giống trống da trâu, thúc giục mọi người vùng lên chiến đấu,

Đây là chuyện con người đã sống mười lăm nghìn cuộc sống
Trong những lâu đài bằng gỗ
Trong những cư xá bằng tre
Trong những túp lều tranh
Trong những nhà tù bằng đá,
Sống cùng với chim ưng trên đỉnh núi
Cùng với ve sầu trong động hang
Trong đêm dày, gay gắt, nặng nề.
Đây là lịch sử thần kỳ của một con người
Sinh ra ở Nghệ An và đã đi suốt Đông, Tây

Đã chết nghìn lần trong chiến thắng huy hoàng trên
sóng Bạch Đằng, năm 938
Đã ngã nghìn lần chống lại những đội quân chớp nhoáng của đại
đế nhà Tống trong trận chiến trên sông Như Nguyệt
Đã phải tắm trong máu mình
Để mà chiến thắng đội quân ghê gớm Nguyên Mông
Đã để hàng nghìn xác chết mang khuôn mặt của mình trong
những trận khùng khiếp chống đội quân kỵ mã nhà Minh với những
con ngựa lùn thần tốc
Đã chịu mất bao nghìn cuộc đời khác nữa
Nhưng đã tiêu diệt tan tành hai mươi vạn quân xâm lược nhà Thanh
Đoạt của chúng cả lá cờ
một con quạ thêu bằng vàng
trên nền vải đỏ.
Đây là chuyện thần kỳ cuộc đời của một con người đã bị chém
hàng nghìn bận
Nhưng đã buộc những đội quân của Pháp
Phải mất ba mươi năm trong việc xâm chiếm An Nam
Con người trong những khu rừng ẩm thấp đầy ruồi muỗi độc
Đã giáo dục từ trẻ thơ đến các cụ già biết chiến đấu bằng ngọn
lao tre
Biết tập luyện cho nhanh như rắn
Biết quan sát tinh như thể thần lẩn
Biết biến hình nhanh như cắt
Biết viết lên tường những chữ

Đã chết nghìn lần trong chiến thắng huy hoàng trên
sóng Bạch Đằng, năm 938
Đã ngã nghìn lần chống lại những đội quân chớp nhoáng của đại
đế nhà Tống trong trận chiến trên sông Như Nguyệt
Đã phải tắm trong máu mình
Để mà chiến thắng đội quân ghê gớm Nguyên Mông
Đã để hàng nghìn xác chết mang khuôn mặt của mình trong
những trận khùng khiếp chống đội quân kỵ mã nhà Minh với những
con ngựa lùn thần tốc
Đã chịu mất bao nghìn cuộc đời khác nữa
Nhưng đã tiêu diệt tan tành hai mươi vạn quân xâm lược nhà Thanh
Đoạt của chúng cả lá cờ
một con quạ thêu bằng vàng
trên nền vải đỏ.
Đây là chuyện thần kỳ cuộc đời của một con người đã bị chém
hàng nghìn bận
Nhưng đã buộc những đội quân của Pháp
Phải mất ba mươi năm trong việc xâm chiếm An Nam
Con người trong những khu rừng ẩm thấp đầy ruồi muỗi độc
Đã giáo dục từ trẻ thơ đến các cụ già biết chiến đấu bằng ngọn
lao tre
Biết tập luyện cho nhanh như rắn
Biết quan sát tinh như thể thần lẫn
Biết biến hình nhanh như cắt
Biết viết lên tường những chữ

Đả đảo giặc Pháp!

... Chuyện của con người sống mười lăm nghìn cuộc đời chiến đấu bằng súng đạn, bằng vũ khí thô sơ và cả bằng hai bàn tay trắng. Chuyện của con người đã hy sinh hàng nghìn cuộc đời mang tên tuổi, trái tim và gan ruột của mình đi dọc chiều dài của đất nước.

Cho đến tận Phủ Điện Biên

Ngài Hăng-ri Na-va, tư lệnh tối cao

Vị Tiểu Na-pô-lê-ông đeo cặp kính râu

Phải chịu ký biên bản đầu hàng và lên đi đốt tẩm huân chương

Bắc Đẩu Bội Tinh trong tiếng kèn của Quân Giải Phóng

Đây là chuyện thần kỳ của con người được nghỉ một ngày một đêm sau trận Điện Biên Phủ, rồi ngay sáng sớm hôm sau

Dưới vãn một lá cờ bắt đầu mặt giáp mặt đương đầu cùng thần Chết

Đã giáng một quả đấm tiêu diệt cả một căn cứ đầy những chàng lính vênh váo và thiện nghệ của Can-xốt, Ca-li-pho-ni, Ô-hai-ô⁽¹⁾

Những chàng lính ngổ ngáo của đội quân đặc biệt thứ tám tốt nghiệp tại Pho Gơ-lích⁽²⁾.

Những chàng lính tuyệt ngổ ngáo bám thành từng chùm dưới càn những chiếc trực thăng H.21 trốn chạy

(có tên gọi là Những -Quả - Chuối - Bay)

Đây là câu chuyện thần kỳ của con người đã sống mười lăm nghìn cuộc sống và đã có hàng nghìn cơ bắp của mình bị nghiền nát dưới đồng gạch vụn tại thành Hà Nội

Chuyện của con người đã dồn tất cả hơi sức còn lại chống 75 nghìn 487 triệu đô - la trong ngân sách mà Quốc hội Mỹ đã dành cho cuộc chiến tranh đặc biệt Việt Nam

Đã tung ra tất cả những gì người có trong tay và nhiều điều khác nữa.

Chống cái Hiệp hội quốc gia những nhà Công nghiệp.

Chống cái Công ty Xtan-đa Oi Niu-giơ-đi vô địch⁽³⁾

Chống cái công thức ma quái cho rằng

không cái gì có thể ngăn được Mỹ

Chuyện của con người đã để mất

tay

tóc của mình!

Lấn lộn trong đồng tro tàn đổ nát của những xóm làng bị siêu pháo đài bay B.52 cùng những máy bay trực thăng phản lực (và cũng là phản động!) kiểu HU.1A đốt trụi

Đây là chuyện của con người đã đưa cả một đội quân xuất quỷ nhập thần đứng dậy

Để nện những đòn chí tử vào tim gan của tên “Mũ nồi xanh” to béo nhất của Lực lượng đặc biệt Huê Kỳ

Chuyện thần kỳ của con người đã sống mười lăm nghìn cuộc sống Nhưng đã chuyên chở hàng trăm nghìn tấn lương thực và súng đạn bằng xe đạp

Vượt qua hàng trăm ki-lô-mét

Dưới những
làn
bom
đạn
chống lại tất cả những tính toán hậu cần
Chống lại mọi điều hợp lý của những Nhà Chiến Lược Thượng
Đẳng của cuộc leo thang
Con người đã chiến đấu suốt mười lăm nghìn cuộc sống
Đã xây dựng nên những chiếc cầu vô hình
Ngay trước mũi của Đội quân do thám Mỹ
Đã đánh gục những siêu pháo đài bay của *Không lực Huê Kỳ*
Đây là chuyện thần kỳ của con người đã để những giọt máu
không đếm xuể của mười lăm nghìn cuộc đời mình
Nhỏ rơi thắm đậm khắp nước Nam
Đây là chuyện thần kỳ của con người đã giương cung tên suốt
mười lăm nghìn cuộc đời.
Chống giặc Nguyên Mông, chống giặc Pháp,
chống những Máy tính điện tử của Lầu Năm Góc.
Chống những đội quân cung thủ Tàu và chống lửa na-pan
Câu chuyện thần kỳ của con người đã giăng những bẫy diệt thù
trên khắp nước Nam.
Cho đến lúc bình minh, giọt máu cuối cùng rơi trên nước Việt Nam
Ngọn lửa thiêng của mười lăm nghìn cuộc đời mình đã chết
Chiếu sáng con đường
Đi tới Ngày Hội Mật
Đi tới Thắng lợi cuối cùng.

MANH TỬ dịch từ tiếng Tây Ban Nha

¹Can-xốt, Ca-li-pho-ni, Ô-hai-ô: tên các bang của Mỹ.

²Nơi huấn luyện lực lượng đặc biệt của Mỹ.

³Công ty dầu lửa lớn của Mỹ.

CRIXTIN OAITO

Mỹ

VIẾNG LĂNG NGƯỜI

Những bước chân yên lặng
Khe khẽ tiến vào lăng Người
Những bàn chân trần
Đã từng dẫm trên lá rừng nhiệt đới.

Những bàn chân trần
Từ ruộng lúa bước lên
Để chống lại kẻ thù
Giờ đây bước đi trong lặng yên kính cẩn

Nữ du kích miền Nam
Anh lính trẻ miền Bắc
Cụ già từ miền Trung
Những nông dân, lớn, bé, trẻ, già...
Lần lượt theo nhau bước vào với Bác

Ai đã từng đến đây
Đều nhớ tới
Những hy vọng giúp ta thêm cứng cỏi
Trong những năm dài chiến đấu không thôi
Và không gian trĩu nặng tâm tình

Ở nơi đây, Người nằm nghỉ
Người đã mất rồi ư?
Ánh sáng chiếu trên mặt Người, chiếu rọi cả bàn tay
Nhưng không thể đem Người về cuộc sống.

Mười năm trước đây biết tin Người, tôi khóc...
Người đã từng tranh đấu suốt năm mươi năm
Vậy mà chẳng sống tới ngày chiến thắng
Của Việt Nam yêu quý của Người

Và tỏ lòng tôn kính Bác, Bác ơi.
Bác sống một đời không có vợ, con
Gia đình Bác là dân đất Việt
Bác đã mất nhưng gia đình vẫn sống
Theo chân nhau, họ tới viếng bên Người

Ngôi nhà nhỏ nơi Bác từng sinh sống
Bởi Bác cần gì đâu, chỉ độc lập cho đời
Song chỗ nghỉ ngơi
Cần phải rộng, vì nó chứa đựng
Cả tâm hồn đất nước Việt Nam.

Những căn phòng đó đã từng nắm giữ.

Hy vọng và yêu thương
Của mỗi người dân Việt
Khi họ đến bên Người
Đằng sau ngôi nhà gỗ nhỏ, thơm
Nơi Người sống và làm việc

Cây vú sữa miền Nam được Người tưới hàng ngày
Giờ đã lớn, bóng che mát rượi
Bác Hồ ơi, phải chăng khi Bác tưới
Cây lớn lên, cách mạng cũng lớn lên
Ở miền Nam bằng nghìn vạn máu xương
Của những người chiến sĩ

Tôi đã thấy những người lính gác
Còn trẻ măng, mũi lê sáng quắc
Mặt trẻ tươi, nhưng sẽ xúng với Người
Tôi, kẻ xa lạ đột nhập vào nghi lễ gia đình
Những khuôn mặt lướt qua
Nhìn mặt tôi, dò hỏi tâm hồn
Trời ơi - tôi đã sinh ra
Trên đất nước đã sinh ra những kẻ thù của bạn
Nhưng trong hồn tôi
Tôi chỉ ước được làm dân đất Việt.

THANH TÂM và LÊ NHẬT QUANG dịch
Báo văn nghệ “Viếng lăng Người”
Trang 1 số 35 (1347) Thứ bảy 2/9/1989

RIÔKÊ ÔNISI

Nhật Bản

TRỜI XANH ĐÓN NGƯỜI VỀ^(*)

Trời xanh đón người cứu nước về
Đau lòng, chúng sinh trên đường mê
Xưa nay hiếm bậc lão anh kiệt
Chiếc lá thu bay: trời ủ ê.

TRẦN DUY VŨN dịch

Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

(*) Cụ Riôkê Ônisi đã sống trên 100 tuổi, là một vị cao tăng có uy tín lớn trong giới Phật tử và nhân dân Nhật Bản. Khi được tin Bác mất, cụ rất đau xót và đã viết bài thơ này để kính viếng. Đầu đề do NXB đặt.

LISANDORO OTERO

Cu Ba

BÁC HỒ

Ngoài lòng dũng cảm,
Người chẳng thiếu sự quyết tâm:
Bác vốn là người du kích
Ngoài trí thông minh, Người chẳng thiếu gì
cảm xúc:

Bác vốn là nhà thơ
Ngoài sự tinh anh, Người còn có tầm nhìn xa:
Bác vốn là nhà chính trị
Ngoài sự hiểu biết, Người còn bao vốn quý:
Bác vốn là người thầy
Và tất cả cùng chung đúc vào đây:
Người du kích, nhà thơ, nhà chính trị, người thầy
Để làm nên một người Cộng sản
Hồ Chí Minh, gốc của dân và cũng chính là dân
Vẫn hòa trong thác dâng cuộn chảy
Là gió cuốn vượt muôn đèo dốc núi
Lại thu mình biến hóa trong muôn cây
Người còn đây, mãi mãi hãy còn đây
Đã biến thành khí trời, đất nước
Của dân tộc do chính Người xây đắp.

9 - 9 - 1969

LÊ XUÂN QUỲNH dịch

Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

HAOUOT PAC XON

Mỹ

HỒ CHÍ MINH XIN KÍNH CHÀO VÀ TẠM BIỆT NGƯỜI

Hồ Chí Minh!

Những người anh hùng ở Hà Nội nghiêng mình

vĩnh biệt Người

Chúng tôi kính yêu Người vì sự dũng cảm

chống lại bọn xâm lăng

đến từ đất nước chúng tôi

Chúng tôi sẽ là người du kích giặc dữ

trên những bậc thềm nước Mỹ

Giống như nhân dân Người - những luồng lá

Sẽ quét sạch đi quân lính tử thần

Đẹp xiết bao những người dân

từ miền núi xuống đồng bằng

Cúi sấp trên những ruộng lúa

trong hoàng hôn sẫm tím

Những cối xay buổi sáng, mang sự bình yên

đến với người dân

Linh hồn họ sáng trưng như những thành thép

tung tóe ra những luồng lửa

khi đập vào tảng đá

Trong hai nghìn năm những con đĩa to đầu

đã hút đất và máu

Tiếng loảng xoảng và bụi bặm
của bọn lính nước ngoài,
đã che mờ bình minh phương Đông
Và khi nhân dân vùng lên như sấm dậy
át cả tiếng kèn để quốc
Thì bọn da trắng này biến xác họ thành mùa màng
Hoặc biến họ thành đĩ bợm, gian thương
hay thư ký hiệu buôn
Tâm tư họ bị đầu độc bởi chén nước thánh
trộn cùng thuốc phiện
Hồ Chí Minh, Người đã đứng lên
trong hoàn cảnh đó
Người đã đến với nhân dân
với một chương trình hành động, một Đảng
và bao trùm là một nỗi yêu thương
Người đã hy sinh mọi thú vui riêng
và cái vẻ bên ngoài của công danh, phú quý
Để hiến thân cho Tổ quốc và Cách mạng
Giữa lúc phong trào du kích
đang dâng tràn như rặng đông
Áp vào những căn phòng của bọn gian tham,
nhét tiền đầy túi
Giữa lúc hòa bình đang sáng tỏ,
bao vây sự độc ác của tử thần
với cái màu tối tăm của lá cờ nước Mỹ
những gạch dài và những ngôi sao đẫm máu

Phá tan cái giấc mơ làm bá chủ hoàn cầu
Nhân dân, cũng như Hồ Chí Minh,
là những anh hùng nghe khúc nhạc Tự do
Và bước theo nhịp trống đồng
của vận mệnh đi lên
Vì dù mất, Người vẫn còn
Là người Cha sống trong lòng con cháu
Người chiến sĩ giữa rừng sâu mắt nhìn âu yếm
Người nông dân ôm những bó lúa vàng tươi
Người công nhân xây dựng nhà cửa
và chăm bón hoa hồng
Họ vẫn nghe tiếng bước chân Hồ Chí Minh
giục giã bên mình
Giờ đây, tuy đôi mắt tinh anh
của Người nhắm lại
Nhưng trong mỗi trái tim, Người vẫn mỉm cười
Các cháu của Người có khóc,
nhưng họ biết rằng tinh thần của Người vẫn sống
Vẫn sống trong lòng
những người cách mạng đã hy sinh
Sống trong lòng những đồng chí
đang giữ gìn Tổ quốc
Sống trong lòng những cụ già
canh gác cho thế hệ mai sau
Sống ở nơi giấc mơ của lứa tuổi thanh xuân
có thể thành sự thật
Tâm hồn họ không phải đợi chờ
như một mùa xuân khô khan

Họ không phải bắn khoăn
về những nhu cầu cần thiết
Vì gạo, vì quyền lực hoặc cả những ngôn từ....
Theo con người, một mùa xuân bồ câu sẽ làm tổ
Giữa lúc hoa mai vàng nở rộ
những miền trù phú phương Nam
Những đàn chim bay liệng
trên những núi cao giải phóng
Những cánh hoa thắm tự giữa lúc bình minh
Sẽ rơi dịu dàng trên mái tóc trẻ thơ
đang giấc ngủ say nồng
Chúng sẽ thức dậy và ca hát
Những chàng trai, cô gái sẽ đưa tình yêu
và thơ ca vào cuộc sống
Và mặt trời, như Hồ Chí Minh tóc bạc
của chúng ta sẽ sung sướng mỉm cười!

Xin tạm biệt Người!
Vị Cha Già đã mang lại niềm hân hoan
cho toàn nhân loại
Ở trên đời có những vật không hề thay đổi
Có những con chim không khuất phục bao giờ
Có những anh hùng sống mãi với thời gian:
Hồ Chí Minh! Hồ Chí Minh!

HUỲNH HUY PHƯƠNG dịch
Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

COLLOT PARI

Pháp

MUÔN NĂM VIỆT NAM

Kính tặng Chủ tịch Hồ Chí Minh

Tin tưởng: sức diệu kỳ
Còn mạnh hơn vũ khí

Trái tim sẽ thắng
Trái tim nào biết yêu
Nhất định phải như thế

Bệnh dịch sẽ hoành hành
Trong ruột quân vô lại
Đó là sức căm thù
Của toàn dân tộc Việt

Bọn quý
Tay thuốc súng đen ngòm
Cầm những đuốc tắt ngấm
Mặt cháy thui, chạy trốn
Trên những đống giày đinh

Trên đồng ruộng mặt trời không lặn nữa
Và những con bò sẽ ngạc nhiên
Thấy yên lặng trở về rạng rỡ

Trên Việt Nam tay nối liền.

7-1964

XUÂN DIỆU dịch

Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

RONÉ ĐỒ PÊTÔRÔ

Nhà thơ Haiti

MỘT ANH HÙNG CỦA THỜI ĐẠI CHÚNG TA

Đó là một buổi sáng trong lành ở Hà Nội. Hàng trăm người, nam và nữ trên những chiếc xe đạp, im lặng đi đến nơi làm việc. Tôi nhìn họ đi qua một cách lơ đãng. Bởi có một cái khác đang thu hút tình cảm của tôi: tôi sắp đến chào một trong những người phi thường nhất của thời đại chúng ta, một nhân vật thần thoại, đó là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hàng triệu người Á châu kính cẩn gọi Người là Bác Hồ.

Lần đầu tiên tôi nghe nói đến Người là năm 1946 ở Paris. Đó cũng là lúc một cuộc kháng chiến vinh quang của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp bắt đầu. Những đôi mắt của các bạn Việt Nam trong trường Đại học sáng bừng lên khâm phục và tin tưởng khi có ai nói đến tên Người trong buổi nói chuyện của chúng tôi. Và họ luôn luôn nhắc đến Bác Hồ; bởi vì gần 40 năm qua, cuộc sống của dân tộc Việt Nam và cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hoà lẫn với nhau thành một dòng sông bất khuất. Trừ một vài năm đầu của tuổi thanh niên, không một ngày nào trong cuộc đời Người là không hiến dâng cho cuộc đấu tranh giải phóng của bán đảo Đông Dương. Đó là Người mà cách sát ở toàn châu Á đã truy lùng khắp nơi. Và Người đã luôn luôn thoát khỏi lưới của chúng bởi có biệt tài trá hình. Người là một trong

những người sáng lập ra Đảng Cộng sản Pháp, là người sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam. Để sống Người đã phải làm tất cả các nghề. Người đã từng làm bồi bếp trên một chiếc tàu thủy Pháp, bồi bàn ở Luân Đôn, thợ vẽ truyền thần và nhà báo ở Paris, sinh viên ở Moskva, người bán báo ở Thái Lan, nhà cách mạng nhiệt tình, hoạt bát ở bất cứ nơi nào Người đã đi qua. Để che mắt kẻ thù, Người đã đóng giả làm một lái buôn giàu Trung Quốc, giả làm một ông quan, một ông sư (đầu cạo trọc và mặc áo cà sa), giả làm một ông lão mù có cháu dắt đi, và Người đã đi qua ngay trước mũi bọn lính canh Pháp. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng là người đã đem lại tự do cho Việt Nam, là nhà tư tưởng đã biết vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước mình, cũng như Người còn là một nhà thơ lớn thực sự...

Tất cả những mẫu đời của con người điển hình đó cuộn cuộn lướt qua trong óc tôi, giữa lúc chiếc xe con đưa tôi đến Phủ Chủ tịch. Trong khu vườn rợp bóng mát của những cây cổ thụ, đồng chí Tố Hữu, một trong những nhà thơ xuất sắc nhất của Việt Nam và nhà lãnh đạo quan trọng của Đảng Lao động Việt Nam, ra đón tôi. Chúng tôi không đi vào toà nhà lớn mà rẽ sang phía khác của khu vườn, tới một căn nhà nhỏ trông rất đơn sơ: Đó là nhà của vị Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đồ đạc bày trong nhà cũng giản đơn như cái vẽ bên ngoài của nó. Trên một chiếc bàn thấp, theo kiểu tiếp khách phương Đông, có bày hoa quả, thuốc lá và một tách chè. Đồng chí Tố Hữu, một người rất thông minh, có tác phong rất thân mật, nói với tôi về Bác Hồ, từ hơn mười lăm năm nay đồng chí đã trở thành một trong những người làm việc gần gũi Bác. Tôi đáp lại lời đồng chí bằng một giọng nói đã khô vì cảm động và quá vui.

Một lúc sau, theo lối cửa nhìn ra vườn, Bác Hồ bước vào phòng. Bước đi của Người nhẹ nhàng và lanh lẹ.

Ánh mắt Người thân mật hoạt bát và thông minh. Vẻ mặt Người hiền từ với bộ râu mà các bức ảnh đã làm cho rất quen

thuộc trên thế giới. Tất cả con người của Bác cho ta ấn tượng của sức mạnh và sự dịu dàng. Nhà lãnh đạo cách mạng và người nghệ sĩ đã hòa hợp với nhau trong một chất thép, thứ chất thép đã đặc điểm hoá thời đại chúng ta: Thời đại của V.I.Lênin.

- Como esta usted compareno? (Đồng chí có khoẻ không?)

-Bác Hồ hỏi thăm tôi bằng tiếng Tây Ban Nha.

- Thừa Chủ tịch, đồng chí cũng nói được tiếng Tây Ban Nha ạ?

Tôi kêu lên kinh ngạc.

- Un poquito, un poquito (Biết một ít thôi) -Bác Hồ trả lời với một vẻ tinh nghịch hiện lên trong khoé mắt sâu, đen của Người. Tiếp đó, bằng một thứ tiếng Pháp rất rõ và đúng, Bác Hồ kể với tôi về một chuyến đi châu Mỹ latinh của Người khi còn trẻ, thời kỳ Người còn làm bồi bếp trên chiếc tàu thủy “la Touche Treville” một chiếc tàu hàng của Pháp. Người đã đến Buênô Ay rết, Ria đê Hanây rô, Máctiních. Châu Mỹ Latinh đã đem lại cho Người một ấn tượng mạnh. Sau đó bất cứ ở đâu Người vẫn theo dõi sự phát triển của các cuộc đấu tranh của chúng ta (tức của Mỹ Latinh - ND).

- Ngày nay - Người nói - Cu Ba là niềm tự hào của thế giới, Phiden Cátxtorô thật là một chiến sĩ đáng ca ngợi, thật kiên cường, thật nhiệt tình và thật là vững, Cu Ba còn tiến xa hơn nữa với lứa tuổi thanh niên như thế và một dân tộc kiên quyết như vậy. Những điều đang diễn ra trên đất nước các bạn thật là tuyệt diệu. Cách mạng Cu Ba mở ra một thời đại mới ở châu Mỹ Latinh, chắc chắn như vậy, và châu Á cũng như toàn thế giới, tất cả chúng tôi đều ủng hộ các bạn. Cách đây hai mươi năm hoặc không đến hai mươi năm, Cu Ba thật khó có thể chống cự được trong hoàn cảnh ở rất gần thành trì chính của chủ nghĩa đế quốc. Nhưng bây giờ thời đại đã thay đổi rồi, chủ nghĩa xã hội đã lớn mạnh và trở thành một lực lượng quyết định của lịch sử. Nhân

dân Cu Ba được sự ủng hộ của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á và châu Phi... Đúng, những sự kiện xảy ra ở Cu Ba thật là tuyệt diệu, nhân dân chúng tôi rất muốn biết những tin tức về cuộc cách mạng của các bạn, báo chí và đài phát thanh của chúng tôi đã bình luận rất sôi nổi những sự kiện ở Cu Ba; Phiden Cátxtorô rất quen thuộc ở đây, đồng chí biết chứ...

- Thừa Chủ tịch, nhất định đồng chí phải sang thăm Cu Ba.

Tôi nói với Người như vậy.

- Nếu được mời, tôi sẽ đi thăm với tất cả niềm sung sướng. Cuộc cách mạng của các bạn thật là một trong những sự kiện đẹp nhất mà người ta có thể thấy trên thế giới ngày nay. Chắc chắn tôi sẽ đi, dù năm nay đã 71 tuổi rồi... Đồng chí Phiden Cátxtorô cũng phải đến thăm chúng tôi; nhân dân chúng tôi sẽ rất vui mừng được đón đồng chí ấy.

Bác Hồ cười vui vẻ. Ngay sau đó Người nói về những chuyện hàng ngày, về hoa quả Cu Ba, về Việt Nam, khí hậu ở hai nước, phong cảnh và âm nhạc dân tộc.

Cuộc nói chuyện dẫn tới văn học và thơ. Tôi trình bày với Bác Hồ ý kiến của tôi về thơ của Người, trong đó tôi vừa khám phá ra nhiều tinh hoa của nó. Hầu như Người từ chối. Người nói rằng khi ở tù, ở miền Nam Trung Quốc, Người đã làm những bài thơ ấy cho qua giờ, rằng Người thật ra không phải là một nhà thơ. Sự khiêm tốn là một trong những đặc điểm của con người vĩ đại này, cũng như bầu không khí vui vẻ mà sự có mặt của Người đã đem đến, sự giản dị tuyệt vời của những từ mà Người nói, sự vắng mặt của tất cả các nghi lễ, sức làm việc của trí óc Người, ấn tượng về sự già dặn trong con người Bác toát ra... Rất ít khi tôi thấy cảm phục trước một con người như lần này.

Cảm giác đó lớn dần lên trong tôi cùng sự kéo dài của cuộc nói chuyện...

Những ai muốn biết thế nào là một con người thực sự, vẻ đẹp của thế giới ở đâu, sự chiến thắng của chân lý trên trái đất ở đâu, ở đâu có mùa xuân, xin hãy đến thăm cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sự tồn tại điển hình của một anh hùng của thời đại chúng ta. Nhà cách mạng lão thành này, ngay giữa cuộc đời mình, đã đi vào truyền thuyết. Cuộc sống của Người là một bài thơ đầy nét anh hùng ca, giống như cuộc đấu tranh của dân tộc Người.

Tháng 8 - 1942, từ núi rừng Việt Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lên đường sang Trung Quốc. Người đã đi bộ trong mười ngày và năm đêm xuyên qua vùng rừng núi trùng điệp đầy nguy hiểm. Mới chân ướt chân ráo đến đất nước Trung Hoa, Người liền bị cảnh sát Tưởng bắt. Lập tức chúng tống giam Người. Trong thời gian ở tù, Bác Hồ chỉ còn da bọc lấy xương, nhưng trong tâm trí Người vẫn còn đủ sức mạnh để sáng tác những vần thơ đẹp nhất. Và sau này những vần thơ đó đã xuất hiện trong một tập sách với đầu đề *Nhật ký trong tù*. Đó là những vần thơ được viết bằng chữ Hán với những hình tượng rõ nét được khắc hoạ bởi nhạc điệu trữ tình của không khí lạc quan lộng lẫy trên tán những cây cô đơn nơi tâm hồn Người. Đó là tiếng nói trong sáng không thể quên được đã hoà quyện với cuộc sống thường ngày trong nhà tù. Những vần thơ đó đã kết hợp một cách thiên tài giữa truyền thống thơ cổ điển với chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa. Đó là những bài ca chân chất và giàu tình thương mến trong đó trăng, hoa, tuyết, núi, sông, và cả những vì sao lấp lánh đêm thâu cùng cất tiếng hát. Đó là một Uylam Blắc⁽¹⁾ không có chủ nghĩa thần bí, là một bản “hành khúc trí tuệ” - không có cây thập tự đã thiêu cuộc đời của thánh Hoan ĐêCrux mà là cây thập tự - nỗi đau của nhân dân Việt Nam. Tiếng thơ của Người là tiếng hát của một con người bị chấn song sắt nhà tù ngăn cách với Tổ quốc ngay trong lúc nó đòi hỏi kinh nghiệm cách mạng, cái hơi thở hấp dẫn, cái sức mạnh tư tưởng của mình.

Bác Hồ đã truyền vào trong thơ những cảm hứng trong tù cùng với tình cảm nhân văn ấy, cái tình cảm về sự tốt lành bất khả xâm phạm của cuộc sống. Đó là đặc điểm của những nhà thơ thực sự.

Tạp chí *Tác phẩm mới* và sách *Nghiên cứu học tập thơ văn Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1979, trang 546

HOÀI THƯƠNG và NGUYỄN TRUNG ĐỨC dịch
(*Tạp chí Văn*, Số 6/2008)

1. *William Blake nhà thơ trữ tình nổi tiếng người Anh.*

PHRAN-XƠ PHA-BE
Nhà văn, Nhà báo Đức

BÁC HỒ, MỘT CUỘC ĐỜI VÌ NHÂN DÂN

(Viết theo lời kể của Phran-xơ Pha-be, nhà văn, nhà báo CHDC Đức, nguyên giám đốc phân xã Thông tấn xã AND và đại diện báo Nước Đức mới tại Việt Nam)

“Nếu đồng chí muốn đi theo Hồ Chủ tịch lên K. thì ngày mai, 5 giờ sáng, đề nghị đồng chí đợi chúng tôi ở ngã ba T.Đ. trên đường đi Tuyên Quang”.

Tôi hết sức sung sướng và cảm động khi nhận được những dòng thông báo trên đây, do Vụ báo chí Bộ Ngoại giao Việt Nam gửi cho. Thế là một trong những mong ước lớn nhất của tôi sắp trở thành hiện thực. Tính từ ngày đặt chân tới Việt Nam, đã hai tháng rồi còn gì! Dịp ấy, tôi được cử dẫn đầu một đoàn cán bộ CHDC Đức gồm 5 nhà văn, nhà báo và nhà điện ảnh sang thăm đất nước các đồng chí từ tháng 11 năm 1954 đến tháng Giêng năm 1955. Các bạn điện ảnh đang quyết tâm hoàn thành hai bộ phim tài liệu quý về đất nước và con người Việt Nam; còn tôi, tôi cũng phải mang về nước những gì có ích cho nhân dân ở nhà. Tôi ao ước có ngày được gặp Bác Hồ, vị lãnh tụ vô cùng kính yêu của nhân dân Việt Nam, và sẽ viết một bài về Người. Ở Cộng hoà dân chủ Đức trước đó cũng đã có người giới thiệu về cuộc đời và sự nghiệp của Bác, nhưng thường là mang tính chất tiểu sử, tư liệu. Chúng tôi biết rõ Người đã từng hoạt động bí mật



Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thủ tướng Phạm Văn Đồng
(cùng Gs Đặng Thai Mai) tiếp nhà văn, nhà báo Pháp Pic Abraham,
Chủ nhiệm Tạp chí châu Âu xuất bản tại Pháp sang thăm và làm việc
tại Việt Nam (9/2/1963)

- Ảnh: Đinh Đăng Định

ở Đức, từng có quan hệ mật thiết với các lãnh tụ của phong trào công nhân Đức như Cla-ra Dết-kin, Vin-hem Pích... Tôi nghĩ rằng, chắc hẳn Người có nhiều kỷ niệm và những mối thiện cảm với nhân dân Đức. Càng nghĩ, tôi càng bồi hồi, không sao ngủ được. Ở Việt Nam, trong những ngày tháng này, tôi đã có những đêm khó ngủ như thế. Đạo ấy, chiến dịch Điện Biên Phủ vừa kết thúc, trên đất nước này diễn ra bao sự kiện quan trọng. Khi tôi đặt chân tới Việt Nam, những tên lính thực dân Pháp cuối cùng đang cúi đầu cúi khỏi Hà Nội. Nhưng Nam Định và một vài địa phương khác vẫn còn trong tay chúng. Hồi này, việc cưỡng ép di cư vào Nam đối với những người công giáo ở các vùng Bùi Chu, Phát Diệm đang được các thế lực phản động tiến hành ráo riết.

Sáng ấy, tôi dậy rất sớm, cẩn thận cất vào túi mảnh giấy có dòng thông báo quan trọng về việc đi gặp Bác Hồ và vội vã lên đường. Tại ngã ba T.Đ., tôi nhập vào đoàn xe như đã hẹn. Khi đoàn xe dừng lại trước bờ sông thì mặt trời đã nhô ra khỏi rừng tre, đỏ lựng. Tôi nhìn thấy những chiếc thuyền nan đang chờ khách tới. Tôi cùng mọi người xuống thuyền. Trong số đó có một ông cụ mặt bịt kín bằng chiếc khăn len, chỉ chừa hai mắt để nhìn. Trên bờ sông, có những người chỉ trỏ ông cụ đang nhanh nhẹn bước xuống thuyền và thì thầm gì đó vào tai nhau. Ông cụ ngồi khuất trong một góc kín, đã bỏ chiếc khăn len ra khỏi mặt. Người phụ nữ lái thuyền và tôi cùng nhận ra ngay: đó là Hồ Chủ tịch. Tôi thật xúc động, muốn bước tới chào Người, nhưng vì nguyên tắc bí mật, tôi chỉ ngồi im. Lần đầu tiên tôi được gặp Bác Hồ trong trường hợp như vậy đây!

Làng khuất sau một bãi chuối xanh rì. Con đường hẹp từ bờ sông dẫn vào làng không dài lắm, nhưng dốc. Tôi đi trong tốp đầu, nhận ra ngay trong một căn nhà tranh khá rộng có đông người đang ngồi trên những dãy ghế dài. Người dẫn đường nói nhỏ với tôi: “Đó là hội nghị cán bộ cải cách ruộng đất”. Tôi gật đầu và lúc này mới hiểu rằng Hồ Chủ tịch đến thăm một hội nghị

quan trọng. Căn phòng khá rộng, được trang trí giản dị. Phía trước hội trường là bức chân dung cỡ lớn của Hồ Chủ tịch, treo trên nền cờ đỏ sao vàng. Có tới 2000 người tham dự hội nghị. Tôi đang chờ dịch nghĩa mấy câu khẩu hiệu căng ở hai phía hội trường thì mọi người nhộn nhịp đứng cả dậy hô lớn: “Hồ Chủ tịch muôn năm!” “Hồ Chủ tịch muôn năm!”...

Bác Hồ tươi cười vẫy chào mọi người và bước lên bục. Tiếng hoan hô vẫn vang dậy. Không thể không xúc động trước nhiệt tình của những người cán bộ đối với vị lãnh tụ của mình. Nhưng khi Người bắt đầu nói thì hội trường trở lại im phăng phắc một cách kỳ lạ.

Người nói liền trong một tiếng đồng hồ. Như một người cha, Hồ Chủ tịch khen ngợi những cố gắng của cán bộ và khuyến khích họ nỗ lực hơn nữa để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Tôi nhớ nhất câu Người nói: “Cuộc cải cách ruộng đất cũng là một cuộc cách mạng đầy gian khổ, tuy không vũ trang. Các cô, các chú cũng là một loại binh chủng. Đó là binh chủng đấu tranh quét sạch tàn dư của chủ nghĩa phong kiến”. Người cũng nghiêm khắc phê phán những biểu hiện chưa thật gần gũi quần chúng của một số cán bộ. Người nhấn mạnh: “Muốn đạt kết quả tốt, các cô, các chú phải dựa vào quần chúng, tức là dựa vào bà con nông dân. Phải biết kính trọng, yêu mến họ, vì chính họ là lực lượng chủ yếu trong cuộc kháng chiến chống thực dân. Họ đã khổ cực rất nhiều, đã hy sinh rất nhiều. Và lúc này chúng ta có nhiệm vụ đem lại cho nông dân một cuộc sống tốt đẹp hơn. Các cô, các chú hãy gần gũi họ, lắng nghe họ, cùng ăn, cùng ở, cùng làm việc với họ. Và chỉ như vậy, các cô, các chú mới có nghị lực để vượt qua những khó khăn trong công tác. Bác tin các cô, các chú sẽ làm được như vậy!”

Người vừa dứt lời, cả hội trường lại vang lên tiếng vỗ tay như sấm dậy. Bác Hồ nhẹ nhàng rút trong túi ra 15 chiếc huy chương của Người và để lên bàn, Bác hỏi:

- Bác biết tặng cô, chú nào những chiếc huy hiệu này đây? Tốt nhất là các cô, các chú chọn ra những người xuất sắc nhất! Các cô, các chú đồng ý với Bác nhé!

Mọi người lại vỗ tay reo lên sung sướng...

Đoàn xe đi chậm lại, rồi dừng hẳn. Đồng chí bác sĩ tùy tùng của Bác nói với tôi:

- Chúng ta tạm nghỉ để ăn sáng đã!

Một vài đồng chí bộ đội trải khăn ra dọn ăn. Bác Hồ đang ngồi bên một gốc cây thông. Lúc này tôi mới dám đến gần Người. Bác Hồ mỉm cười chào tôi bằng tiếng Đức:

- Mời đồng chí ngồi xuống đây!

Các đồng chí khác cũng quây quần bên Người. Bữa ăn sáng thật đơn giản: cơm nắm với một ít trứng và cá nướng. Tôi cũng lấy thức ăn mang theo, nhưng Bác Hồ bảo ăn cùng với Người.

Thoạt tiên Bác Hồ nói chuyện với tôi bằng tiếng Pháp. Dần dần, như nhớ lại được nhiều từ hơn, Người nói bằng tiếng Đức. Giữa một vùng quê Việt Nam hùng vĩ, được nghe Người, nhà cách mạng vĩ đại của Việt Nam, nói tiếng nói của dân tộc chúng tôi, tôi không khỏi xúc động. Và trong giây phút ấy, tôi thoáng nghĩ về quê hương, nơi hàng chục năm về trước Bác Hồ đã đặt chân tới. Người cho biết: Hồi ấy, Người chỉ ở Béc-lin một thời gian ngắn, vì cảnh sát truy lùng rất gắt gao. Các đồng chí cách mạng Đức bố trí Người đến ở các vùng Noi-khoen, Vết-đinh và sau cùng xuống Sem-nít-xơ, tức là tỉnh Các-mác-xtat ngày nay. Vùng này yên ổn hơn, phong trào công nhân mạnh. Người nhắc đến Vin-hem Pích, vị Chủ tịch đầu tiên của Cộng hòa dân chủ Đức, với một tình cảm đầm ấm. Người đưa mắt nhìn ra xa, rồi quay lại nói với tôi: “Phong trào công nhân Đức là cả một lực lượng mạnh!”

Bác Hồ chợt quay lại phía tôi, cười hiền hậu:

- Ở Béc-lin, bia “bốc” còn ngon như trước không?

Tôi phải bật cười và không khỏi ngạc nhiên bởi vì, sau mấy chục năm trời, Bác Hồ vẫn còn nhớ đến loại bia mạnh có tiếng bên Đức. Người cho biết: Khi ở Béc-lin, Người thường đến ăn tại tiệm “A-sinh-ngơ” một tiệm ăn rẻ tiền, giá mỗi bữa chỉ có 20 xu, thường có món xúp đậu, còn bánh mì thì để trong một cái đĩa to đặt giữa bàn, ăn thoải mái, không phải tính tiền. Tiệm ăn này đông khách lắm, phần lớn là sinh viên và dân nghèo. Thỉnh thoảng Người có mua một cốc bia “bốc” để uống.

Tôi lặng lẽ nhìn gương mặt Bác. Đó là gương mặt của một người cha suốt đời chịu đựng hy sinh để mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân mình. Người nói như tâm sự: “Tôi ít khi được ngồi nghỉ ngơi như thế này. Đồng chí bác sĩ của tôi khuyên thỉnh thoảng nên nghỉ một chút và quả làm như vậy tốt hơn”.

Buổi chiều, Hồ Chủ tịch cho chúng tôi dừng lại ở một làng quê ven sông Hồng. Chúng tôi theo Người bước trên con đường trải nhựa, chạy ngoằn ngoèo trong xóm, lẫn trong bóng mát của những rừng chuối tiêu. Các em nhỏ nô đùa trong sân chạy ủa ra vì thấy có khách lạ. Được Bác Hồ đưa tay xoa đầu, một em gái nhoèn miệng cười sung sướng, nhưng hẳn em không thể ngờ được rằng người xoa đầu em chính là Bác Hồ.

Chị chủ nhà vừa đi làm đồng về, đang cho trâu vào chuồng, nghe thấy tiếng người vội quay ra: trước mặt chị là Hồ Chủ tịch. Nhìn mắt chị cũng đủ hiểu chị rất xúc động trước điều vui sướng bất ngờ này. Chị cúi chào Người kính cẩn theo kiểu chào ở nông thôn Việt Nam và mời Người vào nhà. Chị vội vã đun nước và rót mời khách. Chúng tôi uống cạn những chén nước nhỏ, thăm cảm ơn lòng mến khách của chị chủ nhà. Bác hỏi chuyện làng xóm. Chị thưa với Người là nhờ cải cách ruộng đất, chị vừa được chia một thửa ruộng. Bác Hồ hỏi việc cày bừa có vất vả lắm không. Chị trả lời:

- Thưa Bác, cháu trai lớn của cháu mới được phục viên giúp cháu nhiều. Và vừa hôm qua, Ủy ban cũng vừa chia cho một con trâu.

Chị cười sung sướng:

- Bây giờ cháu giàu thật rồi Bác ạ!

Hồ Chủ tịch cũng cười. Nhưng, gương mặt chị bỗng nhiên đượm một vẻ buồn. Chị thưa với Người:

- Giá như nhà cháu còn sống mà thấy cảnh này thì thật thoải lòng. Nhà cháu hy sinh ở mặt trận Hòa Bình, Bác ạ!

Nghe chị nói, Hồ Chủ tịch cũng lặng đi một lát, chùng như thấu hiểu nỗi lòng người vợ của một chiến sĩ vô danh và đang tìm lời an ủi chị. Bác nói với chị, giọng trầm hẳn xuống: “Ngay từ những ngày đầu, khi bước vào con đường đấu tranh cho tự do, chúng ta ai nấy đều hiểu rõ: không phải mọi người đều sẽ về tới đích. Chắc chắn sẽ chịu những hy sinh, mất mát. Mỗi người trong chúng ta đều cống hiến cuộc đời mình cho tự do của đất nước. Một số đồng chí đã ngã xuống, chúng ta không bao giờ quên công ơn của họ. Và chúng ta có nhiệm vụ làm cho con em họ, gia đình họ được no ấm hơn. Sự biết ơn của Tổ quốc đối với họ không phải là nói suông...”

Người tiếp tục đến thăm các gia đình khác trong làng. Hệt như một người cha đi vắng lâu ngày nay về thăm các con vậy. Điều gì Người cũng muốn biết: lúa cấy ra sao, sức kéo có đủ không; bao nhiêu cháu học cấp 1, cấp 2, v.v... Người cũng không ngần ngại lắng nghe những phân trần của bà con trong việc phân chia rộng đất, trâu cày. Đó là những lời nói thật thà, cởi mở. Còn có thể tin ai hơn “Cha Hồ”. Người suốt đời chăm lo lợi ích của nông dân, công nhân, luôn luôn chia sẻ niềm vui, nỗi khổ của họ? Nhưng cái chính là họ đều thừa với vị Chủ tịch của mình về những đổi mới tốt đẹp. Họ khoe với Người về căn nhà tranh mới xây, về bát cơm đầy, về tấm áo lành lặn. Và Bác Hồ, người cha hiền từ của họ đã mỉm cười hài lòng. Người cầm tay họ, ân cần khuyên bảo điều này, điều nọ. Không ít người đã khóc vì vui sướng xúc động.

Cuộc chia tay thật là nặng nề. Tưởng chừng những người nông dân ở khu vực sông Hồng này không thể rời khỏi vị lãnh tụ kính yêu của họ được nữa.

Xe chúng tôi đã đi được một chặng đường rồi, nhưng chúng tôi vẫn còn triền miên trong ý nghĩ về cái làng Việt Nam với những con người chân chất, hồn hậu ấy. Và tôi lại càng nghĩ nhiều đến Bác Hồ, người đã đang và sẽ không ngừng mong cho họ một cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn.

Mặt trời toả ánh nắng dịu dịu trên những đồng lúa xanh biếc. Vụ này hẳn sẽ được mùa.

Báo Văn nghệ
- *Thế giới với Bác Hồ*
- *Bác Hồ, một cuộc đời vì dân*
Số 1583-1584, trang 10

PHẠM VĂN KÝ
Nhà văn Pháp (gốc Việt)

BÁC HỒ

Bác nằm trong hòm kính

- Trong và sáng -

Bác có mặt ở khắp nơi

- Nam lẫn Bắc -

Bác ở giữa quân đội

- Nam lẫn nữ -

Bác là ngôi sao của lá cờ

- Vàng giữa đỏ

Nhờ Bác

Việt Nam đã sống lại với danh dự

- Sau và trước

Nhờ Bác, Việt Nam đã thành niềm tin của thế giới

- Á lẫn Âu

Ai đi gần hay đi xa
Ai ai cũng đặt chân mình vào dấu chân
Của Bác
Bước dài lẫn bước ngắn
Bước ngắn dùng ngày thường
Bước dài nhắm tương lai

Bác ở trong ngọn đèn khuya
Nâng lên hàng triệu giấc ngủ
- Ước mơ lẫn hiện thực
Bác cao vợi trên đỉnh núi
- Suối lẫn mưa
Bác là trung tâm của vạn vật
- Đêm và ngày

Bác vượt lên không gian
Bác đứng giữa thời gian
Giây phút lẫn chân trời

V. PHENLOMAN

Nga (Liên Xô)

BÁC HỒ

Việt Nam
Người bạn ở xa, yêu quý của tôi ơi!
Đêm trắng im trôi
Lòng tôi không ngủ được
Mơ bay về những dãy phố thân thương
Hà Nội ơi!
Xa cách vô cùng
Tôi chưa hề gặp mặt
Đường đi quanh nửa vòng trái đất

Có thể đo từng cây số không gian
Và cả từng giờ phút thời gian
Nhưng làm sao đo được
Nỗi lòng ta đau xót vô vàn...

Bến Hải ơi!
Một vết thương non nước chưa lành
Khi bên ngoài cửa sổ hể bình minh

Mặt trời lên
Trái tim tôi bay về phía bạn
Chân trời đất nước xa xôi...
Không biết có thảo nguyên, biên giới, núi đồi,
Chỉ biết đến để cùng nhau khẽ gọi:
"Đừng vội đi, xin dừng lại, Người ơi!..."

Đại bác hãy gầm to lên nữa
Dội xuống đầu thù không ngớt, hãy gầm to
Sấm hãy rền vang từ sáng sớm
N như lời thề trên màu cờ đỏ thắm
N như tiếng gọi tình quốc tế bao la:
"Người không mất, không thể nào..."

Ôi tiếng kêu
Từ ruột thịt miền Nam
Vọng về đất Bắc
Tôi biết rõ
Không thể nào mất
Người vẫn còn mãi mãi bên ta!

NGUYỄN HOÀNG phỏng dịch
Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

XTEPHAN PHOLUKOPXKI

Ba Lan

BÁC HỒ

Có một ngày trong thời đại mới
Giữa cảnh rừng xanh
Từ trái tim dân tộc mình
Bác Hồ
Như một nhà thơ lớn
Đã viết lên cái tên
Cách Mạng.

Một ngày khác trong thời đại mới
Nơi ngôi nhà tranh nhỏ
Từ trái tim dân tộc mình
Bác Hồ
Đã viết lên cái tên
Nhân Phẩm.

Một ngày khác trong thời đại mới
Ở trên mảng tường nhà
Không khí trong lành
Từ trái tim dân tộc mình
Bác Hồ
Đã viết lên cái tên
Tự Do.

Và một ngày khác nữa trong thời đại mới
Từ trái tim dân tộc mình
Bác Hồ
Đã viết lên cái tên
Tiến Bộ.

Khi những máy bay nặng nề bay qua
Những xe tăng xộc tới
Những đại bác gầm vang
Những nắm đấm của bọn thực dân giơ lên
Thì Bác Hồ truyền lệnh
"... Thời cơ đã đến !
Nhân danh:
Cách mạng
Nhân phẩm
Tự do
Tiến bộ.

Chúng ta hãy xông lên diệt loài quỷ dữ !"
Và khi tiếng nói của Người
Tỏa ra trên đồng lúa
Thì trong những cánh rừng tre đông tố nổi lên...

HUỲNH HUY PHƯƠNG phỏng dịch
(Theo bản dịch nghĩa từ tiếng Ba Lan của VĂN DOANH)
Hồ Chí Minh – Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

ADISORN PIENGKES

Nghị sĩ Thái Lan

BIẾT THÊM MỘT CA KHÚC CỦA THẾ GIỚI VỀ NGƯỜI

Trước hết xin vắn tắt về tác giả kiêm ca sĩ đầu tiên trình bày bài hát. Đó là Nghị sĩ Adisorn Piengkes, sinh ngày 6-9-1952, quê ở Khôn Kèn (Đông Bắc Thái Lan). Về học vấn, ông tốt nghiệp cử nhân Luật - Trường đại học tổng hợp Thammasat danh tiếng bậc nhất nước Thái, sau đó có thêm bằng Phó Tiến sĩ và nay đang theo đuổi tấm bằng Tiến sĩ Phật học. Về công danh, khởi đầu từ những năm 1983 ông đã có 5 khoá đắc cử nghị sĩ và từng giữ chức vụ Thứ trưởng Bộ Giáo dục (1992-1994) và Thứ trưởng Bộ Khoa học - Công nghệ - Môi trường (1996-1998). Hiện ông Adisorn là nghị sĩ thuộc danh sách Đảng Người Thái Yêu Người Thái (đảng trong liên minh cầm quyền ở Thái Lan hiện nay), đồng thời tham gia ban cố vấn của Thủ tướng Thaksin Shinawatra.

Sơ lược như trên để bạn đọc thấy rằng Nghị sĩ Adisorn không có nhiều thời gian cho văn nghệ, và tấm lòng yêu kính Bác Hồ được hun đúc tới mức nào để tạo cảm hứng cho ông sáng tác bài hát *Ôi Việt Nam, hãy tiến lên*. Ca từ của bài hát mang nội dung chính sau:

“Hồ Chí Minh vĩ đại đưa Việt Nam tới tự do. Hồ Chí Minh người là ngọn đuốc xua tan đau khổ cho nô lệ bản hàn.

Hãy là vàng dương bất tận, tỏa chiếu muôn nơi. Hãy là công lý cho muôn người. Ôi Việt Nam. Ôi Việt Nam, ánh dương cho ngàn đời... Ôi Việt Nam, hãy tiến lên”.

Trong buổi trò chuyện rất thân tình mới đây với chúng tôi, sau khi ôm guitar hát cho chúng tôi nghe bài ca trên, ông Adisorn hào hứng nói: “Theo tôi, Bác Hồ thuộc số rất ít nhân vật xứng với tầm vóc lãnh đạo thế giới. Tôi cũng không rõ tên tuổi của Người nhập tâm tôi từ bao giờ. Tôi nhớ như in rằng bài hát *Ôi Việt Nam, hãy tiến lên* được viết vào ngày chủ nhật 19-2-1978 tại Hà Nội. Đó cũng là khoảng thời gian tôi may mắn được tới thăm nơi ở và học hỏi thêm về tiểu sử của Bác Hồ. Rõ ràng có khác biệt xa giữa những gì tôi được tận mắt cảm nhận ở Việt Nam và những gì người ta thường tuyên truyền (trước đây ở Thái Lan) về Việt Nam dạo ấy”.

Sau 25 năm, vì nhiều lý do, ông Adisorn mới có dịp công bố bài hát nói trên. Ông nhắc đi nhắc lại với chúng tôi đó là tấm lòng thành kính của ông với Bác Hồ và thành công của cách mạng Việt Nam, cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Việt Nam không thể tách rời công lao, sự chỉ đạo của Bác Hồ. “Trong tâm tưởng của tôi”, ông Adisorn tâm sự, “Bác Hồ vẫn sống mãi. Không riêng tôi mà nhiều nghị sĩ Thái Lan có dịp tới Việt Nam, vào Lăng viếng Người đều cùng cảm nhận như vậy. Tôi cũng tin rằng Bác Hồ vẫn sống mãi trong tâm trí người Việt Nam”.

Trước lúc chia tay, ông Adisorn dí dỏm nhắn nhủ: “Người Việt Nam chớ quan niệm rằng Bác Hồ là vị lãnh đạo của riêng mình. Như tôi đã viết trong bài ca, Bác Hồ là lãnh tụ của những dân tộc chịu áp bức. Bác Hồ là biểu tượng, là niềm tin của những ai nghèo khổ muốn vùng lên giành lấy tự do và hạnh phúc”.

N.T

(Sách “*Bác Hồ ở Xiêm*”, Nxb Lý luận Chính trị, 4.2005)

PABLÔ PICATXÔ
Danh hoạ Tây Ban Nha

BÁC HỒ VÀ HỌA SĨ PABLÔ PICATXÔ

Tình bạn giữa Hồ Chí Minh và Picátxô kéo dài tới mấy chục năm nhưng mãi sau ngày Bác mất, nhân dân Việt Nam mới được biết đến. Đơn giản là vì Bác không nói tới. Còn người Việt Nam duy nhất được chứng kiến cuộc gặp mặt cảm động giữa Hồ Chí Minh và Picátxô sau bao nhiêu năm xa cách, vào năm 1946, thì cách đây ít lâu mới kể ra. Người đó là ông Vũ Đình Huỳnh. Trong thời gian Bác Hồ được chính phủ Pháp mời sang nước Pháp với tư cách là thượng khách, thì ông đóng vai sĩ quan cận vệ của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nói ông “đóng vai”, vì thực ra ông không phải là một sĩ quan thực thụ, ông phụ trách công việc văn phòng của Bác là chính. Chẳng qua do thủ tục ngoại giao, khi Chủ tịch của một nước đi thăm nước ngoài thì phải có sĩ quan cận vệ tháp tùng. Và Bác đã phong cho ông chức “đại tá” để đóng vai đó!

Câu chuyện gặp gỡ giữa Hồ Chí Minh và Picátxô tại Paris vào năm 1946 diễn ra như sau: (theo lời kể của cụ Vũ Đình Huỳnh, do Sơn Tùng ghi).

...Tôi cỡi bộ đồ sĩ quan, mặc comlê.

Lúc lên xe được một quãng sang địa giới quận 8, gần Khải Hoàn Môn, Bác mới nói:

- Hôm nay chúng mình đến thăm nhà danh họa Picátxô.

Tôi ngạc nhiên:

- Bác cũng quen họa sĩ Picátxô ă?

- Giả sử không quen biết từ trước thì đến thủ đô Paris này chúng ta cũng phải đến chào một con người sáng tạo hội họa khó hiểu mà nghệ thuật tranh của ông làm say lòng người.

Bác Hồ đến không báo trước, lúc người giúp việc Picátxô đón Bác vào gần cửa, ông đã nhận ra được Bác, ông chạy vội tới:

- Chào anh Nguyễn - Hai người ôm chầm lấy nhau, Picátxô lùi ra một bước, ngắm Bác:

- Anh già chóng quá. Đôi mắt anh vẫn trẻ và sáng hơn thời chúng ta gặp nhau ở Clactê.

Picátxô đưa Bác đi xem xưởng họa của ông. Bác đi và ngắm từng tấm tranh, im lặng tuyệt đối. Tôi thấy sự xúc động hiện rõ trên gương mặt trầm tư của Người. Lúc trở vào phòng trà, Picátxô hỏi Bác:

- Anh cho tôi một lời khuyên.

Bác đứng dậy nói:

- Chúng tôi đến chiêm ngưỡng nghệ thuật của anh. Mọi lời bình về Picátxô chỉ là nét viền chung quanh cái khung của bức tranh. Anh miễn cho tôi, một người am hiểu về hội họa quá ít...

Picátxô cười thoải mái, giọng vui hân lên:

- Tôi còn nhớ bức tranh anh vẽ trên báo *Le Paria*, anh ký Nguyễn Ái Quốc bằng chữ Tàu và lời chú thích bức tranh: “Xe xích sắt một ngày kia sẽ thay những con lạc đà, nhưng chúng vẫn còn khá nhiều, bằng chứng ư?”. Ngày ấy tôi nói với Hăngri Bacbuytxơ (Henri Barbusse): “Chỉ mấy nét vẽ này ta đã thấy một tư tưởng lớn, một tâm hồn lớn tàng ẩn bên trong. Nếu như anh tiếp

tục con đường hội họa thì cũng có thể là một danh họa. Như hôm nay anh Nguyễn đã là Chủ tịch Hồ Chí Minh, tác giả tập tranh đi hàng đầu trong cuộc đấu tranh cho độc lập tự do của dân tộc”.

Ông mời Bác uống nước, ông phác mấy nét chân dung Hồ Chủ tịch. Nhưng ông cắt vào cặp giấy vẽ, đến lúc tiễn Bác ra cửa, ông mới trao tay Bác. Sau đó Bác giao cho tôi. Tôi ngắm bức chân dung mà sửng sốt: “Chỉ mấy nét họa đơn sơ đã biểu hiện gương mặt Bác Hồ mệnh mông với hai con mắt là hai ngôi sao”. Tôi gìn giữ suốt thời kỳ ở Thủ đô cho đến lúc kháng chiến chống Pháp thắng lợi. Đó là một di sản về Hồ Chủ tịch, tôi có ý định khi có Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh thì trao lại... nhưng nó đã bị thất lạc - Cự buồn lạng! Cự cố nén xúc động.

Pablô Picátxô là người Tây Ban Nha, sinh năm 1881 tại Bacxêlôna. Từ những năm còn là chú thiếu niên nhỏ tuổi Pablô đã theo học tại Viện Hàn lâm Nghệ thuật Bacxêlôna, nơi cha cậu là giáo sư. Hiện nay người ta còn lưu giữ được nhiều bức chân dung vẽ theo kiểu hiện thực chủ nghĩa rất nghiêm túc, rất đẹp của Pablô trong thời kỳ này. Đầu thế kỷ XX, với mong muốn được tìm tòi, học tập những cái mới mẻ, chàng thanh niên Picátxô đã rời bỏ thành phố quê hương, sang cư trú hẳn tại Paris, thành phố của văn hoá và nghệ thuật nổi tiếng thế giới. Picátxô suốt đời lao động, tìm tòi, sáng tạo. Ông là điểm hội tụ của rất nhiều nền nghệ thuật của quá khứ, ông cũng là người khai sáng ra nhiều trường phái hội họa trong lịch sử hội họa hiện đại. Trong cuộc đời sáng tạo gần 80 năm của mình, ông đã trải qua “giai đoạn xanh” (1901-1904) mà những tác phẩm điển hình có thể kể đến bức tranh *Ông và đứa con trai* (1903), *Cuộc hẹn hò* (1902); hai năm tiếp theo là “giai đoạn hồng”, mà tác phẩm tiêu biểu là bức tranh *Cô bé đứng trên quả bóng*.

Năm 1907, Pablô Picátxô cho ra đời bức tranh *Những cô gái Avignon*, mở đầu cho giai đoạn lập thể trong cuộc đời sáng tạo của mình.

Từ năm 1920, Picátxô và những họa sĩ theo trường phái lập thể của ông gần như không diễn tả các vật thể theo cách vẽ hiện thực. Họ đã diễn tả chúng bằng những cấu trúc, những hình thức chưa hề có. Họ phá bỏ mọi kỹ thuật hội họa truyền thống; họ dùng màu sắc, đường nét, hình khối, nhiều lúc dán thêm nhiều mảnh giấy kỳ lạ lên bức tranh... Thế rồi những năm hai mươi, Picátxô lại từ bỏ chủ nghĩa lập thể để trở về với chủ nghĩa tân cổ điển và sau đó là chủ nghĩa siêu thực. Trong thời kỳ này, những hình ảnh bị biến dạng, sự cân bằng bị phá vỡ. Bức họa *Người đàn bà ngồi tắm* diễn tả một trạng thái đầy lo âu, không kiểm soát được bằng lý trí...

Picátxô không chỉ là một họa sĩ thiên tài, suốt đời tìm tòi, suốt đời sáng tạo. Ông còn là một nhà hoạt động xã hội không biết mệt mỏi. Nghệ thuật của ông không bao giờ tách rời đời sống xã hội. Chính vì vậy, ông có một công chúng ủng hộ đông đảo nhất so với bất kỳ họa sĩ nào của mọi thời đại. Khi cuộc chiến tranh tàn bạo của bọn phát xít nổ ra ở Tây Ban Nha, ông đã mạnh mẽ lên án cuộc chiến tranh đó, ông đứng ở hàng đầu trong đội ngũ những người bảo vệ nước Cộng hòa Tây Ban Nha trẻ tuổi. Ông cho ra đời loạt tranh *Những điều mơ ước và sự dối trá của Frankô*. Một kiệt tác khác của Picátxô cũng ra đời trong năm 1937: bức tranh lớn *Sự huỷ hoại Guernika*. Trong bức tranh chỉ có màu trắng, đen và xám. Hình hài con người, các con thú như bò, ngựa đều bị biến dạng, tan nát. Tất cả chỉ là sự chết chóc, sự gào thét đến ghê rợn. Ông đã tỏ rõ thái độ của mình đối với sự dã man, vô nhân tính của chủ nghĩa phát xít. Người ta kể lại rằng, khi chiếm được Paris, bọn phát xít Đức xông vào xưởng vẽ của ông. Một sĩ quan chỉ vào bức tranh vĩ đại, hỏi: “Tác phẩm của ông đây à?”. Picátxô mĩa mai trả lời: “Không, tác phẩm của các người đây chứ!”.

Từ năm 1947, biểu tượng con chim bồ câu, tượng trưng cho hòa bình đã bay tới mọi miền đất nước của thế giới bao la.

Từ năm 1940, ông đã có mặt trong hàng ngũ Kháng chiến Pháp, đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và hòa bình dân chủ trên toàn thế giới. Năm 1944, khi cuộc kháng chiến chống bọn phát xít Đức đang ở giai đoạn gay go quyết liệt nhất, ông gia nhập Đảng Cộng sản Pháp.

Pablô Picátxô có cảm tình đặc biệt đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ của nhân dân ta. Năm 1954, sau chiến thắng lẫy lừng Điện Biên Phủ, bọn thực dân Pháp đã buộc phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ, lập lại hòa bình ở Việt Nam, Pablô Picátxô đã vẽ bức tranh nổi tiếng *Mừng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa lập lại hòa bình* (1954). Ngày 23 tháng 3 năm 1968, trong bức điện gửi tới Đại hội “Ngày trí thức Pháp vì Việt Nam”, Picátxô đã viết những dòng đầy tâm huyết: “Đối với chúng ta, những họa sĩ, nghề nghiệp chúng ta là ở đây, trong chiến tranh và trong hòa bình. Hiển nhiên là tất cả nghệ thuật hiện đại đứng về Việt Nam... Hàng ngày, hàng ngày đã bao năm nay, tôi khâm phục lòng dũng cảm phi thường của các bạn Việt Nam. Đây là dân tộc của các hiệp sĩ”. (Báo *Nhân đạo*, cơ quan Trung ương của Đảng Cộng sản Pháp, số ra ngày 25-3-1968). Pablô Picátxô đã được tặng Giải thưởng Hòa bình của Hội đồng Hòa bình thế giới năm 1950 và Giải thưởng Quốc tế mang tên Lênin năm 1962.

Picátxô mất năm 1971. Ông để lại cho nhân loại một tài sản khổng lồ gồm 15.000 bức tranh đủ các cỡ, 10.000 bản khắc in, bản đồng, bản đá, bản cao su... 34.000 bức minh họa, mấy trăm pho tượng, một số nhiều không đếm nổi những bức phác thảo hình họa đồ gốm...

Sinh thời, Bác Hồ rất quý trọng Picátxô. Năm 1961, nhân dịp Picátxô tròn 80 tuổi, Bác đã viết một bức thư bằng tiếng Pháp, gửi cho Picátxô để chúc mừng nhà danh họa nhân ngày vui trọng đại này. Nguyên văn bức thư như sau:

Gửi họa sĩ Picátxô

Hà Nội, tháng 8 năm 1961.

Đồng chí Picátxô thuộc vào những con người luôn luôn trẻ, bởi vì những người ấy sôi nổi trong tâm hồn một tình yêu say mê đối với cái Thiện, cái Mỹ, với hòa bình và Nhân loại. Tình yêu ấy đã dẫn dắt Picátxô đến với chủ nghĩa Cộng sản, và vì thế họa sĩ giữ mãi được tuổi xuân.

Con chim bồ câu hòa bình do Picátxô vẽ rất quen thuộc đối với nhân dân Việt Nam và nhân dân khắp thế giới, đã biểu hiện một cách rạch ròi lòng tin mãnh liệt của nhà nghệ sĩ lớn ấy vào sự vươn tới hòa bình không gì có thể ngăn cản nổi của nhân dân các dân tộc.

Tôi chúc đồng chí Picátxô luôn luôn mạnh khỏe và sống lâu để sáng tác nghệ thuật phục vụ chính nghĩa.

Hồ Chí Minh⁽¹⁾

Trước khi kết thúc bài viết, nếu cho chúng tôi một điều ước, thì điều ước đó sẽ là: Đến một ngày nào đó, bằng một sự may mắn kỳ diệu, chúng ta sẽ tìm lại được bức chân dung mà Picátxô, họa sĩ vĩ đại nhất của thế kỷ XX, vẽ Hồ Chí Minh, anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn của Việt Nam, một trong những nhà chính trị lỗi lạc nhất của thế kỷ XX.

⁽¹⁾ Tư liệu lấy từ Tạp chí Phê bình mới, Pháp tháng 11 năm 1961. Bản dịch của Báo Nhân dân và Văn nghệ.

LÊÔ PONDES

Chủ nhiệm Câu lạc bộ FAUBOURG Pháp

Câu lạc bộ diễn vở Con rồng tre 18/6/1992

QUANH SỰ TÍCH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

(Trích)

...Tôi đã đọc tập bản thảo vở kịch *Con rồng tre*. Thật là hay, thật là đẹp, lời vừa chải chuốt gọn gàng, với những cái châm biếm dí dỏm của Arixôphan, bản kịch này có đủ ưu điểm để đưa lên sân khấu. *Con rồng tre* đầu đề kịch bản, chỉ một nhà vua Á Đông, đốn hèn, bắt lực và ngu dốt, mà tác giả không hà tiện lời chế giễu một cách chua cay hóm hỉnh, suốt trong ba hồi. Khi ấy bản thân ông Nguyễn Ái Quốc không ngờ rằng bản kịch của mình đã bao lần bị chủ ban kịch từ chối không dám diễn mà lại được nhóm Phôbua chúng tôi nhiệt liệt hoan nghênh, và nhất là ông không ngờ rằng 25 năm sau, người thợ ảnh ở ngõ hẻm Côngpoăng, tác giả *Con rồng tre*, lại trở thành một vị Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với cái tên mới: Hồ Chí Minh, đã cùng với tướng Lơ Clec, với thượng sư đô đốc Đacgiăngliơ, đi duyệt một đạo binh Pháp và được ngay chính vị Tổng thống nước Pháp chính thức tiếp tại Pari...

Tuần báo Pari, số 53, ngày 11 và 12.6.1946

Nghiên cứu học tập thơ văn Hồ Chí Minh.

Hà Nội, 1979, trang 518

HELMUT PREISLER

Đức

TRONG BẢO TÀNG MỸ THUẬT HÀ NỘI

Một bức tranh
lôi cuốn tôi
Bác Hồ Chí Minh với ba cháu nhỏ
màu thâm đỏ
trên lụa trắng
Người ta kể rằng
trên cao nguyên năm 47
họa sĩ không có màu để vẽ.

Trên núi rừng Việt Bắc
Và Đồng Tháp bung biển
Có đôi người Đức
Cùng sống trong các ngôi nhà ngụy trang
Với các chiến sĩ -
Trong đó có người họa sĩ
Thiếu vải và màu
đã lấy máu mình
vẽ lên vải dù của Pháp
những con người mà anh rất yêu.

TRẦN ĐƯƠNG dịch

AMRITA PRITAM

Ấn Độ

HỒ CHÍ MINH

Đức vua ta nghe nói đó là ai?

Thánh nhân đó là ai?

Ai đã gỡ chiếc gai

dưới chân

Chân Người Đẹp yên trong giấc mộng

tên là Cuộc Sống!

Ai đã giơ cánh tay cứu đỡ những nạn nhân

Những nạn nhân của bánh xe đau khổ

nghiền nát tâm thân!

Một chiếc đèn đất nhỏ soi chân

Qua những con đường khó khăn đêm tối!

Con gió thoảng qua chùng như muốn hỏi
Muốn hỏi từ Việt Nam

dải đất nên thơ!

Đó là ai, Người đã lau khô

những dòng nước mắt?

Dòng nước mắt ở trên nét mặt

lịch sử Việt Nam!

Trái đất đã mơ

giấc mơ đầy hứa hẹn

Một giấc mơ

báo buổi đêm tàn!

Rằng có người đã gieo mầm sống

Mầm mặt trời lên trên cánh đồng bầu trời.

Hiện hiện đây rồi những bước hoa tươi

Những bước chân hoa,

trên cành cây thu tàn sáng đỏ

Người yêu thương nhân loại là ai đó?

Bậc hiền nhân đó là ai?

TÔ HỮU dịch

Hồ Chí Minh – Hợp tuyển thơ - Nxb. Hội Nhà văn, 2005

QUÁCH MẠT NHƯỢC
Trung Quốc

BÀI THƠ "TRANG NGHIÊM"(*)

Trang nghiêm Phủ Chủ tịch
Um tùm vườn cây chen
Đường rộng rải đá sỏi
Cong lượn giữa rừng quen
Bác Hồ nhẹ bước tới
Tóc, râu đã trắng ngần
Dép da, áo cánh cộc
Mặt hồng hào vẻ xuân
Đón tôi ôm tôi chặt
Nói sao xiết tình thân!
Bác mời tôi xem cá
Ao nước gợn lăn tăn
Chiều tà trời bảng lảng

(*) Nguyên tác: *Mục mục thiên mục mục*: hòa mục, vừa là êm đềm thăm thắm, vừa là tôn kính trang nghiêm. Tạm dịch là trang nghiêm.

Chính lúc cá chờ ăn
Cá nghe tiếng chân Người
Bờ ao xúm cả đàn
Bác vút nắm mồi xuống
Chúng nhảy đớp hân hoan
Bác mời vào nơi ở
Nơi ở như cảnh chiến
Tự tay Bác vẽ kiêu
Vẽ am xưa còn in
Am xưa bằng tre nứa
Thời cách mạng nương thân
Giờ tuy thay bằng gỗ
Vẫn mộc mạc bình dân
Dưới có phòng không vách
Bốn mặt đều buông rèm
Một bàn dài kê giữa
Khách chủ ngồi hàn huyên

Bạn Mác - Lê chân thực
Tình như tay với chân
Thân quá không vắn vẽ
Mà rực sáng vô ngần
Bác mời tôi lên gác
Cởi giày để ngoài hiên
Buồng ngủ nhỏ mà sạch
Phòng văn nhả, rộng hơn
Vào phòng ngồi xếp gối
Ngồi ngay xuống dưới sàn
Trơn tru không chạm trở
Bốn mặt có lan can
Gió mát vui bay đến
Chim kêu như sáo đàn
Bác cho hai hòn đá
Hòn trắng và hòn đen:
Trắng tròn như quả trứng
Đen, bằng tay trẻ em
Tôi vốn người thích đá
Vì đá tính cương kiên

Dầu mài tròn đi nữa
Vuông cạnh vẫn gan bền
Xuống lầu thăm nhà chính
Bước chậm, vai kẻ bên
Bác đưa cái quạt giấy
Tôi nhớ hai năm trên
Khi Bác đến Bắc Kinh
Xem kịch Võ Tắc Thiên
Lập Quân^(*) cầm quạt ấy
Bác mượn, tặng Bác liền
Trên đề Tầm viên xuân
Vịnh tuyết một danh thiên
Học vẽ rồng còn vụng
Chữ tay tôi thảo nên

Kiểu Tây ngôi nhà chính
Xa trông khá oai nghiêm
Xưa thực dân cung điện
Nay cách mạng nắm quyền
Bác chỉ nhà ấy nói
Về Bác rất hồn nhiên

^(*) Vợ của đồng chí Quách Mạt Nhược.

Nơi đây từng khép tội
Tội chặt đầu bêu lên
Cái đầu này ai nghĩ
Đến nay vẫn còn nguyên
Lên thêm năm tay dắt
Vào nhà vui liên hoan
Rượu ngon trong chén ngọc
Ba chén một hơi tràn
Rằng gặp người tri kỷ
Ngàn chén chẳng từ nan
Giữa nhà vui múa hát
Hát múa đến đêm tàn
Tiếng hát đầy trời đất
Bóng múa nhập cung trăng
Hò Chủ tịch cách mạng
Muôn năm, muôn muôn năm!
Hò Chủ tịch đồng chí
Muôn năm, muôn muôn năm!

Viết tại Việt Nam 17-7-1964

KHƯƠNG HỮU DỤNG dịch

Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

QUÁCH MẠT NHƯỢC
Nhà thơ Trung Quốc

“NAY Ở TRONG THƠ NÊN CÓ THÉP”

Cảm tưởng sau khi đọc tập thơ Nhật ký trong tù

Năm nay là năm thứ 15 thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đồng thời cũng là năm Chủ tịch Hồ Chí Minh thọ 70 tuổi. Để chào mừng trong dịp này, nhà xuất bản Nhân dân văn học cho xuất bản tập thơ *Nhật ký trong tù*. Lấy thơ của lão đồng chí cách mạng để chúc mừng cách mạng Việt Nam và chúc thọ chính lão đồng chí, thật không còn món quà nào có ý nghĩa hơn. Tinh thần của lão đồng chí cách mạng luôn luôn tươi trẻ, truyền bá thơ ca chữ Hán của lão đồng chí cách mạng cho các thế hệ ở nước ta, điều đó cũng sẽ đảm bảo cho tình hữu nghị cách mạng bền vững của nhân dân hai nước Trung - Việt mãi mãi thắm tươi.

Tập thơ *Nhật ký trong tù* có tất cả hơn một trăm bài thơ⁽¹⁾. Theo lời nhà xuất bản, “đây là những bài thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh viết trong khoảng thời gian từ năm 1942 đến năm 1943, khi Người bị bọn phản động Quốc dân đảng bắt giam ở các nhà tù Quảng Tây. Trong đó chỉ có mỗi bài cuối cùng là làm sau khi mới ra tù mà thôi”. Bài cuối cùng nói đây, tức là bài *Mới ra tù, tập leo núi*, lời thơ như sau:

*Núi áp ôm mây, mây áp núi,
Lòng sông gương sáng, bụi không mờ.*

*Bồi hồi dạo bước Tây Phong Lĩnh,
Trông lại trời Nam, nhớ bạn xưa⁽²⁾.*

Năm trước, trên đường đi dự Đại hội hòa bình thế giới họp ở châu Âu cùng với các đồng chí Việt Nam, tôi đã được chép bài đó. Nhưng lúc bấy giờ ấn tượng không sâu, cho rằng đây cũng chỉ là một bài thơ thông thường tả một cuộc leo núi nhớ đến bạn cũ. Nay mới biết đó là bài thơ làm khi mới ra tù, nên bài thơ còn đậm một ý nghĩa khác. Đây không phải là một cuộc “leo núi” chung chung, cũng không phải là một niềm “nhớ bạn” chung chung, mà là hoài cảm của người đã được tự do, sắp trở về Việt Nam tham gia cách mạng, tham gia cuộc chiến tranh giải phóng chống chủ nghĩa thực dân giành độc lập dân tộc. Có lẽ Hồ Chủ tịch thích dùng hình tượng “dãy núi trập trùng” để so sánh với sự tiến triển của cách mạng. Sự tiến triển của cách mạng là gian khổ, là sóng gió dồn dập, cũng giống như leo núi, trèo được lên đỉnh này lại có đỉnh khác cao hơn, phải đổ mồ hôi, phải thở hên hên, trong lúc leo trèo còn có thể bị trượt ngã, nhưng một khi đã lên tới đỉnh cao nhất, trước mắt sẽ mở ra một vùng trời đất rộng lớn mênh mông. Bài *Đi đường* trong tập thơ đã viết với ý đó:

*Đi đường mới biết gian lao.
Núi cao rồi lại núi cao trập trùng
Núi cao lên đến tận cùng,
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.*

Đem bài *Đi đường* gắn liền với bài *Mới ra tù, tập leo núi* thì có thể thấy rất rõ: Hồ Chủ tịch tuy đang leo trên ngọn Tây Phong Lĩnh ở Quảng Tây, nhưng tinh thần của Người lại ở “Tây Phong Lĩnh” của cách mạng Việt Nam. Hồ Chủ tịch thường viết về cảnh ngộ của mình, như trong bài mở đầu tập thơ, chẳng phải Người đã nói rất rõ điều ấy đó sao? - “*Thân thể ở trong lao, tinh thần ở ngoài lao. Muốn nên sự nghiệp lớn, tinh thần càng phải cao*”.

Tôi đã đọc đi đọc lại mấy lần bài thơ này, nó không đơn thuần là thơ, mà là một bộ sử bằng thơ, là một bức tự hoạ hay một cuốn tự truyện dưới hình thức thơ của một nhà cách mạng. Một trăm bài thơ, hầu hết bài nào cũng đều toát ra hết sức sinh động hình ảnh một nhà cách mạng lão thành, thanh thoát, tài trí, ung dung, giản dị, kiên cường, ấy là đồng chí Hồ Chí Minh. Thật là người làm sao thì thơ làm vậy.

Bạn xem, tinh thần lạc quan cách mạng của Người trong sáng biết chừng nào! Người sống trong ngục tù đen tối như vậy, lại phải đi quanh co hết nơi này đến nơi khác, tay chân bị trói buộc, đi lại trên đường núi lầy lội, trong một năm mà “bị giải qua 13 huyện Quảng Tây, ở 18 nhà lao”, ăn thì ăn cháo, ngủ thì ngủ cầu tiêu, nhưng tinh thần của Người lại kiên định biết bao! Trong nhà lao, trên đường áp giải, những điều mắt thấy, tai nghe, nhất nhất đều thành tài liệu làm thơ của Người.

Có khi Người rất dí dỏm, Người coi những dây trói trên thân mình là những dây tua cấp hiệu của võ quan nước ngoài. Người coi việc bị áp giải trên đường đi là một cuộc dạo chơi ngắm cảnh non nước một cách hào hoa. Khi bị giam ở nhà lao Tĩnh Tây, nghe tiếng hát, tiếng nhạc bên ngoài, Người bèn coi nhà lao là viện Hàn lâm mỹ thuật nhỏ. Những ý thơ dí dỏm như vậy chứa đầy trong cả 100 bài.

Tuy bị giam trong ngục, nhưng có khi Người có thể ngủ rất ngon, “*Một giấc miên man suốt mấy giờ*”. Do đó, Người nói Người là khách tiên trong ngục, Người hỏi: “*Tự do tiên khách trên trời, Biết chẳng trong ngục có người khách tiên?*”. Chúng ta đều biết rằng “trên trời tự do” chẳng có “khách tiên” nào cả, mà trong ngục mới thực sự có khách thần tiên. Đó tức là những nhà cách mạng chân chính. Họ là những người coi thường việc an nguy, việc sống chết của cá nhân, để cho tinh thần của mình bay lượn nơi khoảng trời cách mạng rộng lớn hơn. Họ hòa cùng nhịp

thờ với nhân dân, tim cùng nhịp đập với nhân dân, tin chắc rằng sự nghiệp cách mạng của nhân dân nhất định sẽ thắng lợi, vì vậy họ có thể rất lạc quan, đồng thời có lúc cũng rất dè dặt. Hồ Chủ tịch chính là một nhà cách mạng lỗi lạc như thế. Tinh thần lạc quan của Người khiến Người đã xem những tai ương trước mắt chỉ là sự rèn luyện bản thân: *“Nghĩ mình trong bước gian truân, Tai ương rèn luyện tinh thần thêm hăng”*.

Chúng ta vô cùng tự hào với nhân dân Việt Nam anh em đã có một vị lãnh tụ lỗi lạc như vậy. Vai trò của lãnh tụ đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân là điều cần khẳng định. Có một vị lãnh tụ tài giỏi, khéo kết hợp chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin với thực tiễn cách mạng tùy từng lúc từng nơi, khéo tập trung được ý chí của nhân dân làm thành sức mạnh vật chất không gì chống lại được, điều đó có quan hệ rất lớn tới sự thành bại và cả sự thành công sớm hay muộn của sự nghiệp cách mạng. Hồ Chủ tịch tựa hồ đã nhận rõ điều đó, tôi xin dẫn đoạn thứ ba của bài thơ *Học đánh cờ* trong tập thơ để chứng minh:

*Vốn trước hai bên ngang thế lực,
Mà sau thắng lợi một bên giành;
Tấn công phòng thủ không sơ hở,
Đại tướng anh hùng mới xứng danh.*

Đây chẳng phải là lấy việc đánh cờ để ví với mối quan hệ giữa sự nghiệp cách mạng và nhân vật lãnh tụ đó sao? Tôi muốn nói Chủ tịch Hồ Chí Minh là “Đại tướng anh hùng” của cách mạng Việt Nam, và tôi tin rằng các đồng chí Việt Nam cũng đồng ý như vậy. Cần phải phân biệt giữa yêu mến lãnh tụ với sùng bái cá nhân. Sùng bái cá nhân là kính yêu một cách sai lầm, hoặc là một lối “yêu mến” giả tạo, không thích đáng. Một lãnh tụ lỗi lạc nếu được nhân dân yêu mến, là do tình cảm tự nhiên của nhân dân, đó là một thứ tình cảm không thể thiếu được trong sự nghiệp cách mạng và sự nghiệp kiến thiết Tổ quốc. Chẳng hạn,

nhân dân Trung Quốc chúng ta rất sung sướng có một vị lãnh tụ lỗi lạc như đồng chí Mao Trạch Đông và đồng thời cũng rất lấy làm tự hào với nhân dân Việt Nam có vị lãnh tụ lỗi lạc là đồng chí Hồ Chí Minh.

Đúng vậy, tập thơ *Nhật ký trong tù* là một bộ sử bằng thơ, mà còn ghi lại một phần bộ mặt xã hội Trung Quốc cũ khoảng 1942-1943. Từ năm 1949 sau khi Trung Quốc giải phóng, bộ mặt cũ xấu xa ấy đã vĩnh viễn không còn nữa. Chúng ta cần phải cảm ơn Hồ Chủ tịch đã giữ lại cho chúng ta nhiều di tích lịch sử trong thơ của Người.

Các em thiếu nhi ngày nay, có em nào thấy được cái cùm “*dữ tựa hung thân miệng chực nhai*”? Thời đại cũ dùng cái đó để cùm chân phải của người tù trước khi ngủ, vì sợ họ bỏ trốn. Cho nên, “*mọi người bị nuốt chân bên phải, co duỗi còn chân bên trái thôi!*”.

Các em thiếu nhi ngày nay, có em nào lại tin rằng trong nhà tù được đánh bạc công khai? Nhưng Bác Hồ sẽ nói với các em rằng: thời trước đó là việc rất bình thường. Người đã nói lên cái mâu thuẫn đó một cách dí dỏm: “*Đánh bạc ở ngoài quan bắt tội, Trong tù đánh bạc được công khai. Bị tù con bạc ăn năn mãi: Sao trước không vô quách chốn này!?*” Đây là bài thơ có nhiều tính chất châm biếm dí dỏm với đầu đề là *Cờ bạc*. Ngoài ra còn có các bài *Tù cờ bạc*, *Một người tù cờ bạc vừa chết*,... đều nói lên việc đánh bạc công khai trong nhà tù ở xã hội cũ.

Các em thiếu nhi ngày nay, có em nào tin rằng người bị giam trong tù lại giống như ở trong “Quán trọ” phải trả tiền chỗ ngủ, không thì “phải nằm cạnh cầu tiêu”, lại còn trả “tiền đèn”, mỗi người sáu đồng, nếu không sẽ không được thấy ánh đèn trong nhà tù u ám tối tăm.

Tập thơ miêu tả khá nhiều về cái cảnh kỳ quái của nhà tù thời trước. Có nơi phải nộp “tiền vào nhà giam”, mới đến ít nhất

phải nộp 50 đồng, nếu không thì ắt gặp nhiều chuyện lôi thôi. Tóm lại, việc gì cũng phải có tiền: *“Thối một nồi cơm trả sáu hào, Nước sôi mỗi chậu, một đồng trao; Một đồng, của đảng sáu hào chỉ, Giá cả trong tù định rõ sao!”* (Tiền công).

Việc ăn uống trong nhà giam, người tù phải tự lo liệu lấy. *“Hoà lò ai cũng có riêng rồi. Nhỏ nhỏ to to mấy chiếc nồi: cơm, nước, rau, canh đun với nấu, Suốt ngày khói lửa mãi không thôi”* (Sinh hoạt trong tù). Cho nên, *“Nhà lao mà giống gia đình, Muối, dầu, gạo, củi tự mình phải lo. Phòng riêng mỗi cửa một lò, Cơm, canh, mọi thứ nấu kho suốt ngày: (Nhà lao Quả Đức).*

Bộ mặt sinh hoạt trong tù được miêu tả rất chân thực. Với các em thiếu nhi ngày nay, các em sẽ có cảm tưởng như mình đang đọc *Một nghìn một đêm lẻ*⁽³⁾. Nhưng đây chỉ là Quảng Tây trước ngày giải phóng, không riêng gì Quảng Tây như vậy, mà toàn Trung Quốc (trừ khu giải phóng ra) cũng đều như vậy. Thực ra, ở nhiều nơi tình hình đen tối ấy còn khủng khiếp hơn nhiều so với những điều miêu tả trong tập thơ. Qua tập thơ, ta thấy trong một năm trời bị áp giải đi hết chỗ này đến chỗ nọ, hình như Hồ Chủ tịch chưa bị đánh đập tra tấn lần nào, có lẽ đó cũng có thể coi là một sự ưu đãi đặc biệt đối với Người chăng.

Trong những ngày bị giam cầm trong tù ngục gian khổ, Hồ Chủ tịch tuy tỏ ra rất lạc quan cách mạng, nhưng thực ra Người sống rất khổ sở. Trong ngục, Người đã từng bị ốm, trong tập thơ có bài *Ôm nặng* như sau:

*Ngoại cảm trời Hoa cơn nóng lạnh,
Nội thương đất Việt cảnh lầm than;
Trong tù mắc bệnh càng đau khổ,
Đáng khóc mà ta cứ hát tràn.*

Đó là sự phần uất đến mức chua xót. Đã phần uất thì phải chua xót! Một nhà cách mạng như Hồ Chủ tịch sang Trung Quốc lại bị ngồi tù; mà cuộc sống tù ngục lại vô nhân đạo đến thế! Và

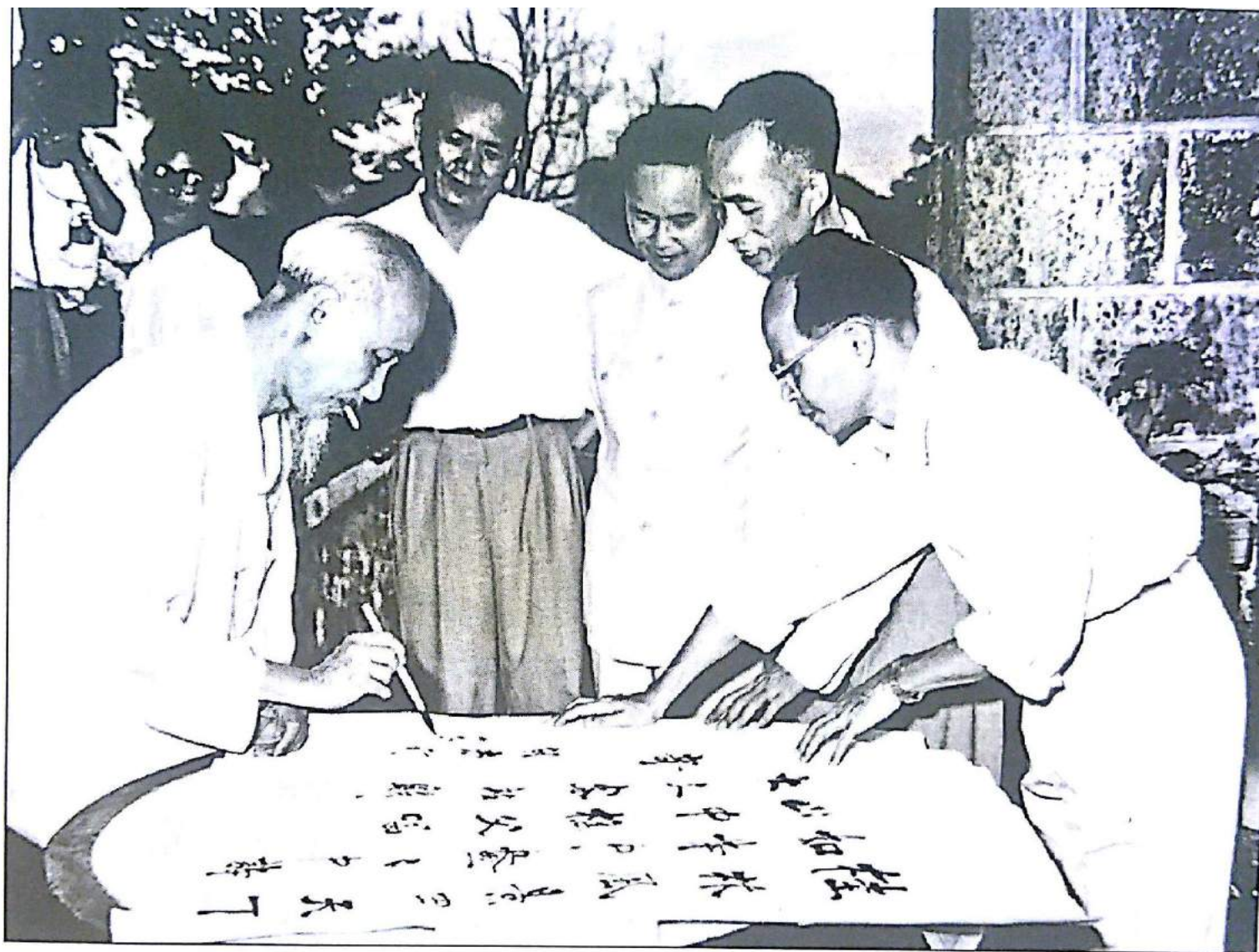
lại, không phải chỉ một mình Hồ Chủ tịch gặp tai nạn đó, mà rất nhiều đồng chí cách mạng Trung Quốc và nhân dân Trung Quốc lúc bấy giờ cũng đều gặp tai nạn đó. Thế thì tại sao lại không phần uất, mà đã phần uất thì sao lại không chua xót?

Vì thế, mặc dù là người lạc quan cách mạng, trong thơ của Người, Hồ Chủ tịch cũng có lúc đã khóc. Tôi xin dẫn bốn câu thơ sau cùng của bài *Đêm thu*:

*Nghìn dặm băng khuâng hồn nước cũ,
Muôn tơ vương vấn mộng sầu nay.
Ở tù năm trọn thân vô tội,
Hòa lệ thành thơ tả nỗi này.*

Đây là “nước mắt” của người anh hùng, “nước mắt” của người chiến sĩ. “Nước mắt” này không nhỏ vì mình, mà là nhỏ vì hàng nghìn hàng vạn con người bị đau khổ. Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc và cách mạng Việt Nam đều đến hết sức nhanh chóng có lẽ lúc bấy giờ Hồ Chủ tịch cũng chưa nghĩ tới như vậy. Ngày Hồ Chủ tịch ra tù, cách ngày thắng lợi của cách mạng Trung Quốc có sáu năm, cách ngày thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa có hai năm. Cách ngày thắng lợi Điện Biên Phủ và ngày ký kết hiệp nghị Giơnevơ về vấn đề Đông Dương cũng chỉ có mười năm. Đó là do trải qua cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài biến đổi về lượng đã đến lúc nhanh chóng biến đổi về chất. Chúng ta rất vui mừng vì nước Trung Quốc cũ và bọn sai lang của Trung Quốc cũ nói trong tập thơ đã mất đi và không bao giờ trở lại nữa. “Nước mắt” của Hồ Chủ tịch ngày nay đã trở thành nước mắt mừng vui.

Uống nước phải nhớ nguồn. Có được ngày hôm nay, chúng ta không thể quên ngày hôm qua. Chúng ta cảm tạ bộ sử bằng thơ của Hồ Chủ tịch đã ghi lại cho chúng ta một nét về bộ mặt của thời đại cũ, ấy là những điều mà chúng ta lại càng thấy rõ thời đại hiện nay tươi sáng biết bao! Các em thiếu nhi của Trung



Ngày 6-5-1961 Chủ tịch Hồ Chí Minh tổ chức sinh nhật lần thứ 71 tại Quê Lâm (Quảng Tây - Trung Quốc). Nhân dịp này Người đã dùng chữ Hán để viết một bài thơ ca ngợi cảnh đẹp Quê Lâm

- Ảnh: TTXVN

Quốc mới sinh trường trong thời đại Mao Trạch Đông sung sướng biết chừng nào! Các em thiếu nhi của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa sinh trường trong thời đại Hồ Chí Minh cũng sung sướng biết chừng nào!

*Phương đông màu trắng chuyển sang hồng,
Bóng tối đêm tàn, quét sạch không.
Hơi ẩm bao la trùm vũ trụ,
Người đi thi hứng bỗng thêm nồng.*

Đó là đoạn thứ hai trong bài thơ *Giải đi sớm*. “Giải đi sớm” đây tức là từ sáng tinh mơ đã bị áp giải đi, nhưng đọc nó chúng ta thấy hình như là ca ngợi thời đại hiện nay. Đó chính là tác giả đã có ý dựa vào những dự kiến khoa học để tỏ rõ tinh thần lạc quan cách mạng của mình.

Về thơ mà xét, tức là xét theo quan điểm giá trị nghệ thuật, thì trong tập thơ có rất nhiều bài thơ hay.

Hình thức thơ tương đối đơn thuần. Trong 100 bài thơ có 94 bài là thất ngôn bát cú, một bài thất ngôn Đường luật, một bài ngũ ngôn, bốn bài tạp thể. Nội dung là thổ lộ trực tiếp nỗi niềm tâm sự hoặc phản ánh những điều thất trước mắt, hầu hết đều không màu mè tô vẽ, mà rõ ràng như lời nói. Có một số bài rất hay, nếu như đặt lẫn vào trong tập thơ của những thi nhân thời Đường đời Tống, thì cũng khó mà phân biệt được. Tôi xin trích một vài bài sau đây để ví dụ:

*Đêm thu không đệm cũng không chăn,
Gối quắp, lưng còng, ngủ chẳng an;
Khóm chuối trăng soi càng thấy lạnh,
Nhòm song, Bắc đẩu đã nằm ngang.*

(Đêm lạnh)

*Gió sắc tựa gươm mài đá núi,
Rét như dùi nhọn chích cành cây;*

*Chùa xa chuông giục người nhanh bước,
Trẻ dắt trâu về, tiếng sáo bay.*

(Hoàng hôn)

Nhưng Hồ Chủ tịch không tự cho mình là nhà thơ, trong bài thơ *Mở đầu*, Người đã nói rất rõ: “*Ngâm thơ ta vốn không ham, Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây?*”.

Nếu như cần phải làm thơ, thì thơ ngày nay cần phải như thế nào? Hồ Chủ tịch có chủ trương rất rõ rệt. Bài *Cảm tưởng đọc thiên gia thi*, tôi thấy Người nói rất rõ:

*Thơ xưa yêu cảnh thiên nhiên đẹp;
Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông.
Nay ở trong thơ nên có thép;
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.*

Toàn bộ một trăm bài thơ, hơn 2.700 chữ, chỉ có mỗi một chữ “thép” này. Nhưng nếu chúng ta đọc kỹ thì hầu như bài nào cũng có thép, câu nào cũng có thép. Vì sao vậy? Bởi vì Người làm thơ có tinh thần thép rất rắn chắc, có tinh thần xung phong hăm trận. Đó phải là tinh thần thơ ca của giai cấp vô sản hiện nay, tức là tinh thần cách mạng kết hợp học thuyết cách mạng phát triển theo từng giai đoạn.

Nói như vậy, bọn xét lại hiện đại nhất định sẽ bảo: Đó là luận điệu “hiếu chiến”! Chúng ta yêu tự do, yêu hòa bình, chính vì vậy mà chúng ta chống xâm lược và áp bức của chủ nghĩa đế quốc một cách anh dũng nhất, chúng ta ủng hộ nhiệt tình nhất mọi cuộc đấu tranh của nhân dân bị áp bức. Lẽ nào như thế lại là “hiếu chiến” chăng? Khăng khăng nói rằng đế quốc “yêu hòa bình”, vu cáo những hành động hoặc chủ trương chống xâm lược là “hiếu chiến”, điều đó chứng tỏ bọn xét lại hiện đại đang nói giáo cho giặc, rất mực trung thành với chủ nghĩa đế quốc.

Mặc dù bọn đế quốc và bọn xét lại hiện đại nói xấu thế nào, cố làm lẫn lộn phải trái, thậm trí đổi trắng thành đen như

thế nào, chúng ta vẫn cần học tập Hồ Chủ tịch, học tập tinh thần thép và ca ngợi tinh thần thép, đó chính là tinh thần không khuất phục, không thoả hiệp đối với chủ nghĩa đế quốc, với giai cấp thù địch.

Với chủ nghĩa đế quốc, với kẻ thù giai cấp, chúng ta quyết không ôm ấp bất kỳ một ảo tưởng không thực tế nào. Chúng ta cần phải thực sự cầu thị, cần cù nhẫn nại, vững chân chắc bước, vui đầu làm việc, để trở thành những người có tinh thần thép rắn chắc. Chúng ta nguyện cùng các đồng chí Việt Nam và những người cùng chí hướng trên toàn thế giới, tay siết chặt tay, vai kề sát vai, dùng văn nghệ thép, thơ ca thép để đả mạnh vào chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa xét lại hiện đại, góp phần đấu tranh xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ hòa bình thế giới một cách thiết thực.

Chúng ta hãy hô to: tinh thần thép muôn năm! Văn nghệ thép và thơ ca thép muôn năm!

Viết ngày 19-08-1960

CHƯƠNG THÁU dịch

Theo nguyên văn đăng trong báo

Văn nghệ Trung Quốc

Số 15-16 năm 1960)

(1) Tập thơ *Nhật ký trong tù* in ở Trung Quốc với đầu đề *Ngục trung nhật ký thi sao* chỉ in đúng 100 bài trong số 114 bài của toàn tập (N.D)

(2) Những đoạn thơ trích dẫn trong bài này đều theo bản dịch của Viện Văn học, do Nxb Văn hoá xuất bản.

(3) Tên một tập truyện cổ tích Ả-rập nổi tiếng (N.D) .

HANAM RAMAN

Indônêxia

PAMAN HỒ

Một con người dáng hình nhỏ bé
Tình yêu thương rộng lớn mệnh mông
Đôi mắt nhìn xuyên qua trời bể
Mà tấm lòng khiêm tốn vô song.

Người đâu phải chỉ yêu đất mẹ
Nước Việt Nam xinh đẹp kiên cường!
Người sống vì Á - Phi non trẻ
Lửa tình yêu nổi những đại dương.

Tôi ngập trong sóng biển ân tình
Nước Việt Nam chân thành đoàn kết
Nhưng nếu loài thù ghét hòa bình
Tới đây, chúng trở thành xác chết.

Bác Hồ vĩ đại của Việt Nam!
Đứng bên Người, tôi thêm sức mạnh
Bao khó khăn, chẳng chút khó khăn
Và mặt trời xóa nhanh đêm lạnh...

Ôi hôm nay
Ngày tôi đến nơi đây
Sao mà đất này yêu quý...

LÝ ĐĂNG CAO dịch

Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

MÔNINĐRA RAY

Ấn Độ

VIỆT NAM

Lịch sử đứng về phía con người
Cuộc sống bao la rộng mở đất trời
Quyết định sự suy vong và tồn tại
Bởi thời gian đang tìm về nhân ái
Như gió mùa thay đổi hướng đi
Như dòng sông từ núi đổ về

Có ngọn núi nào chịu được dòng nước xoáy?
Những tảng đá vụn ra giữa đường nước chảy
Vì sông nào cũng về biển cả
Điều tất nhiên có sẵn tự bao giờ

Lịch sử chuyển vần
Người Trung cổ có hay chăng
Và thời gian có rõ
Sự áp bức đè hèn đã lên tới đỉnh cao
Mỗi một kỷ nguyên kết thúc khi nào?
Có ai hiểu hơn cuộc sống

Cuộc sống vươn cao bay bổng
Lung lay địa ngục trần gian
Những hiệp ước, hiến pháp
Những con voi khổng lồ cở đại

Đã lạc lõng vị giông tổ của thời gian
Lịch sử đi lên
Vết tích hằn in trong những tầng thạch nhũ
Giấc Mơ điên cuồng đang diễn trò chơi cũ
Trên sân khấu thời gian đã thay sắc đổi màu
Chúng tưởng rằng dưới chân chúng
thời gian phải cúi đầu
Nhưng không, nó vẫn bùng dữ dội
Thành nghìn tấm gương soi

Nhân loại cảm thấy trong tim mình
Máu nóng trào sôi
Như những đợt sóng thần
Trên các đại dương
Bọn cường quyền
Hoảng hốt run lên, gốc rễ bay nghiêng ngã
Những rác rưởi xưa, những phường cận bã
Quét sạch đi bởi dòng thác lương tâm

Thế giới xa gần
Hãy nhìn đây, những con người bất tử
Đang cầm lên tấm bản đồ những mũi kim xanh đỏ
Khi tháng ngày vẫn bình thản trôi qua...

Đâu Việt Nam?
Đâu những người nông dân nghèo khổ
Những cu ly gánh nặng nợ nần
Trên những đồn điền cao su, cà phê
Không manh áo che thân
Sức mạnh nào đã đưa họ vươn lên?
Những người từ bùn đen
Những người đắm say trong nghiện ngập
Những người cả một đời ngu dốt
Từ năm tháng tối tăm, máu trào và nước mắt
Họ đã vùng lên như trong một giấc mơ
Cả năm châu chứng kiến từng giờ
Hồ Chí Minh
Người đã hồi sinh cuộc sống
Lên ngang tầm thời đại Việt Nam
Người là vàng dương
Đôi mắt Người trời cao lộng sáng

Người là tình yêu vô tận
Đôi chân Người đã đặt tới muôn phương
Trái tim Người thúc giục
Già, trẻ, gái, trai phá tan tù ngục
Cùng nhau chung sức đổi đời
Người là vùng dương
Đang đem lại bình minh cho nhân loại
Người là cha
Là sức sống trong máu đào nóng hổi
Tổ quốc sống còn
Người mài sắc binh đao

Người khát khao cuộc sống, thiết tha xây dựng
Trong giây phút sướng vui,
 Người mong ước hòa bình
Người luận đàm, ký kết, để chấm dứt chiến tranh
Để cứu từng giọt máu
Để trẻ thơ có bát cơm, manh áo
Người là ước mơ
Nhưng, tiếng giày đinh đã rít lên trong lòng ngực
Bọn thực dân đã từng xé tan hiệp ước
Và thay vào súng đạn, đô la
Từ phương xa, tàu chiến, máy bay ngày đêm kéo tới
Cướp biển, cướp trời, tội ác bày ra

Chúng đến đây, tất cả sẵn sàng
Vì Độc lập, Tự do!
Dân tộc Việt Nam đứng lên cầm vũ khí
Người đã cứu cho từng giọt máu
Ngay cả khi thân chết đến gần
Giữa đại dương giông tố mịt mù

Người lần bước, tìm bãi bờ xán lạn
Người đem đến cho loài người bình minh rực rỡ
Người là thiên tài, cho cuộc sống bay cao
Tâm trí Người không một chút động giao
Ngay cả lúc bom đạn thù khủng khiếp
Hàng trăm lần một ngày, chúng dội bom liên tiếp
Tàn sát phụ nữ, trẻ em,
hủy hoại cầu cống xóm làng

Các trường học cũng sẵn sàng
Hầm hố đào sâu, mấy tầng đất phủ
Khi chúng đến các em vào ẩn trú
Chúng đi rồi, các em lại đùa vui

Vì Người là ước mơ
Đôi tay Người có sức thần thúc giục
Là anh hùng
Trái tim Người lay động tận tương lai...

NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG
LÊ CÔNG PHỤNG trích dịch
(Hồ Chí Minh – Hợp tuyển thơ)

MADELEINE RIFFAUD

Nhà báo, nhà thơ Pháp

NGƯỜI LÀ VỊ CHA NUÔI CỦA TÔI

Đó là lời của Madeleine Riffaud nhà báo nữ tài năng, xông xáo của nước Pháp, từng được Bác Hồ gọi một cách trìu mến là: Con gái của tôi!” (Ma fille).

Chị được tiếp xúc với Bác Hồ lần đầu vào năm 1946, cách đây đã hơn 50 năm. Bây giờ Madeleine là cô gái 18 tuổi, đã có mặt trong đoàn thanh niên cộng sản Pháp trong dịp Người sang Paris đàm phán với chính phủ Pháp và ký Hiệp định sơ bộ 6/3. Khi được giới thiệu về Madeleine, Bác đến ôm hôn lên trán cô và âu yếm hỏi: “ Cô gái Paris dũng cảm đó phải không?” Người đã nghe kể về chiến công của cô và các bạn thời kỳ chống phát xít Đức, dưới sự dẫn dắt của các bậc đàn anh như: Aragon, Eluard...Ngày ấy Bác ân cần nói với Madeleine Riffaud: “Bác sẵn sàng đón con sang thăm Việt Nam, bất cứ lúc nào, như đón con gái Bác!”.

Đầu những năm 50 sau khi tới Algerie chiến đấu chống thực dân Pháp, chị đã sang Việt Nam cũng giữa những ngày chiến tranh ác liệt. Năm 1952, chị cho xuất bản cuốn bút ký “Hoa từ cánh đồng Việt Nam” với lời đề từ bằng hai câu ca dao Việt Nam: “*Đôi ta làm bạn thong dong - Như đôi đũa ngọc nằm trong mâm vàng*”.

Cũng dịp ấy, chị sung sướng được gặp “Vị cha nuôi” của mình và viết lên bài thơ giàu cảm xúc: “*Bác Hồ*”. Hình ảnh

Người cầm hai đóa hoa hồng - tựa như những đóa ta trồng vườn hoa” gây ấn tượng mạnh mẽ trong tâm hồn chị và nữ thi sĩ cảm thấy *“Tôi như chim trắng trước Người...”*.

Giữa những năm 60, Madeleine Riffaud lại sang Việt Nam và cùng nhà báo Úc Wilfred Burchett vượt Trường Sơn vào tận Tây Ninh, được ban lãnh đạo Mặt trận dân tộc GPMNVN nồng nhiệt đón tiếp. Các chiến sĩ giải phóng thương mến gọi chị là “Chị Ba” chị cũng mặc quần áo bà ba đen, đội mũ tai bèo, đi dép cao su, khoác khăn rằn trên vai. Cuốn phóng sự nổi tiếng của chị *“Trong căn cứ của Việt Cộng”* là kết quả của những ngày gian khổ, xông xáo tại miền Nam Việt Nam. Ra Hà Nội chị lại thu thập tài liệu, chụp ảnh và hoàn thành tập *“Ở miền Bắc Việt Nam - viết dưới bom”*. Trong tập sách, chị viết những dòng triu mến về “Cha Hồ” của mình sau nhiều năm xa cách một sớm tinh sương vào tháng 8/1966: “Chủ tịch Hồ Chí Minh đi tới như thường lệ của Người, từ một góc vườn, không rõ góc nào. Hôm ấy, với bộ quần áo bà ba nâu nông dân, Người có vẻ vừa đi công tác về hoặc sắp ra đi.

Chúng tôi cùng uống cà phê. Loa báo động chột loan tin có năm máy bay Mỹ xuất hiện còn cách thủ đô 20Km. Một chiếc máy bay Mỹ quần đảo trên đầu, như thể nó bắn vào mặt hồ nước và Chủ tịch Hồ Chí Minh cứ làm tôi thất vọng. Người nhất thiết không chịu cho tôi phỏng vấn, và mỗi lần tôi đưa tay ra cầm cây bút chì thì Người ngăn lại. Thế là bao giờ tôi cũng bất lực khi phải tóm tắt một cuộc nói chuyện với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chỉ riêng Người có cách nói chuyện đó, rất giản dị, rất trực tiếp, rất tình cảm.

Trong buổi đầu tôi lại được gặp Người, Người đã không để cho tôi hỏi Người câu nào. Nhà báo lại bị phỏng vấn, và tôi đã phải nói với Người về tất cả những người bạn cũ mà Người có quen ở Pháp và châu Âu. Những câu Người hỏi tôi về các chiến sĩ lão thành cách mạng khác, không phải là những câu xã giao, lấy lệ. Bác Hồ quan tâm đến từng người, Người nhắc lại hỏi còn chiến đấu bí mật, nửa bí mật, Người có trọ ở một góc phố nhỏ

gần quảng trường Italia bây giờ, phố ấy tên là *Xinh Xắn* (Gracieux) - Dãy phố ấy nghèo - chẳng “xinh xắn” đến thế đâu! - Bác rất trách con điều này - Chủ tịch bảo tôi. Từ lúc con viếng thăm mọi nẻo đường của đất nước Bác đến nay, giọng nói tiếng Việt Nam của con chẳng Việt Nam hơn được chút nào. Từ ngữ vẫn là từ ngữ của một đứa trẻ. Trước kia, hồi Bác mới trưởng thành, Bác đi làm phụ bếp, nấu bếp trên một chiếc tàu, con có biết Bác đã học tiếng Pháp của con như thế nào không? Bác quyết tâm mỗi ngày phải biết thêm 10 chữ, không cần nhiều hơn nhưng không được kém. Bác viết 10 chữ ấy lên tay áo, vừa làm Bác vừa học thuộc lòng...

Năm 1969, được tin Bác Hồ qua đời, Madeleine Riffaud nặng lòng thương nhớ Người. Chị đã viết bài “*Bác Hồ ra đi giữa mùa thu*” đăng trên báo *Nhân đạo* số ra ngày 21/6/1996. Chị viết: “Chủ tịch Hồ Chí Minh lần này có thật là Người ra đi vĩnh viễn không? Những ai đã từng được gặp Người ở một nơi nào đó trên đất nước Việt Nam đang có chiến tranh đều không tin như vậy...”

Và chị kể đến những dịp được gặp Người ở Hà Nội, ở Việt Bắc mà ấn tượng đẹp nhất vẫn là những cây hoa hồng của Người, rằng: “từ nay tôi không thể nhìn một bông hoa hồng - dùng làm vật trang trí - mà không khỏi nhớ tới Hồ Chủ tịch. Trong những lần gặp ấy, bao giờ Người cũng ngợi ca nhân dân: người chiến thắng tên đế quốc mạnh nhất thế giới, chính là người dân bình thường, dũng cảm lạc quan sống và chiến đấu quên mình”.

Về mối quan hệ riêng giữa chị và “Vị cha nuôi” chị viết: “Hồ Chủ tịch đã mất. Đối với những ai yêu mến Người, hôm nay cũng cần phải kể cho nhau nghe những điều bí mật nhỏ và coi đó như là của quý”.

“Trước đây có lần Bác Hồ bảo tôi: “Con ơi, nếu con muốn làm vui lòng Bác thì một hôm nào đó, con hãy gửi cho Bác bộ đĩa thu lại những bài hát mà xưa kia Moris Svalie vẫn hát, hồi

Bác còn ở Paris và lúc con chưa ra đời”. Mùa hè năm nay, tôi đã tìm thấy những đĩa hát tái bản tất cả những bài hát của Moris Svalie nhân dịp ông thọ 80 tuổi. Nhưng tôi còn ngần ngừ không biết có nên gửi cái món quà kỉ lạ đó đến Bác Hồ hay không? Nếu Bác Hồ quên chuyện đó rồi thì sao? Nếu có người cho rằng gửi món quà đó cho Người là bất kính thì thế nào? Tôi bèn hỏi ý kiến một vị đại biểu của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tại Hội nghị Paris. Vị đó trả lời: “Chắc đồng chí cũng biết, không bao giờ Bác quên một điều gì cả. Đồng chí cứ gửi những đĩa hát ấy cho Bác. Những bài hát đó sẽ làm Bác nhớ lại những người lao động ở Paris mà Bác rất yêu mến”.

Hai ngày sau khi Bác Hồ từ trần, Madeleine Riffaud nhận được thư của phóng viên báo *Nhân đạo* tại Hà Nội. Bức thư đến tay chị chậm mất ba tuần, trong thư viết: “Bác Hồ đã nhận được các đĩa hát. Bác đã nghe lại các đĩa hát đó một cách thích thú, Bác rất vui lòng”.

Madeleine Riffaud lúc nào cũng nhớ tới Bác Hồ gọi chị: “*Madeleine, con gái của tôi!*”. Hiện nay chị vẫn sống tại Paris, Trên bàn làm việc của chị là bức ảnh chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh có chữ ký đề tặng của Người. Trên bàn viết còn có một kỷ vật khác từ Việt Nam: Chiếc bình hoa bằng vỏ bom bi Mỹ, cạnh đó có một bó nhang. Thỉnh thoảng chị thắp một nén nhang và ngồi im lặng. Lòng chị bồi hồi nhớ tới vị cha nuôi kính yêu và những người bạn Việt Nam đã ngã xuống trên chiến trường ác liệt mà chị là chứng nhân của lịch sử. Nhớ tới Bác Hồ là nhớ tới Việt Nam, nhớ tới Việt Nam là nhớ tới Bác Hồ. Chị viết: “Tôi có rất nhiều bạn bè ở khắp châu lục, tuy nhiên, Việt Nam vẫn là nơi mà tình cảm tôi gửi gắm sâu nặng nhất!”.

DƯƠNG TUẤN HOA

Tạp chí nhiếp ảnh, Số 113 - 3 /1997

MADELEINE RIFFAUD

Pháp

BÁC HỒ

Người vào cửa vẫn lặng im
Hỏi han thân mật, giống in những hình
Giấu thâm khi chữa hòa bình
Đêm đêm soi ảnh thấy mình ở trong.

Người cầm hai đóa hoa hồng
Tựa như những đóa ta trồng vườn hoa
Hỏi thăm tin tức chúng ta
Hiếu dân tộc Pháp hơn là bạn, tôi.

Tôi như chim trắng trước Người
Chim lành thợ mỏ chăm nuôi mái hè
Bay cùng xứ của Tô-rê^(*)
Tôi yêu, tôi khổ vì quê hương mình
Toàn dân đã chặn chiến tranh
Với ta Người tặng tấm tình, và hoa.

T.H. dịch

Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

^(*) Đồng chí Tô-rê (Maurice Thorez), tổng bí thư Đảng cộng sản Pháp, xuất thân thợ mỏ quê ở vùng mỏ miền Bắc nước Pháp.

FÉLIX PITA RÔĐ'RIGHET

Chủ tịch Hội Nhà văn Cu Ba

KHÔNG CÓ MỘT TỪ NÀO CÓ THỂ DIỄN ĐẠT ĐƯỢC

“Bác Hồ của chúng tôi”. Biết bao nhiêu lần trong thời gian ở thăm Việt Nam tôi đã nghe mấy tiếng đó trong giọng nói trẻ trung của các em bé, trong giọng nói ngọt ngào của các cô gái, trong tiếng nói có vẻ mệt mỏi của những người già, nhưng luôn luôn những tiếng ấy vang một cách trù mền, kèm theo một nụ cười rạng rỡ trên những khuôn mặt.

Bác Hồ! Cách xưng hô quen thuộc của Việt Nam, trong đó có chứa cả sự kính trọng sâu sắc và sự ngưỡng mộ đối với một người cha. Hai tiếng ấy là cả tình yêu của ba mươi triệu người đối với vị Chủ tịch nước.

Tôi tìm một từ tương tự mà có thể diễn đạt được đầy đủ ý nghĩa hoàn chỉnh của hai từ ấy: Người cha của Tổ quốc, người cha của dân tộc Việt Nam. Nhưng tôi tự nhủ rằng không đúng: Người là tất cả cái đó, nhưng còn hơn thế nữa. Không một từ nào có thể diễn tả được một cách trong sáng và đẹp đẽ như hai tiếng đó. Người là cha, đúng, nhưng rất gần gũi trong gia đình. Một người cha đáng kính và đáng yêu trong đôi mắt của người con đang nhìn Người sống gần gũi bên mình. Người đang ngồi trên ghế, Người đang ngủ trưa, Người đang nói một lời âu yếm, những lời nói mang đến hạnh phúc cho mình và nếu ngày mai mình không hoàn thành việc Người giao, chắc sẽ được nghe Người quở trách. Đối với tất cả, Người là một người cha, nhưng một người cha như vậy.

(In trong Một giờ với đồng chí Hồ Chí Minh, tr. 179-180)

FÉLIX PITA RÔĐ'RIGHET

Chủ tịch Hội Nhà văn Cu Ba

HỒ CHÍ MINH - TÊN NGƯỜI LÀ CẢ MỘT NIỀM THƠ

Bởi vì Người, Chủ tịch Hồ Chí Minh
Nhà thơ Hồ Chí Minh,
Người nông dân Việt Nam trong sáng: Hồ Chí Minh,
Bảy mươi tám năm gần trọn cả đời mình tranh đấu,
Vì Người đã hy sinh từ bỏ mọi tên,
để chỉ còn là một giọng nói, một hơi thở, một cái nhìn
để chỉ còn là... có gì đâu khác...
là đất nước, là máu xương Tổ quốc;

Bởi vì Người đau nỗi đau của những vết thương
trên mình mỗi em bé Việt Nam bị quỷ "Yanki" giết chết,
Khi giặc lái của Lầu Năm Góc phá đổ mỗi ngôi nhà,
Thì lòng Người bỗng nhiên như sụp mái.

Bởi vì trong mỗi xóm nhỏ tan hoang vì bom napan Mỹ,
Một mảnh tim Người tự cháy xót xa!
Hồ Chí Minh, tên Người là cả một niềm thơ.

Bởi vì Người đã đổi mọi cơn đói ngày xưa
Vì Người đã chết hai triệu lần năm đói Bốn năm khủng khiếp
Bởi vì Người đã mặc lên mọi tấm áo xác xơ
đã đi chân đất với mỗi đôi chân trần của người dân đất nước,
Bởi vì Người đã chứa chất nỗi tủi nhục của mọi người cùng cực,
Bởi vì Người đã từng chịu đau nỗi roi vọt đánh vào dân tộc,
Thuở bọn thực dân Pháp
hòa trộn than Hồng Gai với máu người thợ mỏ,
cao su miền Nam với máu người phu đất đỏ,
lúa gạo đồng bằng với máu nông dân,
để biến thành vàng bạc gấp trăm;

Bởi vì lòng Người héo hon khi nắng hạn
Với ruộng đồng chết khát năm lại qua năm,
Và Người mang cấy lại trên lòng mình
mỗi cây lúa chết ngạt vì lụt nước trắng bờ!
Hồ Chí Minh, tên Người là cả một niềm thơ.

Bởi vì Người đã sống cùng người phu Quảng Châu, Thượng Hải.
Và đo được mức tận cùng đói rách,
và ở Nam Phi, Người cũng đo được đói rách tận cùng
của những người Ấn cùng đinh sang đó
tìm miếng cơm nuôi sống qua ngày
Bởi vì Người đã đến với dân lao động
tự đào huyệt chôn mình khi vét dòng kênh Panama

Và như thế, Người đã nhận ra rằng:
Bất cứ ở đâu, con người cũng chỉ là một và đôi khổ cũng chỉ là một,
và Người cũng biết: ở đâu cũng một lòng căm uất,
và đường đi chỉ có một mà thôi.

Bởi tất cả những điều đó và nhiều điều khác nữa
mà lời nói khó lòng chứa đựng:
Bởi vì đối với Người thì phẩm giá con người
còn cao hơn miếng cơm, danh vọng
Cao hơn cả trường tồn cuộc sống,
Hồ Chí Minh, tên Người là cả một niềm thơ.

Có thể ca ngợi Người như ca ngợi biển cả, núi cao,
như ngợi ca sông Cửu Long, sông Hồng Hà.
Nói tới Người là nói vịnh Hạ Long, Điện Biên Phủ,
Chùa Một Cột, là nói những ruộng đồng đỏ ánh phù sa.
Có thể nói tới Người bằng hết thấy những lời tương tự
khi nói tới cây nhãn và cây tre xứ sở.

Bởi vì ca ngợi Người, Chủ tịch Hồ Chí Minh,
Nhà thơ Hồ Chí Minh
Người nông dân Việt Nam trong sáng: Hồ Chí Minh,
là ca ngợi đất nước Việt Nam tươi đẹp và đau thương.
Ca ngợi nước Việt Nam mà đáng dấp
không còn là một chiếc đòn tre gánh mỗi đầu một thúng.
Mà là một hình dáng vinh quang của cửa ngõ có một không hai
để đi vào thế giới tương lai.

HOÀNG HIỆP dịch
Văn nghệ Quân đội, Tháng 5-1995

FÊLIX PITA RÔĐ'RIGHET
Chủ tịch Hội Nhà văn Cu Ba

THỦ ĐÔ HÀ NỘI NHỚ BÁC HỒ

Không có gì thiếu cả, thế nhưng
Như tất cả đều là vắng thiếu.

Hồ Kiếm, Hồ Tây vẫn đó
và chiếc cầu vẫn đó trên sông

Và ánh sáng Thủ đô ôm tất cả trong lòng
Hà Nội ơi, ánh sáng của mình êm ru cao ngất

Ánh sáng như lọc qua gương trong vắt
như xuyên qua lụa mượt mà...
Tất cả đều có đó, thế nhưng
như tất cả đều là vắng thiếu.

Theo tâm vóc Thủ đô, là nỗi nhớ,
hỡi thành phố của con người, thành phố
của trăm hoa và của thanh gươm.

Theo kích thước Thủ đô, là nỗi nhớ thương
Hà Nội ơi, tôi làm con tính cộng:
phố với phố, nhà với nhà,
cây với cây, và những vườn hoa,
những đám mây trời, và những cô thiếu nữ.

Tất cả đều có đó, thế nhưng
Như tất cả đều là vắng thiếu

Là buổi sáng
và như không phải hoàn toàn là buổi sáng

Là buổi chiều
và dường như chưa đến buổi chiều.

Là ban đêm với những vì sao
Tôi đếm xem: không thiếu một ngôi nào cả.
Tuy nhiên vậy, Hà Nội ơi, tưởng nhớ
Như thế là thiếu tất cả các vì sao!

XUÂN DIỆU dịch
Văn nghệ Quân đội, giới thiệu Tháng 5-1995

CÙ LẬP SAIPORADÍCH
Nhà văn, nhà báo Thái Lan

THẨM THÍA TÌNH HỮU ÁI CỦA NGƯỜI

Nhắc đến tên Chủ tịch Hồ Chí Minh tôi lại nghĩ đến đạo đức cao cả của vị lãnh tụ mà tôi đã từng được nghiên cứu phần nào về sự kiện lúc Người đang tạm náu mình trên đất nước tôi, như sự bền bỉ chịu đựng gian khổ của Người. Ví dụ hồi năm 1928, Người đã đi bộ băng rừng vượt suối từ tỉnh Phichit đến Udon, mang cả hành lý trong thời gian hơn mười ngày liền để đi giáo dục huấn luyện đồng bào của Người. Tôi nghĩ rằng người Thái chúng ta cũng sẽ thẩm thía tình hữu ái của Người nếu biết rằng Người đã nhắc nhở Việt Kiều ở Thái Lan phải tôn trọng phong tục tập quán của người Thái và tuân theo luật pháp của Thái Lan.

(In trong *Một giờ với đồng chí Hồ Chí Minh*, tr.119)

ROBERTO SALAS
Nhà nhiếp ảnh Cu Ba

GẶP ROBERTO SALAS PHÓNG VIÊN NHIẾP ẢNH CU BA

Nhân dịp phóng viên nhiếp ảnh báo Gramma (Cu Ba) Roberto Salas, sang công tác tại Việt Nam, Ủy ban liên lạc văn hoá với nước ngoài đã tổ chức một buổi toạ đàm nghiệp vụ với các anh chị em làm công tác báo chí, phóng viên nhiếp ảnh Việt Nam.

Chỉ được gặp Hồ Chủ tịch có hai lần, một lần trong Đại hội anh hùng, chiến sĩ thi đua và một lần Bác tiếp đoàn quay phim Cu Ba (1967), Roberto Salas đã chụp được một bộ ảnh về Hồ Chủ tịch, tương đối tốt, trong đó có nhiều bức xuất sắc. Bộ ảnh kể trên được phóng to và bồi trên gỗ dán, gửi từ Cu Ba sang đã được triển lãm ở Hà Nội.

Trả lời câu hỏi về quá trình chụp bộ ảnh trên, Roberto Salas nói:

- “Trước khi sang Việt Nam, tôi đã tìm hiểu về Chủ tịch Hồ Chí Minh qua các sách báo hiện có ở Cu Ba, cố tìm ra những đặc điểm có tính chất tiêu biểu và tượng trưng. Khi được gặp Hồ Chủ tịch tôi rất ngạc nhiên về sự vô cùng giản dị của Người. Bộ râu và nhất là đôi mắt của Người làm tôi rất chú ý. Cho nên khi chụp tôi tập trung tất cả nghị lực của mình để thể hiện đôi mắt, và theo tôi nghĩ, trong đôi mắt đó ánh lên lòng nhân từ, bác ái và cả cuộc đời cách mạng của Người”.

- Trong bộ ảnh đó, có phải đồng chí thích nhất bức chụp đặc tả đôi mắt và bức lấy toàn bộ khuôn mặt và bộ râu của Bác?

- “Có lẽ đúng. Tôi nhận được nhiều ý kiến ở Cu Ba cũng như ở Việt Nam về các bức ảnh kể trên.

“Trong bức thứ nhất, tôi chụp nghiêng, lấy có một phần mặt, tập trung vào mắt. Như thế không có nghĩa là chúng tôi thiếu tôn kính đối với Lãnh tụ. Nếu các đồng chí xem báo Cu Ba, các đồng chí sẽ thấy ảnh Phiden Cat-xtrô trình bày dưới những kiểu tào bạo hơn nhiều. Thậm chí có một họa sĩ làm tranh áp-phích, vẽ độc có cái miệng ngậm xì-gà và bộ râu. Dưới đề “Cu Ba muôn năm!”.

“Khi chụp dĩ nhiên là tôi có cái nhìn mang màu sắc riêng của dân tộc Cu Ba và tôi cũng nghĩ đến sở thích của nhân dân nước tôi. Nhưng không vì thế mà tôi không cố tìm những góc độ mà nhân dân Việt Nam ưa thích. Chính những suy nghĩ đó đã khiến tôi chụp bức chân dung thứ hai, trọn vẹn cả khuôn mặt và bộ râu của Chủ tịch. Các đồng chí đã thấy đấy, trong bức ảnh này trông Chủ tịch rất đẹp, dường như có cái gì đang bay bổng ở trong”.

Chụp chân dung và đặc tả là sở trường của Roberto Salas. Anh sang Việt Nam lần này với ước mong là sẽ chụp được một tập ảnh về con người Việt Nam trong đấu tranh và sản xuất. Anh nhìn chúng tôi thăm thiết:

- “Các bạn rất anh hùng, không sợ hy sinh và gian khổ. Tôi muốn đi sâu vào trái tim, tình cảm, tâm hồn của các bạn, để nói lên các công việc các bạn đang làm. Tôi tiếc là không có điều kiện ở Việt Nam lâu. Năm năm, mười năm, đối với tôi hãy còn là ít để tìm hiểu một dân tộc anh hùng”.

Anh nói thêm:

- “Trong tập ảnh của tôi, không thể nào thiếu được những bộ mặt các vị lãnh tụ và lãnh đạo. Vì, theo tôi nghĩ, đây cũng là

một bộ phận ưu tú của dân tộc Việt Nam. Cũng như nói đến lịch sử Việt Nam là phải nói đến Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Roberto Salas là phóng viên nhiếp ảnh báo Gramma, nên luôn luôn phải chạy theo yêu cầu của ảnh thời sự. Nhưng không vì thế mà anh bỏ qua khía cạnh nghệ thuật của nghề nghiệp. Trong khi chụp ảnh báo, anh thường kết hợp sáng tác, cố gắng nâng cao tính nghệ thuật của ảnh thời sự. Những ảnh gửi đi tham dự các triển lãm ảnh nghệ thuật anh đều chọn trong số ảnh đã đăng báo. Mới đây, triển lãm ảnh lần thứ 32 do báo Asahi tổ chức ở Lahabana, anh được trưng bày 2 ảnh. Hai bức ảnh này cũng đều là ảnh đã được đăng báo.

Anh khẳng định: “Tôi không quan niệm ảnh nghệ thuật tách rời khỏi ảnh thời sự, mặc dầu có nhiều ảnh nghệ thuật không thể đăng báo được, vì chúng không mang tính chất thời sự. Đó là ý kiến riêng của tôi, vì ở Cu Ba cũng còn có nhiều người phân biệt ranh giới giữa 2 loại ảnh nghệ thuật và ảnh thời sự, tài liệu”.

Trong sáng tác, anh rất thích chụp, ảnh phong cảnh. Theo anh, ảnh phong cảnh có 2 loại: loại chụp những cảnh đẹp thiên nhiên và loại chụp những cảnh đẹp bằng cách mang tác động đến hoặc sáng tạo ra.

- “Người phương Đông, anh nói, rất yêu thiên nhiên nên có nhiều nhà nhiếp ảnh đi sâu vào bộ môn này. Bên nước chúng tôi chưa có mấy người chuyên chụp phong cảnh nên chúng tôi còn phải cố gắng nhiều”.

Tuy nói vậy, nhưng trước khi sang Việt Nam, anh đã chuẩn bị in một quyển sách ảnh (đen trắng và màu) giới thiệu đất nước Cu Ba và dãy núi cao nhất (Siêra Mat-tra).

Phát biểu cảm tưởng về việc anh chụp chiếc máy bay của giặc Mỹ bị quân và dân ta bắn cháy hồi 11h30 ngày 18-5-1972, anh nói:

- “Ở đây đấu tranh vũ trang là vấn đề nổi bật nhất; tôi không thể bỏ qua được. Dĩ nhiên chụp ảnh chiến đấu, trong khi máy bay

Mỹ trút bừa bom đạn là nguy hiểm. Nhưng người phóng viên phải có nhiệt tình, không sợ chết, sôi sục căm thù và phải có tay nghề giỏi. Nhưng cũng cần phải có phương tiện thích hợp”.

*

* *

Roberto Salas là một phóng viên chụp giỏi và làm buồng tối cũng vào loại cừ. Anh tráng được đủ các loại phim màu của nhiều nước khác nhau. Anh đã “trao đổi” những kinh nghiệm quý báu đó với anh em nhiếp ảnh Việt Nam.

ĐỨC VÂN ghi

Tháng 6-1972

(Nhiếp ảnh gặp Roberto Salas phóng viên nhiếp ảnh Cu Ba
Báo Ảnh Việt Nam, số 17/9-1972)

ERUST SCHUWACHER

Đức

HỒ CHÍ MINH

Người đã học
để giảng dạy cho bao người khác.

Vì quê hương mình
Người đã ra đi.

Trên những miền đất lạ
Người hiểu sâu thêm Tổ quốc của mình.

Người thấu hiểu sự áp bức
Ngay trong sào huyệt của bọn người áp bức

Người nhận ra:
Đời có hai màu Trắng, Đỏ

Ở châu Âu, Người tranh đấu
Cho Á châu
Ở Quảng Châu
Cho Béc-lin

Đi con đường vòng
Người đã tiến dần tới đích.

Vì chân lý
Người đã cải trang

Giả một thương nhân
Người từng thương thuyết.

Đằng sau bộ áo quần viên chức
Người mang trái tim rực lửa, quật cường

Trong những túp lều của kẻ nghèo hèn
Người thu phục dần những kẻ giàu sang

Thân thể Người mảnh mai, nhỏ yếu
Mà địch nổi thép gang!

Hồ Chí Minh con người dịu dàng
Lại chính là sức mạnh.

Lòng khoan dung của Người
Đã lột trần sự thấp hèn của quân thù địch

Ý chí kiên trung của Người
Đã làm đổi thay tất cả.

Chỉ một con người
Người hiến thân cho biết bao người.

Không làm cha
Người lại là cha của mọi trẻ thơ

Là người con của dân tộc
Người cũng là anh hùng chân chính của nhân dân.

1956
TRẦN ĐƯƠNG dịch

REBECCA SELI

Mỹ

TINH THẦN CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH NÓI VỚI RISỐT NICHXON

(Trích)

Việt Nam! Vùng lên trong tang tóc
Bao đêm dài chẳng hề nhắm mắt
Vì hòa bình đã bị phản bội và xuyên tạc...
Sự thật bị bịt miệng hoặc bị bỏ tù
Vì dám chống bọn đế quốc sát nhân
Tiếng nói từ lương tri bóp nghẹt
Trong mỏ chim ó của cường quốc
Giờ đây, giữa lúc rạn đông
Tinh thần dũng cảm của Hồ Chí Minh
Vươn lên và nói:
Ngài Nichxon!
Hòa bình ngài đưa ra cho nhân dân chúng tôi
Chỉ là chiến tranh
Ngài không thể hiểu thế nào là
địa chủ và phong kiến
Cũng không biết cái đau
của những người nghèo đói
Đối với chúng tôi, hòa bình của ngài chỉ là nô lệ

Là con dao đâm máu của bất hòa
Và cáo chung nền Độc lập quốc gia
Bởi thế Việt Nam phải đấu tranh
Giành hơi thở tự do cho đất nước
Trước những vụ thảm sát của Mỹ Lai tày trời
Những kho bom đạn tử thần
Chúng tôi đòi hãy rút đi
bọn giết người mang danh Chúa
Hãy rửa sạch nạn ô nhiễm của các ngài
Để Việt Nam được sống bình yên

Hãy để chúng tôi sống theo lối sống chúng tôi
Với thuyết nhân quả của dân tộc
Để chúng tôi bàn việc với trái tim chúng tôi
Hãy để nguyên những đền đài và di tích
Nơi thờ phụng những người đã bỏ mình vì nước
Hãy để Bắc Nam sum họp một nhà
“Việt Nam hóa” của ngài
Chỉ là món hàng mua chuộc
Cho người Việt Nam chém giết lẫn nhau
Để giữ thể diện cho bọn đế quốc cuồng điên

Việt Nam bị đóng đinh trên cây thập tự
Rồi ngài cầu nguyện trong ngày chủ nhật
Để hồng rửa bàn tay tội ác của ngài!
Cả trái đất đang nghe Đông Nam Á kêu lên
Vì máu ngài đã làm đổ xuống
Risót Nichxơn, hãy ngừng bắn giết!
Không phải năm tới mà tức khắc hôm nay
Chúa mà ngài nói ngài thờ phụng
Sẽ trút hòn căm xuống đầu ngài...
Hãy bảo vệ những trẻ thơ do ngài sát hại
Hãy cứu những người da đen
Và những ngôi nhà lụp xụp
Đang tan nát vì cuộc chiến tranh này
Hãy gọi những người lính từ châu Á trở về
Để bớt khổ đau cho dân nghèo nước Mỹ
Chúng tôi sẽ mở đường cho họ
Nếu họ ra đi trong cảnh hòa bình...

TRỌNG KHÁNH dịch

Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

PETE SIERGE

Mỹ

BÁC HỒ - NGƯỜI THẦY CỦA CHÚNG TA

Khi người bạn lớn của chúng ta mất đi, tôi rất buồn. Người đã sống một cuộc đời rất vẻ vang cho nên chúng ta rất tự hào nghĩ đến Người. Mỗi khi nhìn chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh, tôi vô cùng sung sướng. Tôi không biết nói làm sao để cho các bạn rõ Bác Hồ đối với nhân dân Mỹ quan trọng như thế nào.

Người đã dạy cho tất cả chúng ta
Người đã bảo cho mọi người rằng
Ai quyết tâm chiến đấu vì quê hương
Người đó sẽ có sức mạnh gấp mười lần.

Và nếu chúng ta học bài học ấy
Thì đây cũng chính là hạnh phúc
Bạn và tôi có thể bất đồng
Nhưng không cần thiết phải đánh nhau lần nữa
Ở trên đất nước tôi
Người lính của chúng tôi đã nói:
“Chúng ta không đi!
Không đi sang Việt Nam!”
Như thế
Tôi sẽ phải nói riêng bằng cách nói của tôi
Cách duy nhất mà tôi đã hiểu:
Quyền lực thuộc về nhân dân
Và quyền lực đã nắm trí tuệ
Là từ Bác Hồ - người thầy của chúng ta.

HUỲNH HUY PHƯƠNG dịch

Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005



Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp đoàn nhà báo Indonexia sang thăm và
làm việc tại Việt Nam (18/1/1959)

- Ảnh: Đinh Đăng Định

GHERHART SLIPPE

Đức

KÍNH VIÊNG CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Bạc vĩ nhân, Người đã nằm yên nghỉ
Nước Việt Nam đau xót tiễn đưa Người
Sức sống thiêng liêng, trí tuệ tuyệt vời
Đã sản sinh ra từ Nhân dân và Đất nước...

Từ những ngày xưa máu tràn mặt đất
Cuộc đời Người là Chiến đấu, Vinh quang
Đã hun đúc nên ý chí kiên cường
Ý chí tự do - sáng ngời trái đất!

Chính Người rồi, Hồ Chí Minh,
 đã phóng xa tầm mắt
Đến những ngày mai xã hội tự do
Người chỉ đường đi, tới những bến bờ
Trong thời đại con người đoàn kết
Sự nghiệp của Người chính là tuyệt đích
Dẫn dắt nhân dân đến thắng lợi hoàn toàn
Sự nghiệp của người là sự tích vẻ vang
Mà Đất nước chẳng nơi nào
 không nâng niu, gìn giữ

Bởi vì Người là Niềm tin lịch sử
Của những ai kia chiến đấu trọn đời
Cho cuộc sống tự do, giải phóng con người
Cho Việt Nam, lại bùng lên kiêu hãnh
Trong lịch sử hiển nhiên, như vì sao lấp lánh
Cuộc đời Người, tất cả vẻ cao siêu
Bỗng chốc hài hòa, trọn vẹn bao nhiêu!
Tất tất cả, như chưa bao giờ có
Trên trái đất này, Người như thế đó...

Bước theo Người, cả dân tộc vẫn đi lên -
Tư tưởng của Người thành dũng khí, đang nhen
Thành ngọn lửa, cháy lên sự thật
Dưới bùn đen, quân thù ngã gục!
Và lời thề kia, đang nung nấu triệu người:
Quyết đưa nhân dân tới một cuộc đời
Không chết chóc, không làm than,
không nhục nhã -
Làm trọn ước mơ Người, tất cả!

Chân lý còn đây, Di chúc của Người
Vẫn sáng tinh khôi trong mỗi cuộc đời
Là sức sống trên bước đường đi tới
Mà Người gửi, với niềm tin dữ dội
Cho Tổ quốc Người trước phút đi xa
Với cả tấm tình trong sáng, bao la...

Con mê sáng nghìn xưa sẽ không còn thấy nữa
Vì Đất nước đã tỉnh rồi, sau giấc ngủ
Đã vùng lên, chiến đấu, vũ trang
Bất chấp khổ nghèo, qua mọi tóc tang
Đề chiến thắng, quyết tận cùng chiến thắng
Giữa khúc hòa âm tuyệt vời, sâu lắng...

Từ những ngày xưa, trong chiến đấu gian nan
Trên mỗi bước đường vẫn có vĩ nhân
Mà dân tộc vô cùng tôn kính

Bởi vì Người là muôn đời sức mạnh
Việt Nam ơi, dù phải vĩnh biệt Người
Bạn thấy không, dù một phút mà thôi

Người chẳng khuất, Người chẳng bao giờ khuất!
Sau những phút tưởng chừng đau đớn nhất
Nước Việt Nam lại rạng rỡ hồi xuân
Trong ánh sáng hòa bình,
trong tiếng hát nhân dân

Việt Nam ơi, ở phương trời xa lắc
Bạn thấy không, trong những phút buồn đau
Có cả chúng tôi kính cẩn cúi đầu...

Việt Nam ơi, xin gạt hàng nước mắt
Đây là lúc, phải rồi, trong ý thức:
Sức mạnh ta càng lớn gấp trăm lần
Để chiến thắng xâm lăng, để quật ngã bạo tàn!

Để giữ mãi đến muôn đời Danh dự
Và sự sống lâu bền của chính Người quá cố
Để Việt Nam, sau nỗi khổ nghìn đời
Trong niềm tin chắc thắng, nở môi cười:
Chào giải phóng, chào hoàn toàn giải phóng!

TRẦN ĐƯƠNG dịch

Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

HORST STURM

Nghệ sĩ nhiếp ảnh Đức

NHÀ NHIẾP ẢNH HORST STURM...

(kể)

- Thấy chương trình hoạt động của Bác trong những ngày ở thăm Cộng hoà Dân chủ Đức khá căng thẳng, mà tuổi Bác lại cao, - lúc đó đã 67 tuổi, - các đồng chí phụ trách lễ tân của chúng tôi đề nghị Người nghỉ hẳn ngày chủ nhật để lấy lại sức. Nhưng Bác bảo không can gì và Người yêu cầu cho đến thăm một hợp tác xã nông nghiệp.

Thế là chúng tôi được theo Bác đến thăm hợp tác xã “1-5” ở huyện Béc-nau, ngoại ô Béc-lin. Hợp tác xã này mới thành lập cách đó chưa được bao lâu, còn có nhiều khó khăn phải giải quyết.

Được tin một vị Chủ tịch nước đến thăm hợp tác xã của mình, bà con ở đây rất phấn khởi, nhiều người đã đứng sẵn hai bên đường để đón Bác. Nghe đâu bà con ở các vùng lân cận cũng đến với sự mong mỏi là được nhìn thấy Cụ Hồ. Đồng quê vừa sau vụ gặt. Tôi chợt nhớ hôm đầu tiên Bác đến Béc-lin, dọc đường từ sân bay vào thành phố, mặc dù trời mưa, Bác đã cho dừng xe lại và bước xuống thân mật nói chuyện với bà con nông dân đang thu hoạch lúa mì. Ai cũng xúc động trước tình cảm gần bó của Người với nhân dân lao động...

Tại trụ sở của hợp tác xã “1-5”, bà con nông dân ngồi vây quanh Bác. Sau khi hỏi thăm tình hình vụ gặt vừa qua, Bác nghe đồng chí Di-be, chủ nhiệm, báo cáo với Bác về quá trình hình thành và phát triển của hợp tác xã. Lúc đó, hợp tác xã mới

có 56 xã viên, canh tác trên một diện tích là 720 héc-ta, chăn nuôi 210 bò, 533 lợn và trên 1000 gà vịt. Thu nhập trung bình hàng tháng của mỗi xã viên là từ 400 đến 500 đồng Mác. Nghe đến con số này, Bác nhẩm tính rồi gật đầu tỏ ý hài lòng. Bác nói:

- Như vậy là mỗi tháng được từ 240 đến 300 đồng Việt Nam. Cao lắm!

Bác hỏi đồng chí chủ nhiệm nhiều chi tiết về kinh nghiệm lãnh đạo, về việc nâng cao cơ sở vật chất kỹ thuật cho hợp tác xã, rồi quay lại phía ông Pao-bát, 55 tuổi, ngồi bên phải Bác, thân mật hỏi:

- Thế trước đây bà con ta sống thế nào? Hiện nay có khá hơn không?

Người xã viên có mái tóc đã điểm sương và đôi mắt một mí ấy lễ phép đáp:

- Dạ, xin thưa với Cụ Chủ tịch: hồi trước chiến tranh tôi đi ở cho một địa chủ thuộc vùng này, làm quần quật suốt ngày mà đến đêm, mùa hạ cũng như mùa đông, tôi phải ngủ trong một cái chuồng ngựa. Từ ngày giải phóng, tôi được chia ruộng đất, tôi phấn khởi lắm. Lúc đó mới nghĩ đến chuyện lấy vợ. Khi còn làm ăn cá thể, tôi thu nhập mỗi tháng được độ 500 Mác, nay được 600 Mác, như vậy là khá hơn nhiều. Tôi tin tưởng đời sống của nông dân chúng tôi sẽ mỗi ngày một sung túc hơn. Hiện nay vợ chồng chúng tôi có một căn nhà nhỏ, gồm ba buồng ở, lại có vườn rau xanh và nuôi gia súc riêng nữa. Xin thưa với Cụ Chủ tịch là nếu tôi muốn thì tôi có thể sắm được cả ô tô đây ạ...

Bác Hồ nhẹ nhàng đặt bàn tay lên cánh tay của người xã viên rồi nhìn mọi người:

- Thế là nhờ Đảng, nhờ cách mạng, bà con chúng ta đã thoát cảnh nô lệ, được làm chủ đời mình. Con đường đi tới hạnh phúc còn dài, rất thênh thang. Nếu vài năm sau tôi lại đến đây thì chắc hợp tác xã của ta đây cũng đã thay đổi nhiều rồi...

Sau đó, Bác đi thăm các cơ sở chuồng trại và một số cơ sở phúc lợi xã hội như trường học, trạm y tế, khu an dưỡng... Con đường làng thanh thang, sạch sẽ. Đang trên đường đi, Bác bảo cho vào thăm một gia đình xã viên. Nhìn ở bên lề, thấy chủ nhà tên là Sác-lốt Khuê-nơ. Chúng tôi gõ cửa bất ngờ, làm chị Sác-lốt khá ngạc nhiên vì không thể nghĩ là gia đình chị sẽ được đón tiếp vị khách quý như vậy. Chị đang là quần áo, vôi vàng bỏ cả đây, vuốt vuốt cho thẳng cái tạp dề sọc màu tối mặc trên người và xin lỗi vì trong nhà không được ngăn nắp. Chị hướng dẫn Bác đi xem các nơi trong nhà. Ba phòng ở thơm mát, khang trang và ấm cúng. Trên bàn có một lọ hoa tươi. Cạnh đó, trên thành ghế còn vắt mấy đôi tất ny-lông phụ nữ. Chị Sác-lốt thưa với Bác là chồng chị không còn nữa, hiện nay chị sống với hai cô con gái, cả ba mẹ con đều là xã viên của hợp tác xã. Bác hỏi chị đôi điều về đời sống, văn hoá, công việc của ba người. Hai cô gái đứng cạnh mẹ, nở nụ cười kín đáo, nhìn vị Chủ tịch rồi lại nhìn mẹ đang trả lời... Rồi nhà chị Sác-lốt đi ra, tôi để ý thấy Bác rất vui, chắc Người hài lòng lắm. Một cụ xã viên, tóc trắng xoá, đi gần Bác tỏ ý muốn Bác kể cho nghe về đời sống ở nông thôn Việt Nam. Bác dừng lại giữa đám đông đang vây quanh Bác. Gương mặt Người thoáng vẻ trầm ngâm. Người bồng xòe cả bàn tay trái ra, chỉ lên ngón tay út và nói:

- Đây, bà con xem: đây là các hợp tác xã của chúng tôi. Còn ngón cái này là nông trường ở Liên Xô. Một ngón nào đó ở khoảng giữa là hợp tác xã của bà con ở Cộng hoà dân chủ Đức... Chúng tôi vừa hoàn thành cải cách ruộng đất cách đây không lâu. Một vài hợp tác xã cấp một đã được thành lập. Kể ra cũng có nơi hoạt động tốt rồi, nhưng nói chung thì chưa tốt lắm. Chỉ nơi nào cán bộ của Đảng và chính phủ chịu khó đi sâu đi sát, chịu khó lắng nghe học hỏi quần chúng thì nơi đó mới tốt được. Còn hễ mắc bệnh quan liêu thì không thể tốt. Chúng tôi chưa vội thành lập các hợp tác xã mới: Hãy tuyên truyền sự cần thiết đã.

Phải cố gắng cung cấp cho nông dân một số công cụ kỹ thuật. Bên chúng tôi máy cày hãy còn là con trâu, con bò. Phải đào tạo nhiều cán bộ nông nghiệp có trình độ khá. Một vài năm nữa, Việt Nam sẽ thành lập hợp tác xã tương đương với hợp tác xã cấp 3 ở Cộng hòa dân chủ Đức. Đến thăm hợp tác xã “1-5”, tôi rất vui lòng, vì nó là hợp tác xã mới thành lập, nhưng đã có những bước tiến và kinh nghiệm đáng quý. Tôi học tập được nhiều điều bổ ích; trong vài năm nữa, những điều đó sẽ có thể ứng dụng ở Việt Nam...

Người dừng ở đây, nhìn mọi người suốt lượt, nói tiếp:

- So với bà con ở đây, nông dân bên chúng tôi còn nghèo lắm. Họ chưa có quần áo đẹp, chưa có nhà cửa đàng hoàng như nhà cô Sác-lốt mà chúng ta vừa đến thăm đâu. Không có một phụ nữ nông thôn Việt Nam nào đi tất ni-lông cả...

Mọi người nghe Bác nói, nhìn nhau cười vui vẻ.

- Nhưng, nông dân Việt Nam rất cần cù và dũng cảm. Trong chiến tranh họ là người chủ yếu giúp đỡ bộ đội. Họ đã chuyển lương thực ra tiền tuyến để nuôi quân. Một năm có hai vụ lúa thì họ cung cấp cho bộ đội hẳn một vụ. Rồi họ phải ăn ngô thay cơm cho đến tận vụ sau. Nông thôn chúng tôi ở miền Bắc đã có những tiến bộ lớn, nhưng còn đang ở bước đầu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chúng tôi học tập kinh nghiệm của nhân dân các nước anh em và sẽ cố gắng từng bước nâng cao đời sống của nông dân, của nhân dân nói chung. Chỉ có như vậy, chúng ta mới chứng minh được rằng, chủ nghĩa xã hội là rất ưu việt, là con đường tất yếu, mà loài người đang tiến tới...

Rồi Tem-pen-phen-đơ, Bác đến thăm trạm máy kéo mang tên *Mao Trạch Đông* ở Véc-noi-sen gần Béc-nau và sau đó đến trại hè Hen-mut Giut bên hồ Vu-ken-dê gần Bi-den-than.

Nhật ký của bà I-rê-nê Mô-đê viết: *“Hôm nay là chủ nhật. Lẽ ra, Bác nghỉ tại nhà khách dành riêng cho các vị nguyên thủ quốc gia, nhưng Bác đã đề nghị ra ngoại ô. Trở về thủ đô, tôi*

thấy Bác rất vui, vì được tiếp xúc với quần chúng công - nông và các cháu nhỏ.

Tôi lại muốn nói: Bác thực sự là một lãnh tụ của nhân dân!
Và đúng như một bài thơ Việt Nam đã viết:

“Người là Cha, là Bác, là Anh-
Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ”.

Đối với riêng tôi, Bác có sự quan tâm như một người cha đối với con. Có lẽ vì thế mà dần dần trong công việc, tôi cũng yên tâm và tự tin hơn. Phải nói thật rằng, dịch cho Bác là cả một công việc không phải dễ dàng, bởi vì Bác nghĩ rất nhanh, hiểu biết rộng, người dịch phải làm sao diễn đạt lại cho kịp và đủ ý. Bác lại có một thứ ngôn ngữ phong phú, ý vị, hấp dẫn.

Một lần, tại nhà khách đặc biệt dành riêng cho các nguyên thủ quốc gia, Bác có mời tôi được đến ăn cơm với Bác. Rất thân mật, Bác hỏi tôi:

- Cô I-rê-nê, cô đã từng ở Việt Nam. Thế cô biết được những chuyện gì hay nào?

- Thưa Bác, cháu có nghe được một số chuyện, có cả chuyện tiểu lâm nữa.

- Thế à! Cô kể một chuyện tiểu lâm đi!

- Dạ, cháu xin kể Bác nghe chuyện “Cá gỗ xứ Nghệ” ạ!

Bác bật cười:

- Cô cũng biết chuyện ấy à!

Bác gấp thức ăn cho tôi rồi vừa ăn vừa nghe tôi kể. Sau đó, Bác còn phân tích cho tôi hiểu ý nghĩa của câu chuyện.

Thông thường, sau mỗi chuyến đi, Bác hỏi cảm tưởng của tôi. Nói là cảm tưởng, nhưng tôi hiểu ý Bác là một cuộc kiểm điểm công tác ngắn. Nhiều lúc rất thân tình, Bác nói cho tôi nghe những suy nghĩ, cảm xúc của mình. Bác cũng kể cho tôi nghe về những vùng ở Đức mà Bác đã đi qua hồi bí mật, ví dụ

vùng “Vết-đinh đỏ” thuộc Tây Béc-lin bây giờ. Bác vượt biên giới Pháp - Đức sang đây một cách gian khổ, đã phải đối đáp với bọn mật vụ Đức không biết bao nhiêu điều. Bác sang vào lúc cả nước Đức đang khốn khổ vì nạn đói. Nạn lạm phát mới ghê gớm làm sao! Một chút gì cũng phải trả hàng mấy ngàn Mác. Nhớ lại những năm tháng xa xưa ấy, Bác càng sung sướng đi thăm Thủ đô Béc-lin và nước Cộng hoà dân chủ Đức xã hội chủ nghĩa ngày nay. Tôi nhớ Bác khen nhân dân Đức siêng năng và làm việc có kế hoạch”.

*

Bà Mô-đê và nhà nhiếp ảnh Sturm đều cho tôi biết: giữa Bác Hồ và Tổng bí thư Đảng Cộng sản Đức Mác Rai-man cũng có mối quan hệ thật thân tình. Hai vị lãnh tụ ở gần nhau, nên thỉnh thoảng lại tìm gặp nhau trong những giờ không có hoạt động chính thức. Để ghi lại các cuộc gặp gỡ đó, tôi xin gặp đồng chí Mác Rai-man. Vào một ngày xuân năm 1976, nguyện vọng của tôi đã được thực hiện. Hôm nay, đồng chí là Chủ tịch danh dự Đảng (DKP) sống ở trung tâm thành phố Đuyt-xen-đốp, bên bờ sông Ranh, nơi có những cánh đồng trải rộng xanh ngát. Xa xa là dãy núi “Bảy ngọn” in trên nền trời, trông thật hùng vĩ.

Đồng chí Mác Rai-man mặc bộ com-le màu xám, thắt cà-vát màu xanh lá cây. Tuổi đã ngót 80, nhưng đôi mắt đồng chí vẫn linh lợi, luôn toả ra những tia lửa, - như một nhà văn từng viết về đồng chí. Giọng đồng chí sôi nổi, có sức thu hút người nghe thật lạ. Đó là giọng nói của “một diễn giả hùng biện, giàu nhiệt tình, từng biết cách truyền sức nóng từ ngọn lửa của chính tim mình tới người nghe”.

Uống xong tách cà-phê nhỏ, đồng chí nhẹ nhàng châm lửa hút thuốc. Rồi nhìn tôi bằng ánh mắt trìu mến của một nhà cách mạng lão thành, đồng chí kể cho tôi nghe những kỷ niệm của mình về Bác Hồ kính yêu của chúng ta. Đồng chí kể liên một mạch, tưởng chừng mọi điều đã được sắp sẵn trong đầu. Tôi lắng

nghe, vừa ghi âm vừa mãi mê chép vào sổ tay những nét lớn, những chi tiết thú vị...

- Tôi được gặp đồng chí Hồ Chí Minh nhiều lần, và chủ yếu là tại các cuộc hội đàm của những người đứng đầu các Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế cũng như tại các Đại hội của Đảng Cộng sản Liên Xô. Đối với chúng tôi, những người còn hoạt động âm thầm ngay giữa lòng xã hội tư bản, đồng chí luôn luôn dành cho những tình cảm anh em vô cùng thấm thiết. Cứ mỗi lần gặp Người, các đồng chí Tô-gli-át-ti, Tô-rê và tôi lại cảm thấy vui mừng kỳ lạ. Chúng tôi gọi Người một cách triu mến là *"người đồng chí từ Phương Đông"*. Ở đồng chí Hồ Chí Minh dường như lúc nào cũng tỏa ra một tình cảm ấm áp. Một sự cảm thông đầy tinh thần cộng sản. Và chỉ bằng ấy thôi cũng đủ sức thu hút và hấp dẫn những người xung quanh. Chúng tôi quý trọng đồng chí Hồ Chí Minh một cách đặc biệt, một phần nữa cũng là vì biết đồng chí đã từng bôn ba hoạt động ở nhiều nước phương tây: Pháp, Đức, Anh, I-ta-li-a... Có nơi nào lại không in dấu chân của đồng chí! Kỳ diệu thay, con người mảnh dẻ và dịu dàng ấy lại đã từng làm cho bao thế lực cường quyền phải khiếp sợ!

Trong thời kỳ bí mật, đồng chí Hồ Chí Minh có sang Đức mấy lần và thường là với tư cách đại diện của Quốc tế Cộng sản. Bây giờ tôi cũng có biết, song không thể gặp đồng chí vì đang hoạt động ở một tỉnh xa. Vào những năm 20, Người cải trang làm một người Trung Quốc tham dự Đoàn Thanh niên cộng sản ở Et-sơ. Ở đây Người ngủ tại nhà những người công nhân Đức. Các cuộc gặp gỡ sau diễn ra trong thời gian Người ở Béc-lin - Mô-a-bít.

Tôi chính thức tiếp xúc với đồng chí vào mùa hè năm 1935, tức là khi tiến hành Đại hội lần thứ 7 Quốc tế Cộng sản tại Thủ đô Mát-xcơ-va. Đại hội này họp tại Nhà Công đoàn trong gần một tháng, kể từ ngày 27 tháng 7 đến 21 tháng 8. Tham dự đại

hội có 513 đại biểu, thay mặt cho 65 Đảng cộng sản và một loạt tổ chức nằm trong Quốc tế Cộng sản. Tôi không thể nào quên được gương mặt của những nhà cách mạng lỗi lạc: Đi-mi-tơ-rốp, Xta-lin, Côt-van, Hồ Chí Minh, Vin-hem Pích, I-ba-ru-ri, Tô-gli-át-ti, Tô-rê...

Tại đại hội ấy, tôi được phân công cùng đồng chí Pê-tơ Phlo-rin viết 10 trang về tình hình Đức để bổ sung cho bản báo cáo chính trị của đồng chí Đi-mi-tơ-rốp. Nếu tôi nhớ không nhầm thì đồng chí Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm về phần tình hình Đông Dương và phong trào thuộc địa.

Trong thời gian khai mạc Đại hội, đồng chí Vin-hem Pích đã thay mặt Ban chấp hành Quốc tế Cộng sản nhiệt liệt chào mừng nhân dân lao động Liên Xô, những người đang sôi nổi thi đua xây dựng chủ nghĩa xã hội, tạo cho giai cấp công nhân toàn thế giới một sức mạnh và niềm tin mới. Đồng chí đánh giá cao tinh thần anh hùng và sự quên mình của các chiến sĩ cộng sản hiện đang bị hành hạ trong nhà tù đế quốc trong đó có các đồng chí ở Đông Dương và Chi Lê. Đại hội đã trân trọng cử đồng chí En-xơ Ten-lơ-man, vị lãnh tụ của những người cộng sản Đức, lúc đó đang bị bọn phát-xít giam cầm, làm Chủ tịch danh dự của Đại hội.

Tôi còn nhớ, cũng tại Đại hội ấy, đồng chí Lê Hồng Phong, bạn chiến đấu và người học trò ưu tú của đồng chí Hồ Chí Minh, đã được bầu vào Đoàn chủ tịch Đại hội và đọc bản tham luận hấp dẫn nói về sự lớn mạnh của phong trào cộng sản ở Việt Nam và Đông Dương. Các đại biểu rất chăm chú lắng nghe giọng nói sang sảng, đầy nhiệt huyết của người đồng chí. Trong đoàn đại biểu Việt Nam có một nữ đồng chí, nghe nói sau này là vợ đồng chí Lê Hồng Phong.

Tiếc rằng, công việc bận liên miên, tôi không có điều kiện thăm và hỏi chuyện riêng các đồng chí Việt Nam. Sau Đại hội,

các đại biểu được bố trí đi thăm quan nhiều nơi trên đất nước Liên Xô thì tôi đột nhiên bị ốm, phải đi nằm bệnh viện.

Từ sau đại hội ấy, như tôi đã nói, tôi còn được gặp đồng chí Hồ Chí Minh nhiều lần. Người coi tôi như một người bạn thân thiết, tuy rằng tôi ít hơn đồng chí những 8 tuổi. Mỗi lần trông thấy tôi từ xa, đồng chí đã giơ hai tay lên cao rồi mở rộng vòng tay, bước tới ôm hôn tôi triu mến. Người thường hỏi tôi bằng tên riêng: “Đồng chí Mác, đồng chí vẫn khoẻ đấy chứ?”

Từ thâm tâm mình, tôi luôn luôn coi đồng chí Hồ Chí Minh là một người anh lớn, một tấm gương sáng ngời của người Mác-xít - Lê-nin-nít mẫu mực. Phải nói rằng, đồng chí Hồ Chí Minh đã đóng một vai trò vô cùng quan trọng và có uy tín rất lớn trong phong trào cộng sản quốc tế, đấu tranh với tinh thần bền bỉ và kiên quyết cho sự thống nhất của những người cách mạng chân chính toàn thế giới. Trong bất cứ vấn đề nào phải tranh luận, tiếng nói của đồng chí Hồ Chí Minh cũng có tác dụng mở ra một hướng đúng đắn nhất, dễ chấp nhận nhất. Về con người, đồng chí Hồ Chí Minh hết sức khiêm tốn, giản dị, thủy chung. Bất cứ ai trong chúng tôi cũng yêu mến đồng chí vì những đức tính ấy. Bất cứ ai trong chúng tôi cũng muốn được gần Người để nghe Người tâm sự, truyền đạt cho những kinh nghiệm quý báu của một cuộc đời từng trải, vô cùng phong phú. Hơn nữa, lời Người nói có sức hấp dẫn lớn, bởi vì Người nói với tất cả tấm lòng và muốn mọi người cùng làm tốt hơn.

Có một mẫu chuyện nhỏ về đồng chí Hồ Chí Minh mà nhiều anh em chúng tôi còn nhớ mãi: Năm 1956, sau khi kết thúc Đại hội lần thứ 20 Đảng Cộng sản Liên Xô, các trưởng đoàn các đảng anh em được mời dự bữa cơm thân mật tại điện Crem-li. Hôm đó đúng ngày 8-3, ngày quốc tế phụ nữ. Chúng tôi đều đưa vợ đi. Đồng chí Vô-rô-si-lốp đọc diễn văn, trong đó nhiệt liệt chúc mừng chị em nhân ngày lịch sử này. Giữa bầu không khí thân mật, ấm cúng của gia đình những người cộng sản, đồng chí

Hồ Chí Minh nhanh nhẹn đến chúc mừng tất cả 18 chị em có mặt tại bữa tiệc đó. Mọi người đều vui vẻ, đồng thời rất xúc động trước sự quan tâm đầy tình cảm triu mến cũng như trước cử chỉ hồn nhiên, rất đáng yêu của đồng chí. Được tiếp xúc nhiều lần với đồng chí, sau này vợ tôi thỉnh thoảng vẫn nói: “Đồng chí Hồ Chí Minh là một con người tuyệt diệu!”

Lần đồng chí Hồ Chí Minh và tôi gặp nhau lâu nhất là vào mùa hè năm 1957, khi đồng chí sang thăm hữu nghị chính thức nước Cộng hoà Dân chủ Đức. Lúc đó, tôi cũng đang có việc ở Béc-lin. Biệt thự của Hồ Chủ tịch ở phố Mai-a-cốp-xki thuộc khu Păng-cô. Tôi cũng ở gần phố ấy, không xa biệt thự của đồng chí bao nhiêu. Nói như người Đức thì chúng tôi ở gần nhau đến mức quãng nhẹ một viên đá cũng tới đích. Chúng tôi thường tìm đến nhau sau các hoạt động chính thức của đồng chí. Có hôm đồng chí tiếp tôi ở ngay chân cầu thang phía ngoài biệt thự. Đồng chí với bộ quần áo ngủ kẻ sọc hai màu đỏ và đen. Bữa ấy tôi mang cả hai cậu con trai tôi sang thăm Bác Hồ. Hai cháu Han-xơ và Mi-sa-en rất sung sướng và vinh dự được gặp Người, nhưng có lẽ vì xúc động quá, các cháu hầu như không nói được gì với Bác Hồ. Người rất yêu mến hai cháu, âu yếm xoa đầu và hỏi chuyện học hành của chúng. Lát sau, đồng chí Hồ Chí Minh khoác tay tôi đi dạo trong vườn. Người hỏi tôi:

- Bệnh da dầy của đồng chí đã đỡ chưa?

Tôi rất lạ là Người còn nhớ đến cả một chuyện nhỏ ấy. Tôi nói với Người rằng, sau khi được các nhà chuyên môn của Cộng hoà dân chủ Đức xem xét, điều trị tôi thấy có khá hơn. Tuy nhiên, do công việc liên miên, nhiều khi khá căng thẳng, ít được nghỉ ngơi nên cũng khó lòng khỏi hẳn. Người nhìn tôi đầy thông cảm. Rồi chúng tôi trao đổi với nhau một số vấn đề chính trị.

Trong tình anh em thân thiết, tôi đã kể cho Chủ tịch Hồ Chí Minh nghe về vùng quê En-binh của tôi, nơi mà lúc tôi còn thơ

bé đã thấy rõ hai cảnh giàu nghèo, về cái gia đình khổ cực của tôi. Bố tôi là một người thợ nghèo, mẹ tôi quanh năm đi ở làm thuê cho nhà giàu. Mà chúng tôi thì có những tám anh chị em! Nhiều khi nạn thất nghiệp kéo dài hàng tháng trời, gia đình tôi càng túng bấn mọi bề. Mùa hè đến, chúng tôi đi mót khoai, mót lúa, vào rừng kiếm thức này thức nọ để mùa đông còn có cái ăn. Rất nhiều trẻ em đi ăn xin. Bản thân tôi, có biết đôi giày là thế nào! Giữa mùa đông giá rét, chúng tôi cũng chỉ đi giày bằng gỗ và bít tất là những miếng vải vụn vá chằng vá chịt! Đêm rét mà cũng chỉ ngủ trên những bao tải đựng lá cây khô... Thời thơ ấu của chúng tôi như vậy đây, thật nhiều gian khổ, thật nhiều thử thách. Tôi không bao giờ quên được cái tuổi thơ ấy.

Chính do nghèo khổ, phong trào công nhân ở vùng quê hương tôi phát triển sớm và mạnh. Những người thợ xây và thợ đóng tàu có thái độ cách mạng rất kiên quyết. Sự giác ngộ giai cấp của họ khá sâu sắc mà tôi sau này chỉ còn thấy ở thợ thuyền của vùng Rua, Hăm-buốc và Lai-pxích. Tôi nhớ biết bao hình ảnh ông Trin-dê, chủ tịch công đoàn vùng quê tôi, một người thợ kim khí rất kiên kiên cường! Ông mất vào mùa đông năm 1908, giữa tuyết lạnh, dòng người đưa tang ông đông lắm, kéo dài cả đường phố... Tôi cũng nhớ biết bao hình ảnh những người thợ xây dựng, những đảng viên đảng xã hội dân chủ: họ đội mũ lưỡi trai đen rất to và thắt cà vạt đỏ rực, đó là mũ “Bê-ben”, cà vạt “Bê-ben” vì đồng chí Au-gút Bê-ben, lãnh tụ kính yêu của họ từng đội mũ ấy, thắt cà vạt ấy!

Từ một người thợ tán đinh ri-vê, một người thợ mỏ, tôi đã đi vào cách mạng. Đối với thế hệ chúng tôi, Các Líp-nêch và Rô-da Lúc-xem-bua, Cla-ra Xét-kin và Phan-xơ Mê-rinh là lòng tin, là niềm tự hào vô bờ bến... Cuộc cách mạng tháng 11 năm 1918 là lò lửa thử thách chúng tôi, đưa chúng tôi trở thành những người cộng sản. Những năm tháng tù tội ở Pho-stanh, những ngày hoạt động sôi nổi ở A-len, bao đêm ròng miệt mài nghiên cứu những

nét cơ bản nhất trong học thuyết của Mác, Ăng-ghe-n và Lê-nin... còn mãi mãi in đậm nét trong tâm hồn, trong trí nhớ của tôi.

Đồng chí Hồ Chí Minh, người anh lớn của tôi, đã chăm chú nghe tất cả, không bỏ qua một chi tiết nào, một mẩu chuyện nào. Người đặc biệt thích thú những chi tiết về đời sống của anh chị thợ mỏ. Ở nước tôi, than thực sự là *vàng đen*. Bản thân tôi từng là thợ mỏ nên có điều kiện mô tả một cách kỹ lưỡng cho Người nghe.

Càng nghe những câu chuyện về đời hoạt động của nhau, chúng tôi càng hiểu nhau, quý trọng nhau. Đồng chí Hồ Chí Minh và tôi đều thừa nhận: chúng tôi là những người lao động cần lao, đâu có điều kiện để qua những trường học cấp cao. Song, cuộc sống đấu tranh cách mạng chính là trường đại học của chúng tôi. Và chính những công nhân bình thường là những người thầy đầu tiên của người cách mạng. Lớn lên từ phong trào quần chúng, người cách mạng sống bằng tâm hồn, bằng lý tưởng của giai cấp mình...

Biết đồng chí Hồ Chí Minh rất quan tâm đến tình hình xã hội ở Cộng hoà Liên bang Đức, tôi phác họa cho Người nghe những cảnh tượng khủng hoảng trong kinh tế và xã hội. Người tỏ vẻ suy nghĩ rất nhiều khi tôi giới thiệu cụ thể các thủ đoạn bóc lột hết sức tinh vi của bọn tư bản đối với công nhân. Bọn tư bản bóc lột công nhân hai lần: một mặt, chúng bắt họ làm việc ngày đêm, bán sức lao động đến cùng kiệt; mặt khác, đồng lương của họ lại bị chúng gửi vào nhà băng để ăn lãi!

Cũng không biết đã bao lần tôi kể chuyện về đồng chí Hồ Chí Minh cho đồng bào, đồng chí ở Cộng hòa Liên bang Đức nghe. Và lần nào tôi cũng nói cho họ rõ rằng: Người rất quan tâm đến cuộc chiến đấu thầm lặng mà ác liệt của chúng tôi. Đồng chí Hồ Chí Minh đã từng hỏi tôi về cách tổ chức của Đảng để tiến hành đấu tranh cho quyền lợi thiết thực hàng ngày cũng như cho mục đích lâu dài của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Trong khi trò chuyện với Người, tôi cũng hỏi nhiều về tình hình Việt Nam, nhất là về cuộc đấu tranh cho thống nhất đất nước. Người nói với tôi: “Cuộc đấu tranh ấy còn nhiều gian khổ, còn nhiều hy sinh”. Nhưng Người, với tầm nhìn rất thực tiễn, đã chỉ rõ dã tâm thâm độc của đế quốc Mỹ, đồng thời cho thấy những yếu tố tích cực trong phong trào cách mạng miền Nam. Người nói: “Tuy còn nhiều khó khăn gian khổ, cuối cùng nhân dân Việt Nam nhất định thắng”. Niềm tin đó của Người đã trở thành hiện thực vẻ vang trong niềm hân hoan, vui sướng của bầu bạn khắp năm châu.

Tiếc thay, đồng chí Hồ Chí Minh không còn nữa! Đối với riêng tôi, đây cũng là một sự mất mát, một tổn thất không sao bù đắp nổi. Từ ngày đó, tôi luôn giữ trong mình một tấm ảnh chụp hai chúng tôi đang nói chuyện cùng nhau tại một cuộc chiêu đãi trọng thể ở Béc-lin. Tôi cũng thường đọc tác phẩm của Người, đọc cả thơ Người nữa. Toàn bộ cuộc đời và tác phẩm của đồng chí Hồ Chí Minh luôn luôn cổ vũ nhiệt tình cách mạng của chúng tôi.

Trang 79-96

Trong cuốn *“Bảy ngày Bác Hồ thăm Cộng hoà Dân chủ Đức”*

Nxb Quân đội nhân dân - 1998

THA NOONG XÁC

Lào

KÍNH DÂNG CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Chủ tịch Hồ Chí Minh

Sự nghiệp của Người bất diệt

Tỏa sáng lung linh, không gì che được

Đẹp như trăng Rằm soi rọi đêm thâu

Chủ tịch Hồ Chí Minh

Người là chiến sĩ kiên cường cách mạng

Mang trong mình nhiệt huyết Đông Dương

Người trong sáng đỉnh cao mẫu mực

Dắt dẫn chúng con vững bước tiến lên

Ngày 19 tháng 5

Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại

Như vì sao xuất hiện trời đêm

Lớp thợ thuyền, lao động đứng lên

Theo Bác Hồ với niềm tin yêu tha thiết

Chủ tịch Hồ Chí Minh
Con xin dâng Người vần thơ mộc mạc
Sâu lắng tận lòng con
Gắn chặt liên minh ba dân tộc
Lào - Việt - Campuchia mãi mãi bên nhau
Như nước Mê Công ngàn năm chảy xiết
Như hoa Chăm-pa thơm ngát bốn mùa

Hỡi Mê Công và sông Hồng
Từng thấm bao dòng máu đỏ
Của anh hùng ba dân tộc anh em
Ba nước bên nhau cùng đập một nhịp tim
Dù núi lặn, biển khô cũng không lìa nhau được
Ta đạp dưới chân bọn xâm lăng
quen thói hung hăng

Chủ tịch Hồ Chí Minh
Người vẫn sáng lung linh, kỳ vĩ
Lớp lớp chúng con tiếp bước theo Người
Đến chủ nghĩa xã hội
Đến hạnh phúc, văn minh
Và hòa bình mãi mãi.

HÙNG PHI dịch
Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

THẠCH NHƯ - THÀNH ĐẠI KHÁNH
Hàn Quốc

VIẾNG LĂNG NGÀI HỒ CHÍ MINH

Trong mộng đã từng thăm viếng Cụ
Cõi trần như mộng cũng trôi nhanh
Cái ác, cái gian thì tàn lụi
Sự nghiệp Người sáng mãi sử xanh.

Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

DAVID THOMAS

Hoạ sĩ Mỹ, Giám đốc tổ chức

Cộng tác nghệ thuật Đông Dương

“CHÂN DUNG HỒ CHÍ MINH CỦA MỘT HOẠ SĨ”

David Thomas - hoạ sĩ, cựu chiến binh, từng đóng quân tại Pleiku những năm 1969-1970.

Ông có tác phẩm “Chân dung Hồ Chí Minh của một hoạ sĩ”.

“Tôi rất tức giận”, ông David Thomas nói với tờ *Tuổi trẻ*. “Tôi không hiểu vì sao đã gần 30 năm sau chiến tranh, có những người vẫn cố tình gây tổn thương đến nhân dân Việt Nam. Tôi không ủng hộ việc áp đặt quan điểm, giá trị của người Mỹ lên các quốc gia khác. Mỗi nước có một đặc điểm lịch sử văn hoá riêng, người dân mỗi nước có quyền tự chọn nhà lãnh đạo của mình, thể chế của mình”.

Từng là một chiến binh Mỹ tham chiến ở Việt Nam trong những năm 1969-1970 tại Pleiku, David Thomas được biết đến như là một hoạ sĩ Mỹ đầu tiên vẽ chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh. Từ năm 1987, ông đã thực hiện gần 40 chuyến thăm và làm việc tại Việt Nam trong nỗ lực tìm kiếm sự hòa giải, hợp tác giữa hai nước Việt- Mỹ thông qua giao lưu văn hóa. ông đã bày tỏ sự phẫn nộ của mình trước việc phiên bản của dự luật nhân quyền Việt Nam lại vừa được Hạ viện Mỹ thông qua.

Ông David Thomas cho biết năm 2001, sau khi Hạ viện Mỹ thông qua Dự luật nhân quyền Việt Nam, hộp thư điện tử của ông tràn ngập các bức thư của bạn bè, các tổ chức Mỹ thông báo và lên án việc này. Ngay lập tức, ông viết thư cho hai Thượng

nghị sĩ đại diện cho bang Massachusetts là John Kerry và Edward Kennedy kêu gọi họ không ủng hộ dự luật này. "Tôi nghĩ nước Mỹ không nên can thiệp vào công việc của nước khác, đặc biệt là Việt Nam. Đất nước này đã chịu nhiều tổn thương trong cuộc chiến mà người Mỹ trực tiếp liên quan", ông nói.

Hơn 15 năm gắn bó với Việt Nam, ông Thomas đã có thay đổi trong cách nhìn nhận về Việt Nam. Ông đã bày tỏ những tình cảm tốt đẹp với Việt Nam, với hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh. "Tôi bị thu hút mạnh bởi những bức ảnh chân dung Hồ Chí Minh được thấy ở khắp nơi. Tôi lưu giữ hình ảnh và khuôn mặt của Người trong tâm trí và bắt tay vào sáng tạo 50 tác phẩm họa hình ảnh Hồ Chí Minh. Các tác phẩm này được triển lãm, in thành sách ở Mỹ và tôi mong điều này có thể góp phần đem lại cách nhìn mới về Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh cho người Mỹ".

David Thomas là người sáng lập và hiện là Giám đốc Tổ chức Cộng tác nghệ thuật Đông Dương, một tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận đã góp phần phát triển nhiều hoạt động trao đổi văn hóa giữa Mỹ và Việt Nam. Năm 1999, ông trở thành người nước ngoài đầu tiên được trao tặng Huy chương vì sự nghiệp Văn hóa của Việt Nam. Năm 2000, Davis Thomas cộng tác với một người bạn xuất bản một tác phẩm độc đáo mang tên *Chân dung Hồ Chí Minh của một họa sĩ* Cuốn sách chỉ in 100 bản, mỗi bản có 110 trang rời được đựng trong hộp sơn mài, trong đó có 50 bức chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh do David Thomas vẽ được in trên giấy dó, một chất liệu đặc trưng của Việt Nam, thường dùng để in các bức tranh dân gian Đông Hồ. Cuốn sách có giá 2.000USD/bản, đã được các thư viện lớn, các nhà sách hàng đầu, các nhà sưu tập Mỹ đặt mua hết ngay sau khi phát hành. Vào tháng 8 tới, ông sẽ tổ chức lễ ra mắt cuốn sách *Hồ Chí Minh - một chân dung*, do ông cùng nữ văn sĩ Lady Borton thực hiện bằng hai thứ tiếng Anh-Việt tại Boston. Tháng 9, ông sẽ trở lại Việt Nam để tiếp tục các dự án cộng tác với Hội Mỹ thuật Việt Nam.

(Theo TTXVN)

POUL THORSEN

Nhà thơ Đan Mạch

(Thiệp ngày 14-5-1967)

Trong bất kỳ tình huống nào, con người cũng phải giữ cho được phẩm chất cao quý, đó là bài học quý nhất mà tập NHẬT KÝ TRONG TÙ đã đem lại cho tất cả chúng ta. Vì thế, tôi đánh giá cao tác phẩm này. Xin cảm ơn các bạn, và để đền đáp lại, tôi xin gửi tặng tập thơ *"Hái quả"* của tôi.

Báo Văn nghệ - Thế giới với Bác Hồ
Số 1538-1598 trang 17

THU TRANG

Nhà văn Pháp (gốc Việt)

HỒ CHÍ MINH ĐỜI ĐỜI BẤT TỬ

Bác Hồ ơi, Bác Hồ ơi...

Tôi bỗng thấy như đất trời tôi lại
Việt Nam mất rồi một người Cha vĩ đại
Việt Nam mất rồi một lãnh tụ anh minh
Thế giới mất rồi một người bạn đấu tranh

Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh...

Cả một đời hy sinh vì dân tộc
Cả một đời xông pha không mỏi mệt
Cả một đời trong chiến đấu gian lao!
Dâng trọn đời cho giai cấp cần lao!

Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh...

Người viết lên những trang sử hùng anh
Người khơi lên dòng máu nóng Lạc Hồng
Người tạo nên một thể hệ anh hùng
Người đã làm cho non sông quật khởi!

Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh...
Người đã gieo mầm tư tưởng mới
Người Việt Nam của thế kỷ hai mươi
Người Việt Nam nêu gương cho thế giới
Đấu tranh đi! Những dân tộc tôi đòi!

Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh...
Lời của Người là kinh thánh sáng ngời
Chỉ đường cho hàng triệu người tăm tối
Chỉ lối cho bao nhân dân nghèo đói
Hãy đứng lên! Đòi quyền lợi thiêng liêng.

Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh...
Người nêu cao khẩu hiệu hoà bình
Độc lập, tự do và quyền tự quyết
Tên tuổi Người làm run tay đế quốc
Nhưng ấm lòng người tiến bộ năm châu!

Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh...
Từ ngày nay cho đến nghìn sau
Tư tưởng Người là tia sáng đêm sâu
Là nhạc là thơ cho đời thẩm đẹp
Là vạn hương hoa, là vạn sắc màu...

Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh...
Cả một đời chính đại quang vinh
Mà đơn sơ, mà cần cù đặm bạc
Đời Người là bài hùng ca bất diệt
Hoà nhịp vào khúc hát bốn nghìn năm!

Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh...
Người trở thành bất tử với non sông
Truyền thống liệt oanh đời đời sống mãi
Muôn thế hệ Hồ Chí Minh tiếp nối
Việt Nam ơi, ta kiêu hãnh vì Người!

Tôi bỗng thấy đất trời xanh thắm lại
Cương quyết lên, nổi tay Người vĩ đại
Vẳng đâu đây lời nhắn nhủ thiết tha:
"Tiến lên, toàn thắng ắt về ta!"

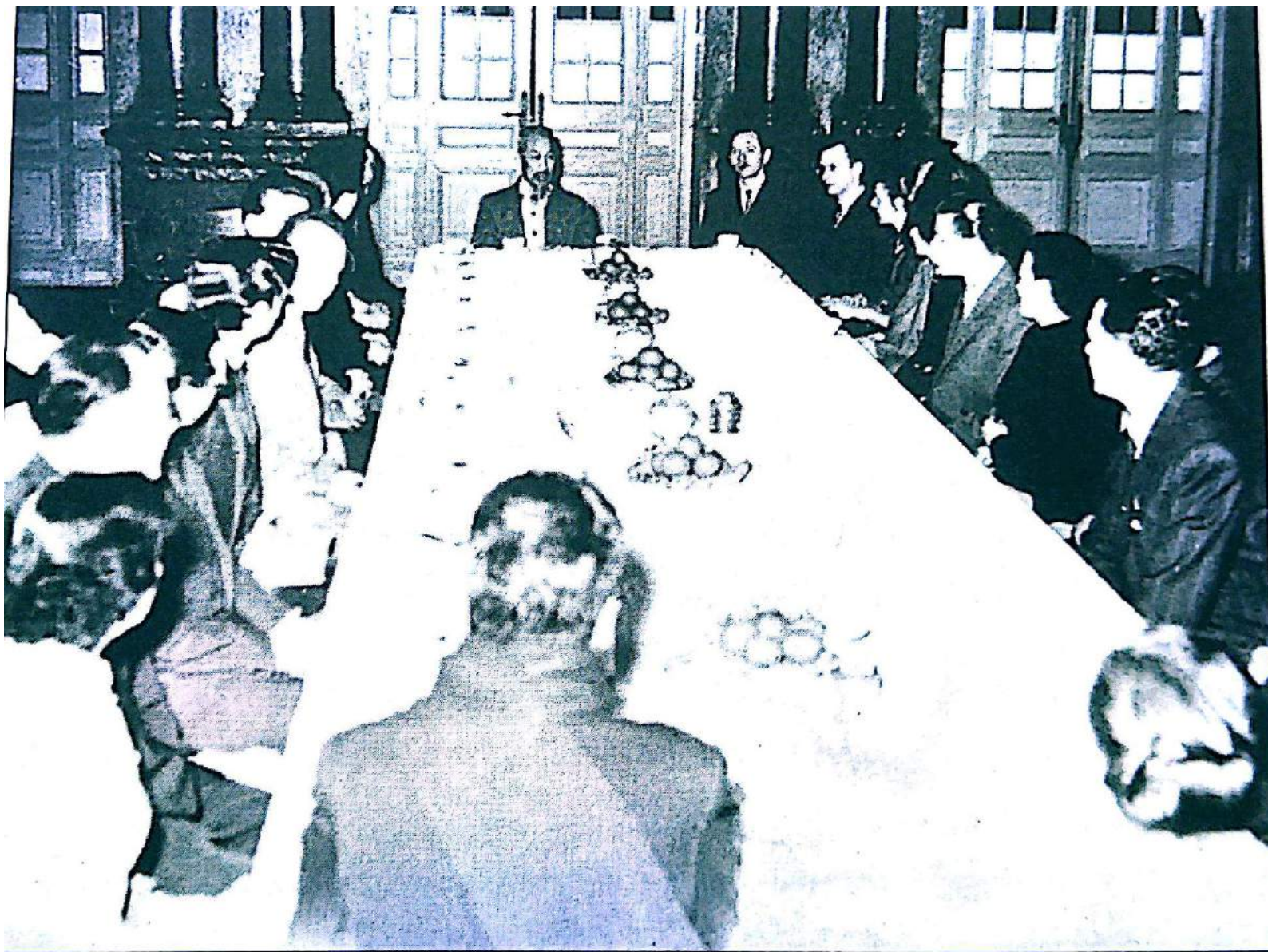
Paris, 1969
Nghe tin buồn

TIÊU HƯỚNG VINH
Trung Quốc

THĂM NHÀ CŨ CỦA HỒ CHỦ TỊCH

Đừng bảo lều tranh nát
Đừng chê mảnh đất cằn
Người ở đây ngày trước
Nay là bậc vĩ nhân
Chí bền rèn chống giặc
Tuổi trẻ quyết vì dân
Quý đời đi cứu nước
Vượt khó nguyện quên thân
Canh trường luôn nghĩ ngại
Trời đất vẫn xoay vần
Sừng sững bờ Nam - Hải.

VÕ TRÍ SON dịch
Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005



Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp đoàn múa rối Tiệp Khắc
sang thăm và biểu diễn tại Việt Nam (12/3/1956)

- Ảnh: Đinh Đăng Định

TIÊU TAM

Nhà thơ Trung Quốc

TUỞNG NHỚ TIÊU TAM - NGƯỜI BẠN CỦA BÁC HỒ

Sinh thời, Bác Hồ rất quý hai nhà thơ lớn Trung Quốc: Quách Mạt Nhược và Tiêu Tam. Nhà thơ Tiêu Tam nhiều lần gặp Bác và làm thơ ca ngợi Bác. Tiêu Tam yêu Bác, quý Bác không những vì Bác là lãnh tụ kính yêu, thơ văn xuất chúng mà chính là thời kỳ hoạt động ở Pháp, Bác đã giới thiệu nhà thơ Tiêu Tam gia nhập Đảng Cộng sản Pháp. Tình cảm sâu nặng đó đối với Bác, nhà thơ Tiêu Tam không bao giờ quên.

Không những là nhà thơ, Tiêu Tam còn là một trong những nhà hoạt động cách mạng đầu tiên của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đồng thời với Mao Trạch Đông, Sái Hòa Sâm và Triệu Thế Đàm. Ông đã từng làm việc, gần gũi với Mao Trạch Đông ở Diên An và sau này trở về Bắc Kinh. Thời kỳ là lưu học sinh ở Pháp, được Bác Hồ giúp đỡ cùng với Chu Ân Lai và Triệu Khôi Đàm, Tiêu Tam đã tổ chức “Thiếu niên Trung Quốc Cộng sản Đảng” và sau đó được Bác giới thiệu vào Đảng Cộng sản Pháp. Năm 1924, sau khi học tập ở Liên Xô, Tiêu Tam về nước và tham gia cuộc cách mạng lần thứ nhất. Ông đã từng làm bộ trưởng tổ chức Trung ương Thanh niên và một trong những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa vũ trang lần thứ ba của công nhân Thượng Hải. Tiêu Tam là đại biểu của Đại hội lần thứ V Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Năm 1930, Tiêu Tam thay mặt Hội Nhà văn Cánh tả Trung Quốc thường trú tại Mát-xcơ-va, tham gia Chủ tịch đoàn Hội nghị các nhà văn cách mạng quốc tế tổ chức tại Liên Xô (cũ) sau đó ông gia nhập liên minh các nhà văn cách mạng thế giới chủ biên tạp chí “Văn học quốc tế” xuất bản bằng tiếng Hoa. Năm 1934, ông gia nhập Đảng Cộng sản Liên Xô (cũ) và hai lần là đảng uỷ viên Hiệp hội Nhà văn Liên Xô, tiếp xúc với hai đại văn hào Xô-viết là M.Gorky và A.Tônxtôi, cùng làm việc với các nhà văn, nhà tiến bộ các nước Đức, Pháp, Mỹ, Tiệp, Hung, Bun, Ru và An-ba-ni. Ông giới thiệu văn học Trung Quốc ra các nước. Ông cũng là người dịch lược truyện của Mao Trạch Đông và Chu Đức ra tiếng nước ngoài; đồng thời cũng dịch nhiều tác phẩm văn học nước ngoài ra tiếng Trung Quốc. Sau khi trở về nước, ở Diên An, ông dịch nhiều vở kịch, tác phẩm của Puskin, Lecomôngtôp, Gorky và “Lênin bàn về văn hoá và nghệ thuật” để giới thiệu cho bạn đọc Trung Quốc lúc đó.

Tiêu Tam là người rất giỏi ngoại ngữ. Ông tinh thông các thứ tiếng Nga, Anh, Pháp, Đức và nhiều ngôn ngữ quốc tế khác. Từ những năm 20 và 30, Tiêu Tam đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh truyền bá lý luận Mácxit, trong đó có lý luận văn học nghệ thuật của các nhà kinh điển thế giới.

Sau khi nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa được thành lập (1949), Tiêu Tam đã từng giữ các chức vụ: Cục trưởng Cục liên lạc văn hóa đối ngoại, Hội phó hội hữu nghị Trung - Xô, Uỷ viên Uỷ ban Bảo vệ Hòa bình thế giới của Trung Quốc...

Tiêu Tam là người có nhiều cống hiến trong việc giao lưu giữa văn học Trung Quốc và thế giới. Thời kỳ ở Liên Xô (cũ), ông có liên hệ mật thiết với đại văn hào Lỗ Tấn. Thời kỳ ở Diên An, ông đã từng làm chủ biên nhiều tờ tạp chí như: “Đại chúng văn nghệ”, “Trung Quốc họa báo”, “Tân thi ca”. Mặc dù đảm đương nhiều công tác quan trọng, nhưng Tiêu Tam vẫn thường

xuyên sáng tác thơ ca. Ông liên tiếp cho xuất bản các tập thơ như: “Con đường hòa bình”, “Bài ca hữu nghị”, “Tuyển thơ Tiêu Tam”. Những tác phẩm văn học khác của Tiêu Tam được độc giả hâm mộ như: “Tuyên ngôn”, “Hy vọng”, “Nhà thơ đứng lên”...

Thời kỳ đại cách mạng văn hoá nhà thơ Tiêu Tam bị Lâm Bưu, Giang Thanh và Khang Sinh tìm cách hãm hại. Chúng bỏ tù ông trong 7 năm. Mặc dù bị tù đầy, bức hại, nhưng Tiêu Tam vẫn tỏ ra là một chiến sĩ cộng sản kiên cường, trung thành với sự nghiệp cách mạng Trung Quốc. Năm 1979, Tiêu Tam được trả tự do, phục hồi danh dự. Lúc này ông đã hơn 80 tuổi. Mặc dù tuổi già sức yếu, ông vẫn hăng hái tuyên bố: “Mạnh mẽ nung ngọn bút, tiếp tục ca ngợi nhân dân”.

Năm nay, (1993) giới văn học nghệ thuật Trung Quốc tưởng niệm 100 ngày sinh của nhà thơ Tiêu Tam. Nhớ Tiêu Tam, các nhà văn nhà thơ Trung Quốc lại nhớ đến Hồ Chủ tịch, người bạn lớn của Tiêu Tam, người đã giúp nhà thơ bước vào con đường cách mạng. Nhân kỷ niệm 103 năm ngày sinh của Hồ Chủ tịch năm nay, chúng ta lại nhớ đến nhà thơ Tiêu Tam, một trong những nhà thơ Trung Quốc có nhiều thơ ca ngợi Bác nhất và là người mà sinh thời Bác rất yêu mến.

HỒ SĨ HIỆP

(Theo *Quang Minh nhật báo Trung Quốc*, 3-1993)

TIÊU TAM
Trung Quốc

HỒ CHÍ MINH CHỦ TỊCH THẤT TRẬT ĐẠI THỌ

I

Nhân sinh thất thập cổ lai hy
Vọng trọng đức cao Hồ Chủ tịch
Lãnh tụ quân luân khu ác ma
Cứu dân thủy hỏa đang nhắm tịch

II

Ức tích Ba-lê giải cấu thi
Thanh niên ái quốc lãng vân chí
Đàm tân thoại cự Xích đô nhật
Phương thốn hà tăng vong cổ lý

III

Kiên cường cự thủ thụ hồng kỳ
Trảm cực phi kinh vô dữ địch
Cách mạng hoàn thành nhân tâm hướng
Bán biên thiên hạ chung liên bích

IV

Tùng lai Trung - Việt nhất gia thân
Vạn cổ trường thanh hữu nghị thâm
Hồng Hà Dương Tử lưu bất đoạn
Vạn thọ vô cương chúc chí nhân

TIÊU TAM kính chúc

BẢN DỊCH THƠ

MỪNG THỌ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
BẢY MƯƠI TUỔI

I

Xưa nay bảy chục dễ bao người
Đức vọng lớn thay Hồ Chủ tịch!
Lãnh đạo toàn dân quét giặc thù,
Thoát vòng nước lửa đời êm đẹp.

II

Nhớ lại Ba-lê gặp buổi nào
Thanh niên ái quốc chí cao vút.
Luận đàm ngày ở Mạc-tư-khoa
Lòng có bao giờ quên đất nước!

III

Giương ngọn cờ hồng vững chắc tay.
Phát quang gai góc ai bì được.
Hoàn thành cách mạng người hướng theo
Rồi nửa trời kia liền giải ngọc.

IV

Hữu nghị đời đời mãi thắm tươi
Từ xưa Trung - Việt một nhà thôi!
Hồng Hà Dương Tử không ngừng chảy
Sống mãi muôn năm kính chúc Người.

KHƯƠNG HỮU DỤNG dịch
(*Báo Văn nghệ - Số 96, thứ 6, 27/5/1960*)

M.TKÁTSÓP

Nhà dịch giả Nga (*Liên Xô*)

VỀ TRUYỆN ĐẢ KÍCH VÀ THƠ TRỮ TÌNH CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Đã nhiều lần, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp các nhà văn Liên Xô ở Hà Nội. Cũng như tất cả những ai đã gặp Người, trong những cuộc gặp gỡ ấy, chúng tôi tiếp xúc với một tâm hồn hết sức phong phú, một con người khiêm tốn, giản dị, làm cho người ta phải ngạc nhiên, thấy những điều phỏng đoán của mình trước khi gặp Người không còn đúng nữa. Chúng tôi được gặp một con người hoạt bát, giàu ước mơ... Sau mỗi ngày làm việc căng thẳng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến với mọi người, từ người bạn chiến đấu trong Đảng đến người nông dân, người công nhân. Do vậy, Người hiểu tường tận về họ và công việc của họ, lời Người nói thường đi thẳng vào trái tim họ.

Có lẽ, trong một chừng mực nào đấy, chúng ta cũng đoán được những phẩm chất này của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được hình thành như thế nào dưới mái tranh đơn giản, trong một căn nhà với đồ đạc sơ sài ở làng Kim Liên cách thành phố Vinh không xa lắm, nơi thân sinh Người đã ở, nơi Người sống thời thơ ấu. Thân phụ Chủ tịch Hồ Chí Minh là người có học. Kiến thức của ông được xác nhận ở các khoa thi truyền thống hồi bấy giờ là điều kiện tốt để ông có thể làm quan. Nhưng chả lẽ làm quan cho thực dân ở nước thuộc địa là Việt Nam mình? Ông không muốn. Ông đem kiến thức truyền lại cho con. Ở làng Kim Liên

những năm trước đây, chúng ta có thể gặp những cụ già có phong thái giống Chủ tịch Hồ Chí Minh. Các cụ nhớ rõ về Người hồi niên thiếu, và có thể dẫn ta đến nơi Người đã từng ngồi hàng giờ xem bác thợ rèn làm việc, dẫn ta đến bên một lũy tre, bên một cái giếng trong mát, nơi trẻ con thôn xóm thường hay tụ tập. Các cụ già đã sống trong những mái tranh ở đây, và con cháu họ cũng như họ ngày trước, trồng cây trên những cánh đồng...

Chính mái tranh sơ sài này của những người nông dân làm tôi nhớ lại, lần đầu tiên, qua hàng cây râm mát, tôi nhìn thấy căn nhà sàn người ta dựng cho Chủ tịch Hồ Chí Minh theo yêu cầu của Người. Căn nhà sàn ở Hà Nội, trong một khu vườn có Dinh Toàn quyền ngày trước, nay là Phủ Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tại Phủ tịch sẽ diễn ra nghi lễ của những cuộc tiếp khách chính thức. Nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh ở và làm việc trong nhà sàn. Tại đây, mọi thứ đều bình dị, đơn giản - sự đơn giản đã trở thành phương châm trong cuộc sống của Người. Bất giác, tôi đi chậm lại. Tôi nghĩ đến con đường dài, bắt đầu từ cửa ngõ căn nhà tranh làng Kim Liên, qua bao nhiêu chông gai, ghềnh thác, đến những bậc thang của căn nhà sàn giản dị, như một sự thách thức trước Dinh Toàn quyền to cao. Con đường ấy đã xuyên qua các đại dương, các lục địa, qua bao nhiêu quốc gia.

Năm 1911, đồng chí Hồ Chí Minh đi làm thuê, giúp việc nấu ăn trên một chiếc tàu thủy của Pháp, khởi hành từ Sài Gòn, ba mươi năm sau mới trở lại đất nước thân yêu một cách bất hợp pháp, ở một vùng núi thuộc biên giới phía Bắc. Năm 1942, Người từ già Việt Nam, đến năm 1944 trở về, chuẩn bị lãnh đạo tổng khởi nghĩa vũ trang.

Chúng ta sẽ không nói lại ở đây tiểu sử Chủ tịch Hồ Chí Minh. Mọi người đều đã biết. Chỉ xin nhắc lại rằng một cái đích trên cuộc hành trình dài đặc ấy là, trong gió tuyết tháng Giêng Mátxcova năm 1924, cùng với người dân Liên Xô và những người cộng sản khắp nơi trên thế giới, Người đã đi sau linh cữu

Lênin, người thầy bao nhiêu lần Người ước ao được gặp mặt. Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ đến đất nước chúng ta một lần ấy. Người đã từng học ở trường quốc tế Lênin, và tham gia công tác của các tổ chức cộng sản. Thấy được những gì đã xảy ra ở nhà nước đầu tiên trên thế giới thật sự là nhà nước của người lao động, để tuyên truyền cho nó, Người viết *Nhật ký chìm tàu*, kể chuyện một người Việt Nam, một người châu Âu, một người châu Phi - ba người bị đắm tàu, rồi được đưa đến nước Nga Xô-viết, thấy nền cộng hòa ở đây đã được sinh ra như thế nào sau Cách mạng tháng Mười. Tác phẩm này đã lưu truyền bí mật ở Việt Nam...

Sỏi khê lạo xạo dưới chân. Căn nhà sàn bằng gỗ mỗi lúc một gần. Đã thấy dáng một ông cụ cúi xuống bên trong cửa sổ. Tiếng đánh máy chữ lách tách chìm vào khu vườn yên tĩnh. Chủ tịch ngẩng lên nhìn thấy chúng tôi, mỉm cười. Người đứng dậy, nhưng chắc chưa đánh xong một câu nào đó, Người lại ngồi xuống một chút, rồi đi ra cửa đón chúng tôi. Chúng tôi để giày dưới chân thang, bước lên nhà sàn, như vào một căn nhà nào ở nông thôn Việt Nam vậy.

Một chiếc bàn làm việc kê sát tường, cạnh cửa sổ. Phía trên là giá sách. Trên bàn có đặt chiếc máy chữ dùng đã lâu, mấy tờ báo Việt Nam và nước ngoài, trong đó có tờ *Sự thật* và *Tin tức* của chúng ta. Tôi cũng thấy trên giá có sách tiếng Nga, hai cuốn của Lênin và tập bản đồ thế giới đã cũ được đánh dấu ở mấy trang. Đồng chí Hồ Chí Minh nhìn chúng tôi, nói:

- Sách ở đây ít thôi. Đó là “thức ăn” để tôi làm việc - Rồi Người cười, nói thêm - Kể ra, sách cũng nhiều, nhưng thỉnh thoảng tôi mới đọc được. Kể cả sách của các nhà văn - Người lại cười.

- Nhưng còn sách do Bác viết nữa chứ ạ? - Tôi hỏi.

Người xua tay và nói luôn bằng tiếng Nga:

- Không... Tôi chỉ là một nhà văn... bất đắc dĩ!

Mọi người đều cười...

Tôi đã được thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh trong những cuộc tiếp khách chính thức ở Phủ Chủ tịch. Tất nhiên là ở đây, Người cư xử khác. Nhưng hôm nay... Tôi nghĩ, tính hài hước của Người, những lối đùa vui hóm hỉnh và thâm thúy của Người, chắc chắn là Người đã có từ thời trẻ, khi viết những truyện châm biếm, đả kích đầu tiên.

Sau này, chú ý nhìn kỹ những bức ảnh, những chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh, chụp và vẽ vào những năm hai mươi, tôi lại thấy sự nghiêm trang, khắc khổ hiện trên khuôn mặt Người; quả thật, lúc bấy giờ Người sống rất chật vật. Còn những gì là tinh anh thì ẩn trong khóe mắt, với đôi môi thường giấu kín một nụ cười.

Bây giờ, ta hãy nói qua về các truyện đả kích. Đây là lần đầu, bạn đọc tiếng Nga làm quen với chúng. Trong những truyện này, có nhiều lối đả kích sâu cay. (Ta không nên quên rằng đồng chí Hồ Chí Minh viết những truyện này không phải bằng tiếng mẹ đẻ, mà bằng tiếng Pháp). *Lời than vãn của bà Trưng Trắc* kết hợp cả chất bi và chất hài. Người con gái anh hùng của Việt Nam ngày xưa đã hiện về trước tên vua của triều đình nhà Nguyễn, chế độ phong kiến cuối cùng sẽ bị Cách mạng tháng Tám năm 1945 lật đổ. (Chủ tịch Hồ Chí Minh lưu ý người đọc châu Âu lúc bấy giờ: dưới ách thống trị của thực dân Pháp, đất nước Người bị gọi là “Annam”, còn người Việt Nam bị gọi là Annamít!). Vị anh hùng quả mẫn tên bán nước, làm cho hấn phải kinh hoàng trước bóng dáng mình. Tác giả so sánh sự hèn nhát của tên vua (về hấn, Người còn viết vở kịch *Con rồng tre*) với Hămlet của Sếchxpia. Chủ tịch Hồ Chí Minh hiểu biết về Sếchxpia. Người đã đọc một số tác phẩm của văn hào qua tiếng Anh. Có thể, trong truyện này của Người, có ảnh hưởng đôi chút của Sếchxpia. Song, tôi cứ nghĩ, những gì mà truyện đề cập rất gần với những tác phẩm cổ điển Việt Nam.

Hãy lấy một thí dụ, trong bài văn dài của thi hào Nguyễn Du (1765 - 1820): *Văn chiêu hồn* (tức *Văn tế thập loại chúng*

sinh) có đầy những bóng dáng, những oan hồn người chết, bằng chứng hùng hồn về nỗi bất hạnh và sự bất công trong cuộc sống con người. Ngay cả khi ông tả phong cảnh, cái tối tăm, ảm đạm cũng hiện ra bức bối lạ thường. Ở những dòng đầu, ta đã đọc của Nguyễn Du:

*Đường bạch dương bóng chiều man mác
Dịp đường lê lác đặc sương sa*

Hay:

*Trong trường dạ tối tăm trời đất
Xót khôn thiêng phảng phất u minh*

Chính vì vậy Nguyễn Du được mọi người Việt Nam yêu mến. Tôi nhớ hôm ấy, trong căn nhà sàn, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn nói: Người thường đọc lại tác phẩm Nguyễn Du, học ở thi hào tính nhân đạo và nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ... Những tư tưởng và thủ pháp nghệ thuật này đã được thể hiện một phần trong *Lời than vãn của bà Trưng Trắc* phản ánh một sự thực lịch sử.

Chúng ta biết, trong những truyện cổ Việt Nam, nhà vua thường là người anh hùng nổi tiếng với những sự tích thần kỳ; đó là một cốt truyện rất phổ biến. Đến Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong truyện của Người có thêm chất trào phúng: người nữ vương có công với nước vẫn là anh hùng dân tộc, còn tên vua bù nhìn thì hiện ra với một thân hình thật là thảm hại.

Chủ tịch Hồ Chí Minh còn kết hợp chất bi và chất hài trong một truyện đả kích khác: *Những trò lố hay Varen và Phan Bội Châu*. Tác giả đối lập người chí sĩ đấu tranh cho tự do của Việt Nam là Phan Bội Châu với Varen, một đảng viên đảng Xã hội, người giữ cương vị cao của Nhà nước, phản bội lại quyền lợi công nhân. Việc Varen phản bội không phải hiện tượng ngẫu nhiên, mà là kết quả tất yếu của sự thỏa hiệp giai cấp cộng với sự phản bội. (Chúng ta chú ý, truyện đả kích này là loại truyện đầu tiên mà những người dân thuộc địa được đọc). Và cái mẫu người Varen với những người cộng sự đáng kính của hắn, cùng tất cả

những gì thuộc về chúng đã tiêu biểu khá đầy đủ cho một kiểu chính khách thời nay: ba hoa về sự giải phóng người lao động nói riêng cũng như giải phóng con người nói chung. Chúng là những kẻ “đốt cháy những cái mà mình đã tôn thờ, và đang tôn thờ những cái mà mình đã đốt cháy”.

Truyện thứ ba: *Vĩ hành*, là một truyện vừa duyên dáng, vừa mỉa mai, chế diễu những cố gắng vô ích, không chỉ của bọn thực dân “biết làm đom”, mà cả bọn tư sản hèn hạ đang ở trong vũng bùn làm sa lầy một mẫu quốc “trí thức và văn minh”.

Tương cũng nên nói thêm, ba truyện này chỉ là một phần nhỏ trong di sản văn chính luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh, mà bạn đọc tiếng Nga đã làm quen ở những lần in trước.

*

* *

Thơ Chủ tịch Hồ Chí Minh gắn liền với văn chính luận của Người. Khi tôi hỏi Chủ tịch rằng, người Việt Nam rất yêu thơ, và Chủ tịch thường hay làm thơ chính trị, mà hình thức thơ chính trị phải như thế nào để hấp dẫn người đọc, làm sao để thơ tăng được sức thuyết phục, Người nói:

- Đồng chí nói đúng. Tôi vẫn nghĩ thơ và chính trị không thể tách rời - Người ngừng một chút rồi thêm - Còn, có phải thơ chính trị không “cao quý”? Và đó không phải là loại mà người làm thơ có thể viết hay? Có phải nhà thơ không cần làm những bài thơ liên quan đến việc đấu tranh với những cái xấu? Không, không thể thế được. Tôi cho rằng, không nghi ngờ gì cả, cũng như các ngành nghệ thuật khác, thơ phải gắn bó với sự nghiệp cách mạng; đó là điều khẳng định. Và những gì đặt ra chung quanh chuyện này có quan hệ đến nhân cách nhà thơ.

Sau đó, Người lại ngừng một chút, rồi nói: - Tự mỗi nhà thơ nên nghiêm khắc, không thể xem thường...

Bây giờ, tôi không dám thừa thêm gì với Chủ tịch. Hôm nay, đọc lại bản in thử quyển sách tiếng Nga chọn lọc một số tác

phẩm văn học của Chủ tịch Hồ Chí Minh sắp ra đời, tôi muốn nhắc lại lời nói đầu của Paven Grigoriévich Antôcônxi, về những bài thơ trong tù của Chủ tịch Hồ Chí Minh mà ông dịch: “Tôi cảm thấy Người luôn luôn giữ vững quan điểm của mình về việc sáng tạo thi ca”. Và tôi nghĩ, ngay từ khi mới giờ những bài thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh dịch ra tiếng Nga ở đây, bạn đọc cũng đồng tình với Antôcônxi.

Về thơ Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nên nói thêm một số điều cần thiết. *Nhật ký trong tù* có trên một trăm bài thơ viết vào những năm 1942 - 1943, hơn một năm Người bị giam ở Trung Quốc trong tình trạng không được xét xử. Người bị buộc tội làm gián điệp, rồi vào nhà tù Quốc dân đảng. Ngày lại ngày, chúng dẫn Người qua từng chặng, hết huyện này đến phố khác. Nhưng người cộng sản kiên cường vẫn giữ được liên lạc. Tháng cuối cùng ở nhà giam, hằng tuần, Người đều nhận tin về Pác Bó (một vùng núi thuộc tỉnh Cao Bằng) nơi có nhiều đồng chí lãnh đạo Đảng và sáng lập quân đội đang ở. Đồng chí Hồ Chí Minh viết bằng nước cơm bên lề những tờ báo Trung Quốc gửi về Pác Bó từ Liễu Châu, một thành phố phía nam Trung Quốc. Hơi nóng lên, người ta đọc được những bức thư ngắn đôi khi kèm theo những bài thơ bốn câu ta thấy ở cuối tập *Nhật ký trong tù*. Năm 1960, Nhà xuất bản Văn học ở Hà Nội đã in những bài thơ trong tù của Chủ tịch Hồ Chí Minh thành một quyển sách riêng. Những bài thơ này được dịch từ chữ Hán, một loại văn tự cổ Việt Nam dùng trong sách vở ngày trước, một thứ tiếng “la-tinh” độc đáo ở Viễn Đông, (trong đó có chép nguyên văn những bài thơ chữ Hán). Về quyển sách này, P.G. Antôcônxi đã nói nhiều trong bản dịch của ông. Năm 1978, báo *Nhân Dân* lại giới thiệu thêm một số bài thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, không có ở *Nhật ký trong tù*; hai trong số những bài đó, chúng tôi sẽ giới thiệu ở đây.

Chúng ta còn thấy điều này nữa: khá nhiều thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh là thơ viết cho thiếu nhi. Đời hoạt động cách

mạng của Người đã không cho Người được sống trong một gia đình. Cũng như các bậc nhân từ khác, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất yêu trẻ. Người thường nói vui rằng tất cả thanh thiếu niên Việt Nam đều là con cháu Người. Đó là sự thật. Người luôn lo nghĩ về nhân dân và thiếu nhi miền Nam, làm thơ gửi thiếu nhi những dịp tết Trung thu, và thường tiếp các cháu. Còn các cháu thì tự gọi mình là “cháu Bác Hồ Chí Minh”. Tôi nhớ, có những lần biết tôi được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh, các cháu đã yêu cầu tôi kể chuyện Bác Hồ.

Về thanh thiếu niên, những người chủ tương lai của đất nước, Chủ tịch còn viết trong *Di chúc* của Người với tình thương yêu và niềm hy vọng...

Trong *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếc rằng Người làm việc còn ít, Người không phục vụ cách mạng được nhiều hơn nữa. Chủ tịch biết khi Người mất, gánh nặng nhiệm vụ còn đè trên vai nhân dân, và Đảng mà Người sáng lập... Người không được nhìn thấy thắng lợi cuối cùng trong cuộc đấu tranh chống bọn xâm lược Mỹ và bè lũ tay sai của chúng, không được thấy đất nước Việt Nam hoàn toàn thống nhất. Nhưng, trong mỗi thắng lợi của cuộc chiến đấu, cũng như mỗi thành tựu lao động của đồng bào mình, Người đã góp phần xứng đáng. Không phải ngẫu nhiên mà Sài Gòn được mang tên thành phố Hồ Chí Minh. Người không kịp đi thăm các nước anh em, bè bạn và cảm ơn sự giúp đỡ của họ đối với Việt Nam...

HỒNG DIỆU dịch

REGINA TOROMER

Đức

HOA HỒNG DÂNG BÁC

Ba bông hồng đỏ
hôm nay cháu mang đến dâng Người
Bác Hồ ơi, đứng cạnh ảnh Người,
tám bản đồ Việt Nam cũng đỏ màu chiến thắng!

Ba bông hồng đỏ
hôm nay cháu mang đến dâng Người,
cháu cũng được kéo lên ngọn cờ chói lọi
trên thành phố Sài Gòn
in đậm tám bản đồ Việt Nam chiến thắng!

Ba bông hồng đỏ
hôm nay cháu mang đến dâng Người
và tặng cả bè bạn trên đất nước Việt Nam
khi sông Bến Hải không còn sự cách ngăn
từ miền Bắc tới miền Nam
rực rỡ sắc màu của mùa xuân mới,
lấp lánh vui ánh mắt Bác Hồ cười
chiếu toả niềm hạnh phúc của ngày hội lớn
đường Việt Nam đi rộng mở tới chân trời!

Ba bông hồng đỏ
Bác Hồ ơi,
cháu mang đến đây tiếng nói của loài người:
tiếp tục làm hết sức mình cho các bạn Việt Nam
đó là cách cảm ơn Việt Nam tốt nhất!

1 tháng 5 năm 1975

LINH THỨ dịch

TRẦN NGHỊ^(*)

Trung Quốc

CHÚC HỒ CHỦ TỊCH THỌ 70 TUỔI

Hồi đầu thế kỷ Nguyễn Ái Quốc
Mà nay xây dựng Việt Nam mới
Sông Hồng nước chảy không hề cạn
Chúc bạn thọ thêm bảy mươi tuổi

Nghệ An hôm trước thăm quê cũ
Hà Nội hôm nay mở tiệc thọ
Lão thành quốc tế không còn mấy?
Nhân vật phong lưu đầu Nam Á

Công tác bí mật nhiều gian khổ
Chiến tranh du kích vạn nguy nan
Phục vụ nhân dân lòng sắt đá
Quần chúng tin yêu tựa thánh hiền

Trung - Việt môi răng tình gắn bó
Hậu phương tiền tuyến giúp đùm nhau
Một cột trời Nam mừng vững chãi
Anh hùng gan dạ phúc dài lâu.

Hà Nội, 13-5-1960

Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

^(*) Phó thủ tướng nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa sang thăm Việt Nam tháng 5-1960.

TRIỆU HẠC LAI
Triều Tiên

HÀ NỘI... BÌNH NHƯỠNG

Dõi theo mây muôn màu về miền Nam vạn dặm
Vượt chân trời lên hương Bắc ngàn trùng
Bình Nhưỡng - Hà Nội ơi,
Hà Thành và Bình Nhưỡng!
Xa ngàn trùng nhưng gần tựa kề bên!
Cách nhau dù có xa xôi
Cùng có một lịch sử lâu đời
Biến thành hai trái tim Bình Nhưỡng - Hà Thành
Tim hai nước máu sôi đang đập mạnh
Dưới sự lãnh đạo của Kim Nhật Thành
Bình Nhưỡng thắng lợi
Chiến thắng rồi bọn xâm lược Pháp hôi tanh
Hà Nội rung trống đón mừng Hồ Chủ tịch
Thắng lợi của Bình Nhưỡng có Đại Đồng xanh biếc
Đã trở thành của Hoàn Kiếm huy hoàng

Thắng lợi của Hà Nội có Hoàn Kiếm xanh lam
Là thắng lợi của Bình Nhưỡng,
của người yêu hòa bình thế giới.

Dưới ánh nắng miền Nam chói lọi
Trong lòng mẹ đã trở về, thủ đô Hà Nội!
Mây đen bóng tối thời Pháp đã tiêu tan
Mưa tạnh, vắt ngang cầu vồng
trên vòm cây lá thắm

Nức lòng ai cũng ngợi ca Hà Thành hạnh phúc
Nơi có Hồ Chủ tịch, Hà Nội, Hà Nội ơi!
Hà Nội hôm nay thết lên với toàn thế giới
Vì Việt Nam, vì thống nhất...

Đỉnh núi Mô Lan, tháp Giải Phóng
rực ánh sao cao ngất!
Cờ đỏ tung bay đón gió Cột Cờ!
Đường của hai dân tộc ta thân thang,
thẳng tắp không mờ!
Vinh quang thay Bình Nhưỡng Hà Thành -
Hà Thành Bình Nhưỡng!

ĐÀO VŨ - DOÃN THÀNH LONG dịch
 Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

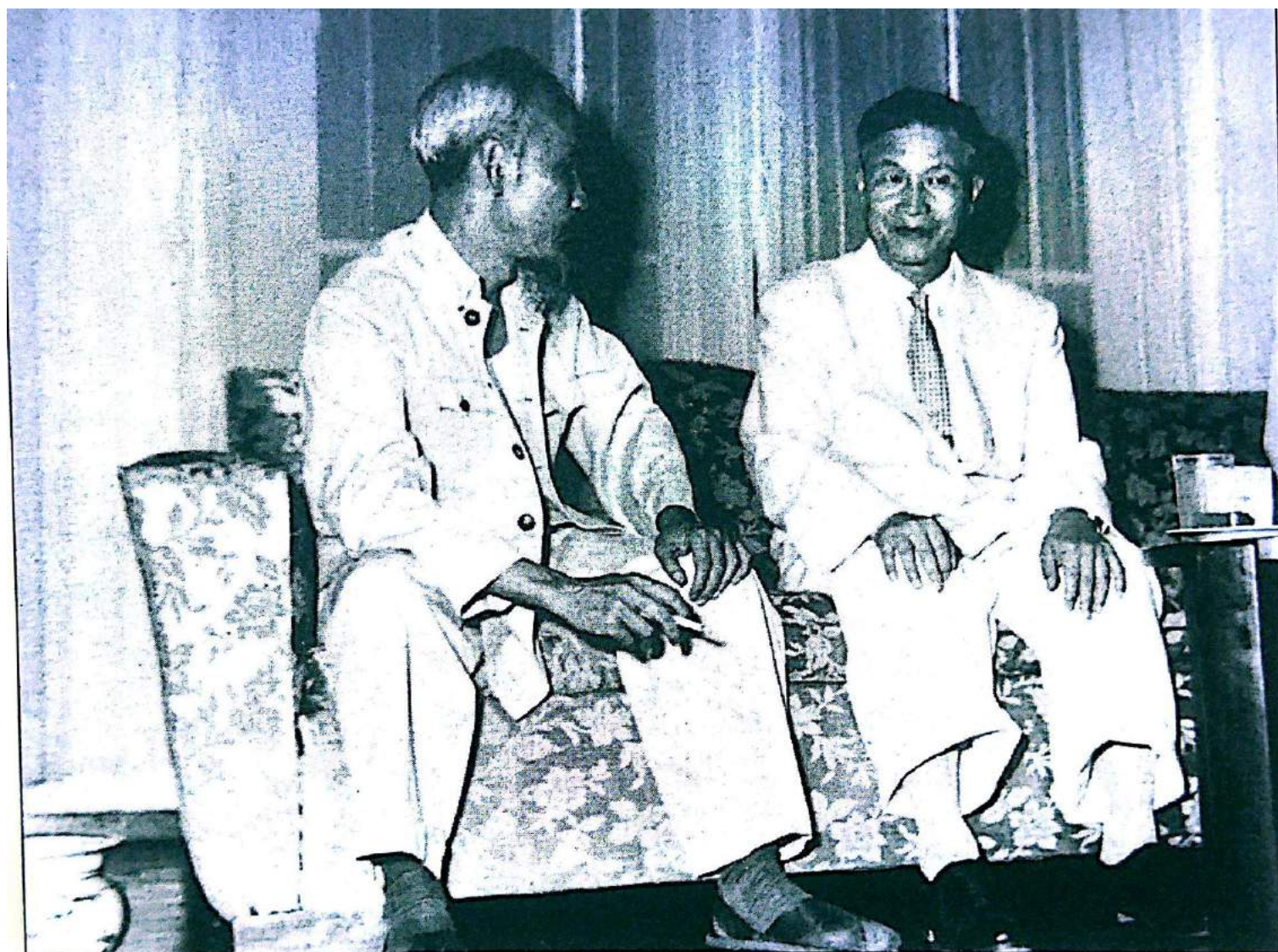
TRÔNG TỤ BIỀNG
Triều Tiên

NỖI ĐAU XÓT DÂNG THÀNH SÓNG DỮ^(*)

Trên bầu trời Việt Nam
Ngôi sao Việt Nam sáng chói
Chủ tịch Hồ Chí Minh
Người bạn chiến đấu của nhân dân Triều Tiên
Đã từ trần...
Bốn mươi triệu con em của Triều Tiên
Cũng đón buổi sáng hôm nay bằng nước mắt...
Nỗi đau xót và nước mắt của nhân dân Việt Nam
Nỗi đau xót và nước mắt của nhân dân Triều Tiên
Cuồn cuộn dâng lên như sóng dữ Ấn Độ Dương
Cuồn cuộn dâng lên
như sóng dữ Thái Bình Dương.

Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

^(*) Đầu đề do chúng tôi đặt (NXB).



Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp cụ Bạch Nam Vân,
Trưởng đoàn Nghệ thuật Triều Tiên thăm và biểu diễn
tại Việt Nam (1955)

- Ảnh: TTXVN

TRƯƠNG VĨNH MAI
Trung Quốc

CÂU CHUYỆN MỤC NAM QUAN

Hỡi con đường cong cong
Hỡi dốc đồi thoải thoải
Có còn nhớ hay không
Ai đã qua đây nhỉ

Người đội chiếc mũ "cát"
Người mặc áo màu lam
Chân đi dép kháng chiến
Tay cầm một chiếc "can"

Đây mũ "cát" Người đội
Đỡ che bao nguy nan
Đây đôi dép kháng chiến
Đi cùng khắp Việt Nam

Đây tấm áo màu lam
Chống những ngày lạnh buốt
Đây Người cầm chiếc "can"
Đánh gục giặc hung tàn

Hoa Quế tây rộn ràng sớm nở
Mừng đón Người sắp bước tới đây
Mục Nam quan hôm nay rộng mở
Trông như đây chẳng phải biên thù

Bắc Kinh có ai đang đợi
Qua sông rồi bước Người đi
Như thấy bóng Người đang tới
Mong đường ngắn lại gặp nhau

Hai người sẽ ôm nhau chí thiết
Nổi lên hình hai dân tộc lớn to
Là nhịp cầu hòa bình vừa mới cất
Trong Á châu thần thánh chúng ta

Mỗi bước đi mỗi bước ngẩng nhìn
Những núi cao vạn trượng đôi bên
Người vẫy núi, núi cúi đầu chào lại
Hoan nghênh Người, người đồng chí mến thân

Mỗi bước đi, mỗi bước đường khen ngợi
Hoa đỏ, cây xưa, Người vịnh, Người ca
Kính chào Người, người Cha già đã tới!
Lá cành xanh hôn mái tóc trắng hoa

Người vừa gieo ươm hạt giống
Hạt giống từ nước Việt xa xôi
Vết chân Người dừng ở nơi nơi
Mầm hữu nghị một đêm dài một thước

Người đi qua nơi đây
Như muôn ngàn người khác
Người nông dân gặp Bác
Đoán Bác là nông dân
Qua Trung Quốc hỏi mua trâu cày

Anh công nhân đường sắt
Tưởng Bác là công nhân
Đến bàn chuyện vác khuân
Khi nói chuyện đường sắt
Người biết từ chiếc đinh vít biết đi

Bà già ngấm đi ngấm lại
Đích rồi, thầy thuốc Việt Nam
Mang nhiều thuốc tiên thì phải
Có không, thuốc quý sa nhân?

Người đã đi qua đây
Người không bay trên mây
Người yêu đất Trung Quốc
Nên Người đi bộ qua đây

Người yêu nhân dân Trung Quốc
Mọi nhà ai cũng người thân
Những nơi chân Người dừng bước
Gặp ai cũng chuyện tâm tình

Người là ai, Người là ai?
Mà sao lại quá bình thường?
Người đã xa mấy dặm đường
Mọi người mới biết tỏ tường
Đây là lãnh tụ Việt Nam.

Mục Nam Quan 7-6-1957

LÊ HUY TIẾN dịch

Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

IOLADA ULOA

Cu Ba

BÁC HỒ

Sóng lúa
dập dờn
xua đi nỗi sợ
trước giờ nổ súng

Đôi tay Người giờ lên
tựa hai nhánh lúa
cánh đồng dưỡng nuôi

Dưới bom rơi
em bé tập đọc
thơ Người,
và cô gái dịu hiền
với đôi mắt chiến sĩ
mở con đường chói đỏ trong đêm...

HỒNG THANH QUANG dịch

Văn nghệ Quân đội

"Bác Hồ" trang 88 - số 5 (400)

ÊCATÊRINA IVANÔPNA VÉCMIXÊVA

Nhà Đạo diễn điện ảnh Nga (*Liên Xô*)

NGƯỜI LÀ HỒ CHÍ MINH

Chỉ ba tháng sau ngày Bác đi xa, Ê-ca-tê-ri-na I-va-nốp-na Véc-mi-xê-va đã hoàn thành một bộ phim xuất sắc, mang tên *Người là Hồ Chí Minh*, để tỏ lòng kính yêu của nhân dân Liên Xô cũng như của giới điện ảnh Xô-viết đối với Bác Hồ.

Bộ phim *Người là Hồ Chí Minh* lắng đọng trong lòng người xem phim Việt Nam nhiều cảm nghĩ, xúc động về cuộc đời của Bác. Và cũng từ ngày đó, cái tên Ê. Véc-mi-sê-va đã trở thành gần gũi đối với người xem phim Việt Nam.

Vào những ngày đầu năm 1973, Ê. Véc-mi-sê-va đã cùng với một số các đồng chí quay phim Xô-viết tới Việt Nam, đi trên nhiều tuyến đường, ghi được nhiều hình ảnh về mùa xuân chiến thắng ở Việt Nam. Bên những căn nhà dựng lại trên hố bom, người dân Việt Nam đã đón tiếp chị bằng nụ cười nồng hậu, khi biết chị là tác giả phim *Người là Hồ Chí Minh*.

Trong những ngày sống trên mảnh đất Việt Nam chiến thắng, chị đã gặp chúng tôi. Với giọng nóng ấm, xúc động, chị không nói nhiều về phần việc đang làm mà kể lại nhiều về những ngày làm bộ phim về Bác, về con người mà cả cuộc đời đã cống hiến cho sự nghiệp vẻ vang của ngày hôm nay:

... Tôi đã làm nhiều phim tài liệu. Trong đó có những bộ phim làm vào năm 1965: *Đông Dương, cuộc xâm lược mới; Tiếng chuông ở Việt Nam, nói về Việt Nam chiến đấu chống Mỹ*.

Tôi nghĩ mỗi phim làm ra đều có cái khó. Phim nói về vấn đề gì mà mọi người ít biết đến thì còn dễ. Phim nói về một con người mà cả thế giới đều biết thì rất khó. Tháng 10 - 1969, tôi được trao trách nhiệm lớn làm bộ phim Người là Hồ Chí Minh. Tôi chỉ có một lần được gặp Bác vào năm 1957 để quay cuốn phim thời sự Lê-nin-grát đón Bác. Hình ảnh Bác ghi lại rất đậm trong tôi. Tới khi làm bộ phim này, hơn mười năm sau, cảm giác đó trong tôi vẫn còn tươi nguyên. Không có được cuộc gặp gỡ đó, được thấy Bác giản dị, thân mật giữa người dân Lê-nin-grát, chưa chắc tôi đã có thể làm được bộ phim này.

Nếu làm phim mà chỉ nói cảm giác thật chưa đủ. Đó mới là sức đẩy ban đầu. Sau đó là những ngày làm việc căng thẳng để tìm hiểu về Bác, để đưa được vào phim những nét mới về một con Người mà mọi người đều biết và kính yêu. Tôi lao vào đọc tác phẩm văn học, tìm những tư liệu phim về Bác. Công việc có thể so với người địa chất tìm quặng. Tôi lục lọi khắp các viện phim, yêu cầu các Viện nghiên cứu Mác - Lê cung cấp tư liệu về Bác. Tôi đã xem chừng mười vạn mét phim tư liệu, ngày nào cũng xem từ sáng tới tối. Những phim đã dựng chính thức về Bác không giúp nhiều cho tôi. Tôi tìm ở phim tư liệu, vì ở đây có nhiều chất liệu quý. Hình ảnh Bác gần gũi, thân mật, giản dị, đó là những điều tôi mong muốn. Tôi không muốn đưa Bác vào phim với những nghi thức nhà nước, mà muốn Bác hiện lên phim như những điều mình đã từng nghĩ, đã từng kính yêu về một con người thông minh, vui vẻ, thân thiết, một nhà lãnh đạo lớn và cũng là một nhà thơ lớn. Tôi cứ nghĩ, chắc chắn trong đám tang Lê-nin, Bác có mặt ở Hồng trường. Tôi nghĩ là phải có những thước phim ghi về Bác trong thời kỳ đầu Bác ở Liên Xô, ở các Đại hội Quốc tế cộng sản. Nhưng trong rừng phim tư liệu, biết những mét phim đó ghi về Bác nằm ở đâu? Có những chuyện làm tôi cảm động, giúp tôi lao vào việc hăng hơn. Ví dụ: biết tôi làm phim về Bác, có những cụ già đã từng gặp Bác

vào những năm 1920, đã tới cho tôi những tờ báo Người cùng khổ, trong đó có tranh vẽ của Bác, bài báo của Bác (ghi chép xong tài liệu, tôi đã chuyển những tờ báo đó cho Viện bảo tàng Mác - Lê). Căn cứ vào lời các cụ kể, tôi càng tin nhất định phải có phim ghi về Bác trong những năm đó. Tôi lại lao vào lục trong viện phim, xem hết hộp phim này tới hộp phim kia. Và trời ơi, cho tới một ngày kia, khi xem tới hộp phim thứ 36 thì hình đồng chí Nguyễn Ái Quốc hiện lên trên diễn đàn Đại hội Quốc tế cộng sản năm 1924. Trong hơn một tháng xem phim tư liệu, đó là những ngày sung sướng nhất của tôi. Có thể nói trong đời làm phim của tôi mấy chục mét phim này đã làm cho tôi hồi hộp và xúc động sâu sắc.

Về lời thuyết minh cũng như soạn nhạc cho phim, cũng phải làm đi làm lại. Không thể dùng lời lẽ ồn ào. Bác có tài diễn tả ý lớn bằng những lời bình dị. Bác là nhà thơ. Lời Bác nói đến với trái tim người nghe. Tôi đã đọc gần như hết các thơ ca, văn kiện của Bác. Phải có những lời thuyết minh tương xứng với vẻ thanh cao giản dị trong con người Bác. Phần nhạc cũng vậy, làm gì cần tới một dàn nhạc với 60 cây đàn, và đoạn phim nào cũng phải có nhạc. Tôi thấy như vậy không hợp với tính chất của Bác và ý đồ phim. Tôi bàn với đồng chí soạn nhạc. Với tư cách đạo diễn, tôi bắt tay vào điều khiển nhạc, chỉ sử dụng một cây đàn vi-ô-lông-xen. Tôi nghĩ như vậy là tốt hơn.

Trong cuộc đời làm phim, mỗi đạo diễn chỉ có thể tâm đắc với một hay hai bộ phim nào đó thôi. Phim càng khó làm mà thể hiện được tốt thì người đạo diễn càng thích. Tháng 10 - 1969 bắt tay vào làm phim, tháng 12 - 1969 phim hoàn thành. Tôi rất lo. Người đầu tiên gỡ cho tôi mối lo là R. Các-men⁽¹⁾. Đáng lý, Các-men làm phim này nhưng vì sức khoẻ anh kém, nên tôi làm thay. Khi xem xong phim, Các-men nói: Tôi “giận” chị lắm vì chị làm “tranh” phim của tôi. Và tôi cũng lo vì phim thật khó làm. Nhưng nay tôi hết cả giận và lo vì phim “rất khó”.

Nhưng phải tới ngày 19-5-1970, lần đầu tiên Người là Hồ Chí Minh được đưa chiếu ở Mát-xcơ-va. Đó là ngày rất long trọng. Càng long trọng tôi càng hồi hộp. Phòng chiếu im lặng không một tiếng động. Các cán bộ sứ quán Việt Nam, sinh viên Việt Nam, các cán bộ Liên Xô... chăm chú dõi theo màn ảnh. Đèn bật sáng. Thông thường người ta chờ tràng vỗ tay. Nhưng ở đây vẫn im lặng. Cảm động thay, tôi trào nước mắt nhìn những giọt lệ long lanh trên mắt nhiều người xem phim. Tác phẩm của tôi đã vào được lòng người.

Hạnh phúc hơn nữa là ba năm sau, đi trên mảnh đất Việt Nam, tôi đã nhận được những nụ cười nồng hậu mà người xem phim ở Việt Nam đã dành cho tác giả bộ phim.

Do đó tôi hiểu trách nhiệm rất lớn của tôi lần này trong việc làm bộ phim Mùa xuân chiến thắng⁽²⁾ về Việt Nam. Làm thế nào để khi xong, đưa chiếu, người xem phim Việt Nam anh hùng vẫn đón nhận tôi bằng những nụ cười nồng hậu...

NGUYỄN TRUNG

(Báo Văn Nghệ)

- Người là Hồ Chí Minh

Số 513, ngày 31/8/73 trang 5

(1) Các-men: Nhà đạo diễn phim tài liệu nổi tiếng ở Liên Xô. Tác giả phim *Việt Nam trên đường thắng lợi*, nói về cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam.

(2) Tên phim tạm đặt.

MIKHAIL VECSINHIN

Nga (Liên Xô)

BÀI CA VỀ ĐỒNG CHÍ HỒ CHÍ MINH

(trích)

Đây là một bản trường ca dài 400 câu nói về đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ khi Người rời đất nước ra đi tìm đường cứu dân cứu nước cho tới khi Người trở về lãnh đạo thắng lợi cuộc Cách mạng tháng Tám vĩ đại và lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Tác phẩm gồm 16 đoạn. Dưới đây, chúng tôi trích giới thiệu 4 đoạn nói về thời kỳ Hồ Chủ tịch, khi đó mang tên Nguyễn Ái Quốc, ở Pa-ri và đoạn cuối, nói về việc Bác Hồ lãnh đạo toàn dân ta khởi nghĩa làm Cách mạng tháng Tám thành công.

V.N.

... Đồng chí Nguyễn Ái Quốc

ở Pa-ri

Pa-ri công nhân, Pa-ri cách mạng...

Vĩ đại tháng Mười!

Giờ lịch sử!

Tự do của Việt Nam cứ dần nhích đến!

Vì hoà bình và hạnh phúc trên khắp thế gian

Đồng chí ngày đêm

Lao động miệt mài không mỏi mệt.

Thầy giáo Thành hôm trước,

Người phụ bếp mới đây

Đồng chí Nguyễn đón ban mai ở Mác-xây
bị kẻ khác đè đầu khốc liệt.

Mác-xây:

Đói nghèo, bán mình nuôi thân, thô tục...

Mác-xây:

- “Cửa ngõ phương Đông”.

Rồi ở lại sau lưng

Cả Mác-xây và Ha-vơ,

Cả An-giê-ri, Tuy-ni-di, Công-gô...

Ở khắp nơi

vẫn là bộ mặt của một kẻ thù hung hãn,

Vẫn là cuộc chạy đua vũ trang trước thế chiến,

Vẫn là cuộc làm giàu tham tàn trước thế chiến,

Vẫn là sự thù hằn độc ác đối với vô sản lầm than.

Chủ nghĩa đế quốc hung hăng

Và giả dối,

Vây bọc bởi một sự hằn thù độc hại

Sau những ngày lưu lạc ở châu Phi

Anh công nhân Việt Nam đến Anh quốc, làm thuê.

Anh làm ở trường học.

Anh phục vụ ở ô-ten

Đánh bạn với dân nghèo nhà máy.

Tiếng vọng của các cuộc khởi nghĩa ở Việt Nam
những năm tháng ấy
Để lại dấu ấn trong tâm hồn phần nộ, hờn căm
Tiếng vọng giông bão xa xăm
Của các cuộc khởi nghĩa còn chưa giành thắng lợi...
Anh công nhân Việt Nam
Lên tàu đi sang Mỹ
Anh lại vượt qua đại dương.
Đồng chí Nguyễn Ái Quốc
Sức lực ở con người đồng chí thật vô biên!
Nhưng lao động làm thuê khổ cực
và nghèo nàn
đâu làm đồng chí chùn chân.
Cái biên giới
Mà đồng chí nhằm đi tới
không thay đổi.
Mỗi ngày một nhích lại thêm gần!
Nhưng ở đây vẫn là những cặn bã đang bóp nghẹt Việt Nam.
Đang hành hạ Công-gô xa lắc
Ở đây người da đen cũng bị tàn sát
Cũng bị đánh đập vùi.
Chết đói, khổ đau bao số phận cuộc đời...
Đồng chí Nguyễn lại quay về nước Pháp.

Khắp nơi chiến tranh sôi sục.
Nước Nga khởi nghĩa đứng dậy rồi!
Như ngọn đuốc soi trong đêm tối tăm
cho tất cả vô sản loài người!
Nguyễn Ái Quốc
Đồng chí Người-yêu-nước!
Ôi cái tên của con người Việt Nam không run sợ bao giờ!
Đồng chí đưa tay dững cầm
 nắm tay lái con thuyền cách mạng.
Và đồng chí ném vào bọn chủ thực dân
Lời nói căm hờn như sôi bỏng nước gang.
Đồng chí ném thẳng vào Véc-xây một lời yêu sách:
- Chúng tôi phải được Tự do và Độc lập!
Người Việt Nam, chúng tôi đòi phải tôn trọng chúng tôi!
Người Việt Nam chúng tôi quyết không chịu từ nay
Để dân tộc kiêu hãnh và trắng trong của mình bị nhục!
Chúng tôi sẽ buộc
Tất cả những kẻ xâm lăng
Phải cuốn xéo ra đi,
Cho quê hương chúng tôi lại trở nên tươi đẹp...

...Mác-sê Pa-tơ-ri-ác-sơ
Phố cổ thành Pa-ri,
Hai gian tầng dưới của một ngôi nhà cũ

Chúng tôi lặng im hồi nhớ,
Ở đây chính là toà báo ngày xưa
Hà Nội, Sài Gòn cách trở biết bao xa
Nhưng đồng chí Nguyễn
Qua mây trời Pa-ri
vẫn nhìn thấy trời Kim Liên thương mến.
Đồng chí vừa rời căn phòng nhỏ nghèo nàn
vượt bộ hàng dậm đường
Để thấy đỉnh cao cuộc đời tương lai đang tới.
Đỉnh cao chính từ con đường này bắt đầu mở lối.
Con đường đi từ ngõ Công-poanh qua phố Mông-giơ
và đi tiếp nữa để tới màu xanh của những cánh rừng già
và màu biếc xanh của những đồng bằng bát ngát
Con đường mở ra dần từng bước

Ngày và đêm.
Đồng chí Nguyễn có nhiều bạn bè.
Đồng chí Nguyễn là người anh em của họ.
Đó là những người Pa-ri ưu tú
Pôn Vay-ăng Cu-tuy-ri-ê
và Mác-sen Ca-sanh
Đã ủng hộ tiếng nói “Người cùng khổ”.
Nhưng A-be Sa-rô, ngài thượng thư Bộ Thuộc địa,
Một lần lại triệu đồng chí Nguyễn đến răn đe:
- Ông Nguyễn
hãy liệu chừng nghe!

Sẽ có lúc

Các ông bị chúng tôi đè bẹp!

Con người Việt Nam cười khẩy thản nhiên,

Bộ dạng ra oai của Ngài tư bản cũng bằng không

- Ngài bộ trưởng, thực ra ngài bất lực!

Chính vì thế mà điều ngài dọa nạt

Không hề làm chúng tôi sợ hãi mảy may

Ngài đang lâm vào thế gắt gay

Dù có dọa già hay mua chuộc

Cũng chẳng giúp thêm gì cho ngài được,

Buổi sớm mai của chúng tôi đã bắt đầu rồi!

*

*

*

... Cụ Hồ đã được trả tự do!

Người trở về Cao Bằng, Pắc Bó,

Cụ Hồ đã được trả tự do!

Hỡi quốc dân, hãy vùng lên khởi nghĩa!

Cứu quốc lúc này

là sẽ cứu mọi người hết đau khổ!

- Việt Minh ta đứng dậy đấu tranh!
- Cả Nhật và cả Pháp
Đã đến lúc phải xéo mau về nước!
- Hồng quân Liên Xô
Đang cứu thế gian thoát khỏi cơ nguy,
Chấm dứt đêm dài tăm tối!
- Bình minh thắng lợi đã hiện lên bên kia núi,
Giây phút hạnh phúc này đang xích lại gần!
- Hãy tiến lên, các đồng chí anh em,
Nhằm quân thù xốc tới!
Lời Cụ Hồ kêu gọi
Đến với từng người dân Việt Nam
... Mồng chín, tháng Tám năm bốn năm!
Quân đội Liên Xô đánh tan giặc Nhật
Xu-dư-ki hoảng hốt
Mắt buồn rười, sợ run,
Và Bảo Đại cũng sợ run trong hoàng cung
Sóng khởi nghĩa đang dâng trào bốn phía

...Mười hai ngày đêm!
Một thời đại mới ra đời son trẻ!
Cụ Hồ ra mắt nhân dân
Trên quảng trường Ba Đình
Tiếng Người cất lên hào hứng:
- Muôn năm nước cộng hoà của nhân dân lao động!
Muôn năm nước Việt Nam độc lập, tự do!
Tưởng chừng lay động cả trời thu
Bởi cái hạnh phúc lớn lao này chưa bao giờ từng có.

Mười hai ngày đêm!
Khởi nghĩa giành toàn thắng!
Bọn bù nhìn hèn nhát chạy trốn.
Nhân dân vang lời ca.
Sức mạnh thép của nhân dân quật đổ ngai vua!

“Hôm qua ta là nô lệ
Hôm nay ta là chủ!”
Hàng trăm năm
Lần đầu tiên vang khúc hát Việt Nam
Ngàn mây trắng
Mang lời ca đầm thắm
Về người anh hùng nhân dân Hồ Chí Minh
Đi khắp thế gian
Hồ Chí Minh, khi ấy Người tươi trẻ lạ lùng
Người đã coi thường gian nan cũng như phỉnh nịnh...
Người đã nếm đủ mùi
 lưu lạc, tù đày, đói khát, gian truân.
Mà vẫn chói ngời thanh danh cách mạng!
Tuổi trẻ hôm nay vững bước dưới cờ Hồ Chí Minh!
Người ở trong trái tim nhân dân.
Có người, nhân dân hùng mạnh.

THUYẾT TOÀN dịch
Báo Văn Nghệ số 863 (17/5/1980)



Chủ tịch Hồ Chí Minh với Đoàn múa rối Tiệp Khắc (1956)

Ảnh: TTXVN

GHEOOCGHI VEXELINOP

Bungari

NỤ CƯỜI

Con trai tôi sẽ không quên được
Nụ cười cởi mở chân tình
Của Chủ tịch Hồ Chí Minh...
Cái đêm tuyệt vời không biết trước
Hai cha con tôi vào rạp hát
Và bỗng được cùng ngồi
Một hàng ghế với Người

Người ở trong tất cả chúng tôi
Người vĩ đại nhưng gần gũi thôi
Con trai tôi nhìn Người không chớp
Và nhoén nụ cười con trẻ

Nụ cười của Người ôm choàng đứa bé
Gương mặt Người gầy xanh, rạn rỗ
Hòa chung trong một nụ cười

Người hỏi con tôi một điều gì đấy
Bàn tay. Người vầy vầy
Và con tôi mấp máy đôi môi
Trả lời Người, hồ hởi...
Con tôi đã hiểu Người
Và Người hiểu con tôi
Hai con người thân thiết
– Một lãnh tụ và một trẻ thơ –
Đã hiểu nhau tự bao giờ
Chân thành và bền chặt...
Và con tôi cứ tự hào nhắc mãi:
– Hai bố con mình, hôm ấy
Đã cùng nói chuyện với Hồ Chí Minh!

NGUYỄN CHÍ THÀNH dịch
Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

VIÊN ỨNG
Trung Quốc

HỒ CHỦ TỊCH NÓI: "ĐI MAU HƠN NỮA"

Ngày lễ Quốc khánh ở thủ đô Hà Nội, lúc một số cán bộ và nhân dân miền Nam ra tập kết ở miền Bắc điều hành trước lễ đài, anh chị em dừng lại để hoan hô Hồ Chủ tịch cùng các vị trong Đảng, Chính phủ, và quân đội nhân dân Việt Nam. Hồ Chủ tịch cười thân mật bảo anh chị em: *"Dừng dừng lại, đi mau hơn nữa"*.

(Lời tác giả)

Đại biểu hơn mười triệu miền Nam mến yêu
Hàng trăm người trước đài, hơn hờ
Hồ Chủ tịch vẫy tay ân cần:
"Dừng dừng lại, đi mau hơn nữa!"

"Đi mau hơn nữa! Đi mau hơn nữa!"
Ngang đài hoa, Hồ Chủ tịch mỉm cười
"Đừng dừng lại, đừng dừng lại!"
Chan hòa nắng sớm thênh thang đường dài...

Giữa quảng trường Ba Đình
Từng lời lãnh tụ nổi sóng
Từ Mục Nam Quan thẳng tới Cà Mau
Trăm vạn tấm lòng rung động.

"Đi mau hơn nữa! Đi mau hơn nữa!"
Bước chân rắn chắc, tiến lên rầm rập
Bắc Nam ruột thịt tay siết chặt tay
Quét sạch chông gai trên con đường Thống nhất!

HẠNH CÁN dịch
Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

NÔRÔĐÔM XIHANÚC
Campuchia

CẢM ƠN ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH! (*)

Ba năm tôi cách xa Tổ quốc mình
Hỡi các bạn Việt Nam
Các bạn đã đưa tôi đến biên giới Campuchia
Qua con đường Hồ Chí Minh!

Các bạn đã giúp tôi
Hoàn thành vẻ vang sứ mệnh
Bên cạnh đồng bào thân yêu của tôi

(*) Qua đường Hồ Chí Minh, Xămđéc Quốc trưởng Campuchia Nôrôđôm Xihanúc cảm hứng sáng tác bài hát: "Cảm ơn đường Hồ Chí Minh". Đây là lời dịch của bài hát đó.

Đang chiến đấu dũng mãnh
Chống kẻ thù

Cảm ơn đường Hồ Chí Minh
Con đường chiến thắng
Mang tên rất quang vinh
Người Anh hùng nhân dân vĩ đại
Đã mở đường Cách mạng đi lên!

Nhân dân Khome, Việt và Lào
Chiến đấu kiên cường, kề vai sát cánh bên nhau
Chống đế quốc Mỹ
Và nhất định cuối cùng tổng chúng ra khỏi
Bờ cõi Đông Dương!

Trên đường Hồ Chí Minh
ở biên giới Campuchia ngày 29-3-1973
Hồ Chí Minh – Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

KÔN-XTAN-TIN XI-MÔ-NỚP
Nhà thơ Nga (*Liên Xô*)

BÁC HỒ¹

Năm 1979, nhà xuất bản “Tiền Bộ” (Liên Xô) cho ra mắt bạn đọc Hồ Chí Minh tuyển tập. Đây chính là tập sách mở đầu cho “Tủ sách văn học Việt Nam” sẽ được xuất bản một cách công phu và có hệ thống ở Liên Xô.

Hồ Chí Minh tuyển tập, mở đầu bằng Tuyên ngôn Độc lập, kết thúc bằng Di chúc của Bác Hồ, đã tập hợp được nhiều bài thơ trong các thời kỳ khác nhau (trong đó có Nhật ký trong tù), nhiều truyện ngắn, tiểu phẩm, nhiều bài văn chính luận và những phát biểu về văn hoá, văn nghệ của Hồ Chủ tịch. Nhà văn Xô-viết nổi tiếng Kôn-xtan-tin Xi-mô-nốp đã viết lời tựa cho tập sách này.

Bài viết của nhà văn Kôn-xtan-tin Xi-mô-nốp về con người và sự nghiệp văn học của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một trong những bài viết cuối cùng về văn học Việt Nam trước khi ông qua đời. Chúng tôi xin giới thiệu bài viết đó nhân kỷ niệm lần thứ 92 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

V.N.

Chính trên gương mặt của Hồ Chí Minh đã có một cái gì đó đậm đà chất thơ.

Người là vị lãnh tụ của dân tộc mình, nhà cách mạng kiên cường, theo chủ nghĩa quốc tế vô sản, nhà lý luận và con người hành động, nhà chiến lược và nhà chiến thuật của chiến tranh cách mạng, một người có học vấn rộng: Người chẳng những biết

¹ Đầu bài do Báo Văn nghệ đặt.

nhieu thứ tiếng nước ngoài mà còn viết tác phẩm bằng một vài thứ tiếng ấy. Đồng thời với những cái đó, trong nhận thức của nhân dân Việt Nam, Người vẫn là “Bác Hồ”, một ông già anh minh sống hoàn toàn gần họ và có khả năng hiểu một cách thật tự nhiên tất cả những gì mà một người Việt Nam kể cho Người biết về bản thân mình, dù đó là một người cùng lứa tuổi hay một chàng trai, một cô gái, một đứa trẻ.

Hồ Chí Minh thích cái tên gọi thân tình “Bác Hồ”. Tên gọi ấy chứng tỏ không những Người được mọi người yêu mến mà còn được mọi người hiểu biết, và tâm hồn Người gần gũi với tâm hồn mọi người: nỗi khổ, niềm vui, hy vọng của mọi người là nỗi khổ, niềm vui, hy vọng của chính Người.

Khi người ta nói về một nhà hoạt động Nhà nước vĩ đại rằng “đó là một con người giản dị”, thì điều đó cũng giống như một lời ngợi ca “đó là một người lính” khi nói về một vị tướng. Trên gương mặt Hồ Chí Minh không có vẻ gì là một quân nhân đặc biệt, mặc dù Người đã từng gánh vác công việc chỉ huy cuộc đấu tranh vũ trang của dân tộc mình trong suốt mấy chục năm trường. Trên gương mặt của Người không có vẻ gì nổi bật trí thức mặc dù Người là một con người có trí thức sâu sắc có cách tư duy triết học. Đến những năm đứng tuổi Người giống như một ông già nông dân Việt Nam, vốn xuất thân từ nhân dân như mọi người, chỉ có điều đó là một con người thông minh nhất, kiên quyết nhất, vững vàng nhất.

Khi các bạn đọc những bài thơ trong tù của Hồ Chí Minh các bạn sẽ ngạc nhiên không chỉ vì tính tự chủ, sự điềm tĩnh của Người trước hiểm nguy, chết chóc, mà các bạn còn ngạc nhiên vì tất cả những cái đó không một phút giây nào làm mất đi ở Người tình yêu cuộc sống, thiên nhiên và con người. Viết được những bài thơ như vậy, trong một hoàn cảnh như vậy phải là một con người có một tinh thần rất khoẻ mạnh và vững chãi.

Hơn nữa, khi đọc những bài thơ ấy bao giờ các bạn cũng cảm thấy Hồ Chí Minh không hề muốn gọi cho người ta nhớ tới tâm cỡ cá nhân mình cũng như tâm cỡ của sự nghiệp cách mạng mà Người theo đuổi. Dĩ nhiên, Người nhận thức được tất cả những điều đó, song, với tư cách một nhà thơ hướng những bài thơ của mình không phải chỉ tới riêng bản thân mà còn tới cả những người khác, Người đã không tách mình với họ, với những người khác ấy. Trong những vần thơ của mình bạn đọc thấy Người chỉ là một trong muôn người đang đấu tranh cho tự do, và vì điều ấy mà họ phải gánh chịu sự bất công của ngục tù, sự bất công của những lời buộc tội giả dối và sự bất công của tất cả những gì đã xảy ra với Người, Người không hề tách riêng mình khỏi bất kỳ một người chiến sĩ cách mạng bình thường nào khác!

Bên cạnh thơ, tuyển tập này còn in những truyện ngắn, tiểu phẩm và cả một số bài báo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, những tiểu phẩm này rất gần nhau về mặt thể loại và bút pháp. Theo tôi, bằng chất trào lộng rất tuyệt vời, những tiểu phẩm này là một trong những lời kết án mạnh mẽ và dữ dội nhất ném vào bộ mặt chủ nghĩa thực dân trong những năm hai mươi của thế kỷ này. Tôi đã đọc những tiểu phẩm ấy một cách thích thú. Một sức mạnh thật diệu kỳ của tuổi trẻ, của tính trung thực, của lòng không khoan nhượng, của niềm tin vào khối đoàn kết giai cấp như bùng lên trong những tiểu phẩm ấy! Và có thể đọc thấy một niềm tin thật mãnh liệt vào ý nghĩa có tầm cỡ thế giới, vào sức mạnh và sức sống lâu bền không gì phá vỡ nổi của những tác động của tư tưởng Lê-nin ở mỗi dòng trong cuốn sách của Hồ Chí Minh trẻ tuổi! Mà điều ấy lại ở vào buổi đầu của những năm hai mươi, khi mà Người, một nhà cách mạng trẻ tuổi, nhà chính luận trẻ tuổi, còn cách xa cuộc tổng khởi nghĩa và sự thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa hàng hai chục năm trời, và hàng nửa thế kỷ trước chiến thắng

cuối cùng của nhân dân Việt Nam và nước Việt Nam được hoàn toàn thống nhất.

Vâng, quả thật Hồ Chí Minh không chỉ là nhà lý luận, nhà thực hành của phong trào cách mạng, mà còn là một nhà thơ, nhà văn, ngay từ buổi đầu hoạt động của mình đã biết nhìn xa về phía trước. Và thơ ca cao cả chứa đầy sức mạnh niềm tin của người đã chịu được sự thử thách của thời gian.

PHONG VŨ dịch

Báo Văn nghệ, số 967 - ngày 15.5.1982

XUÔNG HẠC LINH*

Nhà đạo diễn điện ảnh Trung Quốc

NHỮNG NGÀY CHUNG SỐNG VỚI NHÂN DÂN VIỆT NAM

Bốn năm về trước, tôi và đội công tác điện ảnh Trung Quốc đi sang Việt Nam, cùng các nhà điện ảnh Việt Nam quay phim “Việt Nam kháng chiến”. Một buổi chiều đầu mùa hè, trời gần tối, ở vùng rừng núi Việt Bắc, từ phía đồng bằng cách xa hơn trăm dặm chốc chốc vọng đến tiếng đại bác nổ rền. Cũng như mọi ngày, giờ này chính là giờ phút hậu phương Việt Bắc bắt đầu sống hòa bình. Lúc bấy giờ khí trời nóng bức ở miền Nam đã theo bóng mặt trời lặn sau núi mà tiêu tan đi mất. Từng cơn gió mát ở vùng biển xa xôi thổi về, lay động rừng cây um tùm. Trong rừng cây mát mẻ đó, chiều hôm ấy, đại biểu Chính phủ Việt Nam và các giới văn nghệ Việt Nam ra hoan nghênh chúng tôi, những người bạn từ Trung Quốc mới đến...

Ngày mà tôi suốt đời nhớ mãi là ngày gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trưa hôm đó Hồ Chủ tịch đã vì công tác của chúng tôi mà đặc biệt đến nơi làm việc của Phó thủ tướng Phạm Văn Đồng. Khi Hồ Chủ tịch đi qua trước nhà tôi ở, tôi chăm chú nhìn vị lãnh tụ vĩ đại đó của nhân dân Việt Nam. Người mặc bộ quần áo thường của cán bộ, xắn quần đến đầu gối, tay cầm gậy trúc leo lên dốc, dáng đi khỏe mạnh và nhanh nhẹn. Sau đó không lâu, tôi được gặp Hồ Chủ tịch trước cửa nhà Phó thủ tướng Phạm Văn Đồng. Lúc bấy giờ tôi mới nhìn rõ mặt Người. Tôi thật không

ngờ Người khoẻ mạnh như thế, nét mặt hồng hào, giọng nói đanh thép. Khi tôi hỏi thăm sức khoẻ Người, Người trả lời: “Rất khoẻ” và dẫn tay xuống ngực như để cho chúng tôi càng thấy thân thể của Người rắn chắc như gang thép. Mọi người đều biết Bác Hồ mỗi giờ đi được mười dặm, lúc nào cũng tràn đầy sức sống, mà sinh hoạt của Người lại rất mộc mạc giản dị. Các lãnh tụ vĩ đại xem bề ngoài hình như là tầm thường, nhưng chính vì thế mà càng thêm vĩ đại.

Bốn năm qua, Hồ Chủ tịch vẫn khoẻ mạnh như xưa, nhưng điều khác xưa là trên đất nước Việt Nam không còn nghe thấy tiếng đại bác nổ nữa. Ngày nay dưới sự lãnh đạo của Hồ Chủ tịch, nhân dân Việt Nam đang đi từ thắng lợi của kháng chiến đến thắng lợi của tự do, độc lập và thống nhất. Giờ đây trong lúc vị lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Việt Nam đang đi thăm Trung Quốc, mang đến cho nhân dân Trung Quốc tình hữu nghị của nhân dân Việt Nam, tôi không thể không nhớ lại những ngày chung sống với nhân dân Việt Nam bốn năm về trước, nhớ đến sự đón tiếp niềm nở, nồng nhiệt và tình hữu nghị sâu sắc của nhân dân Việt Nam. Tình hữu nghị anh em không gì lay chuyển nổi đó khiến tôi càng thêm yêu mến nhân dân Việt Nam, càng thêm yêu mến Chủ tịch Hồ Chí Minh.

** Xương-Hạc-Linh, người được Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì.*

WILLI ZAHLBAUM^(*)

Đức

VIỆT NAM - TÌNH YÊU CỦA TÔI

Tôi trở lại những vùng quê - tôi đã biết:
Những Hòn Gai, Uông Bí, Thác Bà
Một hòn than, một dòng điện, bài ca...

Tôi trở lại với thành Vinh thân thiết
Ôi thành phố của mối tình đoàn kết!
Tôi yêu sao mẽ thép ở Gia Sàng
Vôi vữa xi măng... xao động Hải Phòng
Và sóng lúa... những chân trời dào dạt...

Chào bạn Việt Nam: Có nghe tôi hát
Có nghe xôn xao nhịp đập tim tôi
Giữa sớm mai nay, tiếng hát bồi hồi
Đưa tôi đến những vùng quê xa tím...

^(*) Nguyên Tổng thư ký Ủy ban Việt Nam của Cộng hòa Dân chủ Đức (cũ).

Xa, rất xa... mà cũng gần khôn xiết
Bởi đó: quê hương của chính Bác Hồ!
Nơi tre xanh, mọc đỏ những ngọn cờ
Nơi gian khổ, vẫn bừng bừng tiếng hát!

Tôi trở lại với Sài Gòn, nơi tôi hằng khao khát
Từ một đêm vui chiến' thắng, khái hoàn
Từ buổi bình minh, tên Bác rõ ràng:
"Hồ Chí Minh" - chói ngời thành phố!

Tôi đi vui..vẫn nghĩ về Pác Bó -
Nước từ nguồn, dòng suối của Lenin
Của Bác Hồ, của sâu thẳm lòng tin
Từ thuở ấy... cái hang sâu truyền thuyết

Tôi đi vui... mắt tôi nhìn mãi miết
Những mái nhà tranh quanh những rừng dừa
Những mái chèo, ai hát hò đưa...

Yên tĩnh quá! Có ai ngờ hôm trước
Cũng chính nơi đây, một bầy kẻ cướp
Đến đội bom, hãm hiếp, giết người -
Trên đau thương, chúng nó say cười!

Tôi đã tới quê em: Sơn Mỹ
Một chiều thu u uất trong lòng
Nỗi đau ấy, khắc vào thế kỷ
Nước mắt còn rơi, chảy đến khôn cùng...

Em Hà ơi, bài thơ em viết
Hãy còn đây, di chúc của em:
"Bầy quỷ ấy, ba ơi, giết hết
Cho xóm làng ta được bình yên!"

Tôi nghe lời chị, lời em
Một ngày nắng gắt, một đêm sao mờ
Nỗi đau còn đến bây giờ
Dấu trên quê ấy, ngọn cờ đã bay!

Nghẹn ngào, tôi nắm chặt tay
Bạn ơi, phút ấy, có hay nỗi niềm?
Lệ rơi đâu phải yếu mềm!
Gặp nhau, càng tỏ ngọn đèn trái tim...

Càng vui trên khắp mọi miền
Nhịp thoi Nam Định, nhịp thuyền Mê Kông
Những đôi xanh biếc An Long
Hiên ngang cầu thép Hàm Rồng bấy nay

Tôi đi giữa nước non này
Thương từ ngọn cỏ, cành cây, mái nhà
Thương từ tiếng guốc, tiếng gà
Ở đâu cuộc sống mặn mà như đây?

Vui mừng lúc tỉnh, lúc say
Xe đi muôn dặm như bay giữa trời

Chào tất cả những người bạn cũ:
Những ánh mắt cười, rạng rỡ trong tôi
Những gương mặt hồn nhiên cười mở
Những cuộc đời như mãi sinh sôi...

Và tôi hiểu cội nguồn chiến thắng
Những tấm lòng theo Đảng quang vinh
Từ gian khổ muôn vàn cay đắng
Đã mở đường những cuộc trường chinh!

Tôi trở lại Điện Biên năm trước
Nghe âm lòng Ấp Bắc hôm nay
Nghe cả bốn nghìn năm tiến bước
Những ngọn cờ tỏa sắc tung bay...

Chào tất cả, những người đồng chí -
Một đoàn quân của Mác - Lênin
Trên đất nước tuyến đầu chống Mỹ
Sau bão bùng, đất lại tươi nguyên

Cám ơn Bác, Bác Hồ vĩ đại
Người - lương tâm, vĩnh viễn không mờ
Ngôi sao lớn sáng chung thời đại
"Không gì hơn độc lập, tự do!".

Từ quê Mác, Ăngghen - tôi đến
Được gặp Người - Tôi nhớ không nguôi:
Ôi ánh mắt ngàn năm hiển hiện
Niềm yêu thương, chân lý sáng ngời...

Xin giữ trọn tình yêu nóng bỏng
Suốt cuộc đời, trong trắng: Việt Nam!
Niềm tin lớn bay cao, lòng rộng
Từ Cà Mau vẫy gọi Cao Bằng!

Trái tim lớn Bác Hồ vẫn đập
Trong rất nhiều kế hoạch năm năm -
Đảng chỉ hướng cho toàn dân tộc
Đi, đi nhanh, xóa sạch cơ hàn!

Ôi Việt Nam yêu thương diễm lệ
Xin hãy cười trong buổi hội xuân
Hoa đã nở, mai, đào đẹp thế
Khúc hát nào đang giục nhanh chân...

Xin hãy nhớ, dấu xa ngàn dặm
Trên quê tôi, mười bảy triệu người
Vẫn câu hát thiết tha tình bạn
"Vì Việt Nam" vang vọng đất trời...

Khi gió bão, hay khi nắng ấm
Vẫn lòng ta son sắt thủy chung
Vẫn chan chứa mối tình vô sản
Ôi Việt Nam, đất nước anh hùng!

Béc-lin, tháng Giêng năm 1977,

TRẦN ĐUƠNG dịch

Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

KATEB YACINE

Angiêri

“NGƯỜI ĐI DÉP CAO SU”

Thời gian gần đây, nhiều bạn bè gặp gỡ ở nước ngoài hỏi tôi về sự hiểu biết của người Việt Nam đối với vở kịch phong cách hiện đại *Người đi dép cao su* viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh cách đây bốn mươi năm. Tôi ngập ngừng khi trả lời và điều đó thôi thúc tôi viết bài này trong những ngày ở Qatar và dự định sắp tới sẽ dịch tác phẩm ấy ra tiếng Việt, đồng thời sưu tầm cả bản tiếng Arap.

Vở kịch *Người đi dép cao su* (*L'homme aux sandales de caoutchouc*)⁽¹⁾ của Kateb Yacine (1929 - 1989), nhà văn Angiêri sống nhiều năm ở Pháp, xuất bản lần đầu bằng tiếng Pháp, năm 1970, chẳng bao lâu sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh của chúng ta qua đời (1969). Cũng năm ấy, vở kịch được dàn dựng trên sân khấu và được dịch ra tiếng Arap.

Bốn mươi năm qua, từ khi ra đời vở kịch *Người đi dép cao su* đã đến với nhiều thế hệ khán giả và độc giả ở nước ngoài. Rất tiếc, tác phẩm chưa được dịch ra tiếng Việt, chưa được diễn ở Việt Nam; những đóng góp hiện đại hóa nghệ thuật sân khấu của Kateb Yacine chưa được các nhà nghiên cứu ở nước ta quan tâm.

Kateb Yacine đến Việt Nam năm 1967. Những điều tai nghe mắt thấy trên đất nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong

⁽¹⁾ Kateb Yacine: *L'homme aux sandales de caoutchouc*, Editions du Seuil, Paris 1970. Các trích dẫn trong bài đều theo sách này.

cuộc kháng chiến chống Mỹ ác liệt thúc ông tìm hiểu lịch sử Việt Nam, con người Việt Nam và vị lãnh tụ kính yêu của chúng ta. *Người đi dép cao su* bắt đầu được thai nghén từ đây. Một vở kịch, một tác phẩm nghệ thuật, nhưng trang cuối lại là “tài liệu tham khảo” như ta thường thấy ở cuối các công trình nghiên cứu khoa học. Có tất cả mười sáu tài liệu bằng tiếng Pháp hoặc được dịch ra tiếng Pháp. Ông nghiên cứu *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn, *Hành động của Pháp ở Đông Dương* (*La geste française en Indochine*) của Georges Taboulet, *Góp phần vào lịch sử Quốc gia Việt Nam* (*Contribution à l'histoire de la Nation vietnamienne*) của Jean Chesnaux, *Cuộc chiến tranh Đông Dương* (*La guerre d'Indochine*) của Lucien Bodard. Ông đọc *Trận Điện Biên Phủ* (*La bataille de Dien Bien Phu*) của Jules Roy, *Chiến tranh nhân dân, Quân đội nhân dân* của Võ Nguyên Giáp, *Cao điểm cuối cùng* của Hữu Mai. Ông đọc *Nhật ký trong tù*, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, *Những bức thư từ tuyến đầu Tổ quốc*. Ông nghiên cứu các cuốn sách của Jean Sainteny, Jean Lacouture viết về Hồ Chí Minh...

Kịch bản *Người đi dép cao su* chia làm tám phần, đánh số La Mã từ I đến VIII, không ghi là “Hồi” (Tiếng Pháp: Acte, tiếng Anh: Act) như các kịch bản truyền thống, chẳng ghi là “Chương” (tiếng Pháp: Chapitre, tiếng Anh: Chapter) để ta liên tưởng đến tiểu thuyết. Dường như điều ấy đã báo trước đây là vở kịch theo kiểu tự sự của nhà soạn kịch Đức nổi tiếng Bertolt Brecht (1898 - 1956), trong đó xung đột (giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với hoàn cảnh...) không còn là động lực chủ yếu thúc đẩy hành động kịch, trong đó hành động không còn được triển khai theo công thức quen thuộc có thắt nút, mở nút, không còn bị khuôn vào cái khung nghệ thuật quy ước về địa điểm và thời gian.

Kịch truyền thống thường được tổ chức thành các “Hồi”, dịch sang tiếng Việt có khi là “Màn”, vì hồi nào cũng có mở màn, hạ màn theo cách dàn dựng trước kia, hoặc cũng có thể thay mở màn, hạ màn bằng những biện pháp quy ước hoặc kỹ

thuật hiện đại từ vài chục năm nay. Trong kịch truyền thống, các sự kiện thường được tổ chức theo quy luật diễn biến nhân - quả trực tiếp. Hành động này của các nhân vật dẫn đến những hành động khác, tình huống này đưa đến tình huống kia. Đây là cơ sở quan trọng tuy không phải là duy nhất, để các tác giả tổ chức kịch bản chuyển từ Lóp (tiếng Pháp: Scène, tiếng Anh: Scene) này sang Lóp khác trong vở kịch chỉ có một Hồi, hoặc trong từng Hồi của vở kịch. Trong những vở kịch có nhiều Hồi cũng vậy, Hồi trước là tiền đề của Hồi sau. Hành động kịch, tính cách nhân vật phát triển từng bước cho tới lúc vở kịch hạ màn.

Quy luật diễn biến ấy không còn chi phối cấu trúc vở *Người đi dép cao su* của Yacine cũng như kịch của nhiều tác gia hiện đại khác trong thời đại của ông. Diễn biến nhân - quả gắn với trục thời gian của các sự kiện, các hành động được thay thế bằng cách sắp đặt bên cạnh nhau trên không gian của văn bản, và cũng là của sân diễn, những nhân vật, những sự kiện, những hành động có vẻ chẳng liên quan trực tiếp gì đến nhau.

Tám phần (thời thì cứ gọi là tám Hồi) của kịch bản *Người đi dép cao su* được gắn kết theo nguyên tắc lắp ghép như thế. Trong từng Hồi, tác giả không chia thành các Lóp về mặt hình thức in ấn một cách rõ rệt (chẳng hạn Lóp 1,2,3,4...), nhưng ta vẫn có thể xác định qua những lời chỉ dẫn sân khấu (indications scéniques) trong ngoặc đơn in nghiêng, ông để cho các nhân vật vào hết (la scène se vide), ngay sau đó chuyển sang Lóp kịch khác với các nhân vật khác bước ra. Các Lóp với những sự kiện thường là rất xa nhau về thời gian và địa điểm, vẫn được bố trí bên cạnh nhau theo nguyên tắc nói trên.

Nhìn thoáng qua, tám Hồi của *Người đi dép cao su* trải dài theo trật tự thời gian của tiến trình lịch sử Việt Nam từ cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng năm 40 đến khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời năm 1969. Đan kết vào trục chính ấy là các hành động kịch diễn ra ở Pháp, Mỹ, Trung Hoa...

Hồi I có đến tám Lớp. Mở đầu là cảnh Trung Trắc bước tới quỳ lạy trước tấm bia mộ chồng, theo sau là Trung Nhị và các nông dân đeo cung tên...; tiếp đến là bà Triệu đâm cổ tự sát, mấy trăm năm sau, vào thế kỷ III...; rồi dân chúng Paris đánh phá ngục Bastille năm 1789... Tất cả những cảnh ấy dồn vào một Lớp kịch và đều có sự hiện diện của ...nhân vật Nhà truyền giáo (Le missionnaire). Sau đó, Quang Trung hành quân thần tốc, cũng năm 1789; cuối cùng là Nguyễn Ái Quốc ở Pháp...

Số lớp kịch thay đổi với sân khấu chuyển cảnh ở Hồi II nhiều không kém Hồi trước, nhưng thời gian sự kiện chỉ xoay quanh mấy chục năm tiếp theo vào đầu thế kỷ XX, với bao cảnh dồn dập: Mao (Mao Trạch Đông) đi lần trong đám nông dân trang bị súng ống từ hậu trường tiến ra trong cuộc Vạn lý trường chinh; Nguyễn Ái Quốc về nước; Cách mạng Tháng Tám thành công; quân Pháp trở lại Việt Nam; cuộc kháng chiến bắt đầu...

Hồi III là hồi dài nhất ở kịch này xét về độ dài văn bản và số lời thoại (Hồi I: 228; Hồi II: 326; Hồi III: 388), nhưng thời gian sự kiện rút ngắn lại nữa trong khuôn khổ chín năm kháng chiến chống Pháp. Khác với mấy Hồi trước bắt đầu bằng cảnh các nhân vật (Trung Trắc, Trung Nhị, Mao...) từ hậu trường bước ra, đến Hồi này, khi Mohamed, người châu Phi, tiến ra, thì trên sân khấu, khán giả đã thấy Face de Ramadhan (nghe tên, chắc là người Arap) đang vợ cõ alfa chất lên lưng con lừa và lừa ngoái cổ lại ăn. Cảnh mộ lính sang chiến trường Đông Dương gia nhập quân đội viễn chinh Pháp; anh Trỗi, tuổi mười lăm, đạp xích lô ở Sài Gòn bị Face de Ramadhan quẹt tiền; đã có những nhân vật Hoa Kỳ như Lancedalle, Tướng Harding bên các nhân vật tướng lĩnh Pháp... Hồi này khép lại với không khí chiến thắng Điện Biên Phủ. Những lời thoại cuối cùng là cuộc trao đổi qua điện thoại của Tướng Cogne ở Hà Nội và Tướng De l'Astre ở mặt trận:

TƯỚNG COGNE:

Tạm biệt, ông bạn của tôi.

TƯỚNG DE L'ASTRE:

Tôi vẫn còn có thể/ Điện thoại với ngài trước khi.../ Trước khi kết thúc.

TƯỚNG COGNE:

Thôi nhé, tạm biệt ông bạn của tôi.

TƯỚNG DE L'ASTRE:

Tạm biệt Đại tướng của tôi.

(III, 380-383)⁽¹⁾

Bao nhiêu Lốp với những cảnh trong thực tế diễn ra rất xa nhau về cả địa điểm và thời gian được lắp ghép bên cạnh nhau. Chắc Yacine nhà soạn kịch - sau này cũng là nhà đạo diễn như ta biết - đã hình dung những biện pháp dàn dựng hiện đại như sử dụng sân khấu quay hoặc dùng máy móc thay đổi các phong cảnh, hoặc thậm chí chỉ thay đổi những tấm biển với vài hàng chữ thông báo đủ để khơi gợi trí tưởng tượng của khán giả.

Ba hồi tiếp theo IV, V và VI rất ngắn, chỉ lần lượt 65, 102 và 150 lời thoại, tuy vẫn tuân thủ nguyên tắc kết cấu lắp ghép. Ngay sau cảnh vợ chồng anh Trỗi, chị Quyên nhìn thấy tên cảnh binh giải hai tù nhân đi ngang qua, bàn tay họ bị xâu bằng dây thép, là cảnh Niquessonne ôm hôn ngoại giao theo kiểu Nga Nikita là người vừa đi chôn Staline về, tay còn cầm đôi giày; rồi Mao tới; rồi cuộc trò chuyện bằng điện thoại hoặc trực tiếp giữa Staline, Lunine, Engels, Mars là những nhân vật lúc này đang yên nghỉ từ lâu ở thế giới bên kia (Hồi IV). Hai vợ chồng nhân vật Nhu (Ngô Đình Nhu), chồng mặc pyjama, vợ mặc áo ngủ bước ra, mở đầu Hồi V, với các tướng tá tranh giành quyền lực ở Sài Gòn, trước mắt khán giả xuất hiện cả các nhân vật Đức Phật,

⁽¹⁾ Để tiện theo dõi, tôi chú thích theo quy ước số La Mã chỉ Hồi, số Ả-rập chỉ số thứ tự của lời thoại trong từng hồi.

Chúa Jesus; kết thúc Hồi này, anh Trỗi bị bắt. Đến Hồi VI, khán giả thấy anh chàng Alabama ngồi đấy rồi, trên vỉa hè một đường phố ở khu da đen Harlem nghèo khổ bên Mỹ; không bắt đầu ngay bằng đối thoại vì chưa có nhân vật nào ra thêm; mà chỉ là một giọng của Alabama than vãn cảnh khốn cùng; sau đó nhân vật Tổng Thống mới từ hậu trường bước ra trong tiếng quân nhạc, vừa đi vừa đấu bốc với ba quả bóng đen, đỏ và vàng lơ lửng trước mặt... Các nhân vật ấy sẽ được chuyển cả sang Miền Nam Việt Nam. Trước khi Hồi này hạ màn:

PHÓNG VIÊN:

Thưa Tổng thống/ Cuộc chiến tranh này hiện tình ra sao?

TỔNG THÔNG HOA KỲ:

Chúng ta đang trên lưng hổ.

[...]

TƯỚNG Q:

Tổng thống ơi/ Cõng em một chút/ Em mệt rồi.

TỔNG THÔNG:

Thằng nhỏ hỗn láo.

TƯỚNG Q:

Cõng em, không em lật nhào/ Chính quyền ông bạn Dieu⁽¹⁾ của ngài.

TỔNG THÔNG:

Trèo lên, mau, để chẳng ai nhìn thấy.

[...]

TƯỚNG Q (với phóng viên):

Chúng tôi đang trên lưng hổ.

(VI, 142-143; 146-150)

Hai Hồi cuối cùng của vở kịch lại kéo dài với 346 và 200 lời thoại, chúng tôi sẽ tóm tắt ở các phần sau.

⁽¹⁾ Ngô Đình Diệm

*

Vào thời gian vở *Người đi dép cao su* ra đời bốn thập kỷ trước đây, khán giả khối Pháp ngữ trên thế giới nhiều người cũng đã biết đến đôi dép cao su giản dị gắn với tên tuổi Chủ tịch Hồ Chí Minh. Khi bước vào rạp, có thể người ta chờ đợi sẽ trải ra trước mắt một vở diễn đậm màu sắc lịch sử, đậm màu sắc chính trị. Kể cả ngày nay, những ai chưa có dịp đọc hoặc xem diễn vở kịch chắc cũng nghĩ như thế. Khi ở rạp bước ra hoặc đọc xong kịch bản, ai nấy mới cảm nhận rõ *Người đi dép cao su* có vấn đề lịch sử nhưng không phải là một vở kịch lịch sử; có vấn đề chính trị, nhưng không phải là một vở kịch chính luận. Trước hết, đây là một tác phẩm nghệ thuật, trong đó hư cấu và sáng tạo có vai trò quan trọng và phải được cân nhắc kỹ lưỡng trong mối quan hệ với cái hiện thực.

Thế giới nhân vật trong vở kịch khá đông đảo. Khoảng một trăm năm mươi nhân vật có lời thoại; hai phần ba trong số đó có tên. Số còn lại được xác định bằng danh phận hoặc nghề nghiệp: Sĩ quan, Anh lính, Cảnh binh, Thợ cắt tóc, Bà xơ, Người bán báo, Nhà truyền giáo, Nhà điêu khắc, Cô gái, Ông già, Nông dân, Đứa trẻ, Học sinh, Cô thư ký... Tất cả là những nhân vật văn học, hành động, nói năng trong không khí kịch vừa thực vừa hư, đầy chất thơ, kể cả nhuộm màu huyền thoại. Không phải ngẫu nhiên Yacine đưa vào kịch cả Đội đồng ca (Choeur), và Đội trưởng đội đồng ca (Coryphée) của hình thức kịch Hy Lạp cổ đại. Nhiều tác gia kịch hiện đại như B. Brecht cũng đã làm sống lại Đội đồng ca và Đội trưởng đội đồng ca trong kịch của mình. Nhưng ở *Người đi dép cao su*, không chỉ có một Đội đồng ca trong suốt vở kịch, mà có nhiều Đội đồng ca khác nhau. Có Đội đồng ca nông dân đeo cung tên theo Hai Bà Trưng; có Đội đồng ca mang súng ống ra cùng với Mao; có Đội đồng ca gồm các chiến sĩ ở mặt trận Điện Biên Phủ... Ta hình dung khi ra sân khấu, Đội đồng ca có thể đứng thành hàng ở phía trong cùng hoặc ngồi về một bên sân khấu. Thậm chí ta có thể hình dung Đội đồng ca hòa lẫn và làm nền

cho các nhân vật hoạt động, khiến trên sân khấu không chỉ có nhân vật mà còn có “nhân dân” như trong cuộc đời, một dấu nổi sân khấu với điện ảnh, hay nói khác đi là sự đổi mới của sân khấu chịu ảnh hưởng của điện ảnh.

Và cũng không phải ngẫu nhiên tác giả sử dụng thể loại kịch thơ mà không phải thơ: lời thoại của các nhân vật thực chất là văn xuôi, nhưng lại được ngắt ra thành những dòng thơ - văn xuôi tự do, không vần. Lẽ tẻ vài trường hợp lời thoại giữ nguyên hình thức những hàng văn xuôi.

Các nhân vật có tên hầu hết là những con người của lịch sử, trải khắp từ đông sang tây, từ cổ đại tới hiện đại. Nhiều người được ghi đúng đầy đủ cả họ tên và tên: Trung Trắc, Trung Nhị, Ma Yuan (Mã Viện), Triệu Thị Trinh (Bà Triệu), Lou Han (Lư Hán), Henri Martin⁽¹⁾, Tchang Kai Chek (Tưởng Giới Thạch), Marie Antoinette⁽²⁾...; một số khác được ghi theo tên gọi hoặc danh hiệu quen thuộc: Louis XIV, Louis XVI, Quang Trung, Engels, Staline, Mao, Tướng Giáp, Nikita (Khorusôp)...

Tuy nhiên, còn loại nhân vật nữa mang những cái tên vừa thực vừa hư theo cách sáng tạo của tác giả, khiến cho ngay những nhân vật mang tên họ chính xác trên kia sống trong thế giới hư cấu ấy cũng trở nên vừa hư vừa thực... Các tướng lĩnh Navarre, Cogny, De Castries... bước vào kịch thành Namarre (khán giả cũng có thể nghĩ tới McNamara), Cogne, De l'Astre... Các Tổng thống Hoa Kỳ Johnson, Nixon thì được “phiên âm” đôi chút hài hước ra tiếng Pháp thành Jaunesonne, Niquesonne, còn Bảo Đại thì thành Bah Oh-Dadaïe; Lansdale, đại tá Mỹ thì thành Lancedalle; tên vị đại tá này phát âm tiếng Pháp nghe như “Ném đá” (lance: ném; dalle: đá lát đường). Ta nhớ tới Bác Hồ

(1) Một chiến sĩ cộng sản Pháp tích cực ủng hộ Việt Nam.

(2) Hoàng hậu Pháp, vợ Louis XVI.

thời kháng chiến chống Mỹ đôi khi cũng hài hước Việt hóa tên các tướng lĩnh Mỹ theo kiểu như vậy: Tay Lo (Taylor), Định Rút (Din Rusk), Vét Mỡ Lợn (Westmoreland).

Hồi IV có cảnh ánh đèn rơi vào hai hành tinh đỏ ở phía cuối sân khấu (có Mars, Engels) và ở phía trước sân khấu (có Lunine và Staline).

STALINE:

A lô! Mars! Engels!// Tôi gọi cho các đồng chí/ Từ hành tinh Lunine/ Tôi xin một giấy phép nhập cảnh/ Để vào hành tinh Mars.

(IV, 38)

Marx (Karl Marx) được đổi thành Mars (Sao Hỏa), Lénine thành Lunine (Lune: Mặt trăng) là vào lúc kịch đề cập đến sự kiện Liên Xô (tuy không phải thời kỳ Staline) và Hoa Kỳ chinh phục Mặt trăng và hướng tới chinh phục Sao Hỏa.

Đề tăng thêm không khí văn học hư mà thực, thực mà hư, Yacine còn đưa vào kịch loại nhân vật tượng trưng: Đức Phật để chỉ các tín đồ Phật giáo, Chúa Jesus để chỉ các tín đồ Công giáo. Pháp, Mỹ muốn sử dụng bom na-pan ở Việt Nam ư? Đã có nhân vật Tướng Napalm:

TƯỚNG NAPALM:

Thế giới phải biết rằng/ Cuộc chiến tranh Đông Dương của ta/ Thực sự là một cuộc đại chiến/ Chúng ta phải thắng/ Bằng mọi phương tiện.

LANCEDALLE:

A lô! A lô! Giật gân!// Tướng Napalm/ Tiêu diệt quân lính của Giáp/ Ở Viên-Viên (Điện Biên)!/

(Ánh sáng rơi vào Bác Hồ và Tướng Giáp.

Hai người nói với Tướng Napalm từ xa)

TƯỚNG GIÁP:

Đến đây. Đến đây!

BÁC HỒ:

Đến đây, cứ đến đây, mụ ơi!

(III, 155-158)

Về sau, Mỹ còn định dùng cả bom nguyên tử ư? Các nhân vật Đại úy Mac, Đại úy Supermac liền được sáng tạo để chỉ các loại máy bay chiến lược ấy. Trong kịch có cảnh Đại úy Mac ném bom nguyên tử xuống thành phố Hiroshima của Nhật Bản năm 1945 (Hồi II).

Còn một loại “nhân vật” nữa là các con vật được nhân cách hóa, nói được tiếng người, đối thoại với người. Đó là Con Chó của Đại tá Pháp De l’Astre ở Hồi III, Con Chó của Đại tá Mỹ Lancedalle ở Hồi VIII. Đó là Con Cóc của Ông lão ở Hồi III. Đêm đêm, Ông lão đem theo Con Cóc đến bên hàng rào dây thép gai vây quanh đồn địch, nhét thuốc Lào vào miệng Con Cóc, Con Cóc ho sù sụ; địch trong đồn tưởng Việt Minh, bắn ra xối xả.

ÔNG LÃO:

Đồng chí Cóc ơi/ Đồng chí hành ra trò kẻ thù của chúng ta đấy.

CON CỐC:

Cho cháu thêm thuốc Lào nữa đi.

(III, 48-49)

Với số lượng nhân vật đông đảo và đa dạng như vậy, cũng dễ hiểu khi lật trang đầu tiên kịch bản *Người đi dép cao su*, ta không thấy có bảng danh mục “Nhân vật” như ở các vở kịch thông thường.

*

Người Việt Nam nghĩ ngay đến Bác Hồ khi thấy nhan đề vở kịch là “Người đi dép cao su”. Khán giả ở Pháp, ở Angiêri và các nước thuộc khối Pháp ngữ, nhất là vào những năm 70 của thế kỷ trước, có lẽ số đông không nhận ra ngay điều ấy, mặc dù đã từng

biết đến danh tiếng Hồ Chí Minh. Nhưng chắc chắn ai cũng chờ đợi “người đi dép cao su” là nhân vật trung tâm, nhân vật ấy sẽ được khắc họa đậm nét bằng vị trí xuất hiện, tần số xuất hiện trải dài khắp các Hồi từ đầu đến cuối vở kịch, cũng như bằng hình tượng, bằng hành động và ngôn ngữ hội thoại của nhân vật ấy.

Thực tế diễn ra trong kịch khác với sự tiên đoán của mọi người. Chưa thấy ai là người đi dép cao su xuất hiện lúc mở màn ở cả tám Hồi của vở kịch. Mà nhân vật này cũng xuất hiện rất ít.

Hồi I có 38 nhân vật (không kể Đội đồng ca), 228 lời thoại (kể cả lời của Đội đồng ca và Đội trưởng đồng ca) thì chỉ có 10 lời thoại dành cho nhân vật Nguyễn Ái Quốc – nhân vật bước ra sân khấu lần đầu rất muộn khi hai phần ba Hồi I đã trôi qua; lúc này chẳng phải ai cũng hiểu ngay đây là nhân vật gắn với đôi dép cao su. Hồi II có 326 lời thoại phân cho 36 nhân vật thì nhân vật Nguyễn Ái Quốc 16, nhân vật Bác Hồ 8 (cùng là một con người nhưng ở hai giai đoạn khác nhau nên trong kịch bản, Yacine ghi hai tên nhân vật khác nhau). Trong Hồi này, khán giả lần đầu tiên nghe vang lên sân khấu những từ “cao su”, “dép”, nhưng không để chỉ “người đi dép cao su”, mà lại là từ miệng nhân vật Bác Hồ thốt ra trong một đoạn đối thoại giữa nhân vật Tướng Alexandre và nhân vật Bác Hồ trong khung cảnh những năm kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta sau Cách mạng Tháng Tám:

BÁC HỒ:

Voi sẽ chết/ Nó sẽ chết vì kiệt sức/ Và vì mất máu.

TƯỚNG ALEXANDRE (*một mối ngồi bên một chiếc lốp ô tô cũ nát*):

Trong xứ sở cao su này/ Quân lính của tôi nổ bực chết toi/ Như những chiếc săm lốp/ Và cả tôi đây nữa/ Tôi nổ bực mất rồi.

(*Tướng Alexandre đi vào. Bác Hồ cắt gọt săm ô tô thành chiếc đế dép*)

BÁC HỒ:

*Trong xứ sở cao su này/ Con người và cây cối/ Đều dẻo dai
như hùm beo/ Chiếc săm hồng vẫn có thể làm thành/ Những đôi
dép cho du kích ở chiến khu.*

(II, 218-220)

Đến Hồi III, nhân vật Bác Hồ xuất hiện càng ít hơn, thậm chí chỉ một lần với một lời thoại chỉ có mấy từ thách thức nhân vật Tướng Napalm đã dẫn trên kia: “Đến đây, cứ đến đây, mục ơi!” (III, 158). Nhân vật ứng với “người đi dép cao su” không xuất hiện lần nào ở cả ba Hồi tiếp theo IV (65 lời thoại), V (102 lời thoại) và VI (150 lời thoại).

Nhân vật Bác Hồ xuất hiện trở lại ở Hồi VII, nhưng cũng chỉ loáng thoáng với 9 lời thoại trên tổng số 346. Mở đầu Hồi kịch này là cảnh anh Trỗi và cả chị Quyên, bị nhốt trong xà lim, rồi anh Trỗi bị xử bắn vì tội âm mưu đặt bom ở cầu Công Lý tại Sài Gòn trên đường đi của Bộ trưởng Quốc Phòng Mỹ lúc đó là McNamara; tiếp đó là cảnh Mỹ dùng không quân ném bom miền Bắc Việt Nam, với các nhân vật trên sân khấu Đại úy Mac, Đại úy Supermac phi công Mỹ và các nhân vật phi công Việt Nam Sáu, Lương lái máy bay Mig đánh trả quyết liệt; cuối cùng khán giả được đưa trở lại miền Nam Việt Nam với cảnh đốt phá làng mạc và tinh thần rệu rã của binh lính Hoa Kỳ.

Đến Hồi VII này, và mãi tới đây, khán giả mới thấy đôi dép cao su gắn với nhân vật Bác Hồ. Anh Trỗi ra pháp trường; bị xử bắn, hô “Hồ Chí Minh muôn năm!” (VII, 36). Ngay sau đó, Bác Hồ xuất hiện với lời chỉ dẫn in nghiêng trong kịch bản: “*Anh ngã xuống. Tất cả vào. Bác Hồ ra, tay dắt xe đạp, và chân đi dép cao su*”. Chắc chắn lúc này nhà đạo diễn sẽ cho rọi ánh sáng vào nhân vật Bác Hồ, và nhất là vào đôi dép cao su nhân vật đang đi.

BÁC HỒ:

Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua.

(VII, 37)

Trong Hồi cuối cùng của *Người đi dép cao su*, nhân vật Bác Hồ không xuất hiện. Kịch đưa khán giả đến với cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân (1968). Vở kịch khép lại với cảnh Cô thư ký thấp một cây nến mang tới đặt lên bàn làm việc của Tổng thống Niquessonne ở Nhà Trắng. Lúc này Bác Hồ vừa qua đời (1969).

NIQUESONNE:

Tại sao cây nến này trên bàn làm việc của ta? [...]

(VIII, 282)

Nhân vật Nguyễn Ái Quốc – Bác Hồ chỉ xuất hiện ở 4 trên 8 Hồi của vở kịch, không kể lần xuất hiện “phi thực” mang tính biểu tượng ở cuối tác phẩm (sẽ đề cập sau); nhân vật ấy chỉ có 44 lời thoại trên tổng số 1.800 lời thoại của cả vở kịch. Thật là một nghịch lý, một sáng tạo độc đáo có lẽ chưa bao giờ gặp trong lịch sử sân khấu ở mọi nơi, mọi thời đại, một nhân vật xuất hiện ít như thế mà vẫn cứ là nhân vật trung tâm của tác phẩm.

*

Nhân vật ấy được xây dựng gắn bó với lịch sử và tác động đến lịch sử, có liên hệ xa gần, gián tiếp, trực tiếp với các nhân vật khác.

Trật tự thời gian về đại thể theo lịch biểu của vở kịch tám Hồi này dường như chỉ là về mặt hình thức, không gắn bó với nhau theo quan hệ lô gích, nhưng thực ra nhà soạn kịch không để lộ mối liên hệ ấy. Đúng là tám Hồi chỉ như tám mảng sự kiện lịch sử sắp xếp bên cạnh nhau. Các sự kiện trong từng Hồi cũng vậy. Nhà văn không ngần ngại lắp ghép bên nhau trong cùng một Hồi những sự kiện xảy ra rất xa nhau trong thời gian: Bà Trưng, Bà Triệu, Nguyễn Ái Quốc... (Hồi I) và rất xa nhau cả về không

gian: Quang Trung đại phá quân Thanh, dân chúng Paris phá ngục Bastille (Hồi I); cuộc Vạn lý trường chinh ở Trung Quốc, Cách mạng Tháng Tám ở Việt Nam (Hồi II); quân Mỹ kéo vào Việt Nam, cuộc chạy đua lên vũ trụ của Liên Xô và Hoa Kỳ (Hồi IV)... Nhà văn sẵn sàng để vua Pháp Louis XIV và Chúa Trịnh ở Đàng Ngoài cùng bước ra sân khấu và tiếp chuyện nhau, tuy đứng xa xa (Hồi I). Rồi Mao, Nikita, Niquesonne..., rồi Engels, Staline, Lunine cùng xuất hiện và trò chuyện ngay trước khán giả, dù là qua điện thoại, như ta thường bắt gặp kỹ thuật này trong phim ảnh hiện đại (Hồi IV).

Tuy nhiên, phía dưới, đằng sau các sự kiện tưởng như rời rạc ấy có mối liên hệ lô gích hàm ẩn. Cách xử lý mối quan hệ giữa trục không gian của kết cấu văn bản và trục thời gian của sự kiện, giữa cái ảo và cái thực, giữa hư cấu nghệ thuật và tính cách chân thực của nhân vật lịch sử cũng là những mặt thành công của Yacine trong vở kịch này. Một vở kịch tất nhiên gồm toàn những lời thoại (kèm theo các lời chỉ dẫn in nghiêng). Với các nhân vật không có tên, nhà văn có thể thoái mái sáng tạo ngôn từ của họ, miễn sao phù hợp với tính cách và hoàn cảnh.

Với loại nhân vật tượng trưng như Đại úy Mac, Đại úy Supermac..., lời thoại được cân nhắc kỹ hơn:

ĐẠI TÁ LANCEDALLE:

8h15', đã đến giờ xuất phát.

ĐẠI TÁ MAC:

Độ cao mười nghìn mét.

ĐẠI TÁ LANCEDALLE:

Hiroshima. Ấn định mục tiêu.

[...]

ĐẠI ÚY MAC:

Nhiệm vụ hoàn thành.

ĐẠI TÁ LANCEDALLE:

Nhật Bản đã đầu hàng.

(III, 77, 83)

Ngôn từ “chính xác” trên đây là cơ sở cho cuộc đối thoại tưởng tượng với những lời lẽ hư cấu của Đại úy Mac và Đại úy Supermac ở Hội VI trong một doanh trại tại Sài Gòn vừa trò chuyện vừa gọi Alabama phục vụ các món ăn đặc sản. Mỹ có ý định sử dụng máy bay ném bom chiến lược B52¹ và cả vũ khí nguyên tử để giải quyết thế bí ở chiến trường Việt Nam.

Cái khó xử lý hơn cả là ngôn từ của các nhân vật có thật, được ghi bằng tên thật trong kịch, nhất là các nhân vật đã đi vào lịch sử. Chẳng thể không hư cấu vì đây là tác phẩm văn nghệ có liên quan đến lịch sử, chứ không phải cuốn sách nghiên cứu về lịch sử. Yacine cố gắng lựa chọn những ngôn từ, những hình ảnh chính xác do lịch sử cung cấp trong điều kiện có thể.

Triệu Thị Trinh chỉ bước ra sân khấu một lần với duy nhất một lời thoại: *“Ta muốn cười cơn gió mạnh/ Đạp luồng sóng dữ/ Nhuộm đỏ biển khơi/ Bằng máu của lũ quỷ dữ kia/ Ta không thể cam tâm/ Uốn lưng/ Cúi đầu/ Làm tì thiếp người ta”* (I, 29). Khán giả, nếu là người Việt Nam, ai cũng nhận ra ngay Bà Triệu của mình⁽²⁾.

Khi trăm ngàn quân địch tràn sang xâm chiếm nước ta, nhà vua ra lệnh: *“Đây là chiến thuật của ta/ Một cái võng/ Cho ba người lính/ [...] Một người nằm võng hai người khiêng/ Sau mỗi chặng đường lại thay phiên/ Để người khác lên nằm trên võng”* (I, 134-135); thì đây chính là vua Quang Trung trong cuộc hành quân từ Phú Xuân ra Bắc đánh quân Thanh.

Có trường hợp hai sự kiện có thực, hai ngôn từ chính xác ở những thời điểm và địa điểm cách xa nhau được tác giả kịch bản ghép bên cạnh nhau một cách có dụng ý lại tạo thành cái ảo đậm

¹ Máy bay ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản năm 1945 là loại pháo đài bay B29

⁽²⁾ Trong ngôn từ của các nhân vật lịch sử, Yacine nắm bắt tinh thần là chủ yếu, chứ không nhất thiết chính xác hoàn toàn, có khi tác giả biến báo khi chuyển ngữ sang tiếng Pháp, hoặc lược bỏ bớt một đôi lời, một đôi câu, hoặc chắp chỗ này vào chỗ khác ở các ngôn từ ấy.

sắc thái nghệ thuật. Pierre Loti từng là sĩ quan hải quân trong quân đội viễn chinh Pháp sang xâm lược Việt Nam cuối thế kỷ XIX, sau trở thành nhà văn⁽¹⁾. Yacine đưa Pierre Loti vào thành một nhân vật của *Người đi dép cao su*. Vẫn ở Hồi I, sau cảnh Quang Trung hành quân thần tốc.

ĐỘI ĐỒNG CA:

Chiến thắng.

ĐỘI TRƯỞNG:

Đúng thế, nhưng bọn dã man/ Đang ở Nam Kỳ.

(I, 142-143)

Đến đây, ba anh em Nguyễn Huệ cùng Đội đồng ca gồm các nông dân rút hết vào hậu trường, thì Pierre Loti ra sân khấu, ánh sáng rọi vào cảnh dân quê Nam Bộ chết chóc la liệt, ngổn ngang. Nhân vật Pierre Loti chỉ có một lời thoại, không phải những câu thơ tự do ngắn, mà là gần hai trang văn xuôi thuật lại cảnh quân Pháp tàn sát cả ngàn nông dân trong một trận càn quét: “*Những người An-nam gục ngã từng đám chỉ trong vòng chưa đầy năm phút bởi các phát súng bắn tía và các loạt đạn [...] Thực vậy, những kẻ chạy trốn đang bị chờ đợi ấy, họ đã đi vào tầm ngắm của các lính thủy trên con tàu Atalante. Người ta đã phát hiện ra họ tùm tùm từ trong làng chạy ra [...] Rồi người ta lấy chuyện đếm xác chết để mua vui... phải tới tám trăm đến một ngàn. Các lính thủy tranh luận nhau, thậm chí đánh cuộc với nhau về số lượng người chết...*” (I, 144). Ở cuối trang này trong kịch bản, Yacine chú thích rõ hai trang ấy là phóng sự của Pierre Loti đăng báo *Le Figaro* năm 1883. Nhà đạo diễn để cho nhân vật Pierre Loti “diễn” hai trang ấy thành lời? hay “đọc” những hàng chữ đó? Hay chỉ để Pierre Loti đứng nhìn những xác chết ngổn ngang trong khi từ hậu trường vọng ra giọng ai đó “đọc” đều đều?

⁽¹⁾ Pierre Loti (1850-1923): Nhà tiểu thuyết Pháp, tác giả các tiểu thuyết *Pêcheur d'Islande* (1886). *Mme Chrysan thème* (1887).

Khi Pierre Loti vừa dứt lời là lời của Đội đồng ca gần như lấy từ bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* của Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888):

ĐỘI ĐỒNG CA:

*Chưa quen cung ngựa chưa tới trường nhung
Chỉ biết ruộng trâu ở theo làng hộ
Việc cuốc việc cày việc bừa việc cấy tay vốn làm quen
Tập khiên tập mác tập giáo tập cờ mắt chưa từng ngó,
[...]
Mười tám ban võ nghệ nào đợi tập rèn
Chín chục trận binh thư không chờ bày bố
Ngoài cật có một manh áo vải
Trong tay cầm một ngọn tầm vông...*

(I, 145)

Trong thực tế, bài văn của Nguyễn Đình Chiểu là để tế hơn hai mươi nghĩa sĩ hy sinh ở Cần Giuộc (Long An) ngày 16.XII.1861; còn bài phóng sự của Pierre Loti đăng báo *Le Figaro* là thuật lại sự kiện ở Thuận An (Thừa Thiên -Huế) hơn hai mươi năm sau (ngày 20.VIII.1883).

Khán giả là người phương Tây ít biết đến bài văn tế của Nguyễn Đình Chiểu, khi xem diễn cảnh này có thể xúc động, nhưng khác với mỗi xúc động của khán giả là người Việt.

Đến đây, sân khấu chuyển cảnh, Pierre Loti và Đội đồng ca rút hết vào hậu trường, Nguyễn Ái Quốc xuất hiện lần đầu tiên. Khán giả hiểu rằng Nguyễn Ái Quốc tiếp nối truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm giành độc lập của dân tộc Việt Nam từ bao đời, và cũng tiếp nối truyền thống cách mạng thế giới.

*

Các biện pháp xử lý của Yacine được phát huy thành công khi xây dựng nhân vật trung tâm Nguyễn Ái Quốc - Bác Hồ thành một hình tượng nghệ thuật thực sự mà vẫn bảo đảm tính

chân thực của một nhân vật lịch sử, chẳng những thế còn tô đậm tính chân thực ấy thêm lên.

“Người đi dép cao su” trước hết và chủ yếu được khai thác ở góc độ một con người của đời thường như nhan đề vở kịch gợi lên. Con người bình dị mà lớn lao. Nguyễn Ái Quốc mặc quần áo thủy thủ khi xuất hiện lần đầu tiên trên sân khấu và chỉ có một mình, lôi cuốn toàn bộ sự chú ý của khán giả. Từ đầu vở kịch đến đây, chưa có cảnh nào chỉ duy nhất một nhân vật như thế. Bên nhân vật Triệu Thị Trinh còn có Nhà truyền giáo đóng vai trò như người dẫn truyện; bên Pierre Loti còn có Đội đồng ca...

Lời đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc là lời bộc lộ tâm trạng, Yacine chất lọc biến báo từ *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*: “*Tôi xuống tàu làm phụ bếp/ Tàu chở các thực dân đi nghỉ hè/ Họ mày mày tao tao với chúng tôi như ở Đông Dương/ Nhưng đến Marseille người ta gọi tôi bằng ông*” (I,147).

Tướng Decoq⁽¹⁾ ra sân khấu cùng với một viên sĩ quan; rồi đến Đội đồng ca gồm những người châu Phi bị bắt đi lính..., bị đối xử tàn tệ. Nguyễn Ái Quốc hòa vào họ, trò chuyện với họ.

Tiếp đó, hai sự kiện Nguyễn Ái Quốc làm nghề thợ ảnh kiếm sống ở Paris và Nguyễn Ái Quốc bị cảnh sát theo dõi được nhà soạn kịch lắp ghép cạnh nhau, hay đúng hơn là lồng vào nhau thành một cảnh khá độc đáo. Ánh đèn sân khấu rọi vào Nguyễn Ái Quốc, theo sau là tên cảnh sát đang dò tìm trên tờ báo che khuất mặt:

CẢNH SÁT (nói riêng):

Nào, tìm xem/ Dòng rao vặt ấy đâu [y·đọc] “Quý vị nào muốn/ Một kỷ niệm về cha mẹ/ Hãy mang ảnh đến sửa/ Tại hiệu Nguyễn Ái Quốc”/ Phải, đúng hẳn đây rồi/ Chính là đĩa viết bài/ Trên báo chí cộng sản.

⁽¹⁾ Trong những năm Pháp đô hộ, có một toàn quyền Đông Dương tên là Jean Decoux.

[Với Nguyễn Ái Quốc]

*Tôi hân hạnh chào ông/ Ngài Albert Sarraut⁽¹⁾/ Bộ trưởng
Bộ Thuộc địa/ Khen ngợi những bài báo của ông/ Chúng tôi rất
muốn/ Ông cung cấp cho một văn bản/ Và một tấm ảnh để in vào
tạp chí.*

NGUYỄN ÁI QUỐC:

Ông ngồi xuống đây

[đưa cho y một chiếc ghế tựa, bố trí máy ảnh và chụp]

CẢNH SÁT:

Ông làm gì đây?

NGUYỄN ÁI QUỐC:

Ảnh của ông sắp được rồi.

CẢNH SÁT:

Nhưng tôi muốn ảnh của ông cơ mà!

NGUYỄN ÁI QUỐC:

*Tôi không bảo đảm/ Đầu của người thợ ảnh/ Đầu của
khách hàng là được rồi/ Tạm biệt, chào ông.*

(I, 208-213)

Nghệ thuật lắp ghép của Yacine chuyển sang một dạng khác ở Hồi II. Lời thoại của nhân vật Nguyễn Ái Quốc thời gian ở Trung Hoa đều rút ra từ tập *Nhật ký trong tù*. Có thể nói Yacine đã hình dung, đã hiện thực hóa, đã sân khấu hóa những tình huống từ tập thơ ấy.

Nguyễn Ái Quốc vừa chia tay với một đồng chí hoạt động bí mật ở Thượng Hải thì bị Cảnh binh bắt:

CẢNH BINH:

Theo tôi.

⁽¹⁾ Allbert Sarraut.

NGUYỄN ÁI QUỐC (*nói riêng*)

*Mình đã băng qua nhiều đèo/ Mình đã vượt qua nhiều núi/
Đã gặp mà chẳng hề chi/ Những con hổ trên núi cao/ Bây giờ đi
ngang qua một con người/ Và thế là bị bắt⁽¹⁾.*

[Nói với cảnh binh]

Tôi đại diện ở Trung Hoa/ Cho dân tộc Việt Nam.

CẢNH BINH:

Đại sứ mới lạ đời.

[Hắn đánh Nguyễn Ái Quốc gãy một chiếc răng]

NGUYỄN ÁI QUỐC:

Thế là ta chia lìa nhau/ Chiếc răng bắt ly thân của ta.

(II, 12-15)

Thực ra Nguyễn Ái Quốc rụng chiếc răng vào một dịp khác. Bài “*Bốn tháng rồi*” ở Nhật ký trong tù có những câu: “*Bốn tháng cơm không no/ Bốn tháng đêm thiếu ngủ/ [...] Cho nên/ Răng rụng mất một chiếc/ Tóc bạc thêm mấy phần...*” (Nam Trân dịch). Nhà soạn kịch ghép luôn vào đây. Liên ngay sau đó, ông để cho tên cảnh binh trói quặt hai tay Nguyễn Ái Quốc ra sau lưng, và bố trí một tên cảnh binh thứ hai từ hậu trường đi ra, vai vác con lợn:

NGUYỄN ÁI QUỐC:

Họ vác con lợn

Con người thì họ dắt lôi đi

CẢNH BINH THỨ HAI:

Mi đáng giá không bằng con lợn.

⁽¹⁾ Nhật ký trong tù có bài Đường đời hiểm trở: *Đi khắp đèo cao khắp núi cao/ Ngờ đâu đường phẳng lại lao đao/ Núi cao gặp hổ mà vô sự/ Đường phẳng gặp người bị tống lao. - Ta là đại biểu dân Việt Nam/ Tìm đến Trung Hoa để hội đàm/ Ai ngờ đất bằng gây sóng gió/ Phải làm “khách quý” ở nhà giam.* (Nam Trân dịch)

NGUYỄN ÁI QUỐC:

*Cái giá con người giảm xuống
Khi con người không có tự do.*

(II, 16-18)

Ta biết ở Nhật ký trong tù có bài “Cảnh binh khiêng lợn cùng đi”; “Khiêng lợn lính cùng đi một lối/ Ta thì người dắt lợn người khiêng/ Con người coi rẻ hơn con lợn/ Chỉ tại người không có chủ quyền” (Nam Trân dịch).

Nguyễn Ái Quốc đã đến nhà tù, bị nhốt trong xà lim. Tên cảnh binh thứ nhất luồn tay qua song sắt đưa cho một bát cơm:

NGUYỄN ÁI QUỐC:

*Chỗ ở chính quyền cấp
Cơm ăn nhà nước ban
Cảnh binh đi tuần quanh
Chỉ nghỉ ngơi ngắm cảnh
Quá vinh dự cho mình.*

(II, 19)

Ta nghĩ ngay đến bài “Pha trò” của Nhật ký trong tù: “Ăn cơm nhà nước ở nhà công/ Lính tráng thay phiên đến hộ tòng/ Non nước dạo chơi tùy sở thích/ Làm trai như thế cũng hào hùng” (Văn Trục - Văn Phụng dịch).

Hai tình huống khác nhau trong những ngày Nguyễn Ái Quốc bị giải đi, bị giam cầm qua nhiều nhà lao ở Trung Quốc được nhà soạn kịch lựa chọn trong tập thơ và tạo cảnh ghép luôn vào đây. Hai nhân vật Hải và Bùi Lâm, người Việt Nam hoạt động cách mạng trên đất Trung Quốc lúc bấy giờ, bị tra tấn ngất đi, nằm đấy. Hai tên cảnh binh vào xà lim lôi Nguyễn Ái Quốc ra treo ngược dưới mái chiếc thuyền thoi. Chiếc thuyền trước xà lim chỉ là hình ảnh tượng trưng cho chiếc thuyền trên sông đi Ung Ninh:

NGUYỄN ÁI QUỐC, đầu hơi thấp: “Tôi xuôi xuống Ung Ninh/ Trên thuyền thoi Trung Quốc/ Hai bàn chân trên cao/ Đầu

thì ở dưới thấp/ Thật là một cực hình/ Hai bên bờ làng xóm/ Sầm uất khắp nơi nơi/ Lướt nhẹ trên sông nước/ Là những chiếc thuyền chài” (II, 28)⁽¹⁾. Tâm hồn của nhân vật toát lên qua lời thoại có sự đối lập giữa hai cảnh tù đầy và tự do.

Hai tên cảnh binh đi vào thì một viên quan lại bước ra, tay cầm bông hoa hồng. Lại một cảnh tượng trung và lắp ghép nữa để tô đậm tâm trạng trên. Sau vài lời thoại ngắn ngủi của Nguyễn Ái Quốc với viên quan Tàu và viên quan Tàu bước ra xa...

NGUYỄN ÁI QUỐC:

*Chỉ hương thơm hoa hồng
Lạc vào trong ngực tôi
Là đủ nghe rú lên
Nổi bất công trên đời.*

(II, 33)

Thực ra ở Nhật ký trong tù, đây là hương thơm của hoa hồng lọt qua song sắt vào xà lim trong bài “*Cảnh chiều hôm*” do Nam Trân dịch: “*Hoa hồng nở hoa hồng lại rụng/ Hoa tàn hoa nở cũng vô tình/ Hương hoa bay thấu vào trong ngực/ Kể với tù nhân nổi bất bình*”.

Chỉ khoảng mười lời thoại để thu tóm tình cảnh và tâm hồn Nguyễn Ái Quốc bị bắt, bị tù đầy, bị tra tấn. Đã đến lúc Yacine để cho cả hai nhân vật viên quan Tàu và Nguyễn Ái Quốc rời khỏi sân khấu, rồi Nguyễn Ái Quốc một mình trở lại. Ta nhận ra ngay bóng dáng mấy câu “*Bồi hồi dạo bước Tây Phong lĩnh/ Trông lại trời Nam nhớ bạn xưa*” của bài thơ “*Mời ra tù tập leo núi*” ở lời thoại sau đây:

NGUYỄN ÁI QUỐC:

Ra tù tôi luyện tập

⁽¹⁾ Còn đây là bài *Giữa đường đáp thuyền đi Ung Ninh* ở Nhật ký trong tù: *Đáp thuyền thẳng xuống huyện Ung Ninh/ Lũng lằng chân treo tựa giáo hình/ Làng xóm ven sông đông đúc thế/ Thuyền câu rẽ sóng nhẹ thênh thênh.* (Nam Trân dịch).

*Để vượt các ngọn núi
Một mình tôi dạo bước
Mắt nhìn về phương Nam
Tôi nghĩ tới bạn bè.*

(II, 34)

Nguyễn Ái Quốc vào, ngay sau đó trở lại sân khấu thì cũng là lúc cảnh đã chuyển từ Trung Quốc về Việt Nam thời kỳ Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Bao nhiêu nhân vật, bao nhiêu lời thoại, xen vào đó Yacine chỉ chọn vài lời tiêu biểu nhất của Nguyễn Ái Quốc. Đội đồng ca gồm các nông dân kéo ra sân khấu. Bên Nguyễn Ái Quốc có nhân vật Tướng Giáp. Xa xa là Tướng Pháp Alexandre và Lư Hán, Tướng Tàu.

ĐỘI ĐỒNG CA:

Khởi nghĩa!

ĐỘI TRƯỞNG:

Độc lập!

NGUYỄN ÁI QUỐC:

Tiến lên hỡi đồng bào!

Ai có súng dùng súng

Ai có gươm dùng gươm

Ai không có súng có gươm

Thì dùng cuốc xẻng gậy gộc!

(II, 69)

Lời kêu gọi thiêng liêng chẳng ai lúc đó không biết. Chỉ có điều nó được sắp xếp thành thơ trong vở kịch của ông. Ngay đến *Tuyên ngôn độc lập* cũng được sắp xếp thành thơ:

NGUYỄN ÁI QUỐC:

Hôm nay ngày 2 tháng 9 năm 1945

Chúng tôi tuyên bố độc lập

Và chúng tôi thành lập nước Việt Nam

Dân chủ cộng hòa

(II, 121)

Nhân vật Nguyễn Ái Quốc sắp được chuyển thành nhân vật Bác Hồ.

*

Nguyễn Ái Quốc - Bác Hồ là linh hồn của Hồi II, ngọn nguồn của Cách mạng Tháng Tám và người chèo lái chín năm kháng chiến chống Pháp, nhưng hình tượng lớn lao ấy lại được nhà soạn kịch xây dựng hàm ẩn dưới bóng dáng nhà thơ của *Nhật ký trong tù* và con người bình dị ngồi cắt chiếc săm ô tô hỏng thành đôi dép cao su.

Khán giả chờ đợi hình tượng hoành tráng của nhân vật Bác Hồ, Chủ tịch nước ở những hồi kịch tiếp theo ư? Không có. Nhân vật chỉ nói một lời: “Đến đây, cứ đến đây, mụ ơi!” với nhân vật tượng trưng Tướng Napalm ở Hồi III là hồi có sự kiện Điện Biên Phủ. Yacine không để nhân vật Bác Hồ xuất hiện cùng với các chính khách quốc tế Mars, Engels, Staline, Niquesonne, Nikita, Mao... (Hồi IV). Nhân vật cũng không xuất hiện ở Hồi V cùng với Đức Phật, Chúa Jesus và các nhân vật tai to mặt lớn của chính quyền Sài Gòn. Tác giả cũng không đưa nhân vật này sang khu Harlem bên Hoa Kỳ ở Hồi VI bên các nhân vật Tổng thống Mỹ, Giáo chủ Spellman, Chủ ngân hàng...

Đến hồi VII, nhân vật Bác Hồ mới xuất hiện và liên quan đến một con người bình thường: anh Trỗi. Trong vở kịch này, hiếm có nhân vật xuất hiện hết hồi này sang hồi khác. Thế nhưng, có lẽ chẳng phải ngẫu nhiên Yacine đã để cho nhân vật Trỗi xuất hiện thoáng qua ở Hồi III, ở đầu Hồi IV, ở cuối Hồi V, rồi đậm nét ở Hồi VII.

LANCEDALLE (với viên sĩ quan):

Bịt mắt nó lại.

TRỖI:

*Đừng. Cứ để mặc tôi/ Linh tráng các người, tôi chẳng nhìn
nữa đâu/ Tôi muốn nhìn đến phút chót/ Mảnh đất Việt Nam.*

SĨ QUAN:

Chuẩn bị

TRỜI:

Việt Nam muôn năm!

SĨ QUAN:

Bắn!

TRỜI:

Hồ Chí Minh muôn năm!

(VII, 31-36)

Khán giả hiểu rằng Bác Hồ chính là linh hồn cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân miền Nam Việt Nam.

Đến đây, như ta biết, nhân vật Bác Hồ mới lại xuất hiện, vẫn là con người bình dị của đời thường, và Yacine vẫn dùng biện pháp nghệ thuật lắp ghép quen thuộc:

BÁC HỒ:

Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua

[Phóng viên ra]

PHÓNG VIÊN:

Ngài là thi sĩ?

BÁC HỒ:

Một thói quen cũ để tiêu thời gian trong xà lim.

PHÓNG VIÊN:

Ngài đã bị mất tự do lâu dài?

BÁC HỒ:

Ở trong tù bao giờ cũng thấy thời gian dài lâu.

(VII, 37-41)

Qua những lời đối thoại trên thập thoảng thơ chúc Tết của Bác Hồ dịp Tết Mậu Thân (1968) và bài Mở đầu tập *Nhật ký*

trong tù⁽¹⁾. Sau đó, cuộc trò chuyện giữa Bác Hồ và Phóng viên chuyển sang những chuyện sinh hoạt hàng ngày. Rồi kết thúc là lời của Đội đồng ca:

ĐỘI ĐỒNG CA:

*Bác Hồ sống như chúng ta/ Người quét sân của Người/
Tưới vườn rau của Người/ Ăn bát cơm của Người.*

ĐỘI TRƯỞNG:

Với cùng suất ăn như chúng ta.

ĐỘI ĐỒNG CA:

*Nhưng Người làm việc hơn chúng ta/ Chúng ta thấy ánh
đèn/ Nơi cửa sổ của Người đến tận nửa đêm.*

Một nhân vật bình dị, đời thường, nhưng lại lớn lao. Kết thúc vở kịch là một cảnh đối lập độc đáo, sự đối lập giữa Tổng thống Niquessonne đang sống trong phòng làm việc ở Nhà Trắng và Bác Hồ vừa qua đời. Thấy Cô thư ký thấp cây nên mang vào đặt trên bàn giấy:

NIQUESONNE:

Tại sao lại cây nến này trên bàn giấy của ta?

CÔ THƯ KÝ:

Với chúng tôi, ngài đã chết rồi/ Thừa ngài Tổng thống.

ĐỘI ĐỒNG CA (gồm dân Mỹ biểu tình):

Ngài là một thầy ma

ĐỘI TRƯỞNG:

Một thầy ma chính trị.

[...]

ĐỘI ĐỒNG CA:

*Chúng tôi bốn mươi ngàn lính Mỹ/ Chết trong cuộc chiến
tranh này/ Chúng tôi đến để chôn ngài/ Trong Nhà Trắng của ngài.*

⁽¹⁾ Ngâm thơ ta vốn không ham/ Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây/ Ngày dài ngâm ngợi cho khuây/ Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do.

NIQUESONNE:

Ô hay, các người làm rồi/ Đây là Hồ Chí Minh/ Đối thủ của ta/ Ông ấy vừa qua đời đây chứ!

[Chuyển cảnh. Ánh sáng rọi vào tấm bia mộ.

Bác Hồ hiện lên. Đội đồng ca Việt Nam ra sân khấu]

ĐỘI ĐỒNG CA:

Người đi trong giấc mơ của chúng ta

ĐỘI TRƯỞNG:

Người đi dép cao su.

ĐỘI ĐỒNG CA:

Người của tối tăm và nghèo khổ

ĐỘI TRƯỞNG:

Người ngủ không nhiều

ĐỘI ĐỒNG CA:

Người đi trong những giấc mơ của chúng ta

ĐỘI TRƯỞNG:

Người quét nhà và nhà chiến lược

ĐỘI ĐỒNG CA:

Người cùng khổ có vầng trán cao cao

ĐỘI TRƯỞNG:

Người mà ai cũng gọi là Bác Hồ

ĐỒNG CA:

Hồ Chí Minh, người soi sáng

ĐỘI TRƯỞNG:

Người mà cả dân tộc nhắc tên

ĐỒNG CA:

Người ngủ không nhiều

ĐỘI TRƯỞNG:

Người đi trong những giấc mơ của chúng ta

ĐỘI ĐỒNG CA:

Người đi dép cao su.

(VIII, 182-200)

Khán giả cảm nhận rõ hình tượng con người bình dị đời thường nhưng lại vô cùng lớn lao ấy khi vở kịch hạ màn.

PHÙNG VĂN TỬU giới thiệu
Viết tại Doha (Qatar) tháng 4/2010

*MỘT SỐ CÁC HỌA SĨ THẾ GIỚI

NHỮNG TÁC PHẨM BẰNG CHỨNG CỦA TÌNH YÊU

Một lãnh tụ, một vĩ nhân của một dân tộc nào, lẽ đương nhiên, bao giờ cũng là đề tài, là đối tượng miêu tả đầy ngưỡng mộ của các nghệ sĩ tạo hình của dân tộc ấy. Tuy nhiên, trong lịch sử nghệ thuật, còn có những con người mà hình ảnh của họ không chỉ kính yêu và hấp dẫn đối với các nghệ sĩ thuộc dân tộc mình, mà còn đầy sức thuyết phục, chiếm vị trí to lớn trong tình cảm, trong sự quý trọng của các nghệ sĩ thuộc các dân tộc khác, các quốc gia khác trên thế giới.

Bác Hồ của chúng ta là một con người như vậy.

Ngay từ rất sớm, khi cách mạng Việt Nam còn chìm trong bóng tối, khi Bác còn đang là một chiến sĩ cách mạng quốc tế hoạt động bí mật, một số nghệ sĩ nước ngoài có may mắn được gặp Bác tại Mát-xcơ-va năm 1942 đã không thể không bị thu hút bởi khuôn mặt xương xương rất Á Đông, với vầng trán cao và đôi mắt to sáng ẩn giấu những suy tư và gian khổ của cuộc đời bôn ba tìm đường cứu nước của Bác. Và họ đã ghi lại cho hậu thế chúng ta những ký họa lịch sử - có thể coi đó là những sáng tác đầu tiên về Bác: *Đồng chí Nguyễn Ái Quốc 1924*, ký họa của N.I Crốp-tren-kô (Liên Xô), báo *Công nhân* 29/7/1924 và *Nguyễn Ái Quốc 1924* - ký họa của Ê-rích Giô-han-xơn - họa sĩ Đức gốc Thụy Điển, tạp chí *Nghệ thuật tạo hình* (Cộng hòa dân chủ Đức) 12/1956.

Sau này trong những năm hoà bình mới lập lại trên miền Bắc và những năm đầu của thập niên 1960, khi chúng ta đã có điều kiện mở rộng cửa đón các bạn bè nghệ sĩ năm châu, hầu như không một nghệ sĩ tạo hình nước ngoài nào tới Việt Nam mà không ao ước được gặp Bác, được vẽ và nặn tượng Bác. Đối với nhiều người trong số họ, được sáng tác về Bác, không phải chỉ để thoả mãn một nhu cầu riêng tư là được vẽ nặn một lãnh tụ nổi tiếng mà chính mắt mình được trông thấy, mà còn là một trách nhiệm họ tự thấy phải đảm đương là phải có một tác phẩm về Hồ Chí Minh - người bạn lớn của nhân dân nước mình, do chính nghệ sĩ của nước mình, người của nước mình làm ra!

Gh. Mi-dan-đa-ri, Cu-dơ-nét-xốp, các chuyên gia Liên Xô ở Trường Cao đẳng Mỹ thuật Việt Nam, V. Đa-tri-nhi-a-ép, hoạ sĩ điện ảnh Liên Xô lão thành, Hen-rích Đơ-rắc-ke, nhà điêu khắc Cộng hoà dân chủ Đức... đều đã vinh dự được gặp Bác, được Bác ân cần “ngồi mẫu” cho họ vẽ, nặn. Ấn tượng và xúc động của những lần được gặp Bác ấy hình như những bức tranh tượng chân dung Bác mà họ sáng tác đã không đủ sức diễn tả hết. Nhiều người, khi về nước còn viết báo, viết sách, kể lại với nhân dân nước họ về kỷ niệm quý báu được gặp Bác và những tâm tư của họ, những tâm tư rất giàu chất tạo hình mà lại phải nói ra bằng lời! Hen-rích Đơ-rắc-ke, nhà điêu khắc Cộng hoà dân chủ Đức đã tâm sự: “Sau bao nhiêu năm trời, tôi vẫn nhớ rõ đôi mắt sáng ngời, chòm râu bạc trắng như cước, vầng trán cao, và cả những đường nhăn, những chấm môi trên da mặt Bác... Tất cả đều toát lên vẻ hiền từ, độ lượng, bao dung của một vị cha già rất thân yêu”.

Khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của chúng ta lên đến đỉnh cao, khi mà hai tiếng Việt Nam lay động đến cả những miền xa xôi nhất của trái đất, cũng là giai đoạn những sáng tác về Bác - linh hồn của cuộc chiến đấu của cả dân tộc ta - của các nghệ sĩ tạo hình nước ngoài nở rộ lên nhất. Trong số họ, có nhiều người chưa từng đến Việt Nam, chưa được gặp Bác, vậy mà những tác phẩm của họ vẫn làm chúng ta thật xúc động!

Bên cạnh những tác phẩm tạo hình có sức nặng nghệ thuật bề thế như tranh của hoạ sĩ cộng sản nổi tiếng Ý Rơ-na-tô Gu-tu-dô vẽ Bác ở tư thế nhìn nghiêng, bàn tay đang nâng niu những bông hồng trắng và đỏ, trên nền màu lung linh của cờ đỏ sao vàng - búa liềm, vừa mang dáng dấp của một nhà hiền triết - nhà thơ phương Đông, vừa có tư thế rắn rỏi, đỉnh đạc của lãnh tụ, của người chiến sĩ cách mạng - mở cho chúng ta một ý niệm mới về vẽ chân dung: miêu tả chân thực, khúc chiết đi đôi với hoà nhập với những hàm ý tượng trưng sâu xa; là tượng gỗ chân dung Bác của nghệ sĩ Liên Xô L. Đu-bi-nốp-ki, tranh chân dung bằng tấm-pe-ra của Viện sĩ Viện hàn lâm Mỹ thuật Mông Cổ Ban-đan-đo-rơ... Là tập tranh “Việt Nam nhất định thắng” của Cu Ba gồm nhiều tranh vẽ về Bác Hồ, là vô số những hình ảnh của Bác trên các báo và tạp chí lớn nhỏ in rất nhiều ở châu Âu, ở Pháp, ở Mỹ, trên những con tem bay đi khắp thế giới, được vẽ rất công phu và trình bày trang trọng.

Đặc biệt năm 1969 - năm Bác đi xa để lại “muôn vàn tình thân yêu” cho chúng ta, bạn bè nghệ sĩ tạo hình nước ngoài đã chia sẻ với chúng ta nỗi đau vĩnh viễn vô hạn ấy. Nhiều hoạ sĩ đã để tang Bác như người cha, người bác, người anh của mình. Hoạ sĩ Ý Phơ-răng-xét Cô-li-ê đã thức suốt đêm vẽ chân dung Bác để kịp gửi đi khắp nước Ý, hoạ sĩ Liên Xô M. Xô-lô-vép vẽ chân dung bác gửi đến đại sứ quán ta ở Mát-xcơ-va kính viếng Người.

Một hoạ sĩ Cu Ba đã minh hoạ trang trọng trang thơ của Bác trên số báo đặc biệt tưởng nhớ Người... Thấm nhuần tình cảm quốc tế vô sản, sức sống bất diệt của những tư tưởng yêu nước, yêu dân trong sáng của Bác, hoạ sĩ Ý Bru-nô Ca-mi-đo không những chỉ vẽ chân dung Bác, Bác với Mác-Lênin mà còn say sưa minh hoạ cho bản Di chúc của Bác do Đảng cộng sản Ý dịch, in và phát hành tới từng chi bộ.

Cùng với thời gian, những xúc cảm sôi nổi lắng đọng lại, trở thành những suy nghĩ sâu lắng và bền chắc, lòng ngưỡng mộ của các nghệ sĩ tạo hình nước ngoài đối với Bác trở thành sự ghi

nhận và đánh giá trân trọng. Tác phẩm của họ không chỉ miêu tả Bác trong những chân dung riêng biệt, mà còn đi vào trong những bố cục lớn, những chủ đề lớn.

Trong những năm 1970, dư luận báo chí các nước đã nói nhiều tới bức bích hoạ "Hoà bình hữu nghị anh em trên toàn thế giới" của họa sĩ Mê-hi-cô Ghi-e-mô Sa-vê Vê-ga ở Vòm nhà hữu nghị quốc tế Gu-a-đa-la-gie-ra (Mê-hi-cô). Bức tranh này có diện tích đồ sộ 650m² diễn tả cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác, cuộc chiến đấu của nhân loại suốt quá trình lịch sử chống ách bóc lột và bất công, hướng về tự do và hạnh phúc. Trên nền xanh da trời, Ghi-e-mô Sa-vê Vê-ga đã vẽ Bác Hồ của chúng ta đứng giữa những vĩ nhân của lịch sử nhân loại, bên cạnh Mác, Lênin, Bét-thô-ven... Nét mặt Bác kiên nghị và nhân hậu, dáng đứng của Người cao lồng lộng trong bộ quần áo ka-ki quen thuộc, hai tay chấp lại như đang lắng nghe Bét-thô-ven say sưa biểu diễn bản giao hưởng anh hùng "A-pa-xi--on-na-ta" của ông hoà trong bản nhạc lớn tạo nên bởi một bố cục chuyển động, cấu trúc theo năm vòng tròn lớn ca ngợi sự tiến bộ của nhân loại.

Tấm lòng nghệ sĩ Mê-hi-cô Ghi-e-mô Vê-ga đối với Bác đã vượt qua khuôn khổ của sự quý trọng đối với lãnh tụ của riêng một dân tộc, để trở thành sự xác nhận và khẳng định trân trọng một vĩ nhân trong hàng các vĩ nhân của thế giới (cần nhớ là trong tác phẩm của mình, Vê-ga chỉ đưa vào 20 nhân vật lịch sử mà có lẽ theo cân nhắc của cá nhân nghệ sĩ, ông cho đó là những vĩ nhân tiêu biểu nhất của nhân loại).

Trong tác phẩm của các nghệ sĩ tạo hình nước ngoài, cũng như ở ngoài đời, Bác không chỉ là lãnh tụ của dân tộc Việt Nam, là chiến sĩ quốc tế vĩ đại mà còn là người bạn lớn, rất gần gũi và đồng cảm với họ. Thông thạo ngôn ngữ của các nước lớn ở châu Âu và thế giới, khi gặp gỡ các nghệ sĩ tạo hình nước ngoài, Bác nói chuyện với họ cởi mở và ấm cúng. Xem tập ảnh tượng của A-la-đa-rơ Pha-kat, Bác lật từng trang và trao đổi với ông về từng tác phẩm một. Ê-rích Giô-han-xơn - một trong những người

đầu tiên vẽ Bác- đã vô cùng thích thú được Bác cho biết ở Paris Bác cũng có vẽ chút ít và rất khâm phục khi nghe Bác bàn luận với mình về những vấn đề của nghệ thuật châu Âu với một sự am tường và nghiên cứu đầy đủ, thận trọng. Bác yên lặng, ngồi mầu cho Hen-rích Đơ-rắc-ke tổng cộng tới 12 giờ, tặng ảnh, tặng hoa, ghi bút tích cho tất cả. Năm Pi-cát-xô 80 tuổi, Bác gửi thư chúc mừng... Những kỷ niệm đó đã để lại những ấn tượng sâu xa và đẹp đẽ trong lòng giới nghệ sĩ tạo hình thế giới.

Hoạ sĩ *VŨ HUYỀN*
(Tập chí *Mỹ thuật*, số 2 (17) - 1984)

CHÚ THÍCH VỀ TÁC GIẢ*

1. LINCOLN BERGMAN

Sinh ngày 27 tháng 10 năm 1944 tại Berkely, California, là nhà báo, thuộc nhóm biên tập tờ Movement, một tờ báo của nhóm Sinh viên dân chủ ở Mỹ.

2. LADY BORTON

Sinh 1942 tại Washington. Nhà văn, nhiếp ảnh gia Mỹ.

3. ISMAEL GOMES BRAGA

Ismael Gomes Braga (1891 - 1969)

Nhà báo, nhà ngôn ngữ học có công phát triển quốc tế ngữ Esperanto ở Brazil. Khởi thảo và sáng lập nhiều hoạt động, tổ chức tuyên truyền về Esperanto.

4. CHARLIE CHAPLIN

Sinh ngày 16 tháng 4 năm 1889 tại Walworth, Luân Đôn.

Chaplin đến Mỹ lần đầu tiên năm 1910 với Fred Karno. Năm 1912, ông trở về Anh 5 tháng rồi quay lại Mỹ lần thứ 2 và hợp tác cùng Stan Laurel.

Năm 1953, ông bị trục xuất vĩnh viễn khỏi Mỹ do bị tình nghi là có cảm tình với cộng sản. Ông tiếp tục sống và làm phim ở Anh và Thụy Sĩ.

Năm 1929, Chaplin ban đầu được đề cử cho giải nam diễn viên chính và giải đạo diễn phim hài kịch nhưng sau đó tên ông bị rút khỏi danh sách và thay vào đó AMPAS trao cho ông một giải Oscar danh dự cho *Việc diễn xuất, biên kịch và đạo diễn xuất sắc bộ phim The Circus*. Giải Oscar danh dự thứ hai đến với Chaplin 44 năm sau đó, khi vào năm 1972 ông được trao giải Oscar *Thành tựu trọn đời*.

5. EDUARD CLAUDIUS

Nhà văn Eduard Claudius đã viết bài "Nhân cách Bác Hồ" đăng trong cuốn "Các thông điệp" xuất bản tại Béc-lin, đã được dịch và in trong cuốn "Hồ Chí Minh với quê hương Các Mác", Nhà xuất bản Thông Tấn, Hà Nội ấn hành năm 2004.

6. EWAN MAC COLL

Ewan Mac Coll (25 tháng 1 năm 1915 - 22 tháng 10 năm 1989) là ca sĩ, nhạc sĩ, nhà thơ, nhà soạn kịch, diễn viên và nhà thu âm nhạc người Anh, tên khai sinh là James (Jimmie) Henry Miller, sinh ở Salford, Lancashire, Anh. Ông bắt đầu sự nghiệp bằng cách viết nhạc giúp nhà sản xuất và là diễn viên kịch.

Cùng với Peggy và Charles Parker, ông phát triển thể loại "Radio-Ballade", một chương trình văn nghệ hỗn hợp với ca khúc, khí nhạc, tiếng động, đặc biệt là tiếng động của những công nhân và ngư dân khi làm việc. Những chương trình này được phát thanh trên BBC từ năm 1957 đến 1964.

Ông cùng ca sĩ Peggy Seeger cũng thu âm nhiều ca khúc có nội dung chính trị. Riêng ông đã viết trên 300 ca khúc. Một ca khúc trong số đó là "The Ballad of Ho Chi Minh" (Bài ca Hồ Chí Minh), viết về nhà cách mạng Việt Nam Hồ Chí Minh trong khoảng thập niên 50. Bài hát không thành công nhưng riêng tại Việt Nam lại rất nổi tiếng. Bài hát "The Ballad of Stalin" viết về Stalin của ông cũng được biết nhiều ở Liên Xô cũ.

* Để tiện tra cứu, chúng tôi xếp thứ tự các tác giả theo mục lục. Một số người chưa có điều kiện tìm đủ thông tin cần thiết, chúng tôi sẽ bổ sung vào các lần tái bản sau (BT).

Ông còn là nhà hoạt động xã hội trong những năm của thập niên 30. Một trong những bài nổi tiếng của ông, "The Manchester Rambler", được viết sau vụ việc xâm phạm đất đai nổi tiếng ở Kinder Scout.

7. BLAGA DIMITROVA

Nhà thơ nổi tiếng Bungari *Blaga Dimitrova*, tác giả những tác phẩm gây xúc động lớn về Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh như tập thơ "Vây giữa tình yêu" và tập bút ký "Ngày phán xử cuối cùng", là người bạn thân thiết của Việt Nam trong những năm chống Mỹ. Bà đã đến Việt Nam và được gặp Bác Hồ vào những năm chiến tranh phá hoại của Mỹ diễn ra ác liệt nhất trên miền Bắc XHCN...

8. JORIS IVENS

Joris Ivens (Hà Lan - 1898 - 1989) là một nghệ sĩ điện ảnh lớn của thế giới trong thế kỷ 20, chuyên về thể loại phim phóng sự - tài liệu. Ông từng đến Việt Nam trong những năm chiến tranh ác liệt và thực hiện nhiều bộ phim nổi tiếng.

Từ năm 1965 đến năm 1969, Joris Ivens đã sang miền Bắc Việt Nam, lần lượt quay nhiều bộ phim phóng sự, tài liệu ngay trong thời kỳ miền Bắc đang chiến đấu quyết liệt và gian khổ chống lại quân đội Mỹ xâm lược bắn phá. Đó là phim *Bầu trời của mặt đất* (*Le Ciel de la Terre* - 1965), *Dân cầm súng* (*Le Peuple et ses fusils* quay trong hai năm 1968 và 1969). Bộ phim đáng chú ý nhất của Joris Ivens thực hiện tại Việt Nam là phim *Đàm thoại với Chủ tịch Hồ Chí Minh* (*Recontre avec le Président Hồ Chí Minh*) phổ biến năm 1969, chính là bộ phim ghi lại nhiều hình ảnh và những lời phát biểu, trao đổi của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi tiếp Joris Ivens vào năm 1968 tại Hà Nội. Có thể nói rằng đó là một trong những bộ phim cuối cùng của điện ảnh nước ngoài đã có dịp thu hình và ghi âm những lời nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Joris Ivens sinh ngày 18-11-1898 tại Nimègue (Hà Lan), mất ngày 28-6-1989 tại Pari (Pháp). Vào năm 1911, Joris Ivens lúc đó mới 13 tuổi đã quay bộ phim đầu tay *Mũi tên bạc*. Khi trưởng thành, Joris Ivens quanh năm suốt tháng đi vòng quanh trái đất để lần lượt quay những bộ phim phóng sự nóng hổi, bên cạnh cho những cuộc chiến đấu chống chủ nghĩa đế quốc, thực dân, phát xít...

Joris Ivens đã thực hiện bộ phim phóng sự đặc sắc Komsomol (Đoàn thanh niên Cộng sản, còn có tựa tiếng Pháp dịch sang tiếng Việt là *Bài ca của những anh hùng*) quay tại Liên Xô năm 1932, *Đất nước Tây Ban Nha* (1937) lên án phát xít Franco... Trong thời Chiến tranh thế giới thứ Hai (1939-1945), Joris Ivens đã cùng với nhà điện ảnh Mỹ Lewis Mileston sang Liên Xô quay bộ phim *Mặt trận Nga của chúng ta* (1941). Joris Ivens đã thực hiện khá nhiều bộ phim phóng sự ở Pháp, trong đó có phim *Sông Seine gặp gỡ Paris* (1958) đoạt được giải thưởng tại Liên hoan phim quốc tế Cannes về thể loại phim tài liệu. Trước đó, bộ phim *Chúng ta vì hòa bình* do Joris Ivens thực hiện năm 1952 đoạt giải thưởng tại Liên hoan phim quốc tế tổ chức ở Tiệp Khắc, phim này còn đoạt thêm giải thưởng của Hội đồng Hòa bình thế giới trao cho phim và đạo diễn xuất sắc nhất.

Vào năm 1958, Joris Ivens sang Trung Quốc, được mời giảng dạy tại Học viện Điện ảnh Bắc Kinh. Một năm sau ngày Cuba được giải phóng, Chủ tịch Fidel Castro đã mời Joris Ivens sang giảng dạy tại Học viện Điện ảnh Cuba. ở đây ông quay bộ phim *Vũ khí của quần chúng* và đặc biệt bộ phim thú vị *Thư gửi Charlie Chaplin* trong cùng một năm 1961.

Ngoài những quốc gia nói trên, Joris Ivens còn quay nhiều phim phóng sự tại Bỉ, Canada, Mỹ, Nhật Bản, Ba Lan, Đông Đức, Tây Đức, Italia, Mali, Chile, Indonesia... Ông đã đoạt giải thưởng quốc tế Hòa Bình Lenin năm 1968 nhờ bộ phim *Vĩ tuyến 17* gây tiếng vang lòng lẫy ở nhiều nước Âu - Mỹ...

(Theo Kiến Thức Ngày Nay)

9. THẠCH NHƯ' - THÀNH ĐẠI KHÁNH

Thành Đại Khánh vừa là giáo sư danh dự vừa là Hiệu trưởng của Trường đại học Sung Chun Quan, Viện trưởng Viện nghiên cứu Đông Nam Á, vừa là người chuyên nghiên cứu các vấn đề lịch sử.

10. OXIN EMILYEVICH MENDELSTAM (1891 - 1938)

Nhà thơ, nhà tiểu luận người Nga gốc Do Thái.

11. STEVE MASON (1940 - 2005)

Nhà thơ Mỹ sinh ra ở Brookly, là cựu chiến binh trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam.

12. PABLO NERUDA

Pablo Neruda (1904-1973) là bút danh của Neftali Ricardo Reyes y Basoalto - nhà thơ Chilê đoạt giải Nobel Văn học 1971. Sinh ngày 12-7-1904 tại thị trấn Parral, miền Nam Chilê. Ông học tiếng Pháp và Giáo dục học, rồi dạy tiếng Pháp, làm nhà ngoại giao, đi rất nhiều nơi trên thế giới; là một trong những nhân vật quan trọng trong chính quyền Chilê. Năm 1927 ông làm lãnh sự Chilê ở Burma (nay là Myanmar), năm 1932 ở Argentia, năm 1934 ở Tây Ban Nha. Năm 1945 được bầu vào Thượng nghị viện, nhưng mấy năm sau bị buộc tội phản quốc và phải trốn sang Mexico vì đã công khai phê phán chính phủ đương nhiệm. Năm 1970 ông về nước ra tranh cử Tổng thống. Ông còn

là bạn và người ủng hộ nhiệt thành của tổng thống S. Agende.

Pablo Neruda bắt đầu sự nghiệp văn chương từ năm hai mươi tuổi. Năm 1971 ông được trao giải Nobel. Ông được coi là một trong những nhà thơ hàng đầu của thế kỷ XX. Thơ ông được dịch nhiều và được yêu thích ở Việt Nam. P. Neruda mất ngày 23-9-1973 tại thủ đô Santiago.

Tác phẩm:

* *Bài ca ngày hội* (La canción de la fiesta, 1921), thơ.

* *Hoàng hôn* (Crepusculario, 1923), thơ.

* *Hai mươi bài thơ tình và một bài thơ tuyệt vọng* (Viente poemas de amor y una canción desesperada, 1924), thơ.

* *Sự mạo hiểm của con người bất tử* (Tentativa del hombre in finito, 1926), thơ.

* *Trú ngụ trên trái đất* (Residencia en la tierra, tập 1, 1933, tập 2, 1935) thơ.

* *Tây Ban Nha trong tim* (España en el corazón, 1937), thơ.

* *Bài ca Stalingrad* (Canto stalingrad, 1942), thơ.

* *Bài ca chung của Chile* (Canto general de Chile, 1939), *chùm thơ sử thi*.

* *Bài ca chung* (Canto general, 1950), thơ.

* *Chùm nho và những ngọn gió* (La uvas y el viento, 1954), thơ.

* *Bài ca khởi thủy* (Odas elementales, 1954-1959), thơ, 3 tập.

* *Bài ca chiến công* (Canción de gesta, 1960), thơ.

* *Đi biển và trở về* (Na vegaciones y regresos, 1959), thơ.

* *Một trăm bài sonnet tình yêu* (Cien sonetos de amor, 1960), thơ.

* *Những viên ngọc Chile* (Les piedras de Chile, 1960), thơ.

13. TRẦN NGHỊ (1901-1972)

Nhà chính trị và lãnh đạo quân sự của Trung Quốc. Ông là một trong mười nguyên soái nổi tiếng của Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc. Ông sinh ra tại huyện Lạc Chí, gần Thành Đô, Tứ Xuyên. Trần Nghị đã là chỉ huy của Tân Tứ Quân trong cuộc Chiến tranh Trung Nhật. Ông được phong nguyên soái của Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc năm 1955. Sau khi thành lập Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Trần Nghị đã trở thành thị trưởng Thượng Hải. Ông cũng đảm nhận chức phó thủ tướng từ 1954 đến 1972 và Bộ trưởng ngoại giao từ 1958 đến 1972 và hiệu trưởng của Đại học Ngoại giao Trung Quốc từ năm 1961 đến 1969. Trong thời kỳ Cách mạng văn hóa, ông đã bị thanh trừng năm 1967, nhưng không bị cách chức chính thức, do đó Chu Ân Lai đảm trách chức bộ trưởng ngoại giao thay ông.

(Theo Internet).

14. QUÁCH MẠT NHƯỢC (1892 - 1978)

Học giả, nhà thơ, nhà soạn kịch, nhà hoạt động văn học Trung Hoa, nguyên tên là Quách Khai Trinh, hiệu Thượng Vũ, ngoài bút danh Quách Mạt Nhược còn có Quách Đình Đường, Thạch Đà, Cao Nhữ Hồng v.v...; Quách Mạt Nhược thực sự nổi tiếng sau phong trào Ngũ tứ với tập thơ *Nữ thần* bộc lộ ý chí phủ nhận cái cũ, khát vọng sáng tạo cái mới, được coi như tác phẩm mở đầu cho thơ ca cách mạng Trung Hoa. 1948, trước ngày giải phóng một năm, ông lên Diên An làm Hiệu trưởng Trường nghệ thuật Lỗ Tấn. Ông từng là Chủ tịch Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật, Chủ tịch Viện khoa học Trung Quốc và tham gia Hội đồng Hòa bình thế giới, được tặng giải thưởng Hòa bình Xtalin năm 1951.

(Tóm lược theo *Từ điển văn học*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2004).

15. RÔNÊ ĐỜ PÊTÔRÔ

Rônê đờ Pêtorô là nhà thơ nổi tiếng, người Haiti, sống ở Cu Ba. Năm 1961 nhà thơ sang thăm Việt Nam với tư cách Phó giám đốc nhà xuất bản Quốc gia Cu Ba. Trong thời gian ở thăm nước ta, nhà thơ vinh dự được Bác Hồ tiếp. Sau chuyến đi thăm đó, trở về Cu Ba, R. Pêtorô đã viết một số bài báo, bút ký và thơ về Việt Nam. Trong đó có bài *"Một anh hùng của thời đại chúng ta"*.

Bài này đăng lần đầu tiên trong Phụ san Thứ hai của báo Cách mạng năm 1961. Sau đó được dùng làm phần đầu của Lời nói đầu trong *Tuyển tập Hồ Chí Minh* do Viện sách Cu Ba xuất bản tháng 5-1968, và được đăng lại trong tập thơ Cách mạng của Rônê Đờ Pêtorô, Nhà Châu Mỹ xuất bản ở Cu Ba năm 1969.

16. PABLO RUIZ PICASSO

Sinh ngày 25 tháng 10 năm 1881, mất ngày 8 tháng 4 năm 1973), là họa sĩ và nhà điêu khắc người Tây Ban Nha. Tên đầy đủ của ông là Pablo Diego José Francisco de Paula Juan Nepomuceno Maria de los Remedios Cipriano de la Satisima Trinidad Clito Ruiz y Picasso.

Picasso được coi là một trong những nghệ sĩ nổi bật nhất của thế kỷ 20, ông cùng với Georges Braque là hai người sáng lập trường phái lập thể trong hội họa và điêu khắc. Ông là một trong 10 họa sĩ vĩ đại nhất trong top 200 nghệ sĩ tạo hình lớn nhất thế giới thế kỷ 20 do tạp chí The Times, Anh, công bố. Tác phẩm ông để lại gồm có 1800 bức tranh sơn dầu, 3 vạn bản tranh; 7000 bức ký họa phác thảo, trong đó có nhiều bức tranh nằm trong danh sách những tác phẩm nghệ thuật đắt giá nhất thế giới.

17. LÊ Ô PONDÊS

"Chủ nhiệm câu lạc bộ Phôbua: Lê Ô Pondet. Văn phòng: 38 phố Matxcova, Pari. Ông đã cho diễn vở kịch *Con rồng*

tre (nguyên văn tiếng Pháp) được đồng chí Nguyễn Ái Quốc sáng tác trước ngày Khai Định sang Pháp.

Buổi diễn do báo Nhân đạo tổ chức vào chủ nhật ngày 18.6.1922, một ngày hội lớn tại Gacsor có rất đông quần chúng tham dự.

18. AMRITA PRITAM

Nhà văn, nhà thơ người Ấn Độ, nổi tiếng với các tác phẩm viết về thân phận người phụ nữ. Bà có sách xuất bản từ năm 17 tuổi, trong sự nghiệp hơn 60 năm của mình bà đã sáng tác 24 tiểu thuyết, 15 tuyển tập và tập truyện ngắn, 23 tập thơ cả bằng tiếng Punjabi và tiếng Hindi. Bà là người phụ nữ Ấn Độ đầu tiên nhận giải thưởng văn Sahitya Academy. Bà mất ở New Delhi vào ngày 31 tháng 10 năm 2005.

19. MADELEINE RIFFAUD:

Sinh tại Paris ngày 23 tháng 8 năm 1924. Bà là nhà báo, nhà thơ, nhà văn, từng là một nữ anh hùng trong kháng chiến chống Pháp. Bà làm phóng viên chiến tranh cho tờ báo L'Humanite, đã từng sang Việt Nam thời Mỹ ném bom miền Bắc.

20. TIÊU TAM

Nhà thơ Trung Quốc Tiêu Tam sinh ở Hồ Nam năm 1896, từng là Chủ nhiệm Ban văn học nước ngoài của Hội nhà văn Trung Quốc và Ủy viên Ban liên lạc văn hoá đối ngoại Trung Quốc. Ông còn là đại biểu Quốc hội Trung Quốc và Ủy viên Ủy ban Bảo vệ hòa bình thế giới của Trung Quốc.

Ông là người dịch bài "*Quốc tế ca*" ra Trung văn. Ông là tác giả những tập thơ "*Hữu nghị chí ca*", "*Cách mạng liệt sĩ thi san*", "*Cách mạng dân ca tập*", "*Tiêu Tam thi tuyển*". Ngoài ra ông còn viết các tập ký sự, truyện ngắn như "*Hoạt động cách mạng thời kỳ đầu của đồng chí Mao Trạch Đông*", "*Quan điểm mỹ học của Go-rơ-ky*", "*Anh minh tập*"...

21. ERNST SCHUMACHER

Ernst Schumacher sinh năm 1921 tại miền Tây nước Đức. Ông là một nhà văn, nhà thơ nổi tiếng của CHDC Đức, được biết đến như một nhà nghiên cứu văn học và sân khấu mácxít có uy tín, nhà thơ trữ tình và nhà tiểu luận; Ngoài ra ông còn hoạt động tích cực trong lĩnh vực báo chí. Ông từng tham gia Hội nghị Nhà văn Á - Phi tại Taschkent năm 1958. Ernst Schumacher là viện sĩ Viện hàn lâm Nghệ thuật CHDC Đức trước đây, có học vị tiến sĩ khoa học xã hội và là giáo sư về khoa học sân khấu, đã tham gia giảng dạy trong lĩnh vực văn học, sân khấu tại nhiều trường đại học danh tiếng của CHDC Đức. Bản thân ông cũng đã xuất bản nhiều tác phẩm, nhiều bài phê bình tiểu luận về các lĩnh vực văn học cận đại, nhất là thơ trữ tình, kịch bản sân khấu...

Ông là tác giả của bài thơ *Hồ Chí Minh*. Bài thơ được tác giả viết năm 1956 sau một cuộc đến thăm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hà Nội, không bao lâu sau khi Hồ Chủ tịch và Chính phủ từ thủ đô kháng chiến về thủ đô Hà Nội. Có lẽ ông là một trong số rất ít văn nghệ sĩ đầu tiên của CHDC Đức nói riêng và thế giới nói chung được Bác Hồ tiếp vào thời gian đó. Ấn tượng sâu sắc của ông về vị lãnh tụ kính yêu của nhân dân Việt Nam, người Bạn lớn của Nhân dân Đức và người Bạn chiến đấu thân thiết của các lãnh tụ nổi tiếng của phong trào cộng sản và công nhân Đức như Clara Zetkin, Rosa Luxemburg, Ernst Thaelmann và Wilhelm Pieck... chính là nguồn cảm hứng cho ông viết nên những dòng thơ rất mộc mạc nhưng đầy tính triết lý, ẩn dụ sâu sắc đã phác họa khá đậm nét chân dung của vị lãnh tụ vĩ đại, đồng thời vẫn mang cốt cách của một con người bình dị toát lên từ nhân cách, ý chí cách mạng kiên cường, hy sinh công

hiến cả cuộc đời mình không chỉ cho dân tộc và nhân dân Việt Nam mà cho cả nhân loại, từ đạo đức trong sáng, từ sức thuyết phục và cuốn hút mọi người, từ phong cách ung dung tự tại, lòng nhân hậu... Bài thơ này đã được in trong tuyển tập tác phẩm của Ernst Schumacher và đăng lại trên báo Berlin, cơ quan ngôn luận của SED (Đảng XHCN Thống nhất Đức) của thủ đô Berlin ngày 5.9.1969, đúng vào dịp nhân dân Việt Nam và bè bạn khắp năm châu tưởng niệm khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời.

22. PETER SEEGER

Peter Seeger sinh ngày 3 tháng 5 năm 1919, là một nhạc sĩ, ca sĩ nhạc đồng quê và là nhà hoạt động chính trị. Ông cũng là thành viên của *the Weavers*, đã sáng tác nhiều bài hát, trong đó có một bản thu âm "*Goodnight Irene*" đã đứng đầu bảng xếp hạng trong vòng 13 tuần vào năm 1950. Ông cũng là cựu thành viên của Đảng cộng sản Mỹ và là người có công lao đóng góp chính cho nền âm nhạc dân gian và là người tiên phong trong phong trào *âm nhạc phản chiến* trong những năm của thập kỷ 50 và 60. Ông là tác giả bài hát phản chiến nổi tiếng "*Where Have All the Flowers Gone?*".

Ông cũng là tác giả bài hát *Teacher Uncle Ho* (Bác Hồ - Thầy giáo):

... I'll have to say in my own way. The only way I know, that we learned power to the people and the power to know. From Teacher Uncle Ho!

Em gái của ông, Peggy Seeger (đã mất năm 1989) lại là vợ của Ewan Mac Coll tác giả của bài hát *The Ballad of HoChi Minh*.

23. TRÚC PHÚ - LÝ TRÌ HÀNH

Lý Trì Hành vừa là giáo sư khoa Hán văn vừa là Hiệu trưởng trường Đại học

Sung Chun Quan, ông cũng là Viện trưởng Viện Nghiên cứu phương Đông kiêm Hội trưởng Hội Giáo dục văn hóa Hàn Quốc.

24. THẠCH NÔNG - LÝ VÂN THÀNH

Lý Vân Thành là nhà thơ, nghiên cứu văn học nước ngoài và là một dịch giả lớn với các tác phẩm: *Thạch họa thi tập, Văn minh đông tây, Kim thi đường tập*.

25. NORODOM SIHANOUK

Sinh ngày 31 tháng 10 năm 1922. Là cựu quốc vương, và hiện nay là Thái thượng hoàng của Vương quốc Campuchia. Ông say mê sáng tác âm nhạc bằng các thứ tiếng khác nhau (tiếng Khmer, tiếng Pháp và tiếng Anh), đạo diễn nhiều bộ phim và chỉ huy dàn nhạc. Ông có website riêng.

26. XIMONOP (1915 - 1979)

Nhà văn, nhà viết kịch Nga. Sinh ở Pêtorôgát, 1934-1938 học tại Viện Văn học Gorki. Thơ ông thấm đượm tình hữu nghị với các dân tộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, vì tiến bộ xã hội. Từ lâu, Ximônôp đã gần gũi với người Việt Nam qua bài thơ *Đợi anh về*. Ông cũng thể hiện tình cảm gắn bó với Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ qua tập thơ: *Việt Nam, mùa đông năm bảy mươi*.

(Tóm lược theo *Từ điển văn học*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2004).

27. WILLI ZAHLBAUM

Sinh ra ở Berlin năm 1914, qua đời tại Berlin năm 2002; là nhà báo, làm phát thanh, truyền hình, là người đứng đầu của Studio für Wochenschau - DEFA und Dokumentarfilme 1962; thư ký của Ủy ban đoàn kết Việt Nam của Đông Đức 1965-1975.

MỤC LỤC

1.	LỜI NHÀ XUẤT BẢN	5
2.	LỜI TỰA	7
3.	DIỆN MÙNG CỦA HỒ CHỦ TỊCH	11
4.	LỜI TỰA CHO BẢN DỊCH CUỐN “TÌNH UỶ BÍ MẬT”	13
5.	Hình tượng người chiến sĩ và nhà tư tưởng Hồ Chí Minh D. A-DƠ-GU-RƠ (Nga)	15
6.	Hồ Chí Minh TRABANI AKHÔMÉT (Angiêri)	19
7.	Hồ Chí Minh, nhà thơ HOLO ANDRAS (Hunggari)	21
8.	Hồ Chí Minh ĐEVIT ANSON (Mêxhicô)	23
9.	Bức tượng đồng trong rừng sâu PAVEN ANTOKOXKI (Nga)	24
10.	Gửi Bác Hồ Chí Minh MUNIA XAMXUN ASA (Indônêxia)	26
11.	Kính tặng Bác Hồ XECGIO ATANE (Pháp)	28
12.	Hăngri Bắcbuýt HENRI BARBUSSE (Nhà văn Pháp)	35
13.	Chúc Bác Hồ sống mãi BATUNGA (Mông Cổ)	36
14.	Người đi giữa chúng tôi LINCON BECMAN (Mỹ)	42
15.	Gặp Hồ Chủ tịch I. BELARUXÉT (Nhà thơ Nga)	43

16.	Một lần gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh	RUF. BERSATXKI (Nga)	47
17.	Người thu thập những trang tư liệu gốc về cuộc đời hoạt động của Hồ Chí Minh	LADY BORTON (Nhà văn, nhà báo Mỹ)	59
18.	Một cuốn sách của những người bạn Mỹ: “Hồ Chí Minh - một chân dung”	LADY BORTON & DAVID THOMAS (Nhà văn Mỹ, họa sĩ Mỹ)	60
19.	Hồ Chủ tịch vị anh hùng không nghĩ tới mình	U.BÓCSÉT (Nhà văn Úc)	64
20.	Chúc tụng Bác Hồ	ISMAEL GOMEZ BRAGA (Brazil)	68
21.	Một cốt cách cổ điển và những sáng tạo hiện đại	GHI-BUDAREN (Nhà thơ Pháp)	69
22.	Bác Hồ trong tâm khảm những nhà điện ảnh Xô-viết	RÔMAN CÁC MEN (Đạo diễn điện ảnh Nga)	71
23.	Một nghệ sĩ Nga chụp ảnh Bác Hồ	RÔMAN CÁC MEN (Đạo diễn điện ảnh Nga)	78
24.	Đồng chí Hồ Chí Minh	RÔMAN CÁC MEN (Đạo diễn điện ảnh Nga)	82
25.	Tình bạn giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và Charplie Charplin	CHARLIE CHARPLIN (Đạo diễn điện ảnh gốc Anh)	92
26.	Về tác phẩm “Nhân cách Bác Hồ”	ÊĐUARD CLAUDIUS (Nhà văn Đức)	95
27.	Người mặc mạt thế đó	PHORANGXOADÔ COREĐÔ (Pháp)	98
28.	Một nhà thơ chống “Sùng bái cá nhân” viết về Bác Hồ	FRANCOISE CORRÈZE (Nhà thơ, nhà báo Pháp)	100
29.	Hồ Chí Minh, nhà thơ	ROGER DENUX (Nhà văn Pháp)	105

30.	Lời hứa với Bác và phần thưởng của Bác	
	DIMINA (<i>Nghệ sĩ Nhân dân mùa ba lê Nga</i>)	122
31.	Hồ Chí Minh niềm hy vọng lớn nhất	
	BLAGA DIMITROVA (<i>Nhà thơ Bungari</i>)	130
32.	Không thể nào ngăn cách	
	BLAGA DIMITROVA (<i>Nhà thơ Bungari</i>)	135
33.	Một tác phẩm của tình yêu	
	HEINRICH DRACKE (<i>Nhà điêu khắc Đức</i>)	136
34.	Nhớ ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị Lãnh tụ ưu tú của giai cấp Vô sản	
	XÔM XỈ ĐE XI (<i>Lào</i>)	141
35.	Trên đường Hà Nội	
	SIACA ĐIARAXUBA (<i>Ma-li</i>)	143
36.	Bài thơ nhật ký chuyến đi thăm Hoàng Sơn	
	ĐỒNG TẮT VŨ (<i>Phó Chủ tịch nước CHND Trung Hoa</i>)	144
37.	Thơ của niềm tin và quyết thắng	
	SE-NƠ EC-HÁC (<i>Nhà thơ Đức</i>)	150
38.	Hồ Chí Minh	
	N.GHI-ĐEN (<i>Tây Ban Nha</i>)	157
39.	Nhân dân hô to: “Kính chào Bác Hồ”	
	M.R ĐA GIÔ (<i>Indônêxia</i>)	158
40.	Vẻ bên trong của viên ngọc	
	M.R ĐA GIÔ (<i>Indônêxia</i>)	159
41.	Kỷ niệm của người họa sĩ vẽ chân dung Nguyễn Ái Quốc	
	ERÍCH GIÔHANXƠN (<i>Họa sĩ Đức</i>)	160
42.	Ba lần gặp Bác	
	M.GIU-LÁP-SKI (<i>Nhà văn, nhà báo Pháp</i>)	165
43.	Sức mạnh của Việt Nam - Hồ Chí Minh	
	I.GOCOPDEP (<i>Nga</i>)	169
44.	Niềm vinh dự của tôi	
	WALTER HAILIG (<i>Chủ nhiệm Hội nghệ sĩ nhiếp ảnh Đức</i>)	172

45. Chúng ta có quyền hưởng hoà bình
VICHTO HARA (*Chi Lê*) 177
46. Tường nhớ Lãnh tụ vĩ đại Chủ tịch Hồ Chí Minh
HOÀNG KHẮC BẰNG (*Trung Quốc*) 179
47. Nhà “Bình luận” điện ảnh đặc biệt của đạo diễn Giôris Ivens
GIÔRIS IVENS (*Đạo diễn điện ảnh Hà Lan*) 180
48. Ở thời đại này rất ít có nhân vật chính trị nào lại hết sức gần gũi nhân dân như Hồ Chủ tịch
PHÔN XƠ IXCANXƠN (*Nhà văn Thụy Điển*) 186
49. Nhớ Bác Hồ
ĐARA KALANHA (*Lào*) 188
50. Lùng Hồ ơi!
VILAY KEOMANI (*Lào*) 189
51. Cuộc tái ngộ - Truyện ngắn
KIYOSI KOMATSU (*Nhà văn Nhật*) 194
52. “Một nhà văn Nhật viết về Nguyễn Ái Quốc trong thời gian ở Pháp”
KIYOSI KOMATSU (*Nhật*) 207
53. Con người bất chấp thời gian
NIKOLAI KUNAEP (*Nga*) 209
54. Kính gửi Bác Hồ
S.W.KUNTGIAGIÔ (*Indônêxia*) 211
55. Hoa cẩm chướng Việt Nam
IVAN KUPRIANOV (*Nga*) 213
56. Lãng ngải Hồ Chí Minh
TRÚC PHÚ - LÝ TRÌ HÀNH
(*Hàn Quốc*) 218
57. Thăm lăng Hồ Chí Minh
BÍCH SỰ - LÝ HỮU THÀNH
(*Hàn Quốc*) 221
58. Tới thăm lăng ngải Hồ Chí Minh
THẠCH NÔNG - LÝ VÂN THÀNH
(*Hàn Quốc*) 222

59.	Bài ca Hồ Chí Minh	EWAN MAC COLL (<i>Anh</i>)	223
60.	“Dân là con nước, nước là mẹ chung”	ÔXIP EMILIEVÍCH MANDENSTAM (<i>Nhà thơ Nga</i>)	226
61.	Cuộc phỏng vấn có một không hai	ÔXIP EMILIEVÍCH MANDENSTAM (<i>Nhà thơ Nga</i>)	227
62.	Bác Hồ	STEVE MASON (<i>Mỹ</i>)	230
63.	Phát biểu của bà trưởng đại diện văn phòng UNESCO Hà Nội, tại hội thảo Quốc tế “Di sản Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay”, ngày 12 tháng 5 năm 2010 tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh “Kỷ niệm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh”	KATHERINE MULLER-MARIN	232
64.	Hát mừng Bác Hồ vĩ đại	SUPHAT MUKHOPATHIAI (<i>Ấn Độ</i>)	239
65.	Hai bài thơ gửi tác giả “Phát hiện Ấn Độ”	JAWAHARLAL NEHRU (<i>Thủ tướng đầu tiên của Ấn Độ</i>)	241
66.	Hoà bình nhưng không phải cái hoà bình của nó	PABOLÔ NÊRUĐA (<i>Chi Lê</i>)	246
67.	Bác Hồ của chúng con	NHIÊN VI-CHẤT (<i>Cam-pu-chia</i>)	249
68.	Suối Lê-nin	ALECXANDORO NHIKALAEP (<i>Nga</i>)	253
69.	Bác Hồ kỷ niệm Cách mạng tháng Mười ở Thủ đô mới tiếp quản	N.J.NICULIN (<i>Nhà phê bình văn học Nga</i>)	255
70.	Mười lăm nghìn cuộc đời của người khách bộ hành	LUÍT ROHEIÔ NÔGHERAT (<i>Cu Ba</i>)	262

71.	Viếng lăng Người	CRIXTIN OAITO (Mỹ)	268
72.	Trời xanh đón Người về	RIÔKÊ ÔNISI (Nhật Bản)	272
73.	Bác Hồ	LISANĐORO OTERO (Cu Ba)	273
74.	Hồ Chí Minh xin kính chào và tạm biệt Người	HAOUOT PAC XON (Mỹ)	274
75.	Muôn năm Việt Nam	CÔLÔT PARI (Pháp)	278
76.	Một anh hùng của thời đại chúng ta	RÔNÊ ĐỜ PÊTÔRÔ (Nhà thơ Haiti)	280
77.	Bác Hồ, một cuộc đời vì nhân dân	PHRAN-XƠ PHA-BE (Nhà văn, Nhà báo Đức)	286
78.	Bác Hồ	PHẠM VĂN KÝ (Nhà văn Pháp (gốc Việt))	295
79.	Bác Hồ	V.PHENLOMAN (Nga)	297
80.	Bác Hồ	XTEPHAN PHOLUKOPXKI (Ba Lan)	299
81.	Biết thêm một ca khúc của thế giới về Người	ADISORN PIENGKES (Nghệ sĩ Thái Lan)	301
82.	Bác Hồ và họa sĩ Pablô Picatxô	PABLÔ PICATXÔ (Danh họa Tây Ban Nha)	303
83.	Quanh sự tích Chủ tịch Hồ Chí Minh	LÊÔ PONDES (Chủ nhiệm CLB Faubourg.Pháp)	309
84.	Trong Bảo tàng Mỹ thuật Hà Nội	HELMUT PREISLER (Đức)	310

85.	Hồ Chí Minh	AMRITA PRITAM (<i>Ấn Độ</i>)	311
86.	Bài thơ “Trang nghiêm”	QUÁCH MẠT NHƯỢC (<i>Trung Quốc</i>)	313
87.	“Nay ở trong thơ nên có thép”	QUÁCH MẠT NHƯỢC (<i>Nhà thơ Trung Quốc</i>)	318
88.	Paman Hồ	HANAM RAMAN (<i>Indônêxia</i>)	330
89.	Việt Nam	MÔNINĐRA RAY (<i>Ấn Độ</i>)	331
90.	Người là vị cha nuôi của tôi	MADELEINE RIFFAUD (<i>Nhà báo, nhà thơ Pháp</i>)	336
91.	Bác Hồ	MADELEINE RIFFAUD (<i>Pháp</i>)	340
92.	Không có một từ nào có thể diễn đạt được	FÊLIX PITA RÔĐ'RIGHET (<i>Chủ tịch Hội Nhà văn Cu Ba</i>)	341
93.	Hồ Chí Minh - Tên Người là cả một niềm thơ	FÊLIX PITA RÔĐ'RIGHET (<i>Chủ tịch Hội Nhà văn Cu Ba</i>)	342
94.	Thủ đô Hà Nội nhớ Bác Hồ	FÊLIX PITA RÔĐ'RIGHET (<i>Chủ tịch Hội Nhà văn Cu Ba</i>)	345
95.	Thắm thía tình hữu ái của Người	CÙ LẬP SAIPƠRẠĐÍCH (<i>Nhà văn, nhà báo Thái Lan</i>)	347
96.	Gặp Roberto Salas phóng viên nhiếp ảnh Cu Ba	ROBERTO SALAS (<i>Nhà nhiếp ảnh Cu Ba</i>)	348
97.	Hồ Chí Minh	ERUST SCHWACHER (<i>Đức</i>)	352

98.	Tinh thần của Chủ tịch Hồ Chí Minh nói với Ríxót Níchxon	REBECCA SELI (Mỹ)	355
99.	Bác Hồ - Người thầy của chúng ta	PETE SIERGE (Mỹ)	358
100.	Kính viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh	GHERHART SLIPPE (Đức)	361
101.	Nhà nhiếp ảnh Horst Sturm...	HORST STURM (Nghệ sĩ nhiếp ảnh Đức)	366
102.	Kính dâng Chủ tịch Hồ Chí Minh	THA NOONG XẮC (Lào)	379
103.	Viếng lăng ngài Hồ Chí Minh	THẠCH NHƯ' - THÀNH ĐẠI KHÁNH (Hàn Quốc)	381
104.	"Chân dung Hồ Chí Minh của một hoạ sĩ"	DAVID THOMAS (Hoạ sĩ Mỹ)	382
105.	POUL THORSEN (Nhà thơ Đan Mạch)		384
106.	Hồ Chí Minh đời đời bất tử	THU TRANG (Nhà văn Pháp)	385
107.	Thăm nhà cũ của Hồ Chủ tịch	TIÊU HƯỚNG VINH (Trung Quốc)	388
108.	Tưởng nhớ Tiêu Tam - Người bạn của Bác Hồ	TIÊU TAM (Nhà thơ Trung Quốc)	391
109.	Hồ Chí Minh Chủ tịch thất trật đại thọ <i>Bản dịch thơ: Mừng thọ Chủ tịch Hồ Chí Minh bảy mươi tuổi</i>	TIÊU TAM (Trung Quốc)	394
110.	Về truyện đả kích và thơ trữ tình của Chủ tịch Hồ Chí Minh	M.TKÁTSÓP (Nhà dịch giả Nga)	397
111.	Hoa hồng dâng Bác	REGINA TOROMER (Đức)	405
112.	Chúc Hồ Chủ tịch thọ 70 tuổi	TRẦN NGHỊ (Trung Quốc)	407

113. Hà Nội... Bình Nhưỡng	TRIỆU HẠC LAI (<i>Triều Tiên</i>)	408
114. Nỗi đau xót dâng thành sóng dữ	TRÔNG TỰ BIÊNG (<i>Triều Tiên</i>)	410
115. Câu chuyện mục Nam quan	TRƯƠNG VĨNH MAI (<i>Trung Quốc</i>)	413
116. Bác Hồ	IOLADA ULOA (<i>Cu Ba</i>)	417
117. Người là Hồ Chí Minh	ÊCATÊRINA IVANÓPNA VÉCMIXÊVA (<i>Nhà Đạo diễn điện ảnh Nga</i>)	418
118. Bài ca về đồng chí Hồ Chí Minh	MIKHAIIN VECSINHIN (<i>Nga</i>)	422
119. Nụ cười	GHEOOCGHI VEXELINOP (<i>Bungari</i>)	433
120. Hồ Chủ tịch nói: “Đi mau hơn nữa”	VIÊN ỪNG (<i>Trung Quốc</i>)	435
121. Cảm ơn đường Hồ Chí Minh!	NÔRÔĐÔM XIHANÚC (<i>Campuchia</i>)	437
122. Bác Hồ	KÔN-XTAN-TIN XI-MÔ-NÓP (<i>Nhà thơ Nga</i>)	439
123. Những ngày chung sống với nhân dân Việt Nam	XƯƠNG HẠC LINH (<i>Nhà đạo diễn điện ảnh Trung Quốc</i>)	443
124. Việt Nam - Tình yêu của tôi	WILLI ZAHLBAUM (<i>Đức</i>)	445
125. “Người đi dép cao su”	KATEB YACINE (<i>Angiêri</i>)	452
126. Những tác phẩm bằng chứng của tình yêu	*MỘT SỐ CÁC HOẠ SĨ THẾ GIỚI	480
CHÚ THÍCH VỀ TÁC GIẢ		485

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
65 Nguyễn Du - Hà Nội * Tel & Fax: 38222135
E-mail: nxbhoinhavan@hn.vnn.vn

Hồ Chí Minh

VỚI VĂN NGHỆ SĨ
VĂN NGHỆ SĨ VỚI HỒ CHÍ MINH

Tập 3

HỒ CHÍ MINH TRONG TRÁI TIM VĂN NGHỆ SĨ THẾ GIỚI

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TRUNG TRUNG ĐÌNH

Chịu trách nhiệm bản thảo:
TRẦN QUANG QUÝ

Biên tập:
PHẠM SÔNG HỒNG
NGUYỄN THỊ ANH THƯ

Bìa:
VĂN SÁNG

Trình bày và sửa bản in:
HÀILY

In 6.000 cuốn, khổ 16 x 24cm, tại Công ty TNHH In và DVTM Phú Thịnh
Giấy ĐKKHXB số: 438-2012/CXB/11-20/HNV
Quyết định xuất bản số: 1041/QĐ-NXBHNV ngày 28-12-2012
In xong và nộp lưu chiểu: Tháng 12 năm 2012